

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Phúc Âm Giăng

Chương 13 - 21

Warren W.
Wiersbe

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Phúc Âm Giăng

Chương 13 - 21

Warren W.
Wiersbe

VĂN PHẨM NGUỒN SỐNG

Phuc Am Giang

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những chương mở đầu của *Phúc Âm Giăng*, chúng ta thấy một nhóm người chiến đấu với đức tin và nhiều lúc họ đã vấp ngã. Nhưng sau khi Chúa chịu chết và sống lại, sự việc đã thay đổi vì họ đã được biến cải bởi quyền năng và Lời của Ngài. Những môn đồ đầu tiên của Chúa là những người được Ngài biến cải.

Với tập giải nghĩa này, Warren Wiersbe giải thích làm thế nào bạn trở nên một người được biến cải. Warren Wiersbe sẽ giải đáp những câu hỏi quan trọng như: Đức Thánh Linh hành động thế nào trên đời sống bạn? Bí quyết nào để lời cầu xin của bạn được nhậm? Tại sao mối thông công giữa các tín hữu là quan trọng? Làm sao để thắng hơn những áp lực của thế gian?

Trong tập giải nghĩa này sau mỗi chương có phần câu hỏi nhằm giúp cho cá nhân cũng như những nhóm học Kinh Thánh dễ dàng nghiên cứu và thảo luận.

Được phép của nhà xuất bản SP Publications, Inc., Văn Phẩm Nguồn Sống sẽ lần lượt dịch, hiệu đính và ấn hành trọn bộ giải nghĩa Kinh Thánh Tân Cựu Ước của Warren W. Wiersbe để đáp ứng nhu cầu học hỏi Lời Chúa của các tín đồ con cái Chúa. Chúng tôi ước ao được sự đón nhận và đóng góp ý kiến của tất cả quý vị.

Văn Phẩm Nguồn Sống
Tháng 9, 2000

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| 1. Người Đầy Tớ Cao Trọng (Giăng 13) | 5 |
| 2. Lòng Bối Rối (Giăng 13:36-14:31) | 21 |
| 3. Các Mối Tương Giao Và Trách Nhiệm (Giăng 15:1-17) | 38 |
| 4. Thánh Linh Đang Làm Gì Giữa Thế Gian? (Giăng 15:18-16:16) | 51 |
| 5. Hãy Vui Mừng (Giăng 16:16-33) | 64 |
| 6. Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng (Giăng 17) | 76 |
| 7. Tội Lỗi Và Ân Điển Nơi Vườn Ghết-sê-ma-nê (Giăng 18: 1-27) | 93 |
| 8. Chịu Thương Khó Dưới Tay Bê-xơ Phi-lát (Giăng 18:28-19:16) | 106 |
| 9. Chịu Chết Trên Thập Tự Giá (Giăng 19: 17-42) | 122 |
| 10. Bắt Đầu Một Ngày Mới (Giăng 20: 1-18) | 137 |
| 11. Quyền Năng Phục Sinh (Giăng 20:19-31) | 151 |
| 12. Được Biến Đổi Để Phục Vụ (Giăng 21) | 166 |

DÀN BÀI PHÚC ÂM GIẢNG

Chủ đề: Chúa Giê-xu Là Đấng Christ
Tin Và Sống

Câu căn bản: *Giăng* 20:31

Phần mở đầu—1:1-14

I. CƠ HỘI (1:15—6:71)

“Giờ Ta chưa đến” 1:15—2:12

Ngài dạy về chính Ngài cho:

1. Các môn đồ, 1:19—2:12
2. Người Do Thái, 2: 13—3:26
3. Người Sa-ma-ri 4:1—54
4. Giới lãnh đạo Do Thái, 5:1—47
5. Cho đoàn dân, 6:1—71

Khủng hoảng 1—Họ không theo Ngài, 6:66-71

II. CHỐNG ĐỐI (7:1—12:50)

“Giờ Ngài chưa đến” 7:30

Xung đột với giới lãnh đạo Do Thái về vấn đề:

1. Môi-se, 7:1—8:11
2. Áp-ra-ham, 8:12-59
3. Đấng Mết-si-a là ai, 9:1—10:42
4. Quyền năng làm phép lạ, 11:1—12:36

Khủng hoảng 2—Họ không tin Ngài, 12:37-50

III. KẾT QUẢ (13—21)

“Giờ Ngài đã đến” 13:1; 17:1

1. Đức tin của các môn đồ, 13—17
 2. Lòng vô tín của người Do Thái 18—19
- Khủng hoảng 3— Họ đóng đinh Ngài, 19:13-22*

Đấng Christ chiến thắng, 20—21

Người Đầy Tó Cao Trọng

Giăng 13:1-35

Trong cuộc đời chức vụ, đã ba lần tôi phải giảng “sứ điệp chia tay” với những Hội Thánh chúng tôi đã phục vụ. Việc này thật không dễ thực hiện. Có thể tôi đã không thành công, nhưng mục đích của tôi luôn nhằm trang bị tín hữu để có thể tự lo cho tương lai, bằng cách khuyên nhủ và chỉ dẫn họ. Họ có thể mời một vị tân mục sư để bước vào một giai đoạn mới, và tôi muốn họ ở tình trạng khả quan nhất.

Giăng 13:1-17:26 là “sứ điệp chia tay” của Chúa Giê-xu với những môn đệ yêu dấu của Ngài, cao điểm là lời Chúa cầu thay cho họ và cho chúng ta hôm nay. Trong Kinh Thánh cũng có những lời chia tay của Mô-i-se (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 31:1-33:29*), Giô-suê (*Giô-suê 23:1-24:33*) và Phao-lô (*Công Vụ Các Sứ Đồ 20:1-37*). Tuy nhiên Chúa Giê-xu hỗ trợ cho sứ điệp của Ngài qua một hành động đầy ý nghĩa khi rửa chân cho các môn đệ. Đây chính là bài học thực tiễn không bao giờ xóa nhòa trong tâm trí họ.

Trong đoạn Kinh Thánh này, chúng ta sẽ thấy Chúa Giê-xu qua bốn mối liên hệ của Ngài: với Cha trên trời (*Giăng 13:1-5*), với Si-môn Phi-e-rô (*Giăng 13:6-11*), với các môn đệ (*13:12-17*) và với Giu-đa (*13:18-35*). Qua những phân đoạn này, bạn sẽ khám phá một sứ điệp đặc biệt, một chân lý thuộc linh

6 / Giảng

giúp ích đời sống Cơ Đốc nhân của chính bạn.

Khiêm Nhường – Chúa Giê-xu Với Cha Trên Trời

Giăng 13:1-5

¹ Trước ngày lễ Vượt Qua, Đức Chúa Jê-sus biết giờ mình phải lìa thế gian đang trở về cùng Đức Chúa Cha đến rồi; Ngài đã yêu kẻ thuộc về mình trong thế gian, thì cứ yêu cho đến cuối cùng.

² Đang bữa ăn tối (ma quỷ đã để mưu phản Ngài vào lòng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt con trai Si-môn), ³ Đức Chúa Jê-sus biết rằng Cha đã giao phó mọi sự trong tay mình, và mình đã từ Đức Chúa Trời đến, cũng sẽ về với Đức Chúa Trời, ⁴ nên đứng dậy khỏi bàn, cởi áo ra, lấy khăn vắt ngang lưng mình. ⁵ Kế đó, Ngài đổ nước vào chậu, và rửa chân cho môn đồ, lại lấy khăn mình đã vắt mà lau chân cho.

Chúa Giê-xu vào thành Giê-ru-sa-lem vào Chúa Nhật và dọn dẹp đền thờ vào ngày Thứ Hai. Thứ Ba là ngày xảy ra sự chống đối khi các lãnh đạo tôn giáo tìm cách bắt bẻ Chúa hầu có cớ bắt Ngài. Những sự kiện này cũng được chép ở *Ma-thi-ơ 21-25*. Thứ Tư có lẽ là ngày nghỉ ngơi, nhưng vào Thứ Năm, Chúa cùng các môn đệ nhóm tại phòng cao để dự lễ Vượt Qua.

Giăng 13:1-3 nhấn mạnh về *những điều Chúa biết trước*, và *13:4-5* nhấn mạnh về *việc Chúa làm*.

Chúa biết “giờ Ngài đã đến.” Khác với các tác giả Phúc Âm khác, *Giăng* đặc biệt nhấn mạnh vấn đề Chúa Giê-xu luôn sống theo một “thời gian biểu thiên thượng” khi làm theo ý Cha Ngài. Bạn hãy chú ý đến tiến trình của chủ đề này:

Giăng 2:4 “Giờ ta chưa đến.”

- 7:30 “Giờ Ngài chưa đến.”

- 8:20 “Giờ Ngài chưa đến.”

- 12:23 “Giờ đã đến, khi Con người sẽ được vinh hiển.”

- 13:1 “Đức Chúa Giê-xu biết giờ mình... đến rồi.”

- 17:1 “Thưa Cha, giờ đã đến.”

“Giờ” đã được Đức Chúa Trời định trước là “giờ” nào? Đó là thời điểm khi Chúa Giê-xu được vinh hiển bởi sự chết, sống lại và thăng thiên của Ngài. Theo quan điểm con người, đó là giờ thương khó, nhưng dưới mắt Đức Chúa Trời, đó là giờ của sự

Người Đầy Tở Cao Trọng / 7

vinh hiển. Chúa Giê-xu sẽ lìa thế gian để về cùng Cha, là Đấng đã sai Ngài đến để làm trọn công tác Cha giao trên đất (*Giăng* 17:4). Khi tôi tớ Đức Chúa Trời sống theo ý muốn Ngài, người ấy sẽ chẳng chết trước khi làm trọn công tác được giao, khi thời điểm chưa đến các lãnh đạo không thể bắt được Chúa Giê-xu hay tự ý giết Ngài!

Chúa Giê-xu cũng biết trước Giu-đa sẽ phản Ngài, Giu-đa được nhắc đến tám lần trong *Phúc Âm Giăng*, nhiều hơn các Phúc Âm khác. Sa-tan đã ám vào Giu-đa (*Lu-ca* 22:3), và giờ đây nó khiến Giu-đa nghĩ đến việc bắt và đóng đinh Con Đức Chúa Trời. Động từ “để” dùng trong *Giăng* 13:2 có nghĩa đen là “phóng / ném,” nhắc ta nhớ đến “các tên lửa của kẻ dữ” (*Ê-phê-sô* 6:16). Giu-đa vốn là kẻ vô tín (*Giăng* 6:64-71) nên không có “thuần đức tin” để chống trả sự tấn công của Sa-tan.

Sau cùng, Chúa Giê-xu biết Cha đã giao mọi sự trong tay Ngài (*Giăng* 13:3). Câu Kinh Thánh trên có ý tương tự với *Giăng* 3:35 và cũng nhắc ta nhớ đến *Ma-thi-ơ* 11:27. Ngay lúc bị sỉ nhục Ngài cũng có mọi sự trong Đức Chúa Cha. Trong sự nghèo khó, nhưng Ngài vẫn là Đấng giàu có bởi Ngài biết địa vị của mình, nguồn gốc của mình, những điều Ngài có và nơi Ngài đến. Ngài hoàn toàn làm chủ được hoàn cảnh. Bạn và tôi cũng như mọi tín hữu đều biết rằng chúng ta được tái sinh bởi Đức Chúa Trời, ngày kia sẽ trở về cùng Ngài và trong Đấng Christ chúng ta có mọi sự. Vậy, chúng ta phải noi theo gương Chúa và phục vụ tha nhân.

Những điều Chúa biết *quyết định* hành động của Ngài (*Giăng* 13:4, 5). Chắc hẳn các môn đệ vô cùng kinh ngạc khi chứng kiến Thầy họ rời khỏi bàn ăn, cởi áo ngoài ra, lấy khăn vắt ngang lưng mình, đem chậu nước đến rửa chân cho họ. Các nô lệ người ngoại có thể rửa chân cho chủ mình, nhưng đầy tớ người Do Thái không hề làm điều này. Đây là công việc của đầy tớ, nhưng Chúa đã làm việc ấy! Chủ nhà có thể rửa chân cho khách để bày tỏ tình cảm đặc biệt, nhưng đó không phải là thông lệ.

Chúa biết có một tư tưởng cạnh tranh đang len lỏi trong tâm trí các môn đệ. Thật vậy, chỉ trong vài phút, họ đã tranh cãi về việc ai sẽ là người cao trọng nhất (*Lu-ca* 22:24-30)! Chúa dạy họ

8 / Giảng

một bài học khó quên về sự khiêm nhường, chính những việc làm của Ngài đã lên án sự ích kỷ và kiêu ngạo của họ. Càng suy nghĩ về hình ảnh này, bạn sẽ thấy nó càng trở nên sâu sắc. Đây là một minh họa cho điều Phao-lô viết vào những năm sau đó trong thư *Phi-líp* 2:1-16. Phi-e-rơ chắc đã nhớ lại sự kiện này khi ông viết thư tín đầu tiên kêu gọi độc giả hãy “trang sức bằng khiêm nhường” (*I Phi-e-rơ* 5:5).

Chúng ta cũng thường nhầm lẫn “nghèo nàn về tâm linh” (*Ma-thi-ơ* 5:3) với “tâm linh nghèo nàn,” và sự khiêm nhường thật với tính nhút nhát và tự ti. Samuel Johnson một nhà văn người Anh được mời giảng cho tang lễ của một cô gái vừa mới chết, Johnson cũng hỏi về đức tính đặc biệt của cô gái. Người ta cho biết cô rất tử tế với những người có địa vị thấp hơn mình. Johnson đáp rằng đó là đức tính đáng khen, nhưng chúng ta khó khẳng định những người thấp hơn cô gái là ai!

Đức Chúa Trời đã giao mọi sự vào tay Con Ngài, nhưng *Chúa Giê-xu đã chọn lấy chiếc khăn và chậu nước!* Sự khiêm nhường của Ngài không phải xuất phát từ sự nghèo, nhưng Ngài vốn giàu có mà tự làm ra nghèo (*II Cô-rinh-tô* 8:9). Có một câu châm ngôn Mã-lai nói rằng: “Gié lúa càng nhiều hạt thì càng cong xuống thấp hơn!”

Đáng chú ý ở cách *Phúc Âm Giảng* bày tỏ sự khiêm nhường của Chúa ngay khi đề cao thần tính Ngài, “Con chẳng tự mình làm việc gì được” (*Giăng* 5:19,30). “Vì ta từ trên trời xuống, chẳng phải để làm theo ý ta” (6:38) “Đạo lý của ta chẳng phải bởi ta” (7:16). “Ta chẳng tìm sự vinh hiển ta” (8:50). “Lời các người nghe đó, chẳng phải bởi ta...” (14:24). Hành động cuối cùng bày tỏ sự khiêm nhường của Chúa được thể hiện qua sự chết của Ngài trên thập tự giá.

Là Đấng cao trọng, nhưng Chúa Giê-xu chọn lấy vị trí của một đầy tớ. Có mọi sự trong tay, Ngài vẫn chọn lấy chiếc khăn để phục vụ. Là Chúa, là Thầy, Ngài vẫn phục vụ môn đệ mình. Người ta thường nói rằng sự khiêm nhường không phải là sự suy nghĩ ích kỷ cho bản thân, đơn giản là chẳng nghĩ gì về chính mình cả. Sự khiêm nhường thật khởi phát từ

mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta khao khát được hiểu biết và làm theo ý Đức Chúa Trời hầu quy vinh hiển cho danh Ngài, chúng ta sẽ kinh nghiệm được niềm vui khi noi theo gương Chúa Giê-xu và phục vụ tha nhân.

Giống như các môn đệ Chúa trong buổi tối khi xưa, hôm nay chúng ta cũng rất cần biết bài học về sự khiêm nhường này. Hội Thánh Chúa đầy đầy tư tưởng trần tục: cạnh tranh và chỉ trích nhau để biết ai cao trọng nhất. Chúng ta chỉ muốn có thêm tri thức, không muốn tấn tới trong ân sủng (xem *II Phi-e-rơ* 3:18). Andrew Murray nói rằng “Sự khiêm nhường là vùng đất duy nhất giúp cho ân sủng đâm rễ. Sự vắng mặt của lòng khiêm nhường là lý do giải thích đầy đủ về mọi khiếm khuyết và thất bại.”

Chúa Giê-xu phục vụ các môn đệ vì sự khiêm nhường và tình yêu của Ngài dành cho họ. Bạn hãy đối chiếu 13:1 với *Giăng* 1:11 và 3:16 “Ngài đã đến trong xứ mình (thế gian), nhưng dân mình (con người) chẳng hề nhận lấy.” “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian...” Trong phòng cao, Chúa Giê-xu đã phục vụ các môn đồ trong tình yêu thương, và họ đã tiếp nhận Ngài và lời dạy của Ngài. Ngài yêu kẻ thuộc về mình trong thế gian “cho đến cuối cùng.” Hiện nay, Ngài vẫn còn yêu!

Thánh Khiết – Chúa Giê-Xu Với Phi-e-rơ

Giăng 13: 6-11

⁶ Vậy, Ngài đến cùng Si-môn Phi-e-rơ, thì người thưa rằng: Chúa ôi, chính Chúa lại rửa chân cho tôi sao? ⁷ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hiện nay người chẳng biết sự ta làm; nhưng về sau sẽ biết. ⁸ Phi-e-rơ thưa rằng: Chúa sẽ chẳng rửa chân tôi bao giờ! Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Nếu ta không rửa cho người, người chẳng có phần chi với ta hết. ⁹ Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, chẳng những rửa chân mà thôi, lại cũng rửa tay và đầu nữa! ¹⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Ai đã tắm rồi, chỉ cần rửa chân, thì được sạch cả. Vả, các người đã được tinh sạch, nhưng chưa được tinh sạch đều. ¹¹ Vì Ngài đã biết ai sẽ phản Ngài; tại thế cho nên Ngài phán rằng: Các người chẳng phải hết thấy đều được tinh sạch.

10 / Giăng

Khi Phi-e-rơ theo dõi Chúa rửa chân cho đồng bạn mình, càng lúc ông càng bị xao động và không hiểu ý nghĩa của việc Ngài làm. Nếu đọc về cuộc đời của Chúa Giê-xu qua bốn Phúc Âm, bạn sẽ chú ý ngay cách Phi-e-rơ từng phát biểu bốc đồng vì thiếu hiểu biết và được Chúa sửa sai. Phi-e-rơ từng ngăn trở Chúa bước lên thập tự giá (*Ma-thi-ơ* 16:21-23), dàn xếp công việc Ngài tại Núi Hóá Hình (*Ma-thi-ơ* 17:1-8). Ông mạnh mẽ tuyên bố đức tin của các môn đệ (*Giăng* 6:66-71) mà không hề nhận biết có một kẻ phản bội trong số các sứ đồ.

Động từ *rửa* được dùng trong *Giăng* 13:5, 6, 8, 12, 14 là *niptō* có nghĩa “rửa một phần nào đó của thân thể.” Nhưng từ “rửa” ở *Giăng* 13:10 là *louō* có nghĩa “tắm cả thân thể.” Cần phân biệt hai động từ trên, vì Chúa muốn dạy các môn đệ về tầm quan trọng của việc bước đi trong sự thánh khiết.

Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy đã được “tắm sạch toàn bộ” mọi tội lỗi được tẩy sạch và tha thứ (xem *I Cô-rinh-tô* 6:9-11; *Tít* 3:3-7; *Khải Thị* 1:5). “Ta sẽ chẳng còn nhớ đến tội lỗi gian ác của chúng nó nữa” (*Hê-bơ-rơ* 10:17). Tuy nhiên, khi bước đi trong thế gian người tin Chúa dễ bị ô uế. Người ấy không cần phải tắm lại toàn cơ thể, nhưng chỉ cần tẩy sạch vết ô uế kia. Đức Chúa Trời hứa làm sạch chúng ta khi chúng ta xưng tội mình trước mặt Ngài (*I Giăng* 1:9).

Nhưng vì sao việc giữ chân mình cho sạch lại quan trọng? Vì nếu bị ô uế, chúng ta không thể có mối liên hệ với Chúa mình được. “Nếu ta không rửa cho người, người chẳng có phần chi với ta hết” (*Giăng* 13:8). Chữ “phần” được dịch từ *meros* có nghĩa là “dự phần,” có phần trong một người hay một điều gì.” Khi Đức Chúa Trời gọi rửa chúng ta hoàn toàn trong sự cứu rỗi, Ngài đã đem chúng ta đến với Đấng Christ trong mối dây *liên hiệp* và là mối liên hệ vững bền không thể bị đổi dời. (Động từ “rửa” ở *Giăng* 13:10 được viết ở thì hoàn tất, diễn tả một hành động được thực hiện một lần đủ cả). Tuy vậy, mối *liên lạc* của chúng ta với Đấng Christ còn tùy thuộc vào việc chúng ta “giữ mình cho khỏi sự ô uế của thế gian” (*Gia-cơ* 1:27). Nếu không xưng những tội lỗi trong đời sống mình ra, chúng ta sẽ ngăn trở hành trình của

Người Đầy Tớ Cao Trọng / 11

mình với Chúa, khi ấy chúng ta cần phải “rửa sạch” chân mình.

Chân lý cơ bản về đời sống Cơ Đốc nhân được minh họa rõ nét trong chức tế lễ thời Cựu Ước. Khi thầy tế lễ nào được thụ phong người ấy được tắm rửa toàn thân (*Xuất Ê-díp-tô Ký 29:4*) và hành động này sẽ không bao giờ lặp lại. Tuy nhiên, qua chức vụ thường nhật, thầy tế lễ ấy có thể bị ô uế, nên phải rửa tay và chân trong thùng nước bằng đồng để giữa hội mạc (*Xuất Ê-díp-tô Ký 30:18-21*). Như vậy, thầy tế lễ mới có thể bước vào nơi thánh, xông hương nơi bàn thờ và ăn bánh thánh.

Chúa tẩy rửa chúng ta bằng chính huyết báu Ngài đã đổ ra trên thập tự giá (*I Giăng 1:5-10*) và bởi Lời Ngài hành động trong đời sống chúng ta (*Giăng 15:3; Ê-phê-sô 5:25-26; Thi Thiên 119:9*). Nước của Lời Chúa có thể giữ lòng và trí chúng ta tinh sạch hầu cho không bị nhiễm những ô uế của thế gian. Nếu phạm tội, chúng ta đã có Đấng Cầu Thay vinh hiển đầy lòng yêu thương luôn lắng nghe lời xưng tội và tha thứ cho chúng ta (*I Giăng 2:1-2*).

Do không hiểu điều Chúa làm, thay vì chờ một lời giải thích, Phi-e-rơ lại nông nổi bảo Chúa điều phải làm! *Giăng 13:8* có hai lời phủ định mạnh mẽ. Học giả Hy Lạp Kenneth Wuest đã dịch câu nói của Phi-e-rơ rằng “Ngài không thể nào rửa chân cho tôi, không bao giờ.” Phi-e-rơ thật sự muốn nói vậy! Nhưng khi hiểu rằng chối từ Chúa có nghĩa là đánh mất mối giao thông với Chúa, ông đổi ý ngay và xin được tắm trọn vẹn!

Qua Phi-e-rơ ta có thể rút ra một bài học ý nghĩa: đừng nghi ngờ ý Chúa và công việc Ngài, cũng đừng cố thay đổi điều ấy. Chúa biết điều Ngài làm. Khó khăn lắm Phi-e-rơ mới chấp nhận việc Chúa làm cho mình vì ông vẫn chưa sẵn sàng phục vụ những môn đệ khác. Cần có sự khiêm nhường và ơn để phục vụ người khác, nhưng cũng cần có sự khiêm nhường và ơn để người khác phục vụ mình. Vẻ đẹp của một tinh thần hạ mình được thể hiện qua việc vừa ban cho vừa nhận lãnh để quy vinh hiển về Đức Chúa Trời.

Giăng thận trọng chứng minh rằng Phi-e-rơ và Giu-đa có mối liên hệ với Chúa Giê-xu hoàn toàn khác biệt. Vâng, Chúa đã

12 / Giảng

rửa chân cho Giu-đa, nhưng điều đó chẳng ích gì cho anh ta, bởi Giu-đa chưa từng tắm cả thân thể. Một số người cho rằng Giu-đa đã được cứu nhưng do phạm tội nên không được cứu. Đó không phải là điều Chúa phán. Chúa nói rõ rằng Giu-đa chưa hề được tẩy sạch tội lỗi và là kẻ vô tín (*Giăng 6:64-71*).

Mối giao thông sâu đậm của bạn với Chúa là điều rất kỳ diệu. Bạn cần phải thành thật với Ngài, với chính mình và giữ “chân” bạn luôn tinh sạch!

Phước Hạnh – Chúa Giê-xu Và Các Môn Đệ

Giăng 13:12-17

¹² Sau khi đã rửa chân cho môn đồ, Ngài mặc áo lại; đoạn ngồi vào bàn mà phán rằng: Các người có hiểu điều ta đã làm cho các người chăng? ¹³ Các người gọi ta bằng Thầy bằng Chúa; các người nói phải, vì ta thật vậy. ¹⁴ Vậy, nếu ta là Chúa là Thầy, mà đã rửa chân cho các người thì các người cũng nên rửa chân lẫn cho nhau. ¹⁵ Vì ta đã làm gương cho các người, để các người cũng làm như ta đã làm cho các người. ¹⁶ Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, đây tớ chẳng lớn hơn chủ mình, sứ giả cũng chẳng lớn hơn kẻ sai mình. ¹⁷ Ví bằng các người biết những sự này, thì có phước, miễn là các người làm theo.

Câu Kinh Thánh căn bản ở phần này là *Giăng 13:17* “Ví bằng các người biết những sự này thì có phước, miễn là các người làm theo.” Khiêm nhường, sự thánh khiết và sau đó là hạnh phước, là chuỗi mắc xích liền nhau. Aristote định nghĩa sự phước hạnh là “vận may kết hợp với phẩm chất đạo đức... một đời sống dễ chịu và yên ổn.” Điều đó có thể làm thỏa mãn một nhà triết học, nhưng sẽ chẳng bao giờ làm Cơ Đốc nhân thỏa lòng! Hạnh phước thật là kết quả của một đời sống theo ý muốn Đức Chúa Trời. Khi chúng ta khiêm nhường phục vụ người khác, bước đi trong đường lối thánh khiết của Đức Chúa Trời, làm theo điều Ngài bảo, chúng ta sẽ hưởng được phước hạnh.

Chúa Giê-xu hỏi các môn đệ rằng họ có hiểu việc Ngài làm hay không, và câu trả lời dường như là không. Vì vậy Chúa giải thích rằng: Ngài muốn dạy họ một bài học về sự phục vụ khiêm nhường, một tấm gương họ phải noi theo. Người

đời cho rằng hạnh phúc là được người khác phục vụ mình, nhưng niềm vui thật chỉ có được khi chúng ta phục vụ người khác trong danh Đấng Christ. Thế gian luôn đeo đuổi hạnh phúc như đuổi theo một cái bóng luôn xa tầm tay với!

Với danh nghĩa là Thầy, là Chúa các môn đệ, Chúa Giê-xu có quyền ra lệnh họ phục vụ Ngài. Nhưng chính Ngài đã phục vụ họ! Ngài nêu cho họ một tấm gương về tinh thần phục vụ của Cơ Đốc nhân. Trong suốt ba năm, nhiều lần Ngài dạy họ những bài học về sự khiêm nhường và tinh thần phục vụ, nhưng giờ là lúc Ngài thể hiện cho họ thấy rõ bài học ấy. Có lẽ các môn đệ nhớ đến bài học Chúa dạy về đứa trẻ (*Ma-thi-ơ* 18:1-6), hay lời Chúa trách Gia-cơ và Giăng khi họ cầu xin được ngồi nơi vinh hiển (*Ma-thi-ơ* 20:20-28). Giờ đây tất cả mọi việc đều ăn khớp với nhau.

Đầy tớ không lớn hơn chủ. Nếu chủ trở nên như đầy tớ, vậy vị trí của đầy tớ ở đâu? Ở *mức ngang hàng với chủ*! Khi trở nên một tôi tớ, Chúa không đẩy chúng ta xuống thấp hơn, nhưng Ngài nâng chúng ta lên! Ngài đánh giá cao lòng hy sinh và sự phục vụ. Bạn nên nhớ, dân La Mã không để ý đến đức khiêm nhường, còn dân Hy Lạp lại khinh thường kẻ làm công chân lấm tay bùn. Chúa Giê-xu muốn sửa dạy hai điều này khi rửa chân cho các môn đệ!

Người thế gian thường đặt câu hỏi “Có bao nhiêu người làm công cho anh?” Nhưng Chúa Giê-xu lại hỏi “Người đã phục vụ cho bao nhiêu người?” Khi tôi giảng tại một hội nghị ở Kenya, một tín hữu Châu Phi cho tôi biết một câu châm ngôn của họ: “Người làm đầu sẽ là đầy tớ của mọi người?” Thật thế, chúng ta cần những người lãnh đạo sẵn sàng phục vụ và những đầy tớ làm đầu. G. K. Chesterton nói rằng một người cao trọng thật là người khiến kẻ khác cảm thấy mình được tôn trọng, và đây là điều Chúa Giê-xu đã làm khi dạy các môn đệ về tinh thần phục vụ.

Tuy nhiên, biết lẽ thật này thôi, vẫn chưa đủ! Chúng ta phải áp dụng nó vào thực tiễn. *Gia-cơ* 1:22-27 cho thấy phước hạnh là kết quả bởi làm theo Lời Chúa, không phải bởi nghe.

14 / Giảng

Wuest dịch phần cuối của *Gia-cơ* 1:25 như sau “Người ấy sẽ giàu có về thuộc linh trong việc mình làm.” Dù nghiên cứu đoạn Phúc Âm này có thể làm khơi dậy trong chúng ta nguồn cảm xúc và soi sáng tâm trí ta, nhưng không thể khiến chúng ta được phước hạnh về tâm linh cho đến khi nào chúng ta làm theo điều Chúa dạy. Đây là con đường duy nhất dẫn đến nguồn hạnh phước bất diệt!

Bạn hãy nắm vững ý nghĩa những bài học trên trong trình tự thích hợp của nó: khiêm nhường, thánh khiết và phước hạnh. Hãy đầu phục Đức Chúa Trời giữ đời sống bạn tinh sạch và phục vụ tha nhân. Đây là phương thức của Đức Chúa Trời để có được niềm vui thật trong tâm linh.

Giả Hình: Chúa Giê-xu Và Giu-đa

Giăng 13:18-35

¹⁸ Ta không nói về các người hết thầy, ta biết những kẻ ta đã lựa chọn; nhưng lời này trong Kinh thánh phải được ứng nghiệm: Người ăn bánh ta, dờ gót nghịch cùng ta. ¹⁹ Hiện bây giờ, ta nói điều này cùng các người trước việc chưa xảy đến; để khi việc xảy đến rồi, các người sẽ tin ta là Đấng đó. ²⁰ Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, ai tiếp người mà ta đã sai, tức là tiếp ta; hễ ai tiếp ta, tức là tiếp Đấng đã sai ta đến.

²¹ Khi Đức Chúa Jê-sus đã phán như vậy rồi, thì tâm thần Ngài bối rối, bèn tỏ ra rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, một người trong các người sẽ phản ta. ²² Các môn đồ ngó nhau, không biết Ngài nói về ai đó. ²³ Vả, có một môn đồ dựa vào ngực Đức Chúa Jê-sus, tức là người mà Ngài yêu. ²⁴ Si-môn Phi-e-rơ ra dấu cho người đó rằng: Hãy nói cho chúng ta biết thầy phán về ai. ²⁵ Vậy, người nghiêng mình trên ngực Đức Chúa Jê-sus, hỏi rằng: Lạy Chúa, ấy là ai? ²⁶ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Ấy là kẻ mà ta trao cho miếng bánh ta sẽ nhúng đây. Đoạn, Ngài nhúng một miếng, rồi lấy cho Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, con trai của Si-môn. ²⁷ Liền khi Giu-đa đã lấy miếng bánh, thì quỷ Sa-tan vào lòng người. Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng người rằng: Sự người làm hãy làm mau đi. ²⁸ Nhưng các người ngồi đồng bàn đó chẳng ai hiểu vì sao Ngài phán cùng người như vậy. ²⁹ Có kẻ tưởng rằng tại Giu-đa có túi bạc, nên Đức Chúa Jê-sus biểu người: Hãy mua đồ chúng ta cần dùng về kỳ lễ; hay là: Hãy bố thí cho kẻ nghèo. ³⁰ Còn Giu-đa, khi lãnh lấy miếng bánh rồi, liền đi ra. Khi ấy đã tối.

³¹ Khi Giu-đa đã ra rồi, Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hiện bây giờ Con Người được vinh hiển, và Đức Chúa Trời được vinh hiển nơi Con Người. ³² Đức Chúa Trời cũng sẽ làm cho Con Người vinh hiển nơi chính mình Ngài, và Ngài sẽ kịp làm cho vinh hiển. ³³ Hỡi các con trẻ ta, ta còn tạm ở với các người; các người

Người Đầy Tớ Cao Trọng / 15

sẽ tìm ta, và như ta đã nói với người Giu-đa rằng: Các người không thể đến nơi ta đi, thì bây giờ ta cũng nói với các người như vậy. ³⁴ Ta ban cho các người một điều răn mới, nghĩa là các người phải yêu nhau; như ta đã yêu các người thể nào, thì các người cũng hãy yêu nhau thể ấy. ³⁵ Nếu các người yêu nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các người là môn đồ ta.

Bóng tối như phủ xuống quang cảnh khi Chúa nói đến kẻ phản bội: Giu-đa. Cần biết rằng Giu-đa không phải là môn đệ thật của Chúa, hẳn là kẻ giả hình. Giu-đa chưa bao giờ tin Chúa Giê-xu (*Giăng* 6:64-71), chưa được thanh tẩy (*Giăng* 13:10-11) và không thuộc những người được chọn mà Cha đã giao cho Con (*Giăng* 13:18 và 17:12). Giu-đa đã cặn kẽ sự cứu rỗi, vậy mà vẫn hư mất đời đời! Giu-đa vốn là kẻ giữ túi bạc trong nhóm (*Giăng* 12:6) và chắc được bạn bè nể nang.

Vào lúc này, Chúa Giê-xu có hai mối quan tâm lớn: làm trọn lời Đức Chúa Trời (*Giăng* 13:18-30) và bày tỏ vinh hiển của Đức Chúa Trời (*Giăng* 13:31-35).

Câu Kinh Thánh Chúa trích dẫn được chép ở *Thi Thiên* 41:9 “Đến đôi người bạn thân tôi, mà lòng tôi tin cậy, và đã ăn bánh tôi, cũng gở gót lên nghịch cùng tôi.” Đa-vít viết *Thi Thiên* này, có lẽ chỉ về mưu sĩ của ông là A-hi-tô-phe, đã thông đồng với Áp-sa-lôm để phản nghịch (*II Sa-mu-ên* 15-17). Điều đáng chú ý là cả A-hi-tô-phe và Giu-đa đều treo cổ. (*II Sa-mu-ên* 17:23; *Ma-thi-ơ* 27:3-10; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:18). Tuy nhiên, Giu-đa đã tự sát không phải để làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Kinh Thánh, vì nếu vậy, Đức Chúa Trời sẽ là “tác giả” của tội lỗi Giu-đa! Giu-đa có trách nhiệm với những quyết định của bản thân, những quyết định ấy đã làm ứng nghiệm lời Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu biết rằng sự phản bội của Giu-đa sẽ không làm nao núng đức tin các môn đệ Ngài. Vì vậy, Ngài liên hệ sự phản bội của Giu-đa với Lời Đức Chúa Trời: khi các môn đệ chứng kiến mọi sự được ứng nghiệm, đức tin họ sẽ vững vàng hơn (*Giăng* 8:28). Giu-đa phản bội, nhưng Chúa Giê-xu mong rằng các môn đồ trung tín với Ngài và công việc Ngài. Xét cho cùng, Ngài là Đức Chúa Con được Đức Chúa Cha sai

16 / Giảng

đến. Các môn đệ là những người tiêu biểu được chọn của Đấng Christ; tiếp rước họ đồng nghĩa với tiếp rước Cha và Con. Thật là một đặc quyền lớn lao khi được làm sứ giả của Vua!

Điều đáng lưu ý là: những người ngồi đồng bàn với Chúa Giê-xu không hề biết Giu-đa là kẻ vô tín và phản bội. Cho đến giờ phút Giu-đa làm phản, hắn vẫn được sự bảo vệ che chở của Đấng Christ là Đấng bị hắn phản bội! Nếu Chúa Giê-xu công khai bày tỏ những điều Ngài biết về Giu-đa chắc hẳn các môn đệ sẽ không để ông ta yên. Hãy nhớ điều Phi-e-rơ đã làm cho Man-chu khi quân lính đến bắt Chúa Giê-xu!

Ngay từ đầu Chúa đã biết Giu-đa sẽ phản Ngài (*Giăng* 6:64), nhưng Ngài không hề thúc ép Giu-đa làm điều đó. Giu-đa được ban cho những đặc quyền thuộc linh như bao môn đệ khác, nhưng những đặc quyền ấy đã khiến hắn ta hư hỏng. Cùng một mặt trời nhưng làm cho băng tan chảy, lại khiến đất sét cứng khô đi. Bất chấp mọi lời khuyên dạy của Chúa về tiền bạc, và về sự tham lam, Giu-đa vẫn giữ thói trộm cắp, biển thủ công quỹ. Mặc cho Chúa cảnh cáo về sự vô tín, Giu-đa vẫn không đổi lòng. *Chúa Giê-xu đã rửa chân Giu-đa*, vậy mà tấm lòng cứng cỏi của hắn vẫn không chịu đầu phục!

Chúa từng nói trước về kẻ phản bội, nhưng các môn đệ không để tâm đến. Giờ đây, họ vô cùng bối rối khi Ngài phán công khai về điều ấy tại bàn ăn. Phi-e-rơ ra hiệu cho Giảng là người ngồi gần Chúa nhất để hỏi Chúa về kẻ phản bội. Khi Chúa đáp với Giảng, hắn không phải mọi người đều nghe, vì thực tế họ đang bàn luận với nhau để biết thêm về kẻ phản bội (*Lu-ca* 22:23). Khi Chúa trao bánh cho Giu-đa, họ lại hiểu đó là hành động của tình yêu và sự tôn trọng. Giu-đa thật đang được ngồi nơi cao trọng, nên những hành động của Chúa được hiểu trong bối cảnh ấy. Ngài muốn dành cho Giu-đa một sự tôn trọng đặc biệt. Chính vì vậy, sau khi Giu-đa rời phòng, là lúc các môn đệ bàn cãi về việc ai sẽ là người cao trọng nhất (*Lu-ca* 22:24-30)!

Giăng hẳn rất sững sờ về sự bày tỏ này, chưa kịp bày tỏ ý kiến gì thì Chúa đã sai Giu-đa ra đi. Dù Sa-tan ám vào lòng Giu-đa, Chúa Giê-xu vẫn là Đấng có quyền điều khiển. Ngài sống theo những thời điểm Cha đã định, và Ngài muốn làm trọn những lời tiên tri đã được chép ra. Bởi Giu-đa là kẻ giữ túi bạc, nên các môn đệ rất có lý khi cho rằng hẳn được Chúa giao nhiệm vụ đặc biệt. Giu-đa đã giả dối bày tỏ mối quan tâm của mình đối với kẻ nghèo khó (*Giăng* 12:4-6), nên có lẽ các môn đệ nghĩ rằng hẳn ra đi để lo việc giúp đỡ người thiếu thốn.

Hãy nhớ rằng Giu-đa biết điều mình làm nên hẳn đã thực hiện một cách chu đáo. Hẳn đã đi gặp các lãnh đạo tôn giáo và đồng ý dẫn họ đến bắt Chúa Giê-xu cách dễ dàng, không bị dân chúng cản trở (*Lu-ca* 21:37-22:6). Giu-đa từng nghe Chúa phán “khốn nạn thay cho kẻ phản Con Người! Thà nó chẳng sinh ra thì hơn!” (*Ma-thi-ơ* 26:24), nhưng hẳn vẫn giữ lòng vô tín và sự phản bội.

Câu viết đơn giản của Giăng “khi ấy đã tối” gây tác động mạnh mẽ khi chúng ta nhớ lại rằng *sự sáng* và *sự tối tăm* là những hình ảnh thuộc linh có ý nghĩa trong *Phúc Âm Giăng*. Chúa Giê-xu là Sự Sáng của thế gian (*Giăng* 8:12), nhưng Giu-đa chối bỏ Chúa để lẩn vào trong tối tăm và đối với Giu-đa, *trời vẫn luôn u tối!* Kẻ làm ác luôn ghét sự sáng (*Giăng* 3:18-21). Lời Chúa dạy ở *Giăng* 12:25-26 đã bị Giu-đa để ngoài tai – và những tội nhân hôm nay cũng không chú tâm đến. Họ sẽ đi đến nơi Giu-đa đã đến, trừ khi họ ăn năn tin nhận Đấng Christ.

Ngay khi Giu-đa ra đi, bầu không khí trở nên trong sáng. Chúa Giê-xu khởi sự dạy dỗ môn đệ, chuẩn bị cho họ tinh thần để chứng kiến việc Ngài bị đóng đinh và trở về thiên đàng. Sau khi Giu-đa rời khỏi Chúa Giê-xu đã thực hiện Lễ Tiệc Thánh, điều mà Giu-đa một kẻ vô tín không thể dự phần được. Giờ đây, Giu-đa đang ở bên ngoài giữa đêm tối, bị sự điều khiển của Sa-tan là vua chốn mờ tối. Còn Chúa Giê-xu ở trong ánh sáng, chia xẻ tình yêu và chân lý với các môn đệ

18 / Giảng

yêu dấu của Ngài. Quả là một tương phản!

Đến đây, chủ đề chuyển sang sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (*Giăng* 13:31-35). Theo quan điểm con người, sự chết của Đấng Christ thật đau đớn nhục nhã khôn tả. Nhưng dưới mắt Đức Chúa Trời, đây là cách bày tỏ vinh hiển Ngài: “Giờ đã đến, khi Con Người sẽ được vinh hiển” (*Ma-thi-ơ* 12:23). Danh hiệu “Con Người” xuất hiện mười hai lần trong *Phúc Âm Giảng* và *Giăng* 13:31 là lần cuối cùng. *Đa-ni-ên* 7:13 xem danh hiệu này như danh hiệu của Đấng Mết-si-a và đôi khi Chúa Giê-xu cũng sử dụng danh này theo nghĩa ấy (*Ma-thi-ơ* 26:64).

Làm vinh hiển danh Cha có ý nghĩa gì đối với Chúa Giê-xu? Ngài cho chúng ta biết qua lời cầu nguyện. “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (*Giăng* 17:4). Đây là cách chúng ta làm vinh hiển Đức Chúa Trời trong việc trung tín làm theo điều Ngài bảo chúng ta. Trong hoàn cảnh của Chúa Giê-xu, ý muốn của Cha phải được thực hiện qua việc Con chịu chết cho tội nhân, sống lại từ cõi chết và thăng thiên. Con đã làm vinh hiển Cha và Cha cũng làm vinh hiển Con (*Giăng* 17:1, 5).

Rồi sẽ đến lúc Đức Chúa Con sẽ được vinh hiển qua các môn đệ Ngài (*Giăng* 17:10), nhưng họ không thể theo Ngài vào thời gian đó. Phi-e-rơ đã từng khoe khoang sẽ theo Ngài cho dù phải chết. Ông đã theo, nhưng tiếc thay ông đã chối Chúa ba lần.

Có hai lần Chúa nói với người Giu-đa rằng họ sẽ tìm Ngài nhưng không thể tìm được cũng không đi theo Ngài được (*Giăng* 7:33-36; 8:21-24). Bạn hãy nhớ rằng Chúa không nói với các môn đệ rằng họ sẽ không thể tìm được Ngài, nhưng Ngài chỉ nói với dân Giu-đa vô tín. Ngày kia, các môn đệ sẽ cùng ở với Chúa (*Giăng* 14:1-3) và cũng sẽ gặp Ngài sau khi Ngài phục sinh. Tuy nhiên, trong thời gian Ngài chịu thương khó và chết thì điều quan trọng là họ không cố theo Ngài.

Tôi từng nghe những bài giảng hùng hồn về tội lỗi của Phi-e-rơ là người “theo Chúa xa xa” (*Lu-ca* 22:54) và trọng tâm nói về vấn đề ông ta lẽ ra phải nên theo Chúa gần hơn. Thực tế đơn

giản là lẽ ra Phi-e-rơ không nên theo Chúa! Câu *Giăng* 13:33 là một minh chứng cụ thể và nếu bạn kết hợp với *Ma-thi-ơ* 26:31 (trích từ *Xa-cha-ri* 13:7) và lời Chúa ở *Giăng* 18:8 chứng cứ ấy rất rõ ràng. Phi-e-rơ không để tâm đến lời khuyên trên, nên ông gặp phải sự rắc rối.

Trách nhiệm của các môn đệ là yêu thương lẫn nhau như Chúa Giê-xu đã yêu họ. Họ cần có tình yêu ấy trong những giờ phút sắp tới khi Chúa họ bị bắt đi và người phát ngôn can đảm của họ là Phi-e-rơ chối bỏ Thầy và đồng bạn mình. Thật ra, tất cả đều sa ngã, điều duy nhất đem họ đến với nhau là tình yêu của họ đối với Đấng Christ và đối với nhau.

Từ *yêu* chỉ được dùng mười hai lần trong *Giăng* 1-12 nhưng chương 13-21 nhắc đến bốn mươi bốn lần. Đây là từ chính được dùng trong bài giảng tạm biệt của Chúa đối với các môn đệ, cũng là một gánh nặng trong lời cầu nguyện của Ngài như thầy tế lễ thượng phẩm (*Giăng* 17:26). Từ *mới* không có nghĩa là “mới theo thời gian” vì tình yêu là điều rất ý nghĩa đối với dân của Đức Chúa Trời trải qua các thời đại Cựu Ước (xem *Lê-vi Ký* 19:18). “Mới” có nghĩa như “mới trong kinh nghiệm, tươi mới,” phản nghĩa với “sờn cũ, mệt mỏi.” Bởi sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự giá, tình yêu sẽ có một ý nghĩa và năng lực mới (*Giăng* 15:13). Khi Đức Thánh Linh giáng lâm, tình yêu sẽ tạo năng lực mới trong đời sống các môn đệ.

Đoạn này khởi đầu và kết thúc đều nói về tình yêu: tình yêu Chúa Giê-xu dành cho những kẻ thuộc về Ngài (*Giăng* 13:1), và tình yêu các môn đệ dành cho nhau. Bằng chứng thật của tình yêu thể hiện qua việc chúng ta thuộc về Đấng Christ. Người đứng đầu Hội Thánh, Tertullian (155-220 SC) đã lặp lại lời những kẻ ngoại giáo khi nói về Cơ Đốc nhân: “Hãy xem họ yêu thương nhau ra sao!” Còn chúng ta chứng minh cho tình yêu thương ấy ra sao? Hãy làm điều Chúa đã làm: phó sự sống mình vì bạn hữu (*I Giăng* 3:16) Để bắt đầu bày tỏ tình yêu thương, chúng ta hãy cúi xuống rửa chân cho người khác trong tinh thần hy sinh phục vụ.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1

Giảng 13:1-35

1. Đã có lần bạn phải giả từ một người thân. Hãy nói lại cảm nghĩ lúc ấy?
2. Đọc Giảng 13:1-35, đoạn nói về Chúa Giê-xu từ giả các môn đồ. Sự nhận biết tâm trạng các môn đồ đã dẫn đến hành động của Ngài như thế nào?
3. Việc Chúa rửa chân các môn đồ có ý nghĩa gì?
4. Phản ứng của Phi-e-rơ khi thấy Chúa rửa chân cho các môn đồ cho thấy gì về con người của ông?
5. Chúa dạy gì qua hành động rửa chân?
6. Khi nghe Chúa báo trước về việc Ngài bị phản, các môn đồ có phản ứng thế nào? Các phản ứng này cho thấy gì về các môn đồ?
7. Chúa chuẩn bị các môn đồ thế nào trước cái chết của Ngài?
8. Cái chết của Chúa tôn vinh Đức Chúa Trời như thế nào?
9. Bằng cách nào tình yêu thương giữa các chúng ta với nhau chứng tỏ chúng ta thuộc về Chúa Giê-xu?
10. Trong tuần này bạn có thể làm gì để tỏ lòng yêu thương lẫn nhau?

Lòng Bối Rối

Giăng 13:36 - 14:31

Đoạn này mở đầu và kết thúc bằng lời khuyên đầy yêu thương của Chúa “Lòng các ngươi chớ hề bối rối” (*Giăng 14:1,27*). Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi tâm trí các sứ đồ thấy đều bối rối! Chúa cho biết trước sẽ có một kẻ phản Ngài, và sau đó Ngài báo cho Phi-e-rơ biết ông sẽ chối Chúa ba lần. Phi-e-rơ đầy tự tin nghĩ rằng mình không những đủ sức theo Chúa, mà còn dám đồng chết với Ngài hay chết cho Ngài. Ô! Phi-e-rơ đã không hiểu lòng mình và chúng ta cũng vậy, ngoại trừ việc chúng ta biết rằng lòng chúng ta dễ bị bối rối!

Có lẽ tin quan trọng nhất đối với mọi người là tin Chúa sắp lìa khỏi họ (13:39). Ngài sẽ đi đâu? Họ có thể đi cùng Ngài không? Làm sao để họ đến được nơi Ngài đến? Đó là những câu hỏi đầy hoang mang lo lắng cứ lẩn quẩn trong tâm trí các môn đệ và luôn là đề tài thảo luận tại bàn ăn.

Chúa Giê-xu trấn an lòng bối rối của họ ra sao? Ngài loan cho họ sáu lời hứa kỳ diệu, là những lời hứa hôm nay chúng ta tin có được sự bình an trong lòng. Nếu tin nơi Chúa Giê-xu, bạn có thể nắm chắc cả sáu lời hứa ấy.

22 / Giảng

Bạn Sẽ Đến Thiên Đàng

Giăng 13:36-14:6

³⁶ Si-môn Phi-e-rơ thưa cùng Ngài rằng: Lạy Chúa, Chúa đi đâu? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Nơi ta đi, bây giờ người chẳng có thể theo ta được; nhưng rồi sau người sẽ theo ta. ³⁷ Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, sao hiện bây giờ tôi không thể theo Chúa được? Tôi liều sự sống tôi vì Chúa! ³⁸ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Người liều sự sống người vì ta sao! Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, khi gà chưa gáy, người đã chối ta ba lần!

14

¹ Lòng các người chớ hề bối rối; hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin ta nữa. ² Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở; bằng chẳng vậy, ta đã nói cho các người rồi. Ta đi sắm sẵn cho các người một chỗ. ³ Khi ta đã đi, và đã sắm sẵn cho các người một chỗ rồi, ta sẽ trở lại đem các người đi với ta, hầu cho ta ở đâu thì các người cũng ở đó. ⁴ Các người biết ta đi đâu, và biết đường đi nữa.

⁵ Thô-ma thưa rằng: Lạy Chúa, chúng tôi chẳng biết Chúa đi đâu; làm sao biết đường được? ⁶ Vậy Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Ta là đường đi, lẽ thật, và sự sống; chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha.

Tuy Chúa không trách Phi-e-rơ vì đã hỏi Ngài về nơi Ngài sẽ đến, nhưng câu trả lời của Ngài có phần ẩn ý. Sẽ có một ngày Phi-e-rơ “theo” Chúa Giê-xu đến thập tự giá (Giăng 21:18-19; II Phi-e-rơ 1:12-15) và theo Ngài đến thiên đàng. Lịch sử cho chúng ta biết Phi-e-rơ đã bị đóng đinh trên thập tự giá. Ông đề nghị được đóng đinh ở thế đầu chúi xuống đất vì cảm thấy mình không xứng đáng chết như Chúa.

Vừa khi máu “anh hùng” bắt đầu nổi lên trong Phi-e-rơ, Chúa Giê-xu báo trước rằng Ngài sắp chịu thương khó. Sự điệp này không chỉ làm Phi-e-rơ bàng hoàng, nhưng cũng khiến các môn đệ khác hoảng hốt. Nếu Phi-e-rơ can đảm kia còn chối bỏ Chúa, vậy sẽ trông mong gì nơi các môn đệ khác? Đó chính là lúc Chúa dạy dỗ để xua tan cảm giác bối rối trong lòng họ.

Theo lời Chúa phán, thiên đàng là một chốn thực hữu. Đây không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng trong niềm tin tôn giáo hay kết quả của một trạng thái tâm lý bất ổn đang mong đợi một chuyện viễn vông sắp xảy ra! Thiên đàng là nơi Đức

Chúa Trời hiện diện và là nơi Chúa Giê-xu hôm nay đang ngồi bên hữu Đức Chúa Cha. Thiên đàng được mô tả như một vương quốc (*II Phi-e-rơ* 1:11), một cơ nghiệp (*II Phi-e-rơ* 1:4), một quê hương (*Hê-bơ-rơ* 11:16) một thành (*Hê-bơ-rơ* 11:16b) và một nhà (*Giăng* 14:2).

Danh từ *Cha* được sử dụng 50 lần trong *Phúc Âm Giăng* từ chương 13 đến 17. Thiên đàng là “Nhà Cha” theo lời của Con Đức Chúa Trời. Đó là “gia đình” của con cái Đức Chúa Trời! Vài năm trước, có một tờ báo Luân-đôn tổ chức cuộc thi chọn ra một định nghĩa hay nhất về “gia đình.” Câu định nghĩa được chọn là: “gia đình là nơi bạn được đối xử nồng hậu nhất và than thở nhiều nhất. Nhà thơ Robert Frost nói: “Gia đình là nơi mà khi bạn đến, người ta tiếp bạn vào.” Đây quả là một định nghĩa hợp lý!

“Chỗ ở” trong câu 2 và “ở” trong câu 23 được dịch từ *mone* một từ Hy Lạp chỉ có nghĩa là “phòng ở” hay “chỗ ở.” Vì thế chúng ta không nên nghĩ đó là những tòa nhà. Rất tiếc là có vài bài hát sai với lời Kinh Thánh dạy nhưng cứ được hát đi hát lại là những tín hữu trung tín sẽ được ở trong những tòa nhà tốt đẹp trong vinh quang, trong khi những thánh nhân trần gian sẽ phải bằng lòng với những túp lều hay những lán trại nhỏ. Chúa Giê-xu đang chuẩn bị chỗ cho những con cái thật của Ngài, tất cả đều tốt đẹp. Khi còn ở trần gian, Chúa từng là thợ mộc (*Mác* 6:3) và giờ đây trong vinh quang Ngài đang xây dựng một Hội Thánh trên đất và một chỗ ở cho Hội Thánh đó trên trời.

Giăng 14:3 là lời hứa rõ ràng về việc Chúa trở lại tiếp rước người thuộc về Ngài. Một số người sẽ đến thiên đàng sau khi vượt qua trùng bóng chết, nhưng ai còn sống lúc Chúa trở lại sẽ *chẳng* trải qua sự chết (*Giăng* 11:25-26). Họ sẽ được biến hóa trở nên giống Đấng Christ để đến thiên đàng (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18).

Vì là Nhà Cha, nên thiên đàng là nơi dành cho tình yêu thương và sự vui mừng. Khi sứ đồ Giăng mô tả về thiên đàng, dường như ông không còn chữ nghĩa nào nữa để diễn tả vẻ cao đẹp của nhà Cha (*Khải Thị* 21:1-22:21). Sau cùng, ông liệt kê những điều không thể hiện diện nơi thiên đàng: sự chết, sự tối tăm, đau

24 / Giảng

khổ, than vãn... Nơi ấy là một gia đình tuyệt vời và chúng ta sẽ vui sống ở đó đến mãi mãi!

Câu hỏi của Tô-ma bày tỏ lòng khao khát mãnh liệt được ở cùng Chúa Giê-xu (xem *Giăng* 11:16). Ông muốn biết nơi Chúa mình sắp đến ra sao và ông có thể đến đó bằng cách nào. Chúa giải thích rằng Ngài sẽ đến cùng Cha và Ngài là con đường duy nhất dẫn đến nơi Cha. Thiên đàng là nơi thực hữu, một nơi của sự yêu thương và là một nơi duy nhất. Không ai có thể đến thiên đàng, ngoại trừ những người tin nhận Chúa Giê-xu (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:12; *I Ti-mô-thê* 2:4-6).

Chúa Giê-xu không chỉ dạy về đường đi hay chỉ đường, *Ngài chính là con đường* (Đạo). Đạo là một trong những tên gọi trước đây chỉ về niềm tin của Cơ Đốc nhân (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 9:2; 19:9,23; 22:4; 24:14,22). Lời Chúa phán “chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha” dẹp bỏ bất cứ tư tưởng nào cho rằng muốn đến thiên đàng phải đi qua cánh cổng việc thiện, lễ nghi thờ phượng, những của dâng hiến đắt giá, v.v... Chỉ có một con đường duy nhất, là Chúa Giê-xu.

Lời hứa được đến thiên đàng này trấn an lòng bối rối của các môn đệ ra sao? Tiến sĩ James M. Gray gởi gắm tư tưởng ấy vào một bài hát ông viết vài năm trước “Ai là người ngại hành trình khi con đường dẫn thẳng về nhà?” Lời hứa về quê hương trên trời ở cuối đường đời giúp ta vui mừng đối diện với mọi trở lực và tranh chiến dọc đường. Đó cũng là điều khích lệ Chúa chúng ta, là “Đấng vì sự vui mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy thập tự giá” (*Hê-bơ-rơ* 12:2). Phao-lô đã khắc ghi lẽ thật này khi ông viết: “Vả, tôi tưởng rằng những sự đau đớn bây giờ chẳng đáng so sánh với sự vinh hiển hầu đến, là sự sẽ được bày ra trong chúng ta” (*Rô-ma* 8:18).

Bạn Biết Cha Ngay Bây Giờ

Giăng 14:7-11

⁷ Ví bằng các người biết ta, thì cũng biết Cha ta; và từ bây giờ các người biết và đã thấy Ngài. ⁸ Phi-líp thưa rằng: Lạy Chúa, xin chỉ Cha cho chúng tôi, thì đủ

rồi. ⁹ Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Hỡi Phi-líp, ta ở cùng các người đã lâu thay, mà người chưa biết ta! Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha. Sao người lại nói rằng: Xin chỉ Cha cho chúng tôi? ¹⁰ Người há không tin rằng ta ở trong Cha và Cha ở trong ta, hay sao? Những lời ta nói với các người, chẳng phải ta tự nói; ấy là Cha ở trong ta, chính Ngài làm trọn việc riêng của Ngài. ¹¹ Khi ta nói rằng ta ở trong Cha và Cha ở trong ta, thì hãy tin ta; bằng chẳng, hãy tin bởi công việc ta.

Không phải chờ đến lúc bước vào thiên đàng chúng ta mới biết Cha. Ngay hôm nay chúng ta có thể biết Ngài và nhận từ Ngài nguồn tâm linh để vững vàng trong những ngày khó khăn.

Thế nào là “biết Cha”? Chữ *biết* được dùng đến 141 lần trong *Phúc Âm Giăng*, nhưng không phải luôn có cùng một ý nghĩa. Thật ra, theo *Phúc Âm Giăng*, có bốn mức độ *biết* khác nhau. Mức độ thấp nhất chỉ đơn giản là “biết” sự việc. Mức độ thứ hai là hiểu chân lý ẩn sau sự việc ấy. Tuy nhiên, bạn có thể vừa biết vấn đề vừa hiểu chân lý của nó, nhưng vẫn chết trong tội lỗi mình. Mức độ thứ ba là mối *liên hệ*. “Biết” nghĩa là “tin nơi ai đó và có mối liên hệ với người ấy.” Đây là dạng “biết” được đề cập trong *Giăng* 17:3 Thật ra, động từ “biết” trong Kinh Thánh nói về mối liên hệ thân thiết nhất giữa chồng và vợ (*Sáng Thế Ký* 4:1).

Dạng “biết” thứ tư nghĩa là “có một mối liên hệ, một tương giao sâu đậm hơn với một người nào đó.” Đây là mức độ của sự nhận biết được Phao-lô nhắc đến khi ông viết “...cho đến nỗi tôi được biết Ngài,...” (*Phi-líp* 3:10). Chúa Giê-xu mô tả mối liên hệ sâu sắc này ở *Giăng* 14:19-23 nên chúng ta sẽ dành phần giải thích kỹ hơn khi đọc đến phân đoạn đó.

Khi Chúa Giê-xu phán rằng biết và thấy Ngài đồng nghĩa với biết và thấy Cha, như vậy Ngài muốn tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời. Từ đây, các môn đệ sẽ hiểu nhiều hơn về Cha, dù Chúa Giê-xu sắp phải xa họ.

Tôi rất cảm kích lòng khao khát muốn biết Cha của Phi-líp. Ông đã có những bước tiến dài kể từ ngày Chúa tìm và kêu gọi ông (*Giăng* 1:43-45). Được biết Đức Chúa Trời nhiều hơn phải là sự khao khát mãnh liệt của mỗi Cơ Đốc nhân. Chúng ta nên đọc và suy gẫm Lời Đức Chúa Trời hầu có thể biết nhiều hơn về

26 / Giảng

Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh.

Cấu trúc của câu hỏi ở 14:10 theo tiếng Hy Lạp cho biết rằng Chúa Giê-xu mong đợi câu đáp “vâng” của Phi-líp, rằng ông tin Chúa Giê-xu ở trong Cha và Cha ở trong Ngài. Ở hoàn cảnh này, lẽ ra Phi-líp đã phải nhận biết rằng lời Chúa Giê-xu cũng như những việc làm của Ngài đều đến từ Cha và bày tỏ về Cha. Hôm nay, Cơ Đốc nhân dù chưa thấy Chúa Giê-xu trong thân xác (*I Phi-e-rơ* 1:8), nhưng thật đã thấy Ngài và công việc Ngài qua Kinh Thánh. Mục đích của *Phúc Âm Giảng* giúp bạn không tách rời lời Đấng Christ ra khỏi công việc Ngài, vì cả hai đều từ Cha đến và bày tỏ về Cha.

Động từ “tin” trong (*Giăng* 14:10) theo bản gốc ở dạng số ít vì Chúa Giê-xu nói với một mình Phi-líp, nhưng ở *Giăng* 14:11 nó ở dạng số nhiều vì Chúa Giê-xu nói với tất cả các môn đệ. Trong cả hai câu, động từ đều diễn tả “hãy cứ tin”. Hãy để đức tin bạn tăng trưởng!

Bốn trăm năm trước khi Chúa Giê-xu giáng sinh, nhà triết học Hy Lạp Plato đã viết: “Tìm biết Cha, là Đấng tạo dựng vũ trụ này là một việc khó, và khi chúng ta đã tìm được Ngài thì việc nói về Ngài cho mọi người lại là điều không thể thực hiện!” Nhưng Plato đã lầm! Chúng ta *có thể* biết Cha là Đấng tạo dựng vũ trụ này vì Chúa Giê-xu đã bày tỏ về Cha cho chúng ta. Lẽ nào lòng chúng ta lại bối rối khi Đấng tạo dựng và cai trị vũ trụ này chính là *Cha chúng ta*?

Cha chúng ta chính là Chúa của trời đất (*Lu-ca* 10:21). Chúng ta không có lý do gì để bối rối vì Ngài đang tể trị mọi sự.

Bạn Có Đặc Quyền Cầu Nguyện

Giăng 14:12-15

¹² Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, kẻ nào tin ta, cũng sẽ làm việc ta làm; lại cũng làm việc lớn hơn nữa, vì ta đi về cùng Cha. ¹³ Các ngươi nhân danh ta mà cầu xin điều chi mặc dầu, ta sẽ làm cho, để Cha được sáng danh nơi Con. ¹⁴ Nếu các ngươi nhân danh ta xin điều chi, ta sẽ làm cho.

¹⁵ Nếu các ngươi yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn ta.

Một trong những phương thuốc chữa trị lòng bối rối, là cầu nguyện. Một bài thánh ca viết rằng:

“Bao lần ta bối rối gặp sầu tư
Lắm lúc tâm hồn bỗng bồi hồi
Nguyên do chúng ta chẳng đem tâm sự
Trình ra trước Giê-xu mà thôi”

Tuy nhiên, nếu Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện và ban cho chúng ta lòng bình an, hẳn chúng ta phải hội đủ một số điều kiện nào đó. Thật ra, việc hội đủ những điều kiện ấy tự nó đã trở thành một phước hạnh!

Chúng ta phải cầu nguyện bằng đức tin (Giăng 14:12). Chúng ta có thể nắm lấy lời hứa ấy và điều này đòi hỏi đức tin. Điệp ngữ “quả thật” bảo đảm với chúng ta rằng đây là một lời tuyên bố nghiêm túc của Chúa. Sự kiện Ngài đi về cùng Cha là điều khích lệ chúng ta vì nơi ấy Ngài đang cầu thay cho chúng ta. Ngài sẽ còn phán về sự cầu thay này trong bài giảng tiếp theo.

“Những việc lớn hơn nữa” sẽ xảy đến với các sứ đồ là những người được ban cho quyền phép thực hiện những phép lạ đặc biệt để chứng tỏ có Chúa ở cùng (*Hê-bơ-rơ 2:3-4; Rô-ma 15:18-19*). Những phép lạ này không lớn hơn về bản chất vì “đầy tớ chẳng lớn hơn chủ mình” (*Giăng 13:16*) nhưng lớn hơn về phạm vi và số lượng. Phi-e-rơ trong một ngày giảng đạo đã khiến 3.000 người tin Chúa. Những con người bình thường nhưng làm được những phép lạ khiến họ trở nên kỳ diệu và danh Đức Chúa Trời được vinh hiển (*Công Vụ Các Sứ Đồ 5:13-16*).

Dĩ nhiên không phải chính người tin làm được “những điều lớn hơn” này nhưng chính Đức Chúa Trời làm trong và qua người tin (*Mác 16:20; Phi-líp 2:13*). Đức tin và việc làm luôn đi với nhau, vì chính đức tin khiến quyền năng Đức Chúa Trời tác động trong đời sống chúng ta.

Chúng ta phải cầu nguyện trong danh Đấng Christ (Giăng 14:13-14). Đây không phải là “câu thần chú” được chúng ta

28 / Giảng

lắp vào một cách máy móc sau những lời cầu xin nhằm bảo đảm cho việc nhậm lời của Đức Chúa Trời. Cầu xin Đức Chúa Trời điều gì trong danh Chúa Giê-xu nghĩa là chúng ta cầu xin điều Chúa Giê-xu muốn, điều khiến Ngài đẹp lòng và điều quy vinh hiển danh Ngài qua sự quan tâm phát triển công việc Ngài. Khi một người bạn nói với bạn rằng: “Bạn có thể sử dụng tên tôi,” người ấy muốn dành cho bạn một đặc quyền lớn cũng như giao cho bạn một trách nhiệm nặng nề.

Từ “điều chi” ở 14:13 chỉ về tất cả mọi điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ qua lời Ngài về sự cầu nguyện: “điều chi” ở *Giăng* 14:14 cũng tương tự như vậy. Đức Chúa Trời không cho chúng ta *toàn quyền hành động*; “nhân danh Ta” là yếu tố mang tính kiểm soát. Biết danh Đức Chúa Trời nghĩa là biết bản chất Ngài, Ngài là ai và Ngài muốn làm gì. Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện để quy vinh hiển danh Ngài, vì vậy lời cầu nguyện phải hợp ý Chúa (*I Giăng* 5:14-15). Trong Bài Cầu Nguyện Chung, câu đầu tiên là “Danh Cha được thánh” (*Ma-thi-ơ* 6:9). Bất cứ lời cầu xin nào không quy vinh hiển danh Đức Chúa Trời đều không xứng đáng được cầu nguyện trong danh Ngài.

Chúng ta cần phải cầu nguyện trong tinh thần vâng phục đầy lòng yêu mến Chúa (Giăng 14:15). Khi yêu mến ai, bạn trân trọng tên tuổi người ấy, và chẳng bao giờ dùng tên ấy với thái độ bất nhã. *Tình yêu* là chủ đề chính trong *Phúc Âm Giăng*, được sử dụng ở dạng động từ hoặc danh từ 56 lần. Cả sự yêu mến và lòng vâng phục đều góp phần cho lời cầu nguyện được hiệu nghiệm. “Nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi” (*Thi Thiên* 66:18). Chúng ta vâng phục Chúa không phải vì muốn lời cầu nguyện mình được nhậm, giống như thái độ của một đứa trẻ trước lễ Giáng sinh! Chúng ta vâng lời Ngài vì yêu mến Ngài, và càng yêu mến Ngài chúng ta càng kinh nghiệm nhiều hơn về tình yêu của Ngài. “Giữ” những điều răn của Chúa nghĩa là trân trọng, giữ gìn và làm theo những điều răn ấy. “Tôi chẳng hề lìa bỏ các điều răn của môi Ngài, vẫn vâng theo lời của miệng Ngài hơn là ý muốn

lòng tôi” (Gióp 23:12).

Lời cầu nguyện bằng đức tin chính là phương thuốc kỳ diệu rịt lành tấm lòng bối rối. Bạn hãy suy gẫm *Phi-líp* 4:6-7, và thực hành.

Chúng Ta Có Đức Thánh Linh Ngự Cùng

Giăng 14: 16-18

¹⁶ Ta lại sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban cho các người một Đấng Yên Ủi khác, để ở với các người đời đời, ¹⁷ tức là Thần Lẽ Thật, mà thế gian không thể nhận lãnh được, vì chẳng thấy và chẳng biết Ngài; nhưng các người biết Ngài, vì Ngài vẫn ở với các người và sẽ ở trong các người. ¹⁸ Ta không để cho các người mồ côi đâu, ta sẽ đến cùng các người.

Chúa Giê-xu đã dạy dỗ rất nhiều về Đức Thánh Linh tại phòng cao. Nếu không có sự giúp sức của Thánh Linh Đức Chúa Trời, chúng ta không thể sống một đời sống Cơ Đốc nhân như Đức Chúa Trời mong muốn. Chúng ta phải biết rõ về Đức Thánh Linh, công việc Đức Thánh Linh và cách Đức Thánh Linh hành động.

Chúa Giê-xu gọi Đức Thánh Linh bằng hai danh hiệu đặc biệt: “Đấng Yên Ủi” và “Thần Lẽ Thật.” Theo tiếng Hy Lạp, “Đấng Yên Ủi” là *parakletos* chỉ được *Giăng* sử dụng (*Giăng* 14:16,26; 15:26; 16:7; *I Giăng* 2:1). Từ này có nghĩa là “được gọi đến bên cạnh để giúp đỡ.” Đức Thánh Linh không hành động thay thế cho chúng ta hay hành động mà không được chúng ta cầu mời, nhưng hành động trong chúng ta và qua chúng ta.

Từ *an ủi* trong tiếng Anh có nguồn gốc từ loại chữ La-tinh có nghĩa là “thêm sức mạnh.” Chúng ta thường nghĩ “an ủi” là vỗ về, bày tỏ sự cảm thông với một người nào đó. Trong một mức độ nào đó, điều này đúng. Nhưng nguồn yên ủi thật sẽ thêm sức cho chúng ta hầu có thể vững vàng đối đầu với cuộc sống hiện tại. Sự yên ủi không tước khỏi chúng ta trách nhiệm hay khiến ta dễ dàng nản lòng. Có một số bản dịch gọi Đức Thánh Linh là Đấng Khích Lệ (The Encourager), đó cũng là

30 / Giảng

cách chọn từ thích hợp. *Parakletos* cũng được dịch là “Đấng Cầu Thay” ở *I Giăng* 2:1, là người đứng bên bạn nơi tòa phán xét để biện hộ cho bạn.

Là Thần Lẽ Thật, Đức Thánh Linh có mối liên hệ với Chúa Giê-xu, Lẽ Thật và Lời Đức Chúa Trời, tức là lẽ thật (*Giăng* 14:6; 17:17). Đức Thánh Linh hà hơi và soi sáng Lời Đức Chúa Trời, giúp chúng ta có thể hiểu được Lời Ngài. Chúa sẽ giải thích về sự dạy dỗ của Đức Thánh Linh ở phần sau. Là Thần Lẽ Thật, Đức Thánh Linh không thể nói dối, cũng không hiệp với sự giả dối, Ngài không bao giờ khiến chúng ta làm điều gì mâu thuẫn với Lời Đức Chúa Trời vì Lời Đức Chúa Trời là lẽ thật.

Nếu muốn Đức Thánh Linh hành động qua đời sống mình, chúng ta phải tìm sự vinh hiển cho Đấng Christ và quý trọng Lời Đức Chúa Trời. Khi bạn so sánh *Ê-phê-sô* 5:18-6:9 với *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:16-4:1, bạn sẽ thấy cả hai đoạn đều mô tả nếp sống Cơ Đốc nhân: vui mừng, tạ ơn và vâng phục. Được đầy đầy Đức Thánh Linh cũng đồng nghĩa với việc được Lời Đức Chúa Trời dẫn dắt, Thần lẽ thật sẽ dùng Lời của lẽ thật để dẫn chúng ta vào ý muốn và công việc Đức Chúa Trời.

Đức Thánh Linh sống trong người tin Chúa. Ngài là sự ban cho của Cha trên trời khi nhậm lời cầu nguyện của Con. Khi thi hành chức vụ trên đất, Chúa Giê-xu đã hướng dẫn, chăm sóc và dạy dỗ môn đệ Ngài. Nhưng giờ là lúc Ngài sắp phải xa họ. Thánh Linh Đức Chúa Trời sẽ đến *ngự trong họ* thay chỗ cho Chúa Giê-xu. Chúa gọi Thánh Linh là “Đấng Yên Ủi khác.” Chữ “khác” theo tiếng Hy Lạp nghĩa là “một dạng khác của cùng một thể loại.” Thánh Linh Đức Chúa Trời không khác với Con Đức Chúa Trời, vì cả hai đều chính là Đức Chúa Trời. Thánh Linh Đức Chúa Trời đã ở cùng các môn đệ trong thân vị Chúa Giê-xu Christ. Giờ đây, Đức Thánh Linh sẽ ngự trong lòng họ.

Đĩ nhiên Thánh Linh Đức Chúa Trời đã hiện hữu trên đất

từ trước, Ngài ban quyền năng cho một số người nam cũng như nữ thời Cựu Ước để thực hiện công việc Đức Chúa Trời. Tuy nhiên trong thời ấy, Đức Thánh Linh chỉ ngự đến rồi là khỏi con người. Thánh Linh Đức Chúa Trời đã là khỏi vua Sau-lơ (*I Sa-mu-ên* 16:14; 18:12), và khi Đa-vít xưng tội mình, ông cầu xin Thánh Linh Đức Chúa Trời đừng là khỏi ông (*Thi Thiên* 51:11). Vào lễ Ngũ Tuần đầu tiên, Đức Thánh Linh đã giáng xuống, ngự trên con cái Đức Chúa Trời và ở trong họ mãi mãi. Dù chúng ta làm buồn lòng Đức Thánh Linh, Ngài vẫn không là bỏ chúng ta.

Thái độ của chúng ta đối với Đức Thánh Linh chính là thái độ của chúng ta đối với Chúa Giê-xu. Thân thể của người tin Chúa là đền thờ của Đức Thánh Linh (*I Cô-rinh-tô* 6:19-20), vì vậy những điều chúng ta làm cho thân thể mình ảnh hưởng đến sự ngự trị của Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh bày tỏ ra Lời Đức Chúa Trời, nên thái độ chúng ta đối với Kinh Thánh phản ánh thái độ chúng ta đối với Thánh Linh Đức Chúa Trời và Con Đức Chúa Trời.

Thế gian không thể nhận lãnh Đức Thánh Linh vì thế gian chỉ sống bởi những điều trông thấy, không bởi đức tin. Hơn nữa, thế gian không nhìn biết Chúa Giê-xu, và sự hiểu biết của bạn về Đức Thánh Linh không thể tách rời khỏi Chúa Giê-xu. Sự hiện diện của Đức Thánh Linh ở thế gian này thật sự là sự phán xét thế gian, bởi thế gian đã chối bỏ Chúa Giê-xu.

Chúa phán “Ta không để cho các người mồ côi đâu” (*Giăng* 14:18). Chúng ta sẽ không đơn độc, bơ vơ, cô thế hay vô vọng! Dù đến nơi đâu, chúng ta vẫn được Đức Thánh Linh ở cùng, vậy lẽ nào chúng ta lại cảm thấy mình mồ côi. Chẳng có gì đáng bối rối khi bạn luôn có Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trong lòng!

32 / Giảng

Chúng Ta Tận Hưởng Tình Yêu Của Cha

Giăng 14:19-24

¹⁹ Còn ít lâu, thế gian chẳng thấy ta nữa, nhưng các người sẽ thấy ta; vì ta sống thì các người cũng sẽ sống. ²⁰ Nội ngày đó, các người sẽ nhận biết rằng ta ở trong Cha ta; các người ở trong ta, và ta ở trong các người. ²¹ Ai có các điều răn của ta và vâng giữ lấy, ấy là kẻ yêu mến ta; người nào yêu mến ta sẽ được Cha ta yêu lại, ta cũng sẽ yêu người, và tỏ cho người biết ta.

²² Giu-đe, chớ không phải là Ích-ca-ri-ốt, thưa Ngài rằng: Lạy Chúa, vì sao Chúa sẽ tỏ mình cho chúng tôi, mà không tỏ mình cho thế gian? ²³ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Nếu ai yêu mến ta, thì vâng giữ lời ta, Cha ta sẽ thương yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người. ²⁴ Còn kẻ nào chẳng yêu mến ta, thì không vâng giữ lời ta; và lời các người nghe đó, chẳng phải bởi ta, nhưng bởi Cha, là Đấng đã sai ta đến.

“Sự yêu thương của Đức Chúa Trời rải khắp trong lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta” (Rô-ma 5:5). Những kẻ mồ côi cảm thấy mình bị bỏ rơi và hất hủi, nhưng Cha trên trời luôn bày tỏ tình yêu Ngài đối với chúng ta. Chúa Giê-xu giải thích tình yêu của Đức Chúa Trời thể hiện ở ba góc độ.

Thứ nhất, tình yêu Đức Chúa Trời được bày tỏ cho các môn đệ trong quá khứ (Giăng 14:19-20). Câu 19 tập trung vào sự sống lại và hiện ra của Chúa Giê-xu cho các môn đệ và nhiều kẻ tin theo. Lần sau cùng khi thế gian nhìn thấy Chúa Giê-xu là lúc Giô-sép và Ni-cô-đem đem xác Ngài xuống thập tự để tẩm liệm. Trong tương lai, thế gian sẽ thấy Ngài ngự đến trong quyền phép và vinh hiển rực rỡ để xét đoán tội nhân.

Câu 20 đặc biệt nói đến sự giáng lâm của Đức Thánh Linh trong lễ Ngũ Tuần và sự hiệp nhất của các tín hữu trong Chúa. Chúa Giê-xu đã trở về trời để làm Đầu Hội Thánh (Ê-phê-sô 1:19-23). Sau đó Ngài ban Đức Thánh Linh xuống để các “chi thể” trong “thân” được liên kết với “Đầu” trong một thực thể sống. Dĩ nhiên Cơ Đốc nhân hôm nay không được nhìn thấy Chúa Giê-xu khi Ngài phục sinh hoặc thăng thiên, nhưng chúng ta được liên kết với Ngài trong sự ngự trị của Đức Thánh Linh.

Thứ hai, Chúa bày tỏ về chính Ngài cho những người tin

trong hiện tại (Giăng 14:21,23-24). Bạn hãy chú ý đến động từ *yêu* được lặp đi lặp lại. Nếu chúng ta gìn giữ và vâng theo Lời Chúa, Cha và Con sẽ yêu chúng ta và ngự trong chúng ta. Động từ “ở trong” (14:23) theo nguyên gốc nghĩa là “xây nhà cho mình” có liên hệ với “nhà” ở câu hai.

Khi một tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu, người ấy được tái sinh và Đức Thánh Linh sẽ ngự vào thân thể người ấy hầu minh chứng rằng người ấy là con cái Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh ngự trị trong lòng Cơ Đốc nhân và sẽ không hề lìa xa họ. Nhưng khi người tin Chúa đầu phục Cha trên trời, yêu mến Lời Ngài, cầu nguyện và vâng lời, người ấy sẽ có một mối liên hệ sâu đậm với Cha, Con, và Đức Thánh Linh. Sự cứu rỗi đồng nghĩa với việc chúng ta đến thiên đàng, nhưng sự đầu phục nghĩa là thiên đàng đến với chúng ta!

Chân lý trên được minh họa qua kinh nghiệm của Áp-ra-ham và Lót, được ghi lại trong *Sáng Thế Ký* 18-19. Khi đến viếng thăm trại Áp-ra-ham thì Chúa Giê-xu và hai thiên sứ thấy thoải mái tự nhiên như trong nhà của chính mình. Tất cả cùng dùng bữa với nhau. Chúa Giê-xu đã nói chuyện riêng với Áp-ra-ham. Tuy nhiên, Chúa chúng ta không đến Sô-dôm thăm Lót vì Ngài không xem nơi ấy như gia đình, nên đã sai hai thiên sứ đi.

Kinh nghiệm của chúng ta với Chúa phải trở nên càng ngày càng sâu sắc hơn. Điều ấy sẽ xảy ra khi chúng ta đầu phục Thần Lẽ Thật và để Ngài dạy dỗ, hướng dẫn mình. Nếu chúng ta yêu mến và vâng lời Đức Chúa Trời, Ngài sẽ bày tỏ tình yêu Ngài cho chúng ta mỗi ngày càng sâu sắc hơn.

Thứ ba, tình yêu Đức Chúa Trời cũng được bày tỏ trong tương lai khi Chúa Giê-xu tái lâm (Giăng 14:19). Giu-đa (không phải Ích-ca-ri-ốt) nhớ lại lời Chúa phán rằng Ngài sẽ không tỏ mình cho thế gian (Giăng 14:22). Nhưng điều đó dường như mâu thuẫn với những lời Ngài phán, chẳng hạn như ở Ma-thi-ơ 24:30. Giu-đa muốn hỏi rằng: “Điều gì đã xảy ra khiến Ngài không tỏ mình cho thế gian?” Phải chăng đã có sự thay đổi

34 / Giảng

trong kế hoạch Đức Chúa Trời?

Chúa Giê-xu đã bị dân Ngài chối bỏ, nên Ngài không thể tỏ mình cho họ được. Đây thật là hành động thương xót của Ngài, vì nếu Ngài tỏ mình cho thế gian, cũng đồng nghĩa với sự đoán xét. Ngài tỏ mình cho Hội Thánh và đặt để Hội Thánh Ngài trên đất làm chứng về tình yêu Đức Chúa Trời. Ngài kiên nhẫn chờ đợi, luôn tạo cơ hội cho tội nhân ăn năn để được cứu rỗi (*II Phi-e-rơ* 3:1-10). Sẽ có một ngày trong tương lai Ngài tái lâm (*Khải Thị* 1:7) và thế gian sẽ xem thấy Ngài.

Một trong những phương cách hữu hiệu nhất để xua tan lòng bối rối, đó là bạn hãy để lòng bối rối ấy được dầm mình trong tình yêu Đức Chúa Trời. Khi bạn cảm thấy mình như một đứa trẻ “mồ côi,” hãy để Thánh Linh Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu Ngài cho bạn một cách sâu sắc. Charles Spurgeon nói rằng: “Một đức tin bé nhỏ có thể đưa linh hồn bạn đến thiên đàng, nhưng đức tin mạnh mẽ sẽ đem cả thiên đàng đến với linh hồn bạn!” Lòng bạn có thể trở thành một “thiên đàng trên đất” khi bạn giữ mối giao thông với Chúa và thờ phượng Ngài.

Bạn Nhận Được Bình An Như Một Món Quà Từ Chúa

Giăng 14:25-31

²⁵ Ta đã nói những điều đó với các người đang khi ta còn ở cùng các người. ²⁶ Nhưng Đấng Yên-ủi, tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhân danh ta sai xuống, Đấng ấy sẽ dạy dỗ các người mọi sự, nhắc lại cho các người nhớ mọi điều ta đã phán cùng các người. ²⁷ Ta để sự bình an lại cho các người; ta ban sự bình an cho các người; ta cho các người sự bình an chẳng phải như thế gian cho. Lòng các người chớ bối rối và đừng sợ hãi. ²⁸ Các người từng nghe ta nói rằng: Ta đi, và ta trở lại cùng các người. Nếu các người yêu mến ta, thì sẽ vui mừng về điều ta đi đến cùng Cha, bởi vì Cha tôn trọng hơn ta. ²⁹ Hiện nay ta đã nói những điều đó với các người trước khi xảy đến, để khi những điều đó xảy đến thì các người tin. ³⁰ Ta sẽ chẳng nói chi với các người nữa, vì vua chúa thế gian nầy hầu đến; người chẳng có chi hết nơi ta. ³¹ Nhưng thế gian phải biết rằng ta yêu mến Cha, và làm theo điều Cha đã phán dặn. Hãy đứng dậy, chúng ta phải đi khỏi đây.

Đối với dân Do Thái, *Shalom* (sự bình an) là từ ngữ rất đáng quý và có ý nghĩa rất phong phú. *Shalom* không có ý nghĩa “không có chiến tranh, tai họa,” *Shalom* có nghĩa là sự nguyên vẹn, hoàn hảo, khỏe mạnh, an ninh, và cả sự thịnh vượng ở nghĩa tuyệt vời nhất. Sự bình an của Đức Chúa Trời không giống với “sự bình an” của thế gian. Khi bạn hưởng sự bình an của Đức Chúa Trời, bạn sẽ vui mừng và thỏa lòng.

Thế gian đặt sự bình an trên nền tảng vật chất, nhưng sự bình an của Đức Chúa Trời tùy thuộc nơi các mối tương giao. Cùng ở Đức Chúa Trời đồng nghĩa với được hưởng sự bình an của Ngài. Thế gian cậy nơi khả năng của con người, nhưng Cơ Đốc nhân cậy nơi sự thỏa lòng của tâm linh trong Đấng Christ. Đối với thế gian, sự bình an là điều gì đó mà người ta khao khát muốn có hoặc làm mọi cách để đạt được, nhưng đối với Cơ Đốc nhân, sự bình an là món quà tuyệt vời Đức Chúa Trời ban cho và được đón nhận bằng đức tin. Kẻ không tin Chúa chỉ nếm trải sự bình an khi khó khăn tạm thời qua đi; nhưng Cơ Đốc nhân hưởng sự bình an dù ở trong thử thách khó khăn bởi sự hiện hữu của quyền năng Đức Thánh Linh.

Người thế gian bước đi trong tầm nhìn hạn hẹp và bị lệ thuộc vào bối cảnh bên ngoài, nhưng Cơ Đốc nhân bước đi bằng đức tin và trông cậy vào những điều vĩnh cửu. Thánh Linh Đức Chúa Trời dạy chúng ta Lời Ngài và dẫn ta vào chân lý. Ngài cũng nhắc nhở ta về những điều chúng ta đã học hầu có thể nhờ Lời Ngài đương đầu với những lúc khó khăn trong cuộc sống. Thánh Linh dùng lời Đức Chúa Trời để ban cho chúng ta sự bình an (*Giăng 14:27*), tình yêu Ngài (*Giăng 15:9-10*) và sự vui mừng từ nơi Ngài (*Giăng 15:11*). Nếu Lời Đức Chúa Trời không làm cho lòng bối rối được bình an, thì sẽ không có phương thuốc nào khác cho tấm lòng ấy.

Chúa Giê-xu lại bảo đảm với các môn đệ rằng họ sẽ gặp lại Ngài (*Giăng 14:28*). Vì sao phải vui mừng khi Ngài trở về cùng Cha? Bởi sự trở về cùng Cha khiến Ngài có thể thực hiện việc cầu thay chúng ta và làm Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm

36 / Giảng

Cao Trọng nơi thiên đàng (*Hê-bơ-rơ* 2:17-18; 4:14-16). Chúng ta có Thánh Linh ngự trong lòng, có Đấng Christ cầu thay nơi thiên đàng và Lời Đức Chúa Trời ở trước mặt! Quả là nguồn bình an kỳ diệu!

Trong *Giăng* 14:30,31 Chúa nêu ra hai kẻ thù thuộc linh lớn: thế gian và ma quỷ. Chúa Giê-xu đã thắng thế gian và ma quỷ (*Giăng* 12:31), vì vậy ma quỷ phải im tiếng trước mặt Ngài. Trong Chúa Giê-xu, ma quỷ không có chỗ đứng của nó. Vì chúng ta ở trong Đấng Christ, nên Sa-tan chẳng có chỗ đặt chân trong đời sống chúng ta, trừ khi chúng ta cho phép nó! Nếu đời sống chúng ta dành chỗ cho “sự bình an của Đức Chúa Trời” qua Đức Thánh Linh, Sa-tan và thế gian không thể làm cho lòng ta bối rối được.

Khi Chúa nói rằng “Cha tôn trọng hơn ta” (*Giăng* 14:28), Ngài không phủ nhận Thần tính Ngài hay sự bình đẳng mình với Đức Chúa Trời, vì nếu vậy Ngài đã mâu thuẫn với chính mình (*Giăng* 10:30). Khi sống trên đất, Chúa bị giới hạn trong thân thể con người. Ngài vui lòng từ bỏ những thuộc tính thiêng liêng của mình để đầu phục Cha trên trời. Theo ý nghĩa đó, Cha tôn trọng hơn Con. Dĩ nhiên khi Con trở về trời, mọi sự Con đã từ bỏ được phục hồi trở lại (*Giăng* 17:1, 5).

Chúa Giê-xu bày tỏ tình yêu Ngài đối với Cha và đối với thế gian khi vui lòng bước lên thập tự giá. Ngài không lẩn tránh hay chạy trốn. Ngài sẵn sàng phó sự sống mình. Lúc này, có lẽ Chúa và các môn đệ rời khỏi Phòng Cao (*Giăng* 14:31) và Chúa tiếp tục giảng dạy trên đường đến vườn. Cũng có thể các môn đệ đã đứng dậy và ra khỏi bàn ăn nhưng còn nấn ná khi Chúa dạy dỗ họ. Chúng ta có thể dễ dàng hình dung ra ví dụ về cây nho được Chúa mô tả khi các môn đệ đi ngang qua vườn nho trong đêm ấy.

Sự bình an trọn vẹn của Chúa bảo đảm với chúng ta rằng chỉ có Ngài là Đấng duy nhất có thể ban cho con người sự bình an thật. Chúa luôn là Đấng tể trị mọi hoàn cảnh, giúp chúng ta làm chủ đời sống mình khi chúng ta đầu phục Ngài và tiếp nhận nơi Ngài di sản của sự bình an.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 2

Giăng 13:36 – 14:31

1. Cho biết vài điều làm bạn bối rối.
2. Đọc *Giăng 13:36 – 14:31*. Điều gì đã làm các môn đồ bối rối, lo âu? Tại sao?
3. Bằng cách nào Chúa Giê-xu trấn an các môn đồ?
4. Bằng cách nào Chúa Giê-xu đã làm cho các môn đồ thấy được thiên đàng một cách thực tế?
5. Nhìn CHA có nghĩa gì?
6. Phải có những điều kiện nào để Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện? Tại sao?
7. Phần Kinh Thánh này dạy gì về Đức Thánh Linh?
8. Bằng cách nào Đức Thánh Linh giúp ta trong cơn bối rối?
9. Tại sao Chúa Giê-xu nhấn mạnh mối tương quan giữa việc yêu Ngài và vâng lời Ngài?
10. Trong tuần này bạn tỏ lòng vâng lời bằng cách nào?

Các Môi Tương Giao Và Trách Nhiệm

Giăng 15:1-17

Đây là lời phán thứ 7 và cuối cùng với mở đầu “TA LÀ...” của Chúa Giê-xu được chép trong *Phúc Âm Giăng*. Tuy nhiên, Chúa không dừng lại ở hình ảnh này, nhưng Ngài còn tiến thêm và sử dụng hình ảnh “bạn hữu.” Hai hình ảnh nói về người tin Chúa là: nhánh và bạn hữu, bày tỏ những đặc quyền và trách nhiệm của chúng ta. Là *nhánh nho*, chúng ta có đặc quyền hưởng sự sống của Chúa và có trách nhiệm sống trong sự sống ấy. Là *bạn hữu*, chúng ta có đặc ân được biết ý muốn Ngài và trách nhiệm vâng theo ý muốn ấy.

Nhánh Nho – Chúng Ta Phải Ở Trong Ngài

Giăng 15:1-11

¹ Ta là gốc nho thật, Cha ta là người trồng nho. ² Hễ nhánh nào trong ta mà không kết quả thì Ngài chặt hết; và Ngài tıra sửa những nhánh nào kết quả, để được sai trái hơn. ³ Các người đã được trong sạch, vì lời ta đã bảo cho. ⁴ Hãy cứ ở trong ta, thì ta sẽ ở trong các người. Như nhánh nho, nếu không dính vào gốc nho, thì không tự mình kết quả được, cũng một lẽ ấy, nếu các người chẳng cứ ở trong ta, thì cũng không kết quả được. ⁵ Ta là gốc nho, các người là nhánh. Ai cứ ở trong ta và ta trong họ thì sinh ra lắm trái; vì ngoài ta, các người chẳng làm chi được. ⁶ Nếu ai chẳng cứ ở trong ta thì phải ném ra ngoài, cũng như nhánh nho; nhánh khô đi, người ta lượm lấy, quăng vào lửa, thì nó cháy. ⁷ Ví bằng các người cứ ở trong ta, và những lời ta ở trong các người, hãy cầu xin mọi

Các Mối Tương Giao Và Trách Nhiệm / 39

điều mình muốn, thì sẽ được điều đó. ⁸ Này, Cha ta sẽ được sáng danh là thể nào: Ấy là các người được kết nhiều quả, thì sẽ làm môn đồ của ta vậy. ⁹ Như Cha đã yêu thương ta thể nào, ta cũng yêu thương các người thể ấy; hãy cứ ở trong sự yêu thương của ta. ¹⁰ Nếu các người vâng giữ các điều răn của ta, thì sẽ ở trong sự yêu thương ta, cũng như chính ta đã vâng giữ các điều răn của Cha ta, và cứ ở trong sự yêu thương Ngài. ¹¹ Ta nói cùng các người những điều đó, hầu cho sự vui mừng của ta ở trong các người, và sự vui mừng các người được trọn vẹn.

Công việc tĩa sửa vườn nho rất quan trọng đối với đời sống và kinh tế của dân Y-sơ-ra-ên. Có một dây nho bằng vàng đã được trang trí cho đền vua Hê-rốt. Khi dùng hình ảnh cây nho, Chúa không nói điều gì mới mẻ, bởi nó rất quen thuộc đối với người Do Thái. Nếu muốn được gây dựng từ sự dạy dỗ này, chúng ta cần phải hiểu bốn yếu tố trong hình ảnh minh họa trên:

a. *Cây nho*: Thật ra có ba cây nho khác nhau được mô tả trong Kinh Thánh. Cây nho trong *quá khứ* là dân Y-sơ-ra-ên (xem *Thi Thiên* 80:8-19; *Ê-sai* 5:1-7; *Giê-rê-mi* 2:21; *Ê-xê-chi-ên* 19:10-14 và *Ô-sê* 10:1). Bởi hành động kỳ diệu của ân sủng, Đức Chúa Trời “đời” Y-sơ-ra-ên vào vùng đất Ca-na-an và ban cho đất nước này mọi nguồn lợi trong tầm tay – Đức Chúa Trời phán: “Có điều chi nên làm cho vườn nho ta mà ta không làm cho nó chẳng?” (*Ê-sai* 5:4). Nếu có một dân tộc nào đó có được mọi điều cần thiết để trở nên thịnh vượng, đó chính là Y-sơ-ra-ên.

Tuy nhiên, cây nho này đã sinh trái nho hoang (Thay vì làm theo lẽ phải, nó lại hành động bạo ngược. Thay vì kết quả trong sự công bình, nó sinh ra điều bất nghĩa cùng tiếng kêu la của kẻ khốn khổ. Đức Chúa Trời phải “tĩa sửa” dân Y-sơ-ra-ên, dù vậy nó không đem lại kết quả lâu dài. Khi con Đức Chúa Trời đến vườn nho, họ xua đuổi và giết Ngài (*Ma-thi-ơ* 21:33-46)!

Có một cây nho trong *tương lai*, đó là “cây nho dưới đất” được mô tả trong *Khải Thị* 14:14-20. Đó là kỳ mọi kẻ vô tín ở thế gian phải chịu sự xét đoán của Đức Chúa Trời. Những người tin Chúa là nhánh của “cây nho trên trời,” nhưng kẻ vô tín là nhánh của “cây nho dưới đất.” Kẻ vô tín cậy nơi thế gian

40 / Giảng

để hưởng thụ và thỏa mãn, nhưng Cơ Đốc nhân nương nhờ nơi Chúa Giê-xu. Cây nho dưới đất sẽ bị cắt bỏ và hủy diệt khi Chúa Giê-xu tái lâm.

Cây nho trong *hiện tại* chính là Chúa Giê-xu của chúng ta, và tất nhiên bao gồm cả nhánh nữa. Ngài là “gốc nho thật” mà từ đó, “mọi cây nho khác đều là bản sao.” Là Cơ Đốc nhân, chúng ta không sống bằng sự thay thế của người khác. Biểu tượng về gốc nho và nhánh cũng giống với biểu tượng về Đầu và thân: chúng ta có mối liên hệ sống động với Đấng Christ và thuộc về Ngài.

Khi sống ở Chicago, chúng tôi có trồng một cây nho nhỏ sau vườn. Nhưng cách chúng tôi chăm sóc chẳng giống với cách người ta chăm sóc cây nho ở vùng Đất Thánh hôm nay. Cây nho chúng tôi quá yếu ớt nên dễ bị gãy cành. Những cây nho tôi thấy ở vùng đất thánh rất lớn và chắc chắn, và không thể có chuyện *tách nhánh nho lớn mà không làm tổn thương chính cây nho*. Mối liên kết của chúng ta với Đấng Christ là mối liên kết *sống*, để chúng ta có thể sinh quả. Đó cũng là mối liên kết *yêu thương* để chúng ta được thỏa mãn trong Ngài; và đây là mối liên kết *bền vững* để chúng ta không sợ hãi.

b. *Nhánh nho*: Nhánh nho vốn rất yếu ớt và vô dụng. Nó chỉ được dùng để đốt chứ chẳng ích lợi gì. (Đọc Ê-xê-chi-ên 15:1-8). Nhánh nho tự nó không có sự sống, phải hút nhựa sống từ gốc nho. Nhờ mối giao thông với Đấng Christ trong Đức Thánh Linh chúng ta mới có thể kết quả cho Ngài.

Có nhiều hình ảnh nói về Đấng Christ và những người tin Ngài được đề cập trong Kinh Thánh, nhấn mạnh về ý niệm *hiệp một* và *tương giao*: thân và chi thể (I Cô-rinh-tô 12:1-30), chồng và vợ (Ê-phê-sô 5:25-33), Người Chăn Chiên và bầy chiên (Giăng 10:1-42). Chi thể nào không liên hệ với thân sẽ chết. Hôn nhân tạo nên mối liên kết, nhưng để duy trì mối liên kết ấy, cần phải có tình yêu và sự hy sinh mỗi ngày. Người chăn chiên dẫn chiên về chuồng, nhưng chiên phải đi theo người chăn để được bảo vệ và chăm sóc.

Nếu Cơ Đốc nhân nhận ra mình chỉ là nhánh, thì sẽ càng có mối liên hệ mật thiết hơn với Chúa vì biết sự yếu đuối của mình và thấy cần phải nương vào sức mạnh của Ngài.

Các Mối Tương Giao Và Trách Nhiệm / 41

Động từ *ở trong* được lặp lại 11 lần trong câu 1-11. “Ở trong” nghĩa là gì? Nghĩa là giữ mối liên hệ với Đấng Christ hầu sự sống Ngài có thể hành động trong chúng ta và qua chúng ta để kết quả cho Chúa. Hẳn sự “ở trong” này có liên quan đến Lời Đức Chúa Trời và sự xưng tội hầu cho không điều gì cản trở mối liên hệ của chúng ta với Ngài (*Giăng* 15:3). “Ở trong” cũng liên quan với sự vâng lời của chúng ta vì chúng ta yêu mến Ngài (*Giăng* 15:9-10).

Chúng ta sẽ thấy gì khi “ở trong Đấng Christ”? Một cảm giác đặc biệt chăng? Không phải vậy, nhưng có những chứng cứ đặc biệt và rõ ràng. Trước hết, khi chúng ta ở trong Đấng Christ, chúng ta sẽ kết quả (*Giăng* 15:2). “Quả “ ấy là gì? Vấn đề này sẽ được bình luận sau. Bạn cũng sẽ kinh nghiệm sự “tỉa sửa” của Đức Chúa Trời để sinh trái nhiều hơn (*Giăng* 15:2). Ai cứ trong Ngài, lời cầu nguyện của người ấy sẽ được nhậm (*Giăng* 15:7). Người ấy kinh nghiệm được một tình yêu sâu đậm đối với Đấng Christ và những tín hữu khác (*Giăng* 15:9, 12, 13) cũng như kinh nghiệm sự vui mừng (15:11).

Ở trong là mối liên hệ tự nhiên giữa nhánh với cây nho, nhưng phải được vun tưới trong đời sống Cơ Đốc nhân. Mối liên hệ này không tự nhiên mà có được. Ở trong Đấng Christ đòi hỏi tinh thần thờ phượng, học hỏi lời Chúa, cầu nguyện, dâng mình và phục vụ—nhưng đây thật là một kinh nghiệm vui mừng! Một khi bạn vun đắp cho mối giao thông mật thiết với Đấng Christ, bạn sẽ không mong trở lại cuộc sống hời hợt của một Cơ Đốc nhân lơ là.

c. *Người chăm sóc vườn nho*: Người làm vườn nho có nhiệm vụ gìn giữ chăm sóc các cây nho, và Chúa phán rằng đây là công việc của Cha trên trời, Ngài là Đấng tỉa sửa các “nhánh” để chúng kết quả. Bạn hãy để ý tiến trình ở đây: không kết quả (*Giăng* 15:2), kết quả, sinh ra lắm trái và được kết nhiều quả (*Giăng* 15:5, 8). Nhiều Cơ Đốc nhân cầu xin Đức Chúa Trời cho họ được kết quả nhiều hơn, nhưng lại không muốn được “tỉa sửa” theo tiến trình ấy!

Người làm vườn tỉa sửa nhánh nho theo hai phương cách: cắt bỏ nhánh khô bị hư hoặc bị sâu bọ, và cắt bỏ mô sống

42 / Giảng

thừa để sự sống của cây nho không bị uống phí cũng như mùa màng không bị thất thu. Thật ra, người làm vườn có lúc cắt đi cả những chùm nho để phần còn lại của mùa thu hoạch sẽ có chất lượng cao hơn. Đức Chúa Trời đòi hỏi cả số lượng lẫn chất lượng.

Tiến trình tỉa sửa này là giai đoạn quan trọng nhất của toàn bộ công việc làm vườn. Người làm việc này phải được huấn luyện kỹ lưỡng để không làm hư hại mùa thu hoạch. Một số vườn nho đầu tư hai đến ba năm để huấn luyện người tỉa sửa, sao cho họ biết phải cắt ở đâu, cắt như thế nào hoặc ở góc độ nào.

Sự xét đoán gay gắt nhất Đức Chúa Trời thực hành trên một người tin nhận là bỏ mặc người ấy để người ấy làm theo ý riêng. Vì yêu chúng ta, Đức Chúa Trời “tỉa sửa” và khích lệ chúng ta kết quả nhiều hơn cho vinh hiển Ngài. Nếu các nhánh nho kia biết nói, chắc chúng sẽ thừa nhận rằng tiến trình tỉa sửa tuy làm chúng đau nhưng cũng khiến chúng vui mừng vì có thể sinh ra lắm trái hơn.

Cha trên trời sẽ gần bạn hơn bao giờ hết khi Ngài muốn tỉa sửa bạn. Đôi khi Ngài cắt bỏ nhánh khô gãy cản trở, nhưng cũng cắt đi mô sống nào làm giảm sức mạnh thuộc linh bạn. Công việc tỉa sửa không chỉ đơn giản có nghĩa là giải phẫu thuộc linh nhằm loại bỏ cái xấu. Nó cũng có nghĩa là cắt đi phần tốt hoặc tốt hơn để chúng ta được kết quả tốt nhất. Vâng, tỉa sửa làm đau nhưng cũng làm ích lợi. Chúng ta không muốn bị đau, nhưng quả thật cần phải được tỉa sửa.

Cha trên trời tỉa sửa chúng ta ra sao? Đôi lúc Ngài chỉ dùng lời Kinh Thánh để cáo trách và để nhờ đó chúng ta được tinh sạch (*Ê-phê-sô* 5:26-27; *Giăng* 13:10). Cũng có khi Ngài phải trách phạt chúng ta (*Hê-bơ-rơ* 12:1-11). Thời gian đó là lúc Ngài cắt khỏi chúng ta những điều dường như quý giá; nhưng khi mùa thu hoạch thuộc linh được trọn, chúng ta sẽ hiểu rằng Cha trên trời biết điều Ngài phải thực hiện.

Càng ở trong Đấng Christ, chúng ta càng kết quả. Và càng kết quả, Đức Chúa Trời càng tỉa sửa chúng ta để chất lượng

luôn đi đôi với số lượng. Nếu không, nhánh có thể sinh ra nhiều chùm trái khác nhưng thấp kém hơn về chất lượng. Đức Chúa Trời được vinh hiển vì một vụ mùa dồi dào, nhưng cũng phải là vụ mùa có *chất lượng cao*.

d. *Trái nho*: Thuật ngữ “*kết quả*” thường được nhắc đến giữa vòng những người phục vụ Chúa, nhưng thực ra đó không phải là một ý niệm của Kinh Thánh. Cái máy có thể tạo ra thành phẩm, và một rô-bô cũng làm được như vậy, nhưng cần phải có một *cơ thể hữu cơ* mới sinh “trái” được. Cần có thời gian và sự chăm sóc tỉa sửa mới kết trái; một vụ mùa tốt không đến một cách nhanh chóng.

Ta phải biết rằng nhánh không “ăn” trái, nhưng người khác sẽ ăn. Chúng ta kết quả không phải để hài lòng với chính mình nhưng để phục vụ người khác. Chúng ta phải là mẫu người “nuôi nấng” người khác qua lời nói và việc làm mình. “Mỗi miệng người công bình nuôi dạy nhiều người” (*Châm Ngôn* 10:21).

Có nhiều dạng trái thuộc linh khác nhau được nhắc đến trong Kinh Thánh. Chúng ta kết quả khi đem người khác đến với Đấng Christ (*Rô-ma* 1:13). Chúng ta là một phần của mùa gặt (*Giăng* 4:35-38). Khi tăng trưởng trong sự nên thánh và vâng phục, là lúc chúng ta đang kết quả (*Rô-ma* 6:22). Với Phao-lô, Cơ Đốc nhân được kết quả trong đời sống phục vụ (*Rô-ma* 15:28). “Trái của Thánh Linh” (*Ga-la-ti* 5:22-23) là phẩm chất mà Cơ Đốc nhân làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời và cho người khác nhận biết Đấng Christ. Cả việc lành và sự phục vụ của chúng ta cũng xuất phát từ sự sống “ở trong Chúa” (*Cô-lô-se* 1:10). Sự ngợi khen Đức Chúa Trời từ mỗi miệng và tấm lòng chúng ta thật sự là bông trái cho vinh hiển danh Ngài (*Hê-bơ-rơ* 13:15).

Có nhiều hành động được thực hiện bởi sự giả dối của xác thịt, nhưng sự giả dối ấy cuối cùng sẽ bị phát hiện, vì trái thuộc linh thật tiềm ẩn trong chính nó *những hạt giống tốt*. Những kết quả do con người tự tạo là quả chết, không thể tự nó tái tạo; nhưng quả của Thánh Linh sẽ tiếp tục tái tạo từ sự

44 / Giảng

sống này sang sự sống khác, trái này sang nhiều trái khác.

Nhánh thật khi liên kết với cây nho sẽ luôn sinh trái. Không phải mọi nhánh đều sinh nhiều trái, cũng như không phải mọi cánh đồng đều đem đến một vụ mùa bội thu (*Ma-thi-ơ* 13:8, 23). Nhưng nơi nào có sự sống, nơi ấy luôn kết trái. Nếu không có trái, nhánh trở nên vô dụng, phải bị cắt bỏ hoặc làm củi đốt. Tôi không cho rằng điều Chúa muốn dạy ở đây là Cơ Đốc nhân thật có thể đánh mất sự cứu rỗi. Nếu vậy, điều này sẽ mâu thuẫn lời Ngài dạy ở *Giăng* 6:37; 10:27-30.

Thật sai lầm nếu xây dựng một thần học dựa trên một truyền ngụ ngôn. Chúa Giê-xu muốn dạy một lẽ thật cơ bản, đó là: sự sống có kết quả của Cơ Đốc nhân, và chúng ta không nên đề cập đến quá nhiều chi tiết. Một nhánh cây không kết trái thì nhánh cây vô dụng, một Cơ Đốc nhân không kết quả cũng là kẻ vô dụng. Thật đáng buồn khi một Cơ Đốc nhân từng kết quả lại sa ngã, đánh mất đặc quyền được ở trong Chúa và phục vụ Ngài! Dù sao, *Giăng* 15:6 mô tả kỷ luật của Đức Chúa Trời, không phải nói về số phận đời đời. “Cũng có tội đến nỗi chết” (*I Giăng* 5:16).

Chúa đã nói về sự bình an (*Giăng* 14:27) giờ đây, Ngài đề cập đến sự yêu thương và vui mừng (*Giăng* 15:9-11). Lòng “yêu thương, vui mừng, bình an” là ba trái Thánh Linh đầu tiên được đề cập ở *Ga-la-ti* 5:22-23. Sự sống trong Đấng Christ của chúng ta sẽ khiến lòng chúng ta đầy dẫy sự vui mừng, bình an và tình yêu của Chúa. Vì yêu mến Chúa, chúng ta phải giữ điều răn Ngài. Khi làm theo điều răn Ngài, chúng ta được “ở trong” tình yêu Ngài và kinh nghiệm tình yêu ấy sâu sắc hơn.

Bạn sẽ thấy có nhiều chỗ trong *Phúc Âm Giảng* Chúa Giê-xu nói về tình yêu của Cha đối với Ngài. Chúng ta luôn tập trung vào tình yêu Đức Chúa Trời đối với thế gian và Hội Thánh, nhưng quên nghĩ về tình yêu Đức Chúa Trời dành cho Con Ngài. Vì Cha yêu Con, nên giao mọi sự vào tay Con (*Giăng* 3:35) và bày tỏ mọi điều cho Con biết (5:20). Cha đã yêu Con từ trước buổi sáng thế (17:24). Ngài cũng yêu Con khi Con chết trên thập tự giá (10:17). Kỳ diệu thay, tín hữu hôm nay có thể kinh nghiệm tình

Các Mối Tương Giao Và Trách Nhiệm / 45

yêu ấy! Chúa Giê-xu đã cầu nguyện “để cho tình yêu thương của Cha dành cho Con ở trong họ (các môn đệ và những người tin nhận hôm nay)” (17:26).

Là nhánh của Gốc nho, chúng ta được đặc quyền ở trong Chúa và có trách nhiệm phải kết quả. Đến đây, chúng ta sẽ xem xét hình ảnh thứ hai: *bạn hữu*.

Bạn Hữu – Chúng Ta Phải Vâng Lời

Giăng 15:12-17

¹² Điều răn của ta đây này: Các người hãy yêu nhau, cũng như ta đã yêu các người. ¹³ Chẳng có sự yêu thương nào lớn hơn là vì bạn hữu mà phó sự sống mình. ¹⁴ Vì thử các người làm theo điều ta dạy, thì các người là bạn hữu ta. ¹⁵ Ta chẳng gọi các người là thầy tớ nữa, vì thầy tớ chẳng biết điều chủ mình làm; nhưng ta đã gọi các người là bạn hữu ta, vì ta từng tỏ cho các người biết mọi điều ta đã nghe nói Cha ta. ¹⁶ Ấy chẳng phải các người đã chọn ta, bèn là ta đã chọn và lập các người, để các người đi và kết quả, hầu cho trái các người thường đậu luôn: Lại cũng cho mọi điều các người sẽ nhân danh ta cầu xin Cha, thì Ngài ban cho các người. ¹⁷ Ta truyền cho các người những điều răn đó, để các người yêu mến lẫn nhau vậy.

Chúng ta thường quen biết nhiều người nhưng có rất ít bạn hữu, đôi khi một số bạn lại quay ra thù nghịch và phản bội mình. Còn Giu-đa thì sao? “Đến đổi người bạn thân tôi, mà lòng tôi tin cậy, và đã ăn bánh tôi, cũng giơ gót lên nghịch cùng tôi (*Thi Thiên* 41:9). Bạn tâm phúc của chúng ta có thể quay lưng đi khi ta cần họ nhất. Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng ngủ say giữa vườn trong lúc họ cần phải cầu nguyện hơn hết. Phi-e-rơ đã chối Chúa ba lần. Tình bạn của chúng ta đối với nhau và đối với Chúa không thể toàn hảo, nhưng tình bạn của Chúa đối với chúng ta rất trọn vẹn.

Tuy nhiên, ta không nên giải nghĩa từ *bạn* trong quan điểm hạn hẹp, bởi vì theo tiếng Hy Lạp từ ấy có nghĩa là “luật sư tại tòa án.” Nó còn nói về những người tâm phúc phục vụ Vua (ở *Giăng* 3:29 chỉ về bạn thân nhất tại tiệc cưới). “Bạn hữu của Vua” luôn kề cận vua nên biết mọi việc riêng tư của vua, nhưng họ cũng đầu phục vua và vâng theo lệnh người. Vì vậy, không hề có mâu thuẫn giữa địa vị tôi tớ và bạn hữu. Trong Kinh Thánh, Áp-ra-

ham là một điển hình về người “bạn Đức Chúa Trời” (*II Sử Ký* 20:7; *Ê-sai* 41:8; *Gia-cơ* 2:23), cũng là tôi tớ Đức Chúa Trời (*Sáng Thế Ký* 26:24). Ở *Sáng Thế Ký* 18:1-33 Chúa cùng hai thiên sứ viếng thăm, Áp-ra-ham trên đường đi đến Sô-dôm để quan sát tội ác tại đây. Dầu Áp-ra-ham đã ngót trăm tuổi, ông vẫn bỏ giấc nghỉ trưa để tiếp khách, chăm sóc và thiết đãi khách. Trong mười lăm câu đầu của đoạn này, ta thấy Áp-ra-ham luôn luôn hầu hạ khách và hai lần xưng mình là tôi tớ (*Sáng Thế Ký* 18:3,5). Kinh Thánh mô tả ông “lật đật” vào trại, “chạy” lại bầy và thúc giục đầy tớ “”mau mau” nấu dọn, Ông cũng không dám ngồi bàn cùng ăn với khách. Ông đứng cạnh họ, sẵn sàng phục vụ như một đầy tớ thực sự

Ở phần cuối đoạn, Áp-ra-ham vẫn đứng yên để tiếp chuyện với Chúa. Ông vẫn là tôi tớ, nhưng bây giờ được Chúa xem là bạn. “Lẽ nào ta giấu Áp-ra-ham điều chi ta sẽ làm sao?” (*Sáng Thế Ký* 18:17). Là bạn Đức Chúa Trời, Áp-ra-ham được chia xẻ những công việc của Chúa.

Đây là mối liên hệ Chúa muốn nói đến khi Ngài gọi các môn đệ là “bạn hữu.” Đây cũng thật là mối liên hệ yêu thương đối với Chúa và với nhau. “Bạn của Vua” không thể ganh đua với nhau về danh vọng hay địa vị. Họ đều là “quần thần” của Vua nên không thể tự cất nhắc mình, mà chỉ phục vụ vua mà thôi. Các môn đệ thật đáng trách vì đã ích kỷ khi tranh luận ai là kẻ cao trọng nhất!

Làm sao Chúa có thể truyền mệnh lệnh chúng ta phải yêu nhau? Tình yêu thật có thể nào do sự truyền khiến mà có? Bạn phải nhớ rằng tình yêu thương của Cơ Đốc nhân không phải chỉ là “cảm xúc,” nhưng đó là một hành động của ý chí. Bằng chứng tình yêu trong chúng ta không thể hiện ở cảm xúc nhưng thể hiện qua hành động, thậm chí có thể phò sự sống mình vì Đấng Christ và vì người khác (*I Giăng* 3:16). Chúa Giê-xu đã phò sự sống mình vì bạn hữu và cả kẻ thù! (*Rô-ma* 5:10). Cảm xúc hẳn phải có, nhưng tình yêu thương chân thật của Cơ Đốc nhân là hành động của ý chí. Điều này có nghĩa là chúng ta phải đối xử với tha nhân theo cách Chúa đối xử chúng ta.

Các Mối Tương Giao Và Trách Nhiệm / 47

Vì lẽ ấy, tình bằng hữu giữa chúng ta với Đấng Christ hàm chứa sự yêu mến và vâng phục, nhưng cũng hàm chứa sự hiểu biết: Ngài tiết lộ cho chúng ta biết chương trình Ngài.

Thật vậy, dù là Chúa chúng ta (*Giăng* 13:13,16) nhưng Ngài không đối xử với chúng ta như kẻ tội tở, Ngài xem chúng ta là bạn hữu nếu chúng ta vâng theo mệnh lệnh Ngài. Áp-ra-ham là bạn Đức Chúa Trời vì ông đã vâng lời Đức Chúa Trời (*Sáng Thế Ký* 18:19). Nếu làm bạn với thế gian, hẳn chúng ta sẽ trở nên thù nghịch cùng Đức Chúa Trời (*Gia-cơ* 4:1-4). Ở Sô-đôm dù được giải cứu nhưng Lót vẫn không được gọi là bạn Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham biết chương trình hành động của Ngài đối với các thành ở vùng đồng bằng, vì vậy Áp-ra-ham đã có thể cầu thay cho Lót và gia đình Lót.

Đáng chú ý là trong *Phúc Âm Giăng*, các đầy tớ là những người biết rõ mọi điều xảy ra. Các đầy tớ phục vụ đám cưới tại Ca-na biết xuất xứ của rượu (*Giăng* 2:9), còn các đầy tớ quan thị vệ biết rõ thời gian đứa con trai được chữa lành (*Giăng* 4:51-53).

Là bạn hữu của Chúa, một trong những đặc quyền lớn lao nhất của chúng ta là được biết Đức Chúa Trời nhiều hơn và dự phần vào chương trình của Ngài. Tôi không bao giờ quên ấn tượng khắc sâu trong lòng khi nghe tiến sĩ Oswall Sanders nói với chúng tôi rằng: “Mỗi chúng ta gần Chúa như lòng mình đã quyết định.” Là bạn hữu Chúa, ta phải đến gần Ngôi Ngài, lắng nghe lời Ngài, ở trong sự yêu thương Ngài và vâng theo mệnh lệnh Ngài.

Trong thời gian lẩn trốn kẻ thù, có một ngày Đa-vít ở gần thành Bết-lê-hem là nơi ông sinh ra, ông ao ước được uống nước bên giếng gần cửa thành. Ba vị tướng gan dạ của Đa-vít gần gũi ông nên nghe được tiếng thở than ấy và đã liệu mình đem nước về cho vua họ (*II Sa-mu-ên* 23:15-17). Hành động đó thể hiện tinh thần của bạn hữu vua.

Trong *Giăng* 4:16 Chúa Giê-xu nhắc nhở các môn đệ rằng họ được ở địa vị cao quý này chỉ bởi ân sủng Ngài. Không phải họ đã chọn Ngài, nhưng chính Ngài đã chọn họ! Ngài biệt riêng họ ra giữa thế gian (*Giăng* 15:19) để họ làm theo ý muốn Ngài. Một

lần nữa, chúng ta gặp lại từ *kết quả*. Là nhánh nho, chúng ta hưởng sự sống Ngài và kết quả. Là bạn hữu, chúng ta dự phần trong tình yêu Ngài và sinh lấm trái. Là nhánh nho, ta được Đức Chúa Trời tía sửa. Là bạn hữu, ta được sự dẫn dắt của Con Ngài và được Lời Ngài điều khiển đời sống mình.

Từ *lập* có nghĩa như “chỉ định,” biệt riêng một người nào đó để làm công việc đặc biệt. Thật phước hạnh khi chúng ta được Chúa chọn và biệt riêng ra giữa thế gian để kết quả cho Ngài. Ngài sai chúng ta làm sứ giả cho Ngài giữa thế gian (*Giăng* 17:18) để rao cho kẻ khác biết về Vua Chí Cao và sự cứu rỗi vĩ đại của Ngài. Khi làm chứng cho kẻ khác và đưa họ đến với Đấng Christ, là chúng ta đã kết quả cho vinh hiển Đức Chúa Trời.

Như đã đề cập ở trên, *quả* chính là bằng chứng về địa vị làm con cái, môn đệ (c.8) và bạn hữu (*Giăng* 15:15). “Ấy vậy, các người nhờ những trái nó mà nhận biết được” (*Ma-thi-ơ* 7:20). Nơi đâu có trái thật, nó sẽ tồn tại, nhưng “kết quả” do con người tạo ra cuối cùng rồi sẽ tan biến. “Quả” tự nó đã chứa hạt giống kết trái, vì vậy tiến trình vẫn cứ diễn ra. Bất cứ điều gì sinh bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời đều mang dấu hiệu của sự vĩnh cửu trên đó và sẽ tồn tại mãi mãi.

Một lần nữa, Chúa nêu lên đặc quyền của sự cầu nguyện. Bạn hữu vua có thể nói chuyện với vua mình, chia sẻ cùng vua mọi gánh nặng và nhu cầu. Trong thời quân chủ, được mời nói chuyện với vua hoặc nữ hoàng là một vinh dự đặc biệt. Nhưng bạn hữu của Chúa Giê-xu có thể nói chuyện với Ngài bất cứ lúc nào. Ngôi ơn phước luôn ở gần họ!

Giăng 15:15, 16 tóm tắt cho ta biết ý nghĩa địa vị làm bạn hữu của Vua muôn vua. Điều này khiến chúng ta phải hạ mình, vì Ngài chọn chúng ta chứ không phải chúng ta chọn Ngài. Chúng ta phải ghi nhớ điều này, nếu không sẽ dễ dàng trở nên kiêu ngạo và tự mãn. Điều này có nghĩa là chúng ta hãy lắng nghe lời Ngài phán với chính mình. “Chớ chi ông có nghe điều bàn định trong ý niệm của Đức Chúa Trời sao?” (*Gióp* 15:8). “Đức Giê-hô-va kết bạn thiết cùng người kính sợ Ngài, tỏ cho người ấy biết giao ước của Ngài” (*Thi Thiên* 25:14). Chúng ta hãy chú tâm và

tỉnh thức!

Mục đích của tất cả điều này là để chúng ta vâng lời Chúa và thực hiện công việc Ngài. Vua có những công tác phải được hoàn thành. Vì vậy, nếu thật sự yêu mến Ngài, chúng ta sẽ vâng theo mệnh lệnh Ngài, kết quả để làm đẹp lòng Chúa và quy vinh hiển Đức Chúa Trời. Làm Chúa hài lòng phải là niềm vui của chúng ta!

Chúa Giê-xu kết thúc phần sứ điệp này bằng lời nhắc nhở các môn đệ (và cả chúng ta) về mệnh lệnh quan trọng nhất: “Yêu mến lẫn nhau.” Có rất nhiều câu Kinh Thánh trong Tân Ước nói đến chữ “lẫn nhau,” nhưng ý nghĩa vẫn gồm tóm trong “yêu mến lẫn nhau.” Chúa đã phán điều răn này cho mười một sứ đồ (*Giăng* 13:34-35) và giờ đây Ngài lặp lại hai lần nữa (*Giăng* 15:12, 17). Điều răn này được nhắc đến nhiều lần trong các hình thức khác nhau trong các thư tín, đặc biệt ở thư *Giăng* thứ nhất. Bạn hữu của Vua không những phải yêu mến vua nhưng cũng phải yêu mến lẫn nhau. Vua sẽ vui mừng biết bao khi thấy bạn hữu mình yêu thương lẫn nhau và đồng công trong việc thực hiện những mệnh lệnh Ngài.

Bài giảng này bắt đầu tại vườn nho và kết thúc tại phòng cao! Bài học kế tiếp sẽ đưa chúng ta vào trận chiến nơi chúng ta kinh nghiệm sự thù địch của thế gian hư mất. Nếu không ở trong Chúa như những nhánh nho và vâng lời Ngài như bạn hữu, chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể đương đầu nổi với sự chống đối của thế gian. Nếu không yêu mến lẫn nhau, làm sao chúng ta yêu được những kẻ hư mất trong thế gian? Nếu không đồng hành như những bạn hữu của Vua, chúng ta sẽ không thể cho kẻ thù thấy sự hợp nhất của mình được.

“...ngoài ta, các người chẳng làm chi được” (*Giăng* 15:5)

Chúng ta không chỉ là kẻ tạt nguyên hoặc cản trở mà còn là kẻ bại liệt vô phương cứu chữa!. Chúng ta *chẳng làm chi được!*

Nhưng, nếu chúng ta “ở trong” Ngài, đến gần ngôi Ngài, chúng ta sẽ làm được bất cứ điều gì Ngài sai khiến!

Đây quả là một đặc ân, nhưng cũng là một trách nhiệm!

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 3

Giảng 15:1-17

1. Điều gì khiến bạn kết bạn với một người?
2. Đọc *Giảng 15:1-17*. Việc Chúa Giê-xu nói đến gốc nho và cành nho có ý nghĩa gì đối với mối liên hệ của một tín hữu với Ngài?
3. Chúa tể sửa chúng ta như thế nào? Tại sao?
4. Trong đời sống hằng ngày, chúng ta ở trong Chúa cách nào?
5. Chúa muốn chúng ta sinh ra loại quả nào?
6. Tình bạn giữa chúng ta với Chúa Giê-xu bao gồm những điều gì?
7. Chúa Giê-xu bày tỏ tình bạn của Ngài với các môn đồ như thế nào?
8. Là bạn của Chúa Giê-xu, chúng ta có những đặc ân nào?
9. Có khi nào bạn thấy “ở trong Chúa Giê-xu là điều khó” không? Tại sao?
10. Tuần này bạn có thể làm gì để “ở trong Chúa?”

Thánh Linh Đang Làm Gì Giữa Thế Gian?

Giăng 15:18 - 16:16

Phần Kinh Thánh này (*Giăng 15:18-16:16*) liên kết với nhau bằng hai chủ đề chính: sự bất bớ của thế gian đối với Hội Thánh và công tác của Đức Thánh Linh qua Hội Thánh. Chúa đã dạy về sự yêu thương (*Giăng 15:9-13, 17*) nhưng giờ đây Ngài nói về sự ghen ghét, và Ngài sử dụng từ này bảy lần. Đường như khó tin rằng người đời sẽ ghét Chúa Giê-xu và các môn đệ, nhưng đây chính là thực trạng hiện tại; *một số ghen ghét này phát sinh từ những con người mộ đạo*. Chỉ còn vài giờ nữa, các lãnh đạo Do Thái sẽ bắt Đấng Mết-si-a của họ và gào thét đòi huyết của Ngài! Chúa công khai cho các môn đệ biết rằng sự bất bớ sẽ xảy đến. Ngài nói điều này ở Bài Giảng Trên Núi (*Ma-thi-ơ 5:10-12,44*) và lời dặn dò các môn đệ khi sai họ đi (*Ma-thi-ơ 10:16-23*). Trong bài giảng lên án người Pha-ri-si, Chúa Giê-xu báo trước rằng họ sẽ bất bớ các tông đồ Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ 23:34-35*) và Ngài cũng phán về điều này trong bài giảng tiên tri trên núi Ô-li-ve (*Mác 13:9-13*).

Suốt *Phúc Âm Giăng*, rõ ràng là hội đồng các lãnh đạo không chỉ chống đối Chúa Giê-xu mà còn tìm phương giết Ngài (*Giăng 5:16; 7:19-25; 8:37,59; 9:22; 11:8*). Khi Chúa tiếp tục thi hành chức vụ, có một xu thế phẫn nộ, thù địch và công khai chống

lại Chúa. Vì vậy, các môn đệ lẽ ra không nên ngạc nhiên khi Chúa giảng về đề tài bất bớ, vì họ từng nghe Ngài phán trước về điều này, cũng như chứng kiến Ngài phải đối đầu với sự ghen ghét của loài người trong thời gian thi hành chức vụ.

Chúng ta phải sống giữa thế giới thù địch này và đối diện với sự chống đối thường nhật cho đến khi Chúa tái lâm hoặc chúng ta qua đời. Vậy, làm sao chúng ta chịu đựng nổi? Đây là bí quyết đắc thắng? Đó chính là sự hiện hữu và quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta. Đây là phần quan trọng trong sứ điệp trên phòng cao của Chúa về Đức Thánh Linh và nhiệm vụ Ngài.

Trước khi suy gẫm đoạn Kinh Thánh này để hiểu về ba nhiệm vụ của Đức Thánh Linh đối với Hội Thánh trên đất, chúng ta phải lắng lòng nhắc nhở chính mình và tự hỏi Đức Thánh Linh là ai. Thánh Linh Đức Chúa Trời là một thân vị; khi nói về Đức Thánh Linh, Chúa Giê-xu dùng đại từ chỉ người (he), không phải đại từ chỉ vật (*Rô-ma* 8:27), ý chí (*I Cô-rinh-tô* 12:11) và cảm xúc (*Ga-la-ti* 5:22-23).

Ở *Giăng* 15:26 nhắc đến ba ngôi Đức Chúa Trời: Chúa Giê-xu là Con, sẽ sai Đức Thánh Linh đến từ Cha. Vì Đức Thánh Linh là một ngôi vị, và là Đức Chúa Trời, nên Cơ Đốc nhân có Đức Chúa Trời ngự trong lòng mình. Nếu chúng ta không có Đức Thánh Linh hiện diện trong mình, chúng ta không thể phục vụ Chúa giữa thế giới gian ác này. Chúng ta phải bước đi theo Thánh Linh (*Ga-la-ti* 5:16), thờ phượng Đức Chúa Trời trong Thánh Linh (*Phi-líp* 3:3) và chứng đạo bởi Thánh Linh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:8).

Cơ Đốc nhân có thể vững vàng và không rung động giữa sự thù địch của thế gian nhờ công tác đặc biệt của Đức Thánh Linh.

Thánh Linh Là Đấng Yên Ủi Khích Lệ Hội Thánh

Giăng 15:18-16:4

¹⁸ Ví bằng người đời ghét các người, thì hãy biết rằng họ đã ghét ta trước các người. ¹⁹ Nếu các người thuộc về thế gian, thì người đời sẽ yêu kẻ thuộc về mình; nhưng vì các người không thuộc về thế gian và ta đã lựa chọn các người

giữa thế gian, bởi cố đó người đời ghét các người. ²⁰ Hãy nhớ lời ta đã nói cùng các người: Đây tổ chẳng lớn hơn chủ mình. Nếu họ đã bắt bớ ta, ắt cũng bắt bớ các người; bằng họ đã giữ lời ta, ắt cũng giữ lời các người. ²¹ Nhưng vì danh ta họ sẽ lấy mọi điều đó đả các người, bởi họ không biết Đấng đã sai ta đến. ²² Nếu ta không đến và không phán dạy họ, thì họ chẳng có tội lỗi gì; song bây giờ họ không có thể chữa chối được tội lỗi mình. ²³ Kẻ nào ghét ta cũng ghét Cha ta nữa. ²⁴ Ví thử ta không làm giữa họ những việc mà chưa có người khác làm, thì họ vô tội, nhưng bây giờ họ đã thấy các việc ấy, và lại ghét ta cùng Cha ta. ²⁵ Đường ấy, để cho ứng nghiệm lời đã chép trong luật pháp họ rằng: Họ ghét ta vô cớ. ²⁶ Khi nào Đấng Yên-ủi sẽ đến, là Đấng ta sẽ bởi Cha sai xuống, tức là Thần lễ thật ra từ Cha, ấy chính Ngài sẽ làm chứng về ta. ²⁷ Còn các người cũng sẽ làm chứng về ta, vì các người đã ở cùng ta từ lúc ban đầu vậy.

16

¹ Ta bảo các người những điều đó, để cho các người khỏi vấp phạm. ² Họ sẽ đuổi các người ra khỏi nhà hội; vả lại, giờ đến, khi ai giết các người, tưởng rằng thế là hầu việc Đức Chúa Trời. ³ Họ sẽ làm điều đó, vì không biết Cha, cũng không biết ta nữa. ⁴ Nhưng ta đã bảo những điều đó cho các người, để khi giờ sẽ đến, các người nhớ lại rằng ta đã nói những điều đó rồi. Từ lúc ban đầu ta chưa nói cho các người, vì ta đương ở cùng các người.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách làm sáng tỏ điều Chúa muốn nói khi dùng từ “thế gian,” vì thuật ngữ này được sử dụng trong Kinh Thánh ít nhất theo ba phương diện khác nhau. Nó có nghĩa là *thế giới được tạo dựng* này (“thế gian đã làm nên bởi Ngài” - *Giăng* 1:10), thế giới loài người (“vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian” *Giăng* 3:16) hoặc là *cộng đồng xa cách với Đức Chúa Trời và nghịch cùng Ngài*. Đôi khi chúng ta cũng dùng từ “người đời” để xác định ý nghĩa đặc biệt này.

Chẳng hạn, khi nghe radio, chúng ta có thể nghe xưởng ngôn viên nói rằng “và bây giờ là điểm tin từ thế giới thể thao.” Rõ ràng, đây không phải là một quốc gia hay một hành tinh nơi tất cả mọi người trong một phương diện nào đó có liên hệ đến thế giới thể thao. “Thế giới thể thao” ám chỉ cả mọi tổ chức, con người, kế hoạch, hoạt động, triết lý v.v.. có liên hệ đến thể thao.

Đối với quan điểm của Cơ Đốc nhân, “thế gian” bao gồm con người, kế hoạch, tổ chức, hoạt động, triết học, những giá

54 / Giảng

trị, v.v... một xã hội không có Đức Chúa Trời. Một số điều này có thể rất văn hóa, một số khác rất sa đọa, nhưng tất cả đều xuất phát từ tâm trí của con người tội lỗi, đề cao những gì con người tội lỗi hài lòng, và muốn thực hiện. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta chớ yêu thế gian (*I Giăng* 2:15-17) hoặc làm theo đời này (*Rô-ma* 2:1-2).

Chúa Giê-xu không phải không có dụng ý khi cho các môn đệ biết rằng họ sẽ gặp khó khăn hoạn nạn trong thế gian. Hãy chú ý tiến trình của sự chống đối ở thế gian, ghen ghét (*Giăng* 5:18-19), bắt bớ (15:20), xua đuổi, thậm chí giết hại (*Giăng* 16:2). Bạn có thể theo dõi những giai đoạn chống đối này ở sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*.

Vì sao thế gian và cả “thế giới tôn giáo” ghen ghét Cơ Đốc nhân là người tin nơi Chúa Giê-xu và bước đi theo Ngài? Chúa Giê-xu đưa ra nhiều lý do.

Thứ nhất, *chúng ta giống như Đấng Christ* (*Giăng* 15:18, 20). Nếu người đời ghét Ngài, họ cũng sẽ ghét những ai giống Ngài. Trong câu 20, Chúa lặp lại lời Ngài đã phán từ trước (*Giăng* 13:16) và đó là điều hợp lý. Ngài là Chủ, chúng ta là tôi tớ, Ngài cao trọng hơn chúng ta nên Ngài đáng nhận được sự ngợi khen và tôn vinh. Còn thế gian sẽ không ngợi khen và tôn vinh Ngài, ngược lại, họ ghét Ngài nên cũng ghét chúng ta. Nếu Chúa Giê-xu cao trọng và toàn vẹn như thế mà không thể tránh được sự bắt bớ, huống chi bất toàn như chúng ta liệu có hy vọng gì thoát khỏi sự ghen ghét ấy không?

Nguyên tắc này cũng được bày tỏ ở một số hình ảnh nói về mối liên hệ giữa Đấng Christ và những người thuộc về Ngài. Ngài là Đấng Chấn Chiên và chúng ta là bầy chiên, nên khi Người Chấn bị tấn công, bầy chiên cũng chịu ảnh hưởng (*Ma-thi-ơ* 26:31). Ngài là Chúa (là Thầy), còn chúng ta là môn đệ (học trò). Tuy nhiên, thật là điều yên ủi khích lệ vì khi người thuộc về Đức Chúa Trời bị bắt bớ, đó cũng là lúc Chúa dự phần trong sự hoạn nạn của người ấy, bởi Ngài là Đầu thân thể và chúng ta là các chi thể. “Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao ngươi bắt bớ ta?” (*Công Vụ*

Thánh Linh Đang Làm Gì Giữa Thế Gian / 55

Các Sứ Đồ 9:4). Bất cứ điều gì kẻ thù làm cho chúng ta cũng có nghĩa là đã làm cho Chúa Giê-xu và Ngài đồng công với chúng ta trong sự hoạn nạn.

Thứ hai, *chúng ta không thuộc về thế gian* (*Giăng 5:19*). Khi tin nhận Đấng Christ, chúng ta đã bước qua một vị trí thuộc linh mới: từ nay được “ở trong” Đấng Christ và “không thuộc về thế gian.” Dĩ nhiên, chúng ta đang ở giữa thế giới vật chất, *không phải* thế giới tâm linh. Nhưng giờ đây chúng ta là những “kẻ dự phần ơn trên trời gọi” (*Hê-bơ-rơ 3:1*), ông còn quan tâm về vật chất lẫn thú vui tội lỗi ở thế gian nữa. Điều đó không có nghĩa là chúng ta xa rời thực tế và cách ly với những nhu cầu ở thế gian, nhưng chúng ta phải nhìn những điều thuộc về đất theo quan điểm trên trời!

Thế gian hành động trên cơ sở của sự rập khuôn. Bao lâu con người còn chiều theo những ham muốn nhất thời và coi trọng những giá trị ở thế gian, người ấy sẽ thích nghi với thế gian. Nhưng Cơ Đốc nhân thật không “làm theo đời này” (*Rô-ma 12:2*). Người tin Chúa là “người được dựng nên mới” (*I Cô-rinh-tô 5:17*), không còn thiết tha với “đời sống cũ” (*I Phi-e-rơ 4:1-4*). Chúng ta là sự sáng của thế gian và muối của đất (*Ma-thi-ơ 5:13-16*), nhưng thế gian tăm tối không cần sự sáng và một thế giới hư hoại không cần muối! Nói cách khác, người tin Chúa không chỉ là người “lạc điệu” với thế gian mà còn là người không thuộc về thế gian (*Giăng 17:14,16; I Giăng 4:5*).

Thứ ba, *vì thế gian dốt nát và mù lòa về tâm linh* (*Giăng 15:21*). Nếu bạn hỏi các lãnh đạo tôn giáo ở Giê-ru-sa-lem rằng họ có biết Đức Chúa Trời Đấng họ tôn thờ không, họ sẽ đáp: “Dĩ nhiên chúng tôi biết Ngài! Dân Y-sơ-ra-ên đã biết Đức Chúa Trời thật từ bao thế kỷ qua!” Nhưng Chúa Giê-xu phán rằng họ không biết Cha, và vì vậy cũng không biết Con (*Giăng 16:3*). Các lãnh đạo Do Thái biết nhiều về Giê-hô-va Đức Chúa Trời, thậm chí có thể dẫn chứng đoạn Kinh Thánh hoặc câu Kinh Thánh để bảo vệ những lý thuyết của họ, nhưng cá nhân họ không hề biết Đức Chúa Trời!

Đây không phải là một chủ đề bàn luận mới đối với Chúa

Thật thâm thay khi những kẻ đội lốt tôn giáo bắt bớ và giết người lại còn mượn danh Đức Chúa Trời! Thật hữu lý khi nói rằng “máu của những người tử đạo là hạt giống của Hội Thánh” (Tertullian). Nhưng máu của họ cũng là một vết nhơ trên các trang lịch sử của giáo hội.

Đức Thánh Linh Là Đấng Cáo Trách

Giăng 16:5-11

⁵ Hiện nay ta về cùng Đấng đã sai ta đến, và trong các người chẳng một ai hỏi ta rằng: Thầy đi đâu? ⁶ Nhưng vì ta đã nói những điều đó cho các người, thì lòng các người chứa chan sự phiền não. ⁷ Dầu vậy, ta nói thật cùng các người: Ta đi là ích lợi cho các người; vì nếu ta không đi, Đấng Yên-ủi sẽ không đến cùng các người đâu; song nếu ta đi, thì ta sẽ sai Ngài đến. ⁸ Khi Ngài đến thì sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi, về sự công bình và về sự phán xét. ⁹ Về tội lỗi, vì họ không tin ta; ¹⁰ về sự công bình, vì ta đi đến cùng Cha, và các người chẳng thấy ta nữa; ¹¹ về sự phán xét, vì vua chúa thế gian này đã bị đoán xét.

Trong suốt ba năm, Chúa Giê-xu đã ở cùng các môn đệ để bảo vệ họ nhưng giờ là lúc Ngài sắp xa họ. Ngài đã cho họ biết trước điều này lúc mới tối (*Giăng 13:33*) và Phi-e-rơ hỏi Ngài đi đâu (*13:36*). Tuy nhiên, câu hỏi của Phi-e-rơ bày tỏ sự lo lắng cho *bản thân* nhiều hơn là nghĩ đến Chúa Giê-xu! Câu hỏi ấy cũng tập trung vào những điều trước mắt, không phải những điều cuối cùng. Chúa phải giải thích lý do vì sao Ngài trở về cùng Cha là điều ích lợi *cho các môn đệ*.

Dĩ nhiên, lý do chính là vì Đức Thánh Linh có thể ngự đến ban quyền năng cho Hội Thánh có sức sống và làm chứng cho Đức Chúa Trời. Đấng Christ thắng thiên để cầu thay cho dân Ngài tại ngôi ơn phước trên trời. Với tất cả khiếm khuyết của mình, các môn đệ vẫn rất yêu Chúa, và khó cho họ hiểu những lẽ thật Ngài muốn nói.

Cần biết rằng Đức Thánh Linh ngự đến với *Hội Thánh*, chứ không đến với thế gian. Điều này có nghĩa là Ngài hành động qua Hội Thánh. Đức Thánh Linh không hành động giữa khoảng không. Như Con Đức Chúa Trời cần có một thân thể để thi hành chức vụ Ngài trên đất, vậy Thánh Linh Đức Chúa Trời cũng

Thánh Linh Đang Làm Gì Giữa Thế Gian / 59

cần một thân thể để thực hiện những công tác Ngài, thân thể ấy chính là Hội Thánh. Thân thể chúng ta là những dụng cụ và đền thờ của Chúa Thánh Linh, và Ngài muốn sử dụng chúng ta để quy vinh hiển cho Đấng Christ và để làm chứng cho thế gian hư mất.

Đôi lúc chúng ta nghe người khác cầu nguyện rằng: “Lạy Chúa, xin hãy sai Thánh Linh Ngài nói với những kẻ hư mất! Nguyện Thánh Linh đến với từng tấm lòng!” Lời cầu nguyện như vậy dĩ nhiên rất thành tâm, nhưng có hợp với tinh thần Kinh Thánh không? Thánh Linh không “bệnh bổng” như bóng ma lên xuống giữa các hàng ghế nhà thờ để tìm kẻ hư mất. Thánh Linh hành động qua những con người Ngài ngự vào đời sống. Khi Thánh Linh ngự đến trong Lễ Ngũ Tuần, Ngài ban quyền năng rao giảng cho Phi-e-rô và lời rao giảng ấy kết án, cáo trách những kẻ lắng nghe.

Từ chính được đề cập ở đây là *tự cáo* (Giăng 16:8). Đây là từ mang tính luật pháp, có nghĩa như “đem đến sự sáng, phơi bày, quở trách, kết án và thuyết phục.” Từ này cũng có thể được hiểu là “tuyên án.” Người đời nghĩ rằng mình đang “kết tội” Cơ Đốc nhân nhưng chính Cơ Đốc nhân mới là những người công bố bản án đối với thế gian khi họ làm chứng cho Chúa Giê-xu Christ. Cơ Đốc nhân là chứng nhân, Đức Thánh Linh là “ủy viên công tố,” còn những người chưa được cứu là phạm nhân. Tuy nhiên, mục đích của bản cáo trạng này không phải để kết án nhưng đem đến sự cứu rỗi.

Đức Thánh Linh kết án thế gian về một tội lỗi đặc biệt: đó là tội *vô tín*. Luật pháp Đức Chúa Trời và lương tâm con người sẽ kết án tội nhân về *tội lỗi* họ. Qua sự làm chứng của Cơ Đốc nhân, công việc của Đức Thánh Linh là phơi bày sự vô tín của thế gian hư mất. Sau cùng, chính sự vô tín kết án tội nhân (Giăng 3:18-21) chứ không phải hành động tội lỗi của cá nhân. Một người có thể làm lại cuộc đời, bỏ đi những thói quen xấu, nhưng vẫn là tội nhân hư mất nơi hỏa ngục.

Thánh Linh cũng kết án tội nhân về sự *công bình*, không phải sự *bất công*. Sự công bình của ai? Đó là sự công bình của

60 / Giảng

Chúa Giê-xu, Chiên Con toàn vẹn của Đức Chúa Trời. Thế gian không nhìn biết Con Đức Chúa Trời (*Giăng 1:10*) nên Ngài phải trở về cùng Cha trên trời. Khi sống trên đất, Chúa bị con người kết tội lộng ngôn, phạm luật, lừa dối, thậm chí bị quỷ ám. Thánh Linh Đức Chúa Trời bày tỏ Đấng Christ qua Lời Kinh Thánh và qua cách này làm sáng danh Ngài (*Giăng 16:13-14*). Thánh Linh cũng bày tỏ Đấng Christ qua đời sống của các Cơ Đốc nhân. Thế gian không tiếp nhận hoặc biết về Thánh Linh Đức Chúa Trời, nhưng thế gian có thể biết những việc Ngài làm khi nhìn xem đời sống của những Cơ Đốc nhân tin kính.

Đức Thánh Linh kết án tội nhân về *sự phán xét*. Đừng lầm lẫn điều này với *Công Vụ Các Sứ Đồ 24:25* (“về sự công bình, sự tiết độ và sự phán xét ngày sau”). Chúa muốn nói đến sự xét đoán của Ngài dành cho Sa-tan đã có hiệu lực bởi sự chết của Ngài trên thập tự (*Giăng 12:31*). Sa-tan là vua chúa thế gian này nhưng là vua bại trận. Nó đã bị xét đoán và kết tội. Tất cả những gì xảy ra là thi hành bản án, và điều này sẽ xảy đến khi Chúa tái lâm.

Khi tội nhân bị kết án, người ấy sẽ hiểu được sự ngu xuẩn và sai trái của lòng vô tín. Người ấy sẽ thừa nhận mình không đạt đến sự công bình của Đấng Christ, biết mình bị kết án vì thuộc về thế gian và ma quỷ (*Ê-phê-sô 2:1-3*). Đấng duy nhất có thể cứu người ấy khỏi tình trạng kinh khiếp này không ai ngoài Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời. Không thể có sự đổi mới mà không có sự kết tội và không thể có sự kết tội nào mà trong đó Thánh Linh Đức Chúa Trời lại không dùng lời Ngài qua sự làm chứng của một con cái trung tín của Đức Chúa Trời.

Làm chứng cho Đấng Christ là đặc ân kỳ diệu, cũng là một trách nhiệm quan trọng. Đó là vấn đề sống chết! Thật vậy, chúng ta cần nhờ cậy Đức Thánh Linh hướng dẫn mình đến với đúng đối tượng, giúp chúng ta biết nói những lời cần thiết, và giúp chúng ta bền đỗ làm sáng danh Chúa Giê-xu.

Đức Thánh Linh Là Giáo Sư Dẫn Dắt Hội Thánh

Giăng 16:12-15

¹² Ta còn có nhiều chuyện nói với các ngươi nữa; nhưng bây giờ những điều đó cao quá sức các ngươi. ¹³ Lúc nào Thần lễ thật sẽ đến, thì Ngài dẫn các ngươi vào mọi lễ thật; vì Ngài không nói tự mình, nhưng nói mọi điều mình đã nghe, và tỏ bày cho các ngươi những sự sẽ đến. ¹⁴ Ấy chính Ngài sẽ làm sáng danh ta, vì Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta mà rao bảo cho các ngươi.

¹⁵ Mọi sự Cha có, đều là của ta; nên ta nói rằng Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta mà rao bảo cho các ngươi vậy.

Chúa chúng ta luôn thận trọng dạy các môn đệ những chân lý phù hợp với hoàn cảnh để họ có thể tiếp nhận được. Điều này luôn là đặc điểm của một giáo sư xuất sắc. Ngày nay Đức Thánh Linh là giáo sư của chúng ta, Ngài hành động theo nguyên tắc trên: dạy chúng ta những chân lý cần thiết khi chúng ta có nhu cầu và lúc chúng ta có thể sẵn sàng tiếp nhận.

Khi bạn đối chiếu *Giăng 14:26* với *Giăng 16:13*, bạn sẽ hiểu phương cách kỳ diệu khi Đức Chúa Trời sắp đặt để viết ra Kinh Thánh Tân Ước. Đức Thánh Linh nhắc nhở các môn đệ về điều Chúa Giê-xu đã dạy họ; điều này giúp họ viết bốn sách Phúc Âm. Thánh Linh cũng dắt họ vào mọi chân lý; kết quả được thể hiện qua các thư tín. “Ngài sẽ tỏ bày cho các ngươi những sự sẽ đến” câu này nói về những lời tiên tri, đặc biệt ở sách *Khải Thị*.

Chúng ta cần phải hiểu rằng công việc của Thánh Linh Đức Chúa Trời không bao giờ tách biệt với Chúa Giê-xu hoặc Lời Đức Chúa Trời. “Ngài sẽ làm chứng về ta” (*Giăng 15:26*); “Ngài sẽ làm sáng danh ta” (*Giăng 16:11*). Những ai tuyên bố rằng Thánh Linh Đức Chúa Trời đã hướng dẫn mình làm những việc trái ngược với mẫu mực của Chúa Giê-xu, hoặc sự dạy dỗ của Lời Đức Chúa Trời, những kẻ ấy đã sai lầm và bị Sa-tan dẫn dụ. Chúa Giê-xu là chân lý (*Giăng 14:6*) và Lời Đức Chúa Trời cũng là chân lý (*Giăng 17:17*), và Đức Thánh Linh là “Thần chân lý.” Nơi đâu Đức Thánh Linh hành động, nơi ấy phải có sự hiện diện của chân lý!

Câu “Ngài không nói tự mình” không có nghĩa là Đức Thánh Linh chẳng bao giờ đề cập đến chính Ngài, vì khi viết Kinh Thánh,

62 / Giảng

Đức Thánh Linh đã chú ý đến chính Ngài. Nhưng câu ấy nghĩa là Ngài không nói điều gì tách biệt với Cha và Con. Ngài cũng không “tạo ra” một sứ điệp nào khác. Bạn có một Đức Chúa Trời toàn vẹn ở *Giăng* 16:13, vì Thánh Linh Đức Chúa Trời không tách biệt với Cha và Con. Cả ba ngôi hành động hiệp nhất.

Sự dạy dỗ của Thánh Linh qua các sứ đồ không khác với sự dạy dỗ của Thánh Linh qua Chúa Giê-xu. Có một số nhà thần học thích so sánh “Cơ Đốc giáo của Đấng Christ” với “Cơ Đốc giáo của Phao-lô.” Họ tuyên bố rằng Phao-lô đã “phá hỏng” Cơ Đốc giáo khi làm cho Đạo ấy trở nên quá “thần học” và biến “sứ điệp giản đơn” của Chúa Giê-xu Christ ra phức tạp. Thật là lời giải thích đáng buồn! Những điều Chúa phán ở *Giăng* 14:26 và *Giăng* 16:13 bác bỏ hoàn toàn lời giải thích sai lệch trên. Thánh Linh đã bày tỏ những chân lý được chép trong bốn sách Phúc Âm, các thư tín và sách *Khải Thệ*. Ngài cũng ghi lại lịch sử Hội Thánh và giáo lý Ngài qua sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*.

Công việc của Thánh Linh là khiến chúng ta giàu có bởi kho tàng chân lý của Đức Chúa Trời. Ngài soi sáng chúng ta bằng chân lý của Đức Chúa Trời và cho chúng ta được giàu có về của cải của Đức Chúa Trời. Lời Đức Chúa Trời như một mỏ vàng, bạc, châu báu quý hiếm (*Châm Ngôn* 3:13-15; 8:10-21). Thật vui mừng thay khi có Thánh Linh soi sáng Lời Đức Chúa Trời và bày tỏ Chúa Giê-xu cho chúng ta!

Chúng ta đừng học Lời Đức Chúa Trời với mục đích “tranh cãi về tôn giáo” với người khác hay để phô trương sự hiểu biết thuộc linh của mình. Chúng ta hãy học Lời Đức Chúa Trời để thấy Chúa Giê-xu, biết nhiều hơn về Đức Chúa Trời và làm sáng danh Ngài trong đời sống mình. Khi chúng ta chứng đạo giữa thế gian thù nghịch này, Đức Thánh Linh sẽ dùng lời Kinh Thánh Ngài từng dạy chúng ta, hầu cho chúng ta có thể nói về Chúa Giê-xu cho tội nhân hư mất. Chứng đạo là công việc của chúng ta, cáo trách tội lỗi là công việc của Thánh Linh. Có lẽ một vài người trong chúng ta cần từ bỏ hành động như một uỷ viên công tố để Thánh Linh có thể dùng chúng ta như những chứng nhân trung tín.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 4

Giăng 15:18 – 16:16

1. Thế gian làm cho chúng ta khó sống một đời sống Cơ Đốc như thế nào?
2. Đọc *Giăng 15:18 – 16:16*. Chúa Giê-xu dùng chữ “thế gian” với ý nghĩa gì?
3. Tại sao thế gian ghét Cơ Đốc nhân?
4. Đức Thánh Linh an ủi chúng ta như thế nào khi thế gian ghét bỏ và chống đối chúng ta?
5. Tại sao có Đức Thánh Linh quan trọng hơn là có Chúa Giê-xu trong thân xác ở với chúng ta?
6. Đức Thánh Linh cáo giác thế gian về những gì? Tại sao?
7. Đức Thánh Linh cáo giác thế gian như thế nào?
8. Đức Thánh Linh dạy dỗ con cái Chúa như thế nào?
9. Theo tiêu chuẩn nào chúng ta lượng giá những sự dạy dỗ và những biểu hiện về Đức Thánh Linh hiện nay?
10. Tuần này bạn để cho Đức Thánh Linh hướng dẫn bạn bằng cách nào?

Hãy Vui Mừng

Giăng 16:16-33

Giăng 16:16-33 kết thúc bài giảng của Chúa tại Phòng Cao và liên hệ chủ yếu đến những cảm xúc của các môn đệ. Họ đều buồn rầu, bối rối về lời dạy của Chúa và sợ hãi. Thật là một sự khích lệ khi biết rằng các môn đệ là những con người thật với những nan đề thật, nhưng Chúa vẫn có thể sử dụng họ. Đôi lúc, chúng ta thường có ý nghĩ lầm lẫn khi cho rằng các môn đệ Chúa là những con người khác biệt với chúng ta, được phú cho sự hiểu biết thuộc linh và lòng can đảm phi thường! Nhưng sự thật khác hẳn, họ chỉ là con người bình thường!

Một trong những chủ đề tái hiện ở đoạn này là sự vui mừng (*Giăng 16: 20-22, 24, 33*). Mười một sứ đồ hẳn chẳng vui vẻ gì trong đêm ấy! Dầu vậy, Lời Chúa phán với họ đã thay đổi cuộc đời họ sau đó, cũng như lời Ngài đã thay đổi đời sống bạn hôm nay vậy. Dịu dàng và ôn tồn, Chúa Giê-xu giải thích cho các sứ đồ phương cách để có sự vui mừng trong đời sống.

Một Nguyên Tắc Cần Biết

Giăng 16:16-22

¹⁶ Còn ít lâu các người sẽ chẳng thấy ta; rồi ít lâu nữa các người lại thấy ta, vì ta đi về cùng Cha. ¹⁷ Bây giờ, một vài môn đồ nói với nhau rằng: Ngài dạy: Còn ít lâu các người sẽ chẳng thấy ta; rồi ít lâu nữa các người lại thấy ta; và rằng:

Vì ta về cùng Cha; thế là làm sao? ¹⁸ Vậy, môn đồ nói rằng: Ngài nói: Ít lâu, là nghĩa gì? Chúng ta không hiểu Ngài nói về việc chi.

¹⁹ Đức Chúa Jêsus hiểu ý môn đồ muốn hỏi, bèn phán rằng: Ta vừa nói: Còn ít lâu các người sẽ chẳng thấy ta; rồi ít lâu nữa các người lại thấy ta; các người đương hỏi nhau về nghĩa câu ấy đó chi. ²⁰ Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, các người sẽ khóc lóc, than vãn, còn người đời sẽ mừng rỡ; các người sẽ ở trong sự lo buồn, nhưng sự lo buồn các người sẽ đổi làm vui vẻ. ²¹ Người đàn bà, lúc sanh đẻ thì đau đớn, vì giờ mình đến rồi; song khi đứa con đã lọt lòng, người không còn nhớ sự khốn khổ nữa, mừng rằng mình đã sanh ra một người trong thế gian. ²² Khác nào như các người hiện ở trong cơn đau đớn, nhưng ta sẽ lại thấy các người, thì lòng các người vui mừng, và chẳng ai cướp lấy sự vui mừng các người được.

Nguyên tắc này đơn giản là: Đức Chúa Trời đem sự vui mừng đến cho đời sống chúng ta chẳng phải bằng cách xóa đi nỗi đau khổ rồi thay vào đó bằng một niềm vui mới, nhưng Ngài cho chúng ta vui mừng bằng sự biến đổi. Ngài đưa ra ví dụ về người đàn bà sinh con rất rõ ràng. *Đứa bé ra đời là nguyên nhân gây đau đớn, cũng là cơ để vui mừng.* Qua sự sinh con, Đức Chúa Trời không thay thế sự đau đớn của sản phụ bằng một cái gì khác. Sự đau đớn vẫn có đó, nhưng khi sinh xong, nó biến thành vui mừng.

Cha mẹ nào cũng biết rằng con mình buồn bã khi có một món đồ chơi bị hỏng hoặc khi bạn của nó bỏ về nhà. Cha mẹ có thể hành động một trong hai cách: thay một món đồ khác lấp vào chỗ món đồ chơi bị hỏng hay đưa bạn vắng mặt; hoặc biến đổi hoàn cảnh ấy thành một kinh nghiệm mới cho đứa con buồn bã của mình. Nếu người mẹ luôn mua một món đồ chơi mới cho đứa trẻ khi đồ chơi cũ của nó bị hỏng, đứa trẻ sẽ muốn mọi nan đề của nó phải được giải quyết bằng sự thay thế. Nếu người mẹ kêu một đứa trẻ khác đến chơi với con mình, đứa bé sẽ mong muốn người khác phải đến với nó những khi nó gặp khủng hoảng. Cả hai hành động trên đều làm hư đứa bé, khiến nó không thể thích ứng với thực tế.

Giải quyết vấn đề bằng cách thay thế là cách giải quyết thiếu chính chắn. Cách biến đổi là phương cách của đức tin và sự trưởng thành. Chúng ta không thể trưởng thành về tâm linh hoặc cảm

66 / Giảng

xúc mình nếu có ai đó cứ luôn thay thế “những món đồ chơi gãy vỡ” của chúng ta!

Chúa Giê-xu không nói rằng sự đau đớn của người mẹ được thay thế bằng sự vui mừng, nhưng Ngài muốn nói rằng sự đau đớn ấy biến thành sự vui mừng. Đứa bé ra đời là nguyên nhân gây đau đớn, cũng là cơ để vui mừng! Đây là điều xảy đến trong đời sống Cơ Đốc nhân: Đức Chúa Trời sử dụng những hoàn cảnh dường như bế tắc để ban sự mầu nhiệm và ơn phước Ngài, hầu biến đổi thử thách ra đắc thắng, buồn rầu thành vui mừng. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời... đổi sự rửa sả ra sự chúc phước cho người” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 23:5; xem *Nê-hê-mi* 13:2).

Giô-sép bị các anh bán làm nô lệ, bị quan thị vệ Phô-ti-pha cầm tù như kẻ phạm tội, nhưng Đức Chúa Trời đã biến đổi hoàn cảnh vô vọng của sự thất bại ấy ra sự thành công. Việc Ai Cập bắt bớ dân Y-sơ-ra-ên càng khiến dân Y-sơ-ra-ên sinh sản nhiều và thịnh vượng hơn. Mưu giết hại Đa-vít của Sau-lơ khiến Đa-vít càng gần Đức Chúa Trời hơn, giúp cho những vần thơ trong *Thi Thiên* được viết ra, khích lệ biết bao tấm lòng hôm nay. Thậm chí khi Chúa Giê-xu mang lấy thập tự giá, một dấu hiệu của sự thất bại và nhục nhã, Ngài đã đổi hình ảnh thập tự thành một biểu tượng của sự đắc thắng và vinh hiển.

Giờ đây, khi đã hiểu nguyên tắc nêu trên, chúng ta có thể hiểu rõ hơn những nan đề và thách mắc của các môn đệ Chúa.

Trong *Giăng* 16:16, Chúa Giê-xu cho các môn đệ biết rằng ít lâu nữa họ sẽ không thấy Ngài và ít lâu nữa họ sẽ gặp lại Ngài. Đây là câu nói khiến các môn đệ bối rối và không sao hiểu được. Điều này khích lệ tôi những khi tôi học Kinh Thánh mà không hiểu một số câu. Ngay cả môn đệ Chúa cũng đã trải qua những ngày tháng không có sự hiểu biết về thuộc linh!

Chúa Giê-xu muốn nói gì? Có lẽ Ngài nói về những sự kiện sắp xảy ra có liên quan đến sự chết và sống lại của Ngài. Sau khi Ngài chết, các môn đệ sẽ không thấy Ngài ít lâu và sau khi Ngài từ cõi chết sống lại, họ sẽ gặp Ngài. Trước đây, Ngài đã cho họ biết rằng Ngài sẽ sống lại từ cõi chết sau ba ngày, nhưng lời

Ngài phán chẳng đi vào tâm trí họ!

Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng chủ yếu Chúa nói về việc Ngài sẽ trở về cùng Cha (“vì ta đi về cùng Cha” – *Giăng* 16:16). Điều này được nói ở *Giăng* 16:10, “vì ta đi đến cùng Cha, và các người chẳng thấy ta nữa”). Các môn đệ không thể sống cho đến ngày Chúa tái lâm, nhưng họ đã chết và gặp Ngài khi bước vào sự vinh hiển. So với sự vĩnh cửu, thời gian Hội Thánh chờ đợi Chúa tái lâm thật sự chỉ là “ít lâu” (xem *II Cô-rinh-tô* 4:16-18). Thật vậy, nhóm từ “ít lâu” được sử dụng theo đúng nghĩa này ở *Hê-bơ-rơ* 10:37, “Còn ít lâu, thật ít lâu nữa, thì Đấng đến sẽ đến, Ngài không chậm trễ đâu”.

Thay vì xin Chúa giải thích lời Ngài, các môn đệ lại bắt đầu bàn luận với nhau, dường như họ ngại thú nhận sự thiếu hiểu biết của mình. Nhưng bạn sẽ chẳng giải quyết được gì nếu chỉ trao đổi sự kém cỏi của mình với nhau. Khi chúng ta đến với Chúa và xin Ngài giúp đỡ là lúc ta học được những bài học ý nghĩa cho đời sống mình.

Ái Cập rất vui mừng khi dân Y-sơ-ra-ên ra đi (*Thi Thiên* 105:38) và thế gian cũng hài lòng khi Chúa Giê-xu không còn hiện diện trên đất. Các nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị thời bấy giờ rất muốn những tín hữu đầu tiên phải chết, hầu “phong trào Cơ Đốc giáo” sẽ bị dập tắt. Nhưng tình hình không như họ muốn. Chúa Giê-xu đã sai Thánh Linh Ngài đến với Hội Thánh, và Hội Thánh đã rao lời Ngài khắp đất. Các tín hữu ban đầu rất vui mừng dù bị bắt bớ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:41).

Đối với sự đau đớn của người mẹ khi sinh con, một phút dài như một giờ! Ý niệm của chúng ta về thời gian cũng hay đổi theo cảm xúc của bản thân. Nửa giờ ngồi trên ghế nha sĩ khác nào như mấy tiếng đồng hồ, nhưng vài giờ đi câu hoặc dự tiệc với bạn bè dường như chỉ là giây lát. Người mẹ cảm thấy thời gian sinh con thật dài, nhưng thật sự đó chỉ là “ít lâu.” Lúc đưa bé ra đời, nỗi đau đớn kia tan biến, khi niềm vui tràn ngập trong lòng.

Hôm nay thế gian không cần đến Chúa Giê-xu hoặc Hội Thánh

68 / Giảng

Ngài. Họ vui mừng khi chúng ta chịu khổ, chờ Chúa tái lâm. Thật vậy, muôn vật đang đau nỗi đau “chuyển dạ” vì tội lỗi, trông mong sự trở lại của Chúa (Rô-ma 8:22). Khi chàng rể ra đi, nàng dâu vô cùng buồn bã (Ma-thi-ơ 9:15). Nhưng chỉ “ít lâu nữa” Chúa sẽ trở lại và chúng ta sẽ đồng đi với Ngài đến thiên quốc để vui sống trong nhà Cha.

Nguyên tắc này có thể áp dụng tức thời cho các môn đồ buồn bã khi ấy, và ứng dụng cuối cùng của nguyên tắc này dành cho tất cả con cái Đức Chúa Trời khi trông mong ngày Chúa Giê-xu trở lại. Đối với chúng ta, đây là sự chờ đợi lâu dài, nhưng Đức Chúa Trời không tính thời gian như chúng ta (II Phi-e-rơ 3). Nhưng trong khi chờ đợi, chúng ta phải đối diện với thử thách và đau đớn bằng cách *biến đổi* chúng, không phải *thay thế* chúng, nếu chúng ta thật sự mong muốn được trưởng thành trong đời sống Cơ Đốc nhân.

Một Lời Hứa Đáng Tin

Giăng 16:23-28

²³ Trong ngày đó, các người không còn hỏi ta về điều chi nữa. Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, điều chi các người sẽ cầu xin nơi Cha, thì Ngài sẽ nhân danh ta mà ban cho các người. ²⁴ Đến bây giờ, các người chưa từng nhân danh ta mà cầu xin điều chi hết. Hãy cầu xin đi, các người sẽ được, hầu cho sự vui mừng các người được trọn vẹn.

²⁵ Ta đã dùng ví dụ mà nói cho các người mọi điều đó. Giờ đến, là khi ta chẳng còn dùng ví dụ mà nói cùng các người nữa, nhưng khi ấy ta sẽ nói rõ ràng về Cha cho các người. ²⁶ Trong ngày đó, các người sẽ nhân danh ta mà cầu xin, ta chẳng nói rằng ta vì các người sẽ cầu xin Cha đâu; ²⁷ vì chính Cha yêu thương các người, nhân các người đã yêu mến ta, và tin rằng ta từ nơi Cha mà đến. ²⁸ Ta ra từ Cha mà đến thế gian; nay ta lại bỏ thế gian mà về cùng Cha.

Chủ đề trọng tâm ở đoạn này là sự cầu nguyện: “Hãy cầu xin đi, các người sẽ được, hầu cho sự vui mừng các người được trọn vẹn” (Giăng 16:24). Cần lưu ý là trong nguyên văn có hai từ khác nhau được dịch là “xin” mặc dầu hai từ này có thể thay thế nhau. Từ “xin” trong các câu 19, 23a, 26 có nghĩa là “hỏi” hay

“yêu cầu.” Khi nói với người ngang hàng, trong khi từ “xin” trong các câu 23b, 24 26b (cầu xin) có nghĩa là xin với người ở trên. Chúa Giê-xu không dùng từ này khi cầu nguyện vì Ngài ngang hàng với Đức Chúa Cha. Chúng ta thấp kém hơn Đức Chúa Trời nên chúng ta đến cầu xin ơn phước Ngài, nhưng Chúa Giê-xu đến như là con Đức Chúa Trời và bình đẳng với Đức Chúa Cha.

Trong *Giăng* 16:23 với mấy chữ “trong ngày đó” có lẽ là Chúa muốn nói đến thời điểm sau khi Đức Thánh Linh giáng lâm. Trong *Giăng* 16:22, Ngài hứa với các môn đệ rằng Ngài sẽ gặp lại họ và Ngài đã thành tín với lời hứa ấy. Lúc ở cùng môn đệ suốt bốn mươi ngày sau khi phục sinh, Chúa dạy họ tường tận những lẽ thật quan trọng để họ có thể thay Ngài thi hành chức vụ trên đất (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:3). “Trong ngày đó” không thể là ngày Chúa tái lâm tiếp rước Hội Thánh, vì không có chứng cứ nào trong Kinh Thánh cho thấy chúng ta cầu nguyện với Chúa sau khi đến thiên đàng.

Chúa biết các môn đệ muốn hỏi Ngài một vấn đề (*Giăng* 16:19). Ngài yên ủi họ rằng chẳng bao lâu họ sẽ chẳng hỏi Ngài điều chi. Nhưng họ sẽ cầu nguyện với Cha trên trời và Ngài đáp ứng mọi nhu cầu cho họ. Đây là lời hứa họ phải hết lòng tin cậy: Cha yêu họ, và lắng nghe mọi lời họ cầu xin và thỏa đáp nhu cầu họ. Khi sống trên đất, Chúa Giê-xu đã đáp ứng mọi nhu cầu của các môn đệ. Giờ đây, dù Ngài trở về cùng Cha, nhưng Cha sẽ đáp ứng nhu cầu họ. Đây là lời hứa kỳ diệu và một đặc ân lớn lao của sự cầu nguyện.

Chúa chúng ta đề cập nhiều lần về sự cầu nguyện trong lời giảng dạy của Ngài. Ngài đã làm gương về tinh thần cầu nguyện qua đời sống của chính Ngài. Ngài thật sự là Con Người chuyên tâm cầu nguyện. Trong bài giảng tại Phòng Cao, Ngài đặc biệt nhấn mạnh về sự cầu nguyện (*Giăng* 14:12-14; 15:7, 16; 16:23-26). Ngài giải thích rằng sự cầu nguyện với lòng tin cậy là một trong những bí quyết của đời sống Cơ Đốc nhân kết quả.

Trong *Giăng* 16:25-27, Chúa cho biết do sự phục sinh và thăng thiên của Ngài cũng như sự giáng lâm của Đức Thánh Linh, một

70 / Giảng

hoàn cảnh mới sẽ xảy đến. Ngài sẽ không còn nói với các môn đệ bằng những thuật ngữ đòi hỏi sự khôn ngoan về tâm linh mới có thể hiểu. Nhưng Ngài sẽ nói đơn giản với họ để bày tỏ về Cha cho họ. Tại Phòng Cao, Ngài sử dụng một số hình ảnh tượng trưng để gợi gắm sứ điệp Ngài trong đó: hành động rửa chân các môn đệ, Nhà Cha, gốc nho và nhánh, sự sinh con. Trong những ngày kế tiếp, những hình ảnh ấy sẽ rõ ràng hơn đối với họ khi được Thánh Linh Đức Chúa Trời dạy dỗ.

Mục đích của việc học Kinh Thánh không chỉ đơn giản là hiểu biết những chân lý thâm sâu, nhưng nhằm biết rõ hơn về Cha trên trời. “Ta sẽ nói rõ ràng về Cha cho các người” (*Giăng* 16:25). Nếu việc đọc và học Kinh Thánh của chúng ta không có mục đích này, việc học ấy gây tai hại nhiều hơn là hữu ích.

Không những sẽ có một hoàn cảnh mới trong sự dạy dỗ, nhưng cũng có hoàn cảnh mới trong sự cầu nguyện của các môn đệ. Chúa đã bày tỏ điều này ở *Giăng* 16:23. Ngài sẽ trở về cùng Cha trên trời, ở đó Ngài thi hành chức vụ như thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta để cầu thay cho chúng ta (*Rô-ma* 8:34; *Hê-bơ-rơ* 7:25), Ngài cũng thi hành chức vụ như một Đấng Cầu Thay (*I Giăng* 2:1). Là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Chúa Giê-xu ban ơn cho chúng ta và giúp chúng ta lánh xa tội lỗi. Là Đấng Cầu Thay, Ngài phục hồi địa vị khi chúng ta xưng nhận tội lỗi mình. Công việc Ngài nơi thiên đàng giúp ta có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời trên đất này bởi quyền năng Đức Thánh Linh.

Khi đọc sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*, bạn sẽ khám phá rằng Hội Thánh ban đầu đã sống bằng sự cầu nguyện. Họ tin nơi mọi lời hứa Đức Chúa Trời và cầu xin Ngài những điều họ cần. Nếu điều bạn tra xem lại Lời Chúa Giê-xu dạy dỗ về sự cầu nguyện qua bài giảng tại Phòng Cao này, hẳn sẽ rất ích lợi cho mọi con cái Đức Chúa Trời. Thật sự, có niềm vui khi cầu nguyện và được nhậm lời. Niềm vui mừng cũng hiện diện trong việc đáp ứng những yêu cầu Chúa đặt ra cho lời cầu nguyện có hiệu lực. Tôi nhớ George Muller đã nói. Lời cầu nguyện chân thành không thay đổi ý muốn của Chúa, nhưng tác động đến những điều hợp ý Ngài.

Sự vui mừng đến với sự cầu nguyện và cũng đến với việc nhận biết nguyên tắc về *sự biến đổi*. Chúa Giê-xu cũng nói về một dạng vui mừng thứ ba, đó là niềm vui được dự phần trong sự đắc thắng của Chúa Giê-xu đối với thế gian.

Một Địa Vị Để Khẳng Định

Giăng 16:29-33

²⁹ Các môn đồ thưa rằng: Bây giờ thầy phán rõ ràng, và không phán bằng lời ví dụ. ³⁰ Bây giờ chúng tôi biết thầy thông biết mọi điều, không cần phải có ai hỏi thầy; bởi đó nên chúng tôi tin thầy ra từ Đức Chúa Trời. ³¹ Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Bây giờ các người tin chăng? ³² Này, giờ đến, đã đến rồi, là khi các người sẽ tản lạc, ai đi đường nấy, và để ta lại một mình; nhưng ta không ở một mình, vì Cha ở cùng ta. ³³ Ta đã bảo các người những điều đó, hầu cho các người có lòng bình yên trong ta. Các người sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian, nhưng hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế gian rồi!

Trong *Giăng 16:29-30* các môn đệ bỗng nhiên thoát khỏi tình trạng ngỡ ngàng về thuộc linh và mạnh mẽ xác nhận đức tin của mình. Trước hết, họ khẳng định rằng họ hiểu những điều Chúa đã dạy, nhưng những hành động kế tiếp của họ cho thấy lời tuyên bố của họ có vẻ cường điệu. Dường như họ không hiểu ý nghĩa về sự sống lại Chúa đã hứa. Thậm chí sau khi Chúa phục sinh họ vẫn bối rối về tương lai của Y-sơ-ra-ên (*Công Vụ Các Sứ Đồ 1:6*). Tôi không có ý chỉ trích họ, vì hôm nay chúng ta cũng có nhiều khiếm khuyết khi hiểu Lời Chúa. Tôi chỉ muốn nêu lên rằng sự tuyên bố của các môn đệ có phần quá đáng.

Họ không chỉ khẳng định sự hiểu biết của mình mà còn khẳng định đức tin và sự can đảm. “Chúng tôi biết... chúng tôi tin...” Đây hoàn toàn là lời lẽ của đức tin, và tôi tin rằng Chúa thừa nhận điều đó. Trong lời cầu nguyện của Chúa được chép ở đoạn kế tiếp, Chúa trình với Cha về các môn đệ Ngài và về tình trạng thuộc linh của họ (*Giăng 17:6-8*). Chúa hẳn biết rõ sự yếu đuối của họ, nhưng Ngài cũng thừa nhận ngay những bằng chứng về sự tăng trưởng của họ trong đức tin và sự can đảm. Con người có thể có đức tin, sự thông hiểu, sự trồng cấy *nhưng vẫn làm Chúa*

72 / Giảng

buồn lòng. Nếu chúng ta không đem đức tin vào thực tiễn, ứng dụng sự hiểu biết nhờ vào sự xác tín, chúng ta sẽ thất bại khi gặp thử thách. Đó là điều đã xảy đến với các môn đệ, và Chúa cho họ biết rằng hoàn cảnh ấy sẽ đến với họ.

Trước đó, Chúa cho Phi-e-rơ biết ông sẽ chối Ngài, giờ đây Ngài cho tất cả môn đệ biết họ sẽ lìa bỏ Ngài. Ở đây Giảng không trích dẫn lời tiên tri trong Kinh Thánh Cựu Ước (*Xa-cha-ri* 13:7) được chép lại ở sách *Ma-thi-ơ* 26:31. Câu nói này của Chúa có lẽ là lời khuyên Phi-e-rơ đừng đi theo Ngài khi Ngài bị bắt. “Hãy để cho những kẻ này đi” là lời Chúa nói trong vườn (*Giăng* 18:8). Ngài biết việc các môn đệ nấn ná lại sẽ không an toàn cho họ.

Chúa hứa Ngài sẽ chẳng bao giờ lìa bỏ chúng ta (*Ma-thi-ơ* 28:20; *Hê-bơ-rơ* 13:5), vậy mà các môn đệ lại lìa bỏ Ngài. Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng cùng Chúa đi vào vườn nhưng sau đó họ ngủ say. Chúa biết Ngài được Cha ở cùng. “Ta không ở một mình, nhưng Cha là Đấng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta” (*Giăng* 8:16). “Đấng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta chẳng để ta ở một mình” (8:29). Con được yên ủi biết bao khi biết mình đang làm theo ý muốn Cha và có thể cậy nơi sự giúp sức của Cha.

Tuy nhiên, đã có lúc, Chúa thật sự cảm nhận sự thiếu vắng của Cha: “Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lìa bỏ tôi?” (*Ma-thi-ơ* 27:46; *Thi Thiên* 22:1). Khi Chúa gánh tội thay chúng ta, Ngài bị phân cách với Đức Chúa Trời. Ngài chịu sự cô đơn hầu chúng ta chẳng bao giờ ở một mình. Ngài bị lìa bỏ để chúng ta chẳng bao giờ bị bỏ ra ngoài.

Câu 33 là lời tóm tắt, cũng là cao điểm của bài giảng tại Phòng Cao. Vì sao Chúa rao sứ điệp này? Hầu cho các môn đệ có sự bình an giữa thế gian đầy khốn khổ này. Bạn hãy so sánh giữa “ở trong ta” với “ở trong thế gian.” Ở trong Đấng Christ, có sự bình an; nhưng ở trong thế gian có sự hoạn nạn. Đây là vị trí ta cần tuyên bố ra: Chúng ta là người ở *trong Đấng Christ* nên có thể thắng thế gian và mọi sự thù địch của nó.

George Morrison định nghĩa sự bình an là “có được nguồn tiếp trợ thỏa đáng.” Trong Chúa Giê-xu, chúng ta có mọi sự tiếp trợ. Nhưng sự bình an cũng phụ thuộc nơi mối liên hệ đúng đắn, vì của cải thuộc linh tùy thuộc vào mối liên hệ thuộc linh. Chìa khóa chính là “ở trong ta.” Trong chính bản thân, chúng ta chẳng có gì, nhưng “trong Đấng Christ,” chúng ta có mọi sự mình cần.

Mỗi Cơ Đốc nhân hoặc *đắc* thắng, hoặc *thất* bại. “Sự thắng hơn thế gian ấy là đức tin của chúng ta” (I Giăng 5:4). Thế gian muốn thắng chúng ta và đó là lý do Sa-tan mượn tay thế gian để bắt bớ và đàn áp Cơ Đốc nhân. Thế gian chỉ muốn chúng ta “rập khuôn” theo nó, chứ không muốn chúng ta khác biệt. Khi chúng ta đầu phục Đấng Christ và tin cậy nơi Ngài, Ngài sẽ giúp chúng ta *đắc* thắng. Chúng ta phải xác nhận địa vị thuộc linh của mình trong Đấng Christ và tin Ngài để được *đắc* thắng.

“Hãy vững lòng” là lời yên ủi của Chúa được lập lại nhiều lần, nghĩa là “hãy vui mừng!” Cũng có sự khích lệ “hãy vững lòng” về sự tha tội của Chúa (Ma-thi-ơ 9:1-8), về quyền năng Ngài (Ma-thi-ơ 9:18-22) và về sự hiện diện của Ngài (Ma-thi-ơ 14:22-27). Trong Giăng 16:33 Chúa rao ra niềm vui về sự *đắc* thắng của Ngài đối với thế gian. Chúng ta cũng là kẻ *đắc* thắng vì Chúa trước hết đã chiến thắng thay chúng ta.

Khi xem lại đoạn Kinh Thánh này, chúng ta có thể thấy ba cách giải thích của Chúa hợp nhất với nhau. Ngài bày tỏ một nguyên tắc kỳ diệu: Đức Chúa Trời biến đổi sự buồn rầu ra vui mừng. Tuy nhiên, nguyên tắc này chỉ hành động trên đời sống khi chúng ta cầu nguyện và tin nơi lời hứa Ngài. Đức Chúa Trời đã định rằng công việc Ngài phải được thực hiện qua sự cầu nguyện với lòng tin cậy. Chúng ta sẽ không thể cầu nguyện có hiệu quả nếu không xác nhận ra địa vị *đắc* thắng của mình trong Đấng Christ.

Câu 33 cũng là câu mở đầu cho lời cầu nguyện của Chúa như Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm cao trọng. Ngài từng dạy dỗ về Lời Đức Chúa Trời cho các môn đệ và giờ đây Ngài cầu nguyện cho họ. Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện phải luôn đi đôi với

74 / Giảng

nhau (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 6:4). Chúa dùng từ *thế gian* mười chín lần trong lời cầu nguyện này, vì qua đó Ngài bày tỏ cho chúng ta biết cách đắc thắng thế gian. Chính Ngài đã đương đầu với sự ghen ghét của thế gian và *ma quỷ*, nhưng Ngài có thể chịu đựng sự thương khó ấy và đắc thắng.

Chúng ta vui mừng khi bằng lòng để Đức Chúa Trời biến đổi sự buồn rầu thành vui mừng. Có sự vui mừng khi chúng ta được Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện. Và cũng có sự vui mừng khi chúng ta đắc thắng thế gian. Hãy vui mừng!

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 5

Giăng 16:16-33

1. Xin kể lại những trường hợp bạn gặp cảnh khổ đau nhưng sau đó lại hóa thành vui mừng.
2. Đọc *Giăng 16:16-33*. Điều gì khiến các môn đồ sầu khổ?
3. Nỗi sầu khổ của các môn đồ đã biến thành niềm vui như thế nào?
4. Chúa Giê-xu nói gì về sự vui mừng?
5. Chúa Giê-xu báo trước cho các môn đồ những việc sẽ xảy ra. Mỗi lần báo trước như thế đã tác động thế nào trên các môn đồ?
6. Tại sao các môn đồ phản ứng như thế khi nghe tin này?
7. Bằng cách nào Chúa Giê-xu cho thấy Ngài đã biết được sự yếu đuối cùng đức tin của họ?
8. Cho biết Chúa Giê-xu đã cậy đến nguồn an ủi nào khi các môn đồ xa lánh Ngài?
9. Sự bình an Ngài ban cho chúng ta trong cõi đời này có ý nghĩa gì?
10. Sự vui mừng, sự cầu nguyện, và sự đắc thắng thế gian liên hệ nhau thế nào?
11. Bằng cách nào bạn có thể cộng tác với Đức Chúa Trời để tận hưởng niềm vui Ngài ban cho giữa cảnh đau buồn?

Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng

Giăng 17

Hầu hết các học giả Kinh Thánh khi nói đến sự hài hòa của bốn sách Phúc Âm đều cho rằng Chúa Giê-xu nói lời cầu nguyện được chép trong *Giăng 17* tại Phòng Cao sau khi chấm dứt lời giảng dạy cho các môn đệ. Sau đó, Ngài cùng môn đệ hát thánh vịnh về lễ Vượt Qua của dân Y-sơ-ra-ên, rời phòng cao, đến vườn Ghết-sê-ma-nê nơi Chúa thường gặp các môn đệ, và cầu nguyện (xem *Ma-thi-ơ* 26:30-46 và *Mác* 14:26-42).

Dù Chúa cầu nguyện nơi Phòng Cao hay trên đường đến vườn Ghết-sê-ma-nê, đó vẫn là lời cầu nguyện vĩ đại nhất trên đất và cũng là lời cầu nguyện vĩ đại nhất được chép trong Kinh Thánh. *Giăng 17* hẳn là chương thiêng liêng nhất của Phúc Âm. Chúng ta phải xem đoạn Kinh Thánh này trong tinh thần khiêm cung và thờ phượng. Chúng ta được đặc ân lắng nghe Con Đức Chúa Trời thưa chuyện cùng Cha Ngài trước khi Ngài phó mạng sống mình làm giá cứu chuộc tội nhân.

Cho dù sự kiện nào đã xảy đến vào đêm ấy, lời cầu nguyện của Chúa chứng tỏ Ngài đã và đang là Đấng chiến thắng, Ngài không phải là một “nạn nhân,” Ngài là Đấng đắc thắng! Ngài khích lệ các môn đệ rằng: “Hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế gian rồi!” (*Giăng* 16:33). Từ *thế gian* được sử dụng mười chín lần trong lời cầu nguyện này, vì vậy rất dễ thấy sự liên hệ giữa lời

Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng / 77

cầu nguyện của Chúa với *Giăng* 16:33. Nếu bạn với tôi hiểu và áp dụng những chân lý bày tỏ qua lời cầu nguyện sâu sắc này, chúng ta cũng sẽ đắc thắng mọi sự.

Diễn tiến dòng tư tưởng trong lời cầu nguyện này không khó nhận ra. Chúa Giê-xu trước hết đã cầu nguyện cho chính Ngài và trình cho Cha biết công việc trên đất của Ngài đã hoàn tất (*Giăng* 17:1-5). Sau đó Ngài cầu thay cho các môn đệ, cầu xin Cha *gìn giữ và thánh hóa họ* (*Giăng* 17:6-19). Ngài kết thúc lời cầu nguyện khi cầu thay cho bạn, cho tôi và cả Hội Thánh, hầu cho chúng ta có thể hiệp một trong Ngài và dự phần vinh hiển của Ngài trong tương lai (*Giăng* 17:20-26).

Vì sao Chúa cầu nguyện những lời này? Chắc hẳn Ngài muốn chuẩn bị cho chính mình để chịu sự thương khó sắp đến. Khi Ngài nghĩ đến sự vinh hiển Cha đã hứa, Ngài nhận được sức mới để chịu sự thương khó (*Hê-bơ-rơ* 12:1-3). Ngài cũng nhớ đến các môn đệ (*Giăng* 17:13). Lời cầu nguyện này yên ủi các môn đệ biết bao! Ngài cầu xin cho các môn đệ để họ được bình an, vui mừng, hiệp một và được vinh hiển trong tương lai. Ngài cũng cầu nguyện cho chúng ta hôm nay, hầu cho chúng ta có thể biết mọi điều Ngài làm cho chúng ta và ban cho chúng ta, cũng như mọi điều Ngài sẽ làm cho chúng ta khi chúng ta đến thiên đàng.

Trong lời cầu nguyện này, Chúa bày tỏ bốn đặc ân kỳ diệu chúng ta có trong địa vị con cái Ngài, những đặc ân giúp chúng ta đắc thắng.

Chúng Ta Dự Phần Sự Sống Của Chúa

Giăng 17:1-5

¹ Đức Chúa Jêsus phán như vậy, đoạn, ngược mắt lên trời mà rằng: Thưa Cha, giờ đã đến; xin làm vinh hiển Con, hầu cho Con cũng làm vinh hiển Cha, ² và nhân quyền phép Cha đã ban cho Con cai trị loài xác thịt, Con được ban sự sống đời đời cho những kẻ mà Cha đã giao phó cho Con. ³ Vả, sự sống đời đời là nhìn biết Cha, tức là Đức Chúa Trời có một và thật, cùng Jêsus Christ, là Đấng Cha đã sai đến. ⁴ Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm. ⁵ Cha ôi! Bây giờ xin lấy sự vinh hiển Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thể gian mà làm vinh hiển Con nơi chính mình Cha.

Mở đầu bài cầu nguyện Chúa cầu xin cho chính Ngài, nhưng trong sự cầu xin cho bản thân, Chúa cũng cầu thay cho chúng ta. Tiến sĩ R. A. Torrey nói rằng: “Một lời cầu nguyện cho bản thân chưa hẳn là lời cầu nguyện ích kỷ.” Khi xem xét những lời cầu nguyện trong Kinh Thánh, ta sẽ thấy rằng câu nói trên rất hợp lý. Gánh nặng của Chúa là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và sự vinh hiển ấy được bày tỏ qua công việc Chúa hoàn tất trên cây thập tự. Đầy tớ của Đức Chúa Trời có toàn quyền cầu xin Cha Ngài giúp đỡ để làm vinh hiển danh Cha. “Danh Cha được nên thánh” là lời đầu tiên trong Bài Cầu Nguyện Chung (*Ma-thi-ơ* 6:9) và đó cũng là điều đầu tiên Chúa nhấn mạnh trong lời cầu nguyện của Ngài.

“Thưa Cha, giờ đã đến.” Từ “giờ” được lặp lại nhiều lần trong *Phúc Âm Giảng* bắt đầu ở *Giăng* 2:4. Chúa Giê-xu đã sống theo một thời gian biểu do Chúa Cha định sẵn và Ngài biết Ngài đang làm theo ý Cha. “Kỳ mạng tôi ở nơi tay Chúa” (*Thi Thiên* 31:15).

Từ quan trọng “vinh hiển” được sử dụng năm lần trong phân đoạn này, và chúng ta phải phân biệt cẩn thận những lần Chúa đề cập đến từ “vinh hiển” với ý khác nhau. Trong *Giăng* 17:5 Ngài nhắc đến sự vinh hiển Ngài vốn có từ trước nơi Cha, là sự vinh hiển Ngài vui lòng từ bỏ khi giáng sinh nơi thế gian để phục vụ, chịu thương khó và chết. Trong *Giăng* 17:4, Ngài thưa với Cha rằng đời sống và chức vụ trên đất của Ngài đã làm vinh hiển danh Cha, vì Ngài đã hoàn thành công việc Cha giao cho. Trong *Giăng* 17:1, 5, Chúa cầu xin Cha ban lại cho Ngài sự vinh hiển vốn có của Ngài, hầu cho Con Đức Chúa Trời có thể làm vinh hiển Cha khi trở về thiên đàng.

Từ “vinh hiển” được sử dụng tám lần trong lời cầu nguyện này, vì vậy sự vinh hiển là chủ đề chính. Chúa đã làm vinh hiển Cha qua những phép lạ Ngài làm (*Giăng* 2:11; 11:40) nhưng chắc hẳn sự vinh hiển vĩ đại nhất Ngài dành cho Cha được thể hiện qua sự thương khó và sự chết của Ngài (xem *Giăng* 12:23-25; 13:31-32). Theo quan điểm con người, Gô-gô-tha là nơi phô bày

tội lỗi kinh khiếp của loài người, nhưng đối với Đức Chúa Trời, thập tự giá đã bày tỏ và tôn cao ân phước cũng như sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu biết trước về việc Ngài sẽ trở về trời khi nói rằng “Con...làm xong công việc Cha giao cho làm” (*Giăng* 17:4). “Công việc” này bao gồm những sứ điệp và phép lạ Ngài thực hiện trên đất (*Giăng* 5:17-19), việc huấn luyện dạy dỗ các môn đệ để chuẩn bị cho chức vụ của họ trong tương lai, và quan trọng nhất là sự hy sinh của Ngài trên thập tự giá (*Hê-bơ-rơ* 9:24-28; 10:11-18).

Trên nền tảng của “công việc đã được hoàn tất” này, tín hữu chúng ta được ban cho sự sống đời đời (*Giăng* 17:2-3). Từ *ban cho* được sử dụng dưới các hình thức khác nhau ít nhất mười bảy lần trong lời cầu nguyện của Chúa. Có bảy lần Ngài nói rằng những người tin nhận là tặng phẩm của Cha cho Con (*Giăng* 17:2, 6, 9, 11, 12, 24). Chúng ta thường nghĩ về Chúa Giê-xu như tặng phẩm của Đức Chúa Trời cho chúng ta (*Giăng* 3:16), như Chúa xác định những kẻ tin nhận là món quà tình yêu Cha ban cho Con yêu dấu của mình!

“Sự sống đời đời” là một chủ đề quan trọng trong *Phúc Âm Giăng* được nhắc đến ít nhất mười bảy lần. Sự sống ấy là món quà vô điều kiện Đức Chúa Trời ban cho những ai tin nơi Con Ngài (*Giăng* 3:15-16; 6:47; 10:28). Cha cũng cho Con quyền ban sự sống đời đời trên những kẻ Cha giao cho Con. Đối với con người, chúng ta nhận được món quà của sự sống đời đời khi tin nhận Chúa Giê-xu. Nhưng theo quan điểm Đức Chúa Trời, chúng ta là những người được Đức Chúa Trời chọn lựa và giao cho Con Ngài (Chúa Giê-xu). Đây là một sự mâu nhiệm mà trí tuệ con người không thể hiểu đầy đủ hoặc giải thích được. Chúng ta phải tiếp nhận điều ấy bằng đức tin!

Nhưng “sự sống đời đời” là gì? Đó là việc nhìn biết Đức Chúa Trời của mỗi cá nhân. Không chỉ biết về Ngài, con người còn phải có mối liên hệ mật thiết với Ngài bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu. Chúng ta không thể biết Cha mà không biết Con (*Giăng* 14:6-11). “Tin Đức Chúa Trời” chưa đủ, vì điều đó không bao giờ

80 / Giảng

cứu được tội nhân hư mất khỏi hỏa ngục đời đời. “Ma quỷ cũng tin như vậy và run sợ” (*Gia-cơ* 2:19). Lời bàn luận của Chúa Giê-xu trước các quan Do Thái cho thấy rõ con người có thể rất mộ đạo nhưng vẫn không biết Đức Chúa Trời. Sự sống đời đời không phải là điều chúng ta tạo ra được bởi phẩm cách hay đạo đức của riêng mình. Đó là món quà chúng ta đón nhận khi nhìn biết mình là tội nhân, ăn năn và tin cậy nơi một mình Chúa Giê-xu mà thôi.

Cha nhậm lời cầu xin của Con và ban sự vinh hiển cho Con. Hôm nay, nơi thiên đàng có sự hiện diện của một Con Người vinh hiển, Con Người ra từ Đức Chúa Trời, đó là Chúa Giê-xu! Bởi Ngài được vinh hiển nơi thiên đàng, nên tội nhân trên đất có thể được cứu rỗi. Bất cứ ai tin cậy Chúa Giê-xu sẽ đón nhận món quà của sự sống đời đời.

Vì chúng ta có sự sống của Chúa, nên luôn đắc thắng. Chúng ta cũng dự phần sự đắc thắng của Ngài! “Hễ sự gì sinh bởi Đức Chúa Trời, thì thắng hơn thế gian; và sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta” (*I Giăng* 5:4). Khi được sinh ra lần đầu tiên, bạn thuộc dòng dõi “A-đam” và là kẻ hư mất. Khi bạn được tái sinh bởi đức tin nơi Đấng Christ, bạn là người đắc thắng! Sa-tan luôn tìm cách che khuất chân lý quý báu về công việc được làm trọn của Đấng Christ, vì nó biết rằng đây là nền tảng cho sự đắc thắng thuộc linh. “Chúng đã thắng nó (Sa-tan) bởi huyết Chiên Con” (*Khải Thị* 12:11). Đừng để Sa-tan tước mất nơi bạn quyền năng đắc thắng bởi công việc Chúa Giê-xu đã làm trọn!

Chúng Ta Biết Danh Ngài

Giăng 17:6-12

⁶ Con đã tỏ danh Cha ra cho những người Cha giao cho Con từ giữa thế gian; họ vốn thuộc về Cha, Cha giao họ cho Con, và họ đã giữ lời Cha. ⁷ Hiện nay họ đã biết rằng mọi sự Cha đã giao cho Con đều là từ Cha mà đến. ⁸ Vì Con đã truyền cho họ những lời Cha đã truyền cho Con, và họ đã nhận lấy; nhìn biết quả thật rằng Con đến từ nơi Cha, và tin rằng ấy là Cha sai Con đến. ⁹ Con vì họ mà cầu nguyện; chẳng phải vì thế gian mà cầu nguyện, nhưng vì kẻ Cha đã

Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng / 81

giao cho Con, bởi chưng họ thuộc về Cha. ¹⁰ Phàm mọi điều thuộc về Con tức là thuộc về Cha, mọi điều thuộc về Cha tức là thuộc về Con, và Con nhân họ được tôn vinh. ¹¹ Con không ở thế gian nữa, nhưng họ còn ở thế gian, và Con về cùng Cha. Lạy Cha thánh, xin gìn giữ họ trong danh Cha, là danh Cha đã ban cho Con, để họ cũng hiệp làm một như chúng ta vậy. ¹² Đang khi Con còn ở với họ, Con gìn giữ họ trong danh Cha, là danh Cha đã ban cho Con. Con đã gìn giữ họ, trừ đứa con của sự hư mất ra, thì trong đám họ không một người nào bị thất lạc, hầu cho lời Kinh thánh được ứng nghiệm.

Chúa Giê-xu ban cho những kẻ thuộc về Ngài sự sống đời đời (Giăng 17:2), nhưng Ngài cũng cho họ biết về danh Cha Ngài (17:6). Dân Do Thái thời Cựu Ước từng biết danh Đức Chúa Trời của họ là “Giê-hô-va,” Đấng tuyên bố TA LÀ (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 3:11-14). Chúa Giê-xu đã dùng danh thánh này “TA LÀ,” và khiến danh Cha trở nên đầy ý nghĩa đối với các môn đồ: “Ta là bánh của sự sống” (Giăng 6:35); “Ta là sự sáng của thế gian” (Giăng 8:12); “Ta là người chăn chiên hiền lành” (Giăng 10:11) v.v.. Nói cách khác, Chúa đã bày tỏ danh vinh hiển của Cha Ngài bằng cách cho các môn đệ biết Ngài là tất cả những gì họ cần.

Nhưng danh Cha còn có ý nghĩa nhiều hơn nữa, vì Chúa Giê-xu cũng cho môn đệ biết Đức Chúa Trời là Cha trên trời của họ. Từ *Cha* được sử dụng năm mươi ba lần trong Giăng 13:1-17:26 và một trăm hai mươi hai lần trong toàn sách Phúc Âm Giăng. Qua những sử điệp Chúa rao cho dân Do Thái, Ngài giải thích rằng Cha đã sai Ngài đến, Ngài là một với Cha, Lời Ngài từ Cha mà đến. Đó là lời tuyên bố rõ ràng về thần tính Chúa, nhưng dân chúng không muốn tin Ngài.

Trong Kinh Thánh, “danh” thường chỉ về “bản tính,” vì đa số các tên gọi đều được dùng để bày tỏ bản tính đặc biệt của người mang tên ấy. Gia-cốp là người mưu mô, và tên của ông theo tên gốc Do Thái nghĩa là “chiếm vị,” tức là gài bẫy hoặc lừa dối (Sáng Thế Ký 25:26). Tên của Y-sác nghĩa là “vui cười” (Sáng Thế Ký 21:6) vì ông đã khiến cho Áp-ra-ham và Sa-ra vui mừng. Tên của Chúa Giê-xu cũng bày tỏ rằng Ngài là Đấng Christ (*Ma-thi-ơ* 1:21).

“Con đã tỏ danh Cha ra” có nghĩa là “Con đã bày tỏ bản tính của Cha.” Giải bày về Cha là một trong những công việc của Con (*Giăng* 1:18). Theo tiếng Hy Lạp “giải bày” có nghĩa như “bộc lộ, dẫn dắt, chỉ đường. Chúa Giê-xu không bày tỏ Cha một cách bất ngờ trong ánh sáng rực rỡ của sự vinh hiển, vì các môn đệ không thể “chịu nổi” kinh nghiệm này. Dần dần, qua lời Ngài và việc Ngài làm, Ngài bày tỏ cho họ biết bản tính Đức Chúa Trời khi họ có thể tiếp nhận được (*Giăng* 16:12).

Trọng tâm của phân đoạn này nói về sự bình an của người tin Chúa; Đức Chúa Trời luôn gìn giữ những người thuộc về Ngài (*Giăng* 17:11-12). Sự bình an chúng ta không tùy thuộc nơi phẩm cách hay đạo đức của bản thân chúng ta, nhưng do nơi bản tính Đức Chúa Trời. Khi sống trên đất, Chúa Giê-xu đã gìn giữ các môn đệ để họ có thể nhờ cậy nơi Ngài. “Con gìn giữ họ trong danh Cha” (17:12). Nếu Đấng Christ bị hạn chế trong thân vị con người, còn có thể gìn giữ các môn đệ khi Ngài sống trên đất, vậy Ngài há không thể giữ họ ngay hôm nay khi Ngài được vinh hiển nơi thiên đàng hay sao? Cha, Con và Đức Thánh Linh hẳn có thể bảo vệ và ban sự bình an cho mọi kẻ thuộc về Đức Chúa Trời!

Hơn thế, những người thuộc về Đức Chúa Trời là tặng phẩm của Cha cho Con. Lễ nào Cha lại ban cho Con món quà không có giá trị bền lâu? Các môn đệ đã thuộc về Cha qua sự sáng tạo và giao ước Ngài (vì họ là người Do Thái), nhưng giờ đây họ cũng thuộc về Con. Trước mặt Chúa, chúng ta có giá trị biết bao! Ngài không những gìn giữ chúng ta mà còn cầu thay chúng ta nữa! Khi nào bạn cảm thấy Chúa “quên” bạn, hay tình yêu Ngài dường như quá xa, hãy đọc *Rô-ma* 8:28-29 và hãy vui mừng!

Sự bình an của chúng ta tùy thuộc vào một yếu tố nữa: chúng ta có mặt trên đất này để tôn vinh Chúa (*Giăng* 17:10). Qua mọi thất bại và lầm lỗi, các môn đệ vẫn được đề cao: “Con nhân họ được tôn vinh.” Liệu Đức Chúa Trời có được vinh hiển khi một người nào đó thuộc về Ngài, tin nơi Chúa Giê-xu, nhưng không thể đến được thiên đàng? Hẳn là không! Khi dân Y-sơ-ra-ên phạm tội, Môi-se luận rằng: “Sao để cho người Ê-díp-tô nói rằng: Ngài

Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng / 83

đưa chúng nó ra khỏi xứ đặng làm hại cho, giết đi tại trong núi, cùng diệt chúng nó khỏi mặt đất?" (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:12). Dĩ nhiên Đức Chúa Trời biết rõ mọi sự, vậy sao Ngài cứu họ khi biết họ sẽ sa ngã trên đường? Điều gì Đức Chúa Trời đã bắt đầu thực hiện thì Ngài sẽ làm cho trọn (*Phi-líp* 1:6).

Đức Chúa Trời chu cấp cho chúng ta những phương tiện thiêng liêng để tôn vinh Ngài và giữ lòng trung tín. Chúng ta có Lời Ngài (*Giăng* 17:7-8) và Lời ấy bày tỏ cho chúng ta mọi điều mình có trong Chúa Giê-xu, giúp ta trung tín và vững lòng. Chúng ta cũng có Con Đức Chúa Trời là Đấng cầu thay cho mình (*Giăng* 17:9; *Rô-ma* 8:34; *Hê-bơ-rơ* 4:14-16). Vì Cha luôn nhậm lời Con (*Giăng* 11:41-42) nên sự cầu thay này giúp chúng ta có sự bình an và vững vàng.

Chúng ta cũng có mối thông công với Hội Thánh "để họ cũng hiệp làm một như chúng ta vậy" (*Giăng* 17:11). Kinh Thánh Tân Ước không nói đến những tín hữu sống biệt lập! Bất cứ nơi đâu bạn thấy có sự hiện diện của các thánh đồ, họ đều ở trong mối thông công với nhau. Vì sao? Vì con cái Đức Chúa Trời luôn cần đến nhau. Mở đầu bài giảng tại Phòng Cao, Chúa Giê-xu đã rửa chân các môn đệ dạy họ tinh thần phục vụ lẫn nhau. Trong những giờ phút sắp tới, họ (trong đó có cả Phi-e-rơ đầy tự tin) sẽ khám phá sự yếu đuối của mình và cần đến sự yên ủi của nhau.

Vậy, người tin Chúa được bình an trong Đấng Christ vì nhiều lý do: bản chất Đức Chúa Trời, bản chất sự cứu rỗi, vinh hiển Đức Chúa Trời, sự cầu thay của Chúa Giê-xu. Vậy còn Giu-đa thì sao? Ông ta có vững lòng chẳng? Ông ta vấp ngã ra sao? Vì sao Chúa Giê-xu không giữ Giu-đa trong sự bình an? Vì một lý do đơn giản: *Giu-đa chưa từng thuộc về Đấng Christ*. Chúa Giê-xu luôn trung tín gìn giữ mọi kẻ Cha giao cho Ngài, nhưng Giu-đa không phải là kẻ Cha đã ban cho Con (*Giăng* 18:8-9). Giu-đa không phải là người tin Chúa (*Giăng* 6:64-71), chưa từng được tinh sạch (*Giăng* 13:11), không thuộc trong số người được chọn (*Giăng* 13:18).

Giu-đa không phải là điển hình về một tín hữu đã "đánh mất sự cứu rỗi" dành cho mình. Anh ta là mẫu người vô tín, *khoe khoang*

84 / Giảng

sự cứu rỗi nhưng cuối cùng để lộ ra bộ mặt của kẻ giả dối. Chúa Giê-xu luôn gìn giữ mọi kẻ Cha giao cho Ngài (*Giăng* 10:26-30)! Chúng ta đắc thắng vì có sự sống của Chúa. Chúng ta cũng có một đặc quyền thứ ba để đắc thắng: Lời Chúa.

Chúng Ta Có Lời Chúa

Giăng 17:13-19

¹³ Nhưng bây giờ Con về cùng Cha, và đương khi còn ở thế gian, Con nói những điều đó, hầu cho trong lòng họ được đầy dẫy sự vui mừng của Con. ¹⁴ Con đã truyền lời Cha cho họ, và thế gian ghen ghét họ, vì họ không thuộc về thế gian, cũng như Con không thuộc về thế gian vậy. ¹⁵ Con chẳng cầu Cha cất họ khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ cho khỏi điều ác.

¹⁶ Họ không thuộc về thế gian, cũng như Con không thuộc về thế gian. ¹⁷ Xin Cha lấy lễ thật khiến họ nên thánh; lời Cha tức là lễ thật. ¹⁸ Như Cha đã sai Con trong thế gian, thì Con cũng sai họ trong thế gian. ¹⁹ Con vì họ tự làm nên thánh, hầu cho họ cũng nhờ lễ thật mà được nên thánh vậy.

“Con đã truyền lời Cha cho họ” (*Giăng* 17:14, xem 17:8). Lời Chúa là tặng phẩm của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Cha đã truyền cho Con Lời Ngài (*Giăng* 17:8), để Con phán với các môn đệ, và sau đó các môn đệ loan báo cho chúng ta khi được sự hà hơi của Đức Thánh Linh (*II Phi-e-rơ* 1:20-22; *II Ti-mô-thê* 3:16). Chúng ta đừng xem nhẹ Lời Đức Chúa Trời, vì những ai đắc thắng đều có Lời Đức Chúa Trời và biết cách sử dụng nó trong đời sống hằng ngày.

Lời Đức Chúa Trời giúp chúng ta đắc thắng thế gian ra sao? Trước hết, *Lời Ngài ban cho chúng ta sự vui mừng* (*Giăng* 17:13), và sự vui mừng đầy dẫy trong lòng sẽ giúp ta có sức mạnh để đắc thắng (*Nê-hê-mi* 8:10). Chúng ta thường nghĩ về Chúa Giê-xu là “người từng trải sự buồn bực” (*Ê-sai* 53:3), đúng như vậy, nhưng Ngài cũng là con người nếm biết sự vui mừng sâu sắc, sự vui mừng vĩnh cửu. *Giăng* 17:13 chính là trọng tâm của lời cầu nguyện này và *chủ đề của nó là sự vui mừng!*

Chúa Giê-xu đã nói đến sự vui mừng của Ngài trước đó (*Giăng* 15:11) và giải thích rằng sự vui mừng xuất phát từ sự

Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng / 85

biến đổi chứ không phải sự thay thế (*Giăng* 16:20-22). Sự vui mừng cũng đến từ lời cầu nguyện được nhậm (*Giăng* 16:23-24). Giờ đây Ngài bày tỏ rằng niềm vui cũng đến từ Lời Đức Chúa Trời. Người tin Chúa sẽ không tìm thấy sự vui mừng trong thế gian, nhưng nơi Lời Đức Chúa Trời. Giống như Giăng Báp-tít, chúng ta hãy vui mừng hân hoan khi nghe tiếng của Chàng Rể (*Giăng* 3:29)!

Chúng ta đừng tưởng tượng Chúa Giê-xu đi tới lui với vẻ mặt buồn bã! Ngài là Con Người đầy dẫy sự vui mừng nên Ngài bày tỏ sự vui mừng cho kẻ khác. Niềm vui của Ngài không phải là dễ dãi xuề xòa với một thế giới tội lỗi nhưng là sự vui mừng bất tận nơi Cha trên trời và Lời Ngài. Chúa Giê-xu không bị lệ thuộc vào những hoàn cảnh bên ngoài nhưng cậy nơi những nguồn tâm linh ẩn chứa trong Lời Đức Chúa Trời. Đây là sự vui mừng Ngài muốn chúng ta có, và chúng ta có thể tìm được sự vui mừng ấy qua Lời Ngài “Lời Ngài là sự vui mừng hơn hở của lòng tôi vậy” (*Giê-rê-mi* 15:16). “Tôi vui mừng về đường chứng cớ Chúa, như thể vui mừng về của cải hiếm hiệm” (*Thi Thiên* 119:14). “Tôi vui về về lời Chúa, khác nào kẻ tìm được mối lớn” (*Thi Thiên* 119:162).

Lời Đức Chúa Trời không chỉ truyền đạt niềm vui, nhưng *cũng đảm bảo cho chúng ta về tình yêu của Ngài* (*Giăng* 17:14). Thế gian ghen ghét chúng ta, nhưng chúng ta có thể đối diện với sự ghen ghét ấy bằng chính tình yêu của Đức Chúa Trời, một tình yêu được truyền đạt cho chúng ta bởi Đức Thánh Linh qua Lời Đức Chúa Trời. Thế gian ghen ghét chúng ta vì chúng ta không thuộc về thế gian (*Giăng* 15:18-19), không rập khuôn theo những việc làm và tiêu chuẩn của nó (*Rô-ma* 12:2). Lời Đức Chúa Trời cho chúng ta hiểu rõ về thế gian, phơi trần những dối trá và mưu kế hiểm độc của nó.

Thế gian luôn tranh chiến với tình yêu của Đức Chúa Trời (*I Giăng* 2:15-17) nhưng Lời Đức Chúa Trời giúp ta nhận được tình yêu của Ngài. Bước đi đầu tiên khiến con người hướng về lối sống thế gian là xao lãng Lời Đức Chúa Trời. Moody đã viết ở bìa trước cuốn Kinh Thánh của ông: “Quyển sách này sẽ giữ bạn cách xa tội lỗi, nếu không, tội lỗi sẽ giữ bạn xa cách sách này.”

Đối với dân Ai Cập trụ lửa giống như bóng tối nhưng đó lại là ánh sáng soi đường dân Do Thái. Cũng vậy, Lời Đức Chúa Trời là sự sáng cho chúng ta giữa thế giới tối tăm này, nhưng thế gian không hiểu gì về những điều thuộc về Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:20; *I Cô-rinh-tô* 2:12-16).

Lời Đức Chúa Trời không chỉ đem đến tình yêu và sự vui mừng cho chúng ta, nhưng lời Ngài cũng truyền đạt quyền năng Đức Chúa Trời để chúng ta có một đời sống thánh khiết (*Giăng* 17:15-17). Nỗi cứu mang Chúa dâng lên Cha trong lời cầu nguyện của Ngài (trong *Giăng* 17:6-12) là *sự bình an*, nhưng tại đây, đó là *sự nên thánh* đời sống thánh khiết để làm sáng danh Đức Chúa Trời. Chúng ta *sống giữa* thế gian nhưng *không thuộc* về thế gian, và không được *rập khuôn theo* thế gian. Đôi khi chúng ta cho rằng “sống cách biệt với thế gian” để chịu hơn sống ở thế gian, nhưng sự thật không phải thế. Dù đi đâu, bản ngã tội lỗi vẫn “đồng hành” với chúng ta, và quyền của sự tối tăm cứ bén gót theo chúng ta. Tôi từng chứng kiến một số người sống trong sự “cách biệt” để trở nên thánh khiết hơn, nhưng chỉ khám phá ra rằng điều ấy chẳng có tác dụng gì.

Sự thánh hóa thật (nghĩa là được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời) là kết quả của Lời Đức Chúa Trời. “Các người đã được trong sạch, vì lời ta đã bảo cho” (*Giăng* 15:3). Khi được cứu, đó là lúc bạn được Đức Chúa Trời biệt riêng ra. Khi trưởng thành trong đức tin, bạn sẽ càng kinh nghiệm nhiều hơn về sự thánh hóa. Bạn sẽ yêu mến Đức Chúa Trời nhiều hơn tội lỗi, muốn phục vụ Ngài để đem phước hạnh đến cho tha nhân. Mọi sự đều đến từ Lời Đức Chúa Trời.

Chân lý của Đức Chúa Trời được bày tỏ cho chúng ta qua ba hình thức: Lời Ngài là chân lý (*Giăng* 17:17); Con Ngài là chân lý (*Giăng* 14:6) và Thánh Linh Ngài là chân lý (*I Giăng* 5:6). Chúng ta cần cả ba điều trên để kinh nghiệm được sự thánh hóa thật, một sự thánh hóa tác động đến con người bên trong chúng ta. Bằng trí tuệ chúng ta *học* biết lẽ thật của Đức Chúa Trời qua lời Kinh Thánh. Bằng tấm lòng, chúng ta *yêu mến* chân lý của Đức Chúa

Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng / 87

Trời, tức là Con Ngài. Bằng ý chí, chúng ta đầu phục Thánh Linh và sống theo chân lý của Đức Chúa Trời mỗi ngày. Cần có cả ba điều trên để kinh nghiệm sự thánh hóa một cách trọn vẹn.

Nếu chỉ học Kinh Thánh để biết “một mớ” giáo lý vẫn chưa đủ. Chúng ta phải yêu mến Chúa Giê-xu nhiều hơn khi biết về Ngài và những điều Ngài làm cho chúng ta. Việc hiểu biết và yêu mến Chúa phải dẫn đến cách sống, để Thánh Linh Đức Chúa Trời giúp chúng ta vâng theo lời Ngài. Đây là cách chúng ta làm vinh hiển danh Chúa giữa thế giới tội lỗi hôm nay.

Lời Đức Chúa Trời ban cho chúng ta niềm vui, tình yêu và quyền năng sống một đời sống thánh khiết. Lời Ngài cũng chu cấp cho chúng ta mọi sự cần thiết để chúng ta có thể phục vụ và làm chứng về Ngài giữa thế gian này (Giăng 17:18-19). Sự thánh hóa không nhằm mục đích hưởng thụ hay khoe khoang về chính mình, nhưng để chúng ta có thể bày tỏ về Đấng Christ giữa thế gian và dẫn dắt kẻ khác đến với Ngài. Chúa Giê-xu đã biệt riêng chính Ngài cho chúng ta, giờ đây Ngài biệt riêng chúng ta cho Ngài. Cha trên trời đã sai Ngài đến thế gian, giờ đây Ngài cũng sai chúng ta đến giữa thế gian vậy. Chúng ta là những người “nhận chỉ thị” và phải vâng lời! Chúa Giê-xu “được biệt riêng” nơi thiên đàng để cầu thay cho chúng ta, hầu cho sự chứng đạo của chúng ta đem lại kết quả tốt đẹp khi nhiều người ăn năn tội và trở về cùng Chúa.

Làm sao thế gian có thể thắng hơn chúng ta khi chúng ta có Lời Đức Chúa Trời soi sáng, giúp sức và khích lệ mình?

Chúng Ta Được Dự Phần Vinh Hiển Với Ngài

Giăng 17:20-26

²⁰ Ấy chẳng những vì họ mà Con cầu xin thiên đàng, nhưng cũng vì kẻ sẽ nghe lời họ mà tin đến Con nữa, ²¹ để cho ai nấy hiệp làm một, như Cha ở trong Con, và Con ở trong Cha; lại để cho họ cũng ở trong chúng ta, để thế gian tin rằng chính Cha đã sai Con đến. ²² Con đã ban cho họ sự vinh hiển mà Cha đã ban cho Con, để hiệp làm một cũng như chúng ta vẫn là một: ²³ Con ở trong họ và Cha ở trong Con, để cho họ toàn vẹn hiệp làm một, và cho thế gian biết chính Cha đã sai Con đến, và Cha đã yêu thương họ cũng như Cha đã yêu thương

Con. ²⁴ Cha ôi, Con muốn Con ở đâu thì những kẻ Cha đã giao cho Con cũng ở đó với Con, để họ ngắm xem sự vinh hiển của Con, là vinh hiển Cha đã ban cho Con, vì Cha đã yêu Con trước khi sáng thế. ²⁵ Hỡi Cha công bình, thế gian chẳng từng nhận biết Cha; song Con đã nhận biết Cha, và những kẻ này nhận rằng chính Cha đã sai Con đến. ²⁶ Con đã tỏ danh Cha ra cho họ, Con lại sẽ tỏ ra nữa, để cho tình yêu thương của Cha dùng yêu thương Con ở trong họ, và chính mình Con cũng ở trong họ nữa.

Ở đây, Chúa hướng sự quan tâm của Ngài về tương lai. Ngài bắt đầu cầu nguyện cho chúng ta hôm nay, cho cả Hội Thánh trải qua các thời đại. Ngài đã cầu thay về sự bình an và thánh hóa, giờ đây mối ưu tư của Ngài là sự *hiệp một*. Ngài mong những kẻ thuộc về Ngài kinh nghiệm sự hiệp một thuộc linh, giống như sự hiệp một của Cha và con. Các Cơ Đốc nhân có thể có những mối thông công khác nhau, nhưng đều thuộc về Chúa và hiệp một với nhau.

Các môn đệ thường có tinh thần ích kỷ, cạnh tranh và chia rẽ. Điều này đã làm buồn lòng Đấng Christ. Tôi tự hỏi Chúa sẽ nghĩ gì khi chứng kiến tình trạng của Hội Thánh hôm nay. Nhà truyền giáo Thomas Brooks viết: “Sự bất hòa và chia rẽ không khiến người ta trở thành Cơ Đốc nhân. Chó sói hành hại chiên con là điều dĩ nhiên, nhưng chiên con mà hành hại lẫn nhau là điều quái lạ.”

Nền tảng cho sự hiệp một của Cơ Đốc nhân thật là gì? Đó là con người Chúa Giê-xu, công việc và sự vinh hiển của Ngài (*Giăng* 17:2-5). Ngài đã ban cho chúng ta sự vinh hiển của Ngài, Ngài hứa rằng chúng ta sẽ kinh nghiệm nhiều hơn về sự vinh hiển ấy khi chúng ta đến được thiên đàng! Mọi Cơ Đốc nhân thật đều có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời bên trong đời sống mình đầu cho hình thức bên ngoài của họ có khác nhau đi nữa. Sự hài hòa của Cơ Đốc nhân không dựa trên những điều thuộc bên ngoài của xác thịt nhưng thuộc về những điều bên trong, những điều thuộc về sự vĩnh cửu của Thánh Linh trong con người. Chúng ta phải nhìn xa hơn những yếu tố (như chủng tộc, màu da, tài năng...) để xây dựng mối thông công của chúng ta dựa trên đời sống mới của mình.

Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng / 89

Chúng ta đang có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời trong mình (*Giăng 17:22; Rô-ma 8:29*) và ngày kia chúng ta sẽ “ngắm xem sự vinh hiển” ấy tại thiên đàng (*Giăng 17:24*). Khi chúng ta tăng trưởng trong Chúa, sự vinh hiển cũng bắt đầu lớn dần và bày tỏ chính nó qua những điều chúng ta nói và làm, và cũng qua cách chúng ta nói và làm nữa. Người đời sẽ không thấy và ngợi khen chúng ta, nhưng họ sẽ thấy Chúa và ngợi khen Ngài (*Ma-thi-ơ 5:16; I Cô-rinh-tô 6:19-20*).

Một trong những điều gây ấn tượng mạnh mẽ nhất cho thế gian là cách các Cơ Đốc nhân yêu mến nhau và sống hòa thuận với nhau. Đây là chứng cớ Chúa chúng ta muốn được bày tỏ trong thế gian, “đặng thế gian tin rằng chính Cha đã sai Con đến” (*Giăng 17:21*). Thế gian hư mất không thể nhìn biết Đức Chúa Trời, nhưng họ có thể nhìn thấy Cơ Đốc nhân, và những gì họ thấy nơi chúng ta sẽ quyết định mức độ niềm tin của họ về Đức Chúa Trời. Nếu nhìn thấy tình yêu thương và sự hiệp một, họ sẽ tin rằng Đức Chúa Trời là tình yêu. Nhưng nếu chứng kiến sự ghen ghét và chia rẽ, họ sẽ khước từ sự điệp của Phúc Âm.

Chúa Giê-xu yên ủi chúng ta rằng một số người sẽ tin nhận bởi sự làm chứng của chúng ta (*Giăng 17:20*), tuy nhiên chúng ta phải biết chắc rằng sự làm chứng của mình có là chân thật và xuất phát từ lòng yêu thương. Một số Cơ Đốc nhân lại là luật sư truy tố và quan án thay vì làm chứng nhân trung tín, và điều này càng làm cho tội nhân hư mất cách xa với Đấng Christ hơn nữa!

Có mọi lý do cho thấy tại sao Cơ Đốc nhân phải yêu mến và hiệp một với nhau. Chúng ta cùng tin một Đấng Christ và cùng dự phần vinh hiển. Ngày kia, chúng ta cũng sẽ chung hưởng một thiên đàng! Chúng ta thuộc về một Cha, muốn thực hiện cùng một công việc, làm chứng cho thế giới hư mất rằng chỉ có Chúa Giê-xu mới có thể cứu họ khỏi tội lỗi. Chúng ta tin một chân lý, dù có thể có vài quan điểm khác nhau về một số vấn đề giáo lý; và chúng ta cùng tuân theo một chuẩn mực Đấng Christ đã thiết lập cho con cái Ngài, để sống thánh khiết. Vâng, chúng ta có

90 / Giảng

những điểm khác nhau; nhưng chúng ta có nhiều quan điểm chung và điều này đáng phải khích lệ chúng ta yêu mến nhau và gây dựng sự hiệp một thuộc linh chân thật.

Tôi thường sử dụng *Giăng* 17:24 cho bài giảng luận trong tang lễ. Bạn có biết Cơ Đốc nhân đến thiên đàng bằng cách nào không? Chính bởi cái giá Chúa Giê-xu đã trả (*Giăng* 3:14-16), lời hứa Ngài đã phán (*Giăng* 14:1-6) và lời cầu nguyện Ngài đã trình dâng Cha (*Giăng* 17:24). Cha luôn nhậm lời cầu xin của Con Ngài, vì vậy chúng ta biết rằng những Cơ Đốc nhân qua đời sẽ đi đến thiên đàng và ngắm xem sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Trong *Giăng* 17:24, 25, Chúa Giê-xu không cầu xin Cha điều gì nữa. Ngài chỉ trình cho Cha biết công việc của Ngài nơi thế gian và đưa ra những lời tuyên bố quan trọng đối với chúng ta. Ngài cho biết rằng thế gian không nhìn biết Đức Chúa Trời nhưng chúng ta biết Ngài qua sự bày tỏ của Con đối với chúng ta. Thế gian chắc hẳn đã có nhiều cơ hội để biết Cha, nhưng thế gian vẫn cứ chọn con đường tối tăm để đi trong sự mù lòa và cứng lòng. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta có nhiệm vụ làm chứng cho thế gian hư mất này và rao truyền sự điệp cứu rỗi của Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu cũng rao ra tầm quan trọng của chân lý và tình yêu thương trong Hội Thánh. Cơ Đốc nhân được biết danh Đức Chúa Trời (bản tính Ngài) và cũng được dự phần vào bản tính thiêng liêng ấy. Chúa Giê-xu nói rõ rằng *chân lý* và *tình yêu thương* phải đồng hành với nhau (*Ê-phê-sô* 4:15). Thật hữu lý khi người ta nói rằng chân lý không có tình yêu thương sẽ là sự tàn bạo, nhưng tình yêu thương không có chân lý sẽ là sự giả hình. Trí tuệ con người tăng trưởng khi tiếp nhận lẽ thật, còn tấm lòng con người sẽ rộng mở khi ban phát tình yêu. Chỉ có sự hiểu biết thôi sẽ dẫn đến lòng kiêu ngạo (*I Cô-rinh-tô* 8:1) và nếu chỉ có tình yêu thương mà không có chân lý, con người sẽ đi đến những quyết định sai lầm (xem *Phi-líp* 1:9-10). Tình yêu của Cơ Đốc nhân không nên là một thứ tình

Lời Cầu Nguyện Của Đấng Đắc Thắng / 91

yêu mù quáng!

Khi xem lại bài cầu nguyện này, bạn sẽ thấy có những ưu tiên thuộc linh trong lòng Đấng Christ: sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, sự thánh hóa của những người thuộc về Đức Chúa Trời, sự hiệp một của Hội Thánh, công tác rao truyền Phúc Âm cho thế gian hư mất. Ngày nay, chúng ta hãy có sự khôn ngoan để tập trung vào những ưu tiên kể trên.

Sẽ có một ngày, mỗi người trong chúng ta đều phải báo cáo lại công tác của mình. Chúng ta sẽ đứng trước ngai phán xét của Đấng Christ và trình dâng “bản báo cáo tổng kết” của chính mình.

Mong rằng chúng ta sẽ có thể thưa với Chúa: “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (Giăng 17:4).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 6

Giảng 17

1. Bằng cách nào người đời tìm cách để được nổi danh?
2. Đọc *Giảng 17*. Chúa Giê-xu muốn quy vinh hiển cho ai? Tại sao?
3. Tại sao Chúa Giê-xu bắt đầu bài cầu nguyện bằng cách cầu nguyện cho chính mình?
4. Bạn hiểu thế nào về mối liên hệ giữa Chúa Giê-xu với Đức Chúa Cha?
5. Chúa Giê-xu cầu xin điều gì cho các môn đồ?
6. Tại sao chúng ta được an ninh trong Đấng Christ?
7. Lời Chúa giúp chúng ta thắng được thế gian như thế nào?
8. Đức Chúa Trời thánh hóa chúng ta qua lễ thật của Ngài như thế nào?
9. Chúa Giê-xu cầu xin điều gì cho những người sẽ đến với Ngài, kể cả chúng ta?
10. Bằng cách nào con cái Chúa có thể bày tỏ sự hiệp nhất thật sự?
11. Lời cầu nguyện trong *Giảng 17* cho thấy chúng ta có thể dự phần vào sự đắc thắng thế gian của Chúa Giê-xu như thế nào?
12. Bạn thấy cần thay đổi các ưu tiên của bạn cho phù hợp với các ưu tiên của Chúa Giê-xu như thế nào?

Tội Lỗi Và Ân Sủng Nơi Vườn Ghết-sê-ma-nê

Giăng 18:1-27

Chức vụ đặc biệt của Chúa đối với các môn đệ giờ đây đã chấm dứt, và công tác cứu chuộc nhân loại sắp bắt đầu. Con người đã làm điều xấu xa nhất, nhưng Đức Chúa Trời sẽ đáp lại bằng điều tốt đẹp nhất. "... Nhưng nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân sủng lại càng dư dật hơn nữa" (Rô-ma 5:20).

Để hiểu những chân lý trong *Giăng 18:1-27* và nắm vững những bài học ẩn chứa trong đó, cách tốt nhất là chúng ta hãy chú ý đến những biểu tượng quan trọng trong đoạn Kinh Thánh này. *Phúc Âm Giăng* đầy dẫy các biểu tượng, trong đó có một số biểu tượng rất rõ nét. Những biểu tượng ấy mang những lẽ thật thuộc linh quan trọng. Qua phân đoạn này, có năm biểu tượng đầy ý nghĩa:

Khu Vườn – Sự Vâng Phục

Giăng 18:1

¹ Sau khi phán những điều ấy, Đức Chúa Jêsus đi với môn đồ mình sang bên kia khe Xết-rôn; tại đó có một cái vườn, Ngài bèn vào, môn đồ cũng vậy.

Khe Xết-rôn nằm ở phía đông Giê-ru-sa-lem, giữa bức tường thành và núi Ô-li-ve, còn vườn Ghết-sê-ma-nê trên sườn phía tây núi Ô-li-ve. Chúa Giê-xu thường đến vườn này cùng với các môn đệ để nghỉ ngơi và cầu nguyện (*Lu-ca 22:39*). Thành Giê-

ru-sa-lem tập trung khách thập phương đến dự lễ Vượt Qua, nên Chúa Giê-xu muốn lánh xa chốn nhộn nhịp kia để tìm một nơi yên tĩnh. Ngài biết Giu-đa sẽ đến tìm Ngài và Ngài đã sẵn sàng.

Lịch sử loài người khởi điểm tại một khu vườn (*Sáng Thế Ký* 2:8) và tại đó lần đầu tiên con người đã phạm tội. A-đam đầu tiên bất tuân mạng lệnh Đức Chúa Trời bị đuổi khỏi vườn. Nhưng “A-đam sau hết” (*I Cô-rinh-tô* 15:45) vâng phục khi bước vào vườn Ghết-sê-ma-nê. A-đam đầu tiên đã đem tội lỗi và sự chết đến cho nhân loại tại khu vườn, nhưng bởi sự vâng phục, Chúa Giê-xu đã đem sự công bình và sự sống đến cho mọi kẻ tin nhận Ngài. Ngài là Con người “vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự” (*Phi-líp* 2:8).

Tên gọi Ghết-sê-ma-nê có nghĩa là “máy ép dầu.” Hôm nay vẫn có những cây ô-liu già nơi vườn Ghết-sê-ma-nê, dù đó không phải là những cây ô-li-ve trong thời Chúa Giê-xu. Người ta sẽ hái trái ô-liu để ép lấy dầu. Thật là một hình ảnh của sự thương khó! Vì vậy, Chúa Giê-xu sẽ đi qua cái “máy ép dầu” và “bàn ép rượu” (*Ê-sai* 63:3) và ném sự xét đoán thay chúng ta.

Khe Xét-rôn cũng là hình ảnh có ý nghĩa. Xét-rôn nghĩa là “mờ tối, ảm đạm” gợi ý đến dòng nước sẫm bị ố bẩn bởi huyết của con sinh tể trong đền thờ. Chúa cùng các môn đệ sắp vượt qua dòng nước sẫm ấy. Chúa sẽ ném trái “các lượn sóng và nước lớn” do cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 42:7; *Giô-na* 2:3).

Khe Xét-rôn mang ý nghĩa lịch sử đặc biệt. Đây là nơi vua Đa-vít đã vượt qua khi bị dân tộc mình chối từ và bị con trai là Áp-sa-lôn mưu phản (*II Sa-mu-ên* 15:1-37; xem *Giăng* 18:23). Chúa Giê-xu cũng bị dân Ngài khước từ và bị một môn đệ phản bội! Đáng chú ý là A-hi-tô-phe mưu sĩ phản bội Đa-vít đã tự treo cổ (*II Sa-mu-ên* 17:23), còn Áp-sa-lôn con trai bất hiếu của Đa-vít bị vương vào nhánh cây và bị giết trong tình trạng lơ lửng ấy (*II Sa-mu-ên* 18:9-17). Còn Giu-đa thì ra ngoài và treo cổ (*Ma-thi-ơ* 27:3-10).

Chúa Giê-xu biết rõ mọi điều sẽ xảy đến cho Ngài, nhưng Ngài vẫn đi đến vườn Ghết-sê-ma-nê trong tinh thần vâng phục ý Cha. Ngài để tám môn đệ ở lại gần cổng vườn, rồi cùng Phi-

Tội Lỗi Và Ân Sủng Nơi Vườn Ghết-sê-ma-nê / 95

e-rơ, Gia-cơ với Giăng đến một nơi trong vườn để cầu nguyện (*Ma-thi-ơ* 26:36-46; *Mác* 14:32-42). Trong giờ khủng hoảng này, tâm thần Ngài ao ước được sự khích lệ và đồng công của các môn đệ, thế mà họ lại ngủ! Con người thật dễ dàng khoe khoang sự tận tụy của mình đối với Đấng Christ, nhưng khi sự thử nghiệm xảy đến, họ lại thất bại thảm hại. Tuy nhiên, trước khi xét đoán họ gay gắt, chúng ta nên xét lại lòng mình.

Cái Hôn – Sự Phản Bội

Giăng 18:2-9

² Vả, Giu-đa là kẻ phản Ngài, cũng biết chỗ nầy, vì Đức Chúa Jê-sus thường cùng môn đồ nhóm họp tại đó. ³ Vậy, Giu-đa lãnh một cơ binh cùng những kẻ bởi các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si sai đến, cầm đèn đuốc khí giới vào nơi đó. ⁴ Đức Chúa Jê-sus biết mọi điều sẽ xảy đến cho mình, bèn bước tới mà hỏi rằng: Các người tìm ai? ⁵ Chúng trả lời rằng: Tìm Jê-sus người Na-xa-rét. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Chính ta đây! Giu-đa là kẻ phản Ngài cũng đứng đó với họ. ⁶ Vừa khi Đức Chúa Jê-sus phán: Chính ta đây, chúng bèn thối lui và té xuống đất. ⁷ Ngài lại hỏi một lần nữa: Các người tìm ai? Chúng trả lời rằng: Tìm Jê-sus người Na-xa-rét. ⁸ Đức Chúa Jê-sus lại phán: Ta đã nói với các người rằng chính ta đây; vậy nếu các người tìm bắt ta, thì hãy để cho những kẻ nầy đi. ⁹ Ấy để được ứng nghiệm lời Ngài đã phán: Con chẳng làm mất một người nào trong những kẻ mà Cha đã giao cho Con.

Giu-đa đã sống với Chúa có lẽ gần ba năm, được nghe Ngài dạy dỗ rất nhiều nhưng vẫn không biết gì về Ngài. Kẻ phản bội này thật sự đã dẫn những quân lính canh đền thờ với gươm giáo và gây gộc trang bị đầy đủ! (*Ma-thi-ơ* 26:55). Giu-đa đã khinh thường những đặc ân Chúa ban cho và đánh mất những cơ hội quý báu. Từ *cơ binh* ở *Giăng* 18:3 có nghĩa là một đội lính La Mã khoảng 600 người! Dường như không phải Giu-đa đã đem một đám đông như thế đến vườn, nhưng chắc hẳn đám lính này đã được tập hợp sẵn cho Giu-đa theo yêu cầu của hắn. Lễ nào Giu-đa không biết rằng Chiên Con Đức Chúa Trời sẽ vui lòng phó mình mà chẳng cần phải dùng đến vũ lực?

Chúa Giê-xu ở tình trạng hoàn toàn tự chủ, Ngài biết mọi điều sắp xảy đến (xem *Giăng* 13:1, 3, 11 và 16:19). Giu-đa sợ

có sự nhầm lẫn, nên tìm cách nhận diện Chúa bằng một cái hôn (*Ma-thi-ơ* 26:48-49). Chúa Giê-xu khiến Giu-đa và những kẻ bắt Ngài đều sửng sốt vì Ngài can đảm nộp mình trước mặt họ. Ngài chẳng có lý do gì để sợ hãi hay lẫn trốn, nhưng *vui lòng* phó sự sống mình vì bấy chiên. Hơn thế, khi phó mình vào tay kẻ thù, Chúa đã bảo vệ được các môn đệ. Ngài giữ họ trong sự bình an không chỉ về phương diện tâm linh (*Giăng* 17:11-12) mà còn về mặt thể xác nữa.

Vì sao quân lính bắt Chúa đều thối lui và té xuống đất khi nghe Ngài phán “Chính ta đây”? Những người Do Thái hiện diện ở đó đến giết mình vì lời phán “Ta là” của Ngài, đó là lời xác nhận thần tính Chúa. Lính La Mã giết mình vì thái độ của Ngài, cho thấy rõ ràng Ngài là Đấng đang nắm quyền điều khiển. Đây thật là một tình huống căng thẳng và chúng ta không biết Giu-đa đã nói gì với họ về Chúa Giê-xu hầu giúp họ đối phó với tình huống này. Các lãnh đạo Do Thái đã bao lần tìm phương bắt Chúa Giê-xu, nhưng đều thất bại. Họ trang bị cả một cơ binh cho sự chống nghịch này, nhưng đã bị áp đảo tinh thần khi chứng kiến sự phó mình và sự bình tĩnh của Chúa. Có lẽ đây là biểu hiện về quyền năng hoặc sự oai nghiêm của Chúa Giê-xu. “Khi kẻ làm ác, kẻ cừ địch và thù nghịch tôi xông vào tôi đặt ăn muối thịt tôi, thì chúng nó đều vấp ngã” (*Thi Thiên* 27:2).

Nụ hôn Giu-đa dành cho Chúa chắc hẳn là một trong những hành động lừa dối bất nghĩa nhất trong lịch sử con người hoặc lịch sử Hội Thánh. Thời đó, nụ hôn biểu hiện cho tình cảm và lòng tận tụy. Những thành viên trong gia đình thường hôn nhau khi họp mặt hoặc lúc chia tay, nhưng Giu-đa không phải là người trong gia đình Đức Chúa Trời. Các môn đệ chào thầy họ bằng cái hôn bày tỏ sự tận tụy và vâng lời. Nhưng Giu-đa thật sự không phải là môn đệ Chúa Giê-xu dù hẳn thuộc nhóm môn đệ Ngài. Tại vườn Ghết-sê-ma-nê, Giu-đa đã đứng về phía kẻ thù, không thuộc về những bạn hữu của Chúa Giê-xu!

Tội Lỗi Và Ân Sủng Nơi Vườn Ghết-sê-ma-nê / 97

Ngày nay khi con người giả vờ hiểu biết và yêu mến Chúa Giê-xu họ cũng phạm tội giống như Giu-đa vậy. Phản bội Đấng Christ cũng đủ là một hành động tội tệ, nhưng thực hiện điều này bằng *cái* hôn, một dấu hiệu tình cảm, là sự lừa dối hèn hạ nhất, sinh ra từ ma quỷ.

Thanh Gươm – Sự Chống Nghịch

Giăng 18:10

¹⁰ Bấy giờ, Si-môn Phi-e-rô có một thanh gươm, bèn rút ra, đánh đẩy tớ của thầy cả thượng phẩm, chém đứt tai bên hữu. Đẩy tớ đó tên là Man-chu.

Tất cả các môn đệ trước đây từng xác quyết mạnh mẽ về lòng trung tín của họ đối với Đấng Christ (*Ma-thi-ơ 26:35*). Phi-e-rô muốn bày tỏ điều đó nên đã nhanh nhẹn rút gươm khiêu chiến! Rõ ràng, ông hiểu sai điều Chúa muốn nói về những thanh gươm trong buổi tối hôm đó (*Lu-ca 22:35-38*). Ngài cho các môn đệ biết trước rằng hoàn cảnh sẽ thay đổi và họ sẽ bị đối xử như kẻ có tội. Ngài không có ý nói rằng họ phải dùng gươm hữu hình chống trả trong trận chiến thuộc linh này. Ngài muốn họ sẵn sàng đương đầu với sự chống đối và hoạn nạn. Ngài lo lắng và bảo vệ họ suốt những năm tháng trên đất, nhưng giờ là lúc Ngài sẽ trở về cùng Cha. Họ sẽ phải nương cậy Đức Thánh Linh và phải xử sự cách khôn ngoan. Phi-e-rô chỉ tiếp nhận Lời Chúa theo nghĩa đen nên cho rằng mình có nhiệm vụ phải tuyên chiến!

Thanh gươm của Phi-e-rô tượng trưng cho sự chống nghịch ý muốn Đức Chúa Trời. Phi-e-rô lẽ ra nên biết rằng Chúa Giê-xu sẽ bị bắt và Ngài vui lòng phó mình trong tay kẻ thù địch (*Ma-thi-ơ 16:21; 17:22-23; 20:17-19*). Phi-e-rô dễ dàng sai phạm biết bao! Ông đã chọn nhầm kẻ thù, sử dụng vũ khí bất hợp lý với động cơ sai lầm và kết quả là thất bại! rõ ràng Phi-e-rô chống lại ý muốn Đức Chúa Trời và ngăn trở công tác Chúa Giê-xu sắp hoàn tất! Dù chúng ta thừa nhận rằng Phi-e-rô can đảm và thành thật, nhưng đây là sự bày tỏ lòng sốt sắng thiếu hiểu biết.

Tại sao Phi-e-rô thất bại thảm hại như vậy? Vì ông đã tranh

luận với Chúa khi Ngài cho ông biết rằng ông sẽ chối Ngài vào đêm đó. Phi-e-rơ đã ngủ thay vì phải cầu nguyện, đã lý luận thay vì phải lắng nghe. Ông bắt chước kẻ thù khi trang bị gươm đao! Phi-e-rơ phải khám phá ra rằng gươm Thánh Linh chính là vũ khí tối tố Đức Chúa Trời sử dụng trong trận chiến thuộc linh (*Hê-bơ-rơ* 4:12; *Ê-phê-sô* 6:17). Phi-e-rơ đã dùng đến gươm ấy trong lễ Ngũ Tuần và thu phục được 3.000 linh hồn!

Chúa Giê-xu không cần sự bảo vệ của Phi-e-rơ. Ngài có thể triệu tập một đoàn thiên binh nếu Ngài muốn được giải cứu (*Ma-thi-ơ* 26:52-54). Lu-ca cho chúng ta biết Chúa đã chữa lành tai của Man-chu (*Lu-ca* 22:51), một hành động bày tỏ sự nhân từ Ngài. Đây là hành động nhân từ đối với Phi-e-rơ, nếu Chúa không chữa lành tai Man-chu, có lẽ Phi-e-rơ đã bị bắt và bị đóng đinh! Phi-e-rơ hành động như một người Do Thái cực đoan, không giống một môn đệ của Chúa Giê-xu.

Đây cũng là một hành động nhân từ đối với Man-chu. Xét cho cùng, Man-chu chỉ là một đầy tớ, vậy tại sao phải quan tâm những gì xảy đến với một kẻ tôi tớ. Anh ta cũng là một kẻ thù, đứng chung với bọn bắt Chúa, vậy anh ta phải trả giá! Cũng có thể Man-chu đã thật sự bắt Chúa? Chúng ta không rõ nhưng nếu vậy, anh ta đã tra tay trên Con thánh của Đức Chúa Trời. Dầu vậy, Chúa không xét đoán Man-chu dù anh ta là tội nhân đáng chịu sự thanh nộ của Đức Chúa Trời. Ngược lại, Ngài đã chữa lành cho anh ta! Đó là phép lạ sau cùng của Chúa trước mọi người trước khi Ngài bước lên thập giá.

Bạn hãy nhớ rằng phép lạ này cũng bày tỏ sự nhân từ của Chúa đối với chúng ta. Nếu Chúa Giê-xu có quyền năng khiến đám người kia sống sót và chữa lành tai Man-chu, vậy Ngài đã có thể tự cứu mình khỏi sự bắt bớ, thương khó và chết. Nhưng Ngài đã vui lòng phó mình! Ngài làm điều ấy vì chúng ta!

Thật đáng buồn cho những tín hữu có thiện ý nhưng thiếu hiểu biết, chỉ muốn dùng gươm để bảo vệ Chúa Giê-xu. Phi-e-rơ đã thương Man-chu, đó là hành động người tin Chúa thật không nên làm. Phi-e-rơ đã gây tác hại cho chứng cứ về Đấng Christ

Tội Lỗi Và Ân Sủng Nơi Vườn Ghết-sê-ma-nê / 99

cũng như gây ấn tượng sai lầm rằng môn đệ Chúa phải ghét kẻ thù và tiêu diệt chúng (xem lời Chúa nói trước Phi-lát trong *Giăng* 18:36).

Chén Đắng – Sự Đầu Phục

Giăng 18:11-14.

¹¹ Nhưng Đức Chúa Jêsus phán cùng Phi-e-rô rằng: Hãy nạp gươm ngươi vào vỏ; ta há chẳng uống chén mà Cha đã ban cho ta uống sao?

¹² Bấy giờ, cả cơ binh, người quản cơ và những kẻ sai của dân Giu-đa bắt Đức Chúa Jêsus trói lại. ¹³ Trước hết chúng giải Ngài đến An-ne; vì người này là ông gia Cai-phe làm thầy cả thượng phẩm đương niên. ¹⁴ Và, Cai-phe là người đã bàn với dân Giu-đa rằng: Thà một người chết vì dân thì ích hơn.

Phi-e-rô mang trong tay thanh gươm, nhưng Chúa chúng ta có trong tay một chén đắng. Phi-e-rô chống lại ý muốn Đức Chúa Trời nhưng Đấng Christ làm theo ý Cha Ngài. Trước đó, Chúa cầu nguyện rằng: “Cha ơi! Nếu có thể được, xin cho chén này lìa khỏi con! Nhưng không theo ý muốn Con, mà theo ý muốn Cha” (*Ma-thi-ơ* 26:39). “Chén” bày tỏ sự thương khó Chúa sẽ chịu và sự phân cách với Cha mà Ngài sẽ nếm trải trên thập tự giá. Ngài cầu nguyện điều này ba lần, chứng tỏ Ngài cảm nhận được cái giá Ngài sẽ trả cho sự cứu rỗi chúng ta. Tâm linh thánh khiết của Ngài hẳn chấn động đến cao độ khi nghĩ đến việc mang lấy tội lỗi!

Việc uống chén thường được sử dụng trong Kinh Thánh để minh họa sự kinh nghiệm thương khó và khốn khổ. Khi dân Ba-by-lôn chiếm thành Giê-ru-sa-lem, thành này đã bị “uống cạn chén thịnh nộ” (*Ê-sai* 51:17). Giê-rê-mi bày tỏ sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời nghịch cùng các nước khi nói về chén rượu được đổ ra (*Giê-rê-mi* 25:15-28). Cũng có một “chén chia buồn” (*Giê-rê-mi* 16:7) và chén đầy tràn về sự vui mừng (*Thi Thiên* 23:5). Chúa so sánh sự thương khó của Ngài với việc uống chén và kinh nghiệm báp-têm (*Ma-thi-ơ* 20:22-23). Khi lập Tiệc Thánh, Ngài so sánh “chén” với huyết Ngài, là huyết đã đổ ra để chuộc tội con người (*Ma-thi-ơ* 26:27-28). Hình ảnh này rất quen thuộc đối với các môn đệ khi xưa và hôm nay cũng vậy. “Uống chén”

có nghĩa là vượt qua một kinh nghiệm đầy thử thách, và “không phải chén của tôi” có nghĩa là từ chối thực hiện một hành động nào đó. Có một số “cúp” làm giải thưởng cho các cuộc tranh tài thể thao có hình dáng chén rượu; điều này ngụ ý rằng người đoạt giải đã trải qua nhiều luyện tập, từng ném trái nhọc nhằn nên mới có kết quả ngày nay.

Chúa Giê-xu chấp nhận uống chén này vì nó được chính Cha trên trời chuẩn bị sẵn và chính tay Cha Ngài ban cho. Chúa không chống lại ý muốn của Cha, bởi Ngài đã đến thế gian để làm trọn ý Cha và hoàn thành công tác Cha giao cho. “Hỡi Đức Chúa Trời, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa” (*Thi Thiên* 40:8). “Chén” này đã được Cha chuẩn bị và pha chế nên Chúa Giê-xu không có gì để sợ hãi cả!

Đây là một bài học bổ ích cho chúng ta: đừng bao giờ sợ hãi khi nhận “chén” Cha ban cho chúng ta. Đấng Christ đã uống chén trước chúng ta nên chúng ta chỉ việc noi dấu chân Ngài. Chúng ta cũng đừng sợ những gì chứa đựng trong “chén” vì Cha đã chuẩn bị chén ấy cho chúng ta bằng tình yêu. Nếu chúng ta xin bánh, Ngài chẳng bao giờ cho chúng ta đá. “Chén” mà Ngài dành sẵn sẽ không chứa đựng điều gì bất lợi cho chúng ta cả. Chúng ta có thể chịu khổ và ngã lòng, nhưng Ngài sẽ biến đổi nghịch cảnh ấy thành vinh hiển!

Chúa Giê-xu sẵn sàng phó mình vào tay kẻ thù. Họ trối Ngài và điệu Ngài đến nhà An-ne gần đó. An-ne vốn là thầy tế lễ thượng phẩm cho đến khi bị người La Mã truất phế. Giờ đây Cai-phe con rể ông cũng là thầy tế lễ thượng phẩm. Đức Chúa Trời đã định rằng thầy tế lễ phải phục vụ Đức Chúa Trời trọn đời mình, rất dễ để thấy rằng Do Thái giáo bấy giờ đang ở trong tình trạng đáng buồn. Người ta đều biết rằng gia đình thầy tế lễ thượng phẩm đã điều khiển việc “buôn bán” tại đền thờ. Vì vậy, việc Chúa Giê-xu dọn dẹp đền thờ hai lần có lẽ đã khơi dậy lòng ghen ghét của gia đình họ đối với Ngài.

Cuộc thẩm tra trước mặt An-ne chẳng khác nào một cuộc xét xử không chính thức. Đây là một cuộc xét xử bất hợp

Tội Lỗi Và Ân Sủng Nơi Vườn Ghết-sê-ma-nê / 101

pháp và đầy tính hung bạo. Bạn hãy hình dung xem, một tên lính được phép đánh bị cáo! Một kẻ không có trách nhiệm lại có quyền thẩm tra bị cáo!

Dĩ nhiên, An-ne cố moi chứng cứ buộc tội Chúa, nhằm kết án tử hình Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu đã dạy dỗ Điều gì? Điều đó có mang tính chất phản kháng không? Chúa Giê-xu bảo ông ta hãy hỏi những người đã nghe Ngài giảng dạy vì Ngài không nói điều gì bí mật cả. Có thể An-ne cũng đã đích thân đến nghe Chúa giảng dạy rồi!

Còn các môn đệ Chúa thì sao? Phải chăng họ muốn lật đổ nhà cầm quyền? Một người trong số họ chẳng phải đã dùng đến gươm giáo giữa vườn Ghết-sê-ma-nê đó sao? Chúa Giê-xu cần trọng không nói điều gì về các môn đệ. Bạn hãy nghĩ xem: Khi Phi-e-rơ ở trong sân thấy tế lễ thượng phẩm đang chối Chúa, đó cũng là lúc Chúa bị tra hỏi nhưng vẫn bảo vệ Phi-e-rơ!

Theo luật pháp Do Thái, những nhân chứng phải được gọi đến trước khi bị cáo bị hỏi cung. An-ne đã coi thường luật pháp, và sau đó hội đồng các thầy tế lễ đã mượn những nhân chứng *giả*. Chúa Giê-xu biết quyền lợi của Ngài (*Giăng* 18:23), nhưng Ngài không chống lại. Ngài đã nêu một tấm gương hầu chúng ta có thể chịu đựng sự oan ức xảy đến cho mình (*Phi-e-rơ* 2:19-24; 4:12-19).

Đống Lửa – Sự Chối Bỏ

Giăng 18:15-17

¹⁵ Si-môn Phi-e-rơ với một môn đồ khác theo sau Đức Chúa Jê-sus. Môn đồ đó có quen với thầy cả thượng phẩm, nên vào với Đức Chúa Jê-sus trong sân thầy cả thượng phẩm. ¹⁶ Song Phi-e-rơ đứng ngoài, gần bên cửa. Môn đồ kia, tức là người quen với thầy cả thượng phẩm, đi ra nói cùng người đàn bà canh cửa, rồi đem Phi-e-rơ vào. ¹⁷ Bấy giờ, con đòi đó, tức là người canh cửa, nói cùng Phi-e-rơ rằng: Còn người, cũng là môn đồ của người đó, phải chăng? Người trả lời rằng: Ta chẳng phải.

Chúa Giê-xu đã bảo trước cho Phi-e-rơ rằng ông sẽ chối Ngài ba lần (*Giăng* 13:38; *Ma-thi-ơ* 26:34) nhưng Ngài sẽ phục hồi ông trong mối tương giao và phục vụ Ngài (*Lu-ca* 22:32). Phi-e-

rời đi theo đám đông, trong khi lẽ ra ông nên lánh đi (*Giăng* 18:8; xem *Ma-thi-ơ* 26:30-32). Nếu Phi-e-rơ lánh khỏi nơi đó, có lẽ ông đã không rơi vào tình trạng chối Chúa. Mặc dù khâm phục tình yêu và lòng can đảm của Phi-e-rơ, chúng ta cũng không thể đồng tình với hành động của ông; bởi ông đã bước ngay vào chỗ đầy sự cám dỗ. Đây là điều Chúa đã cho ông biết trong vườn (*Ma-thi-ơ* 26:41).

Chúng ta không biết “một môn đệ khác” đi với Phi-e-rơ vào sân thầy tế lễ thượng phẩm là ai. Người đó có thể là Giảng, mặc dù thật khó hiểu vì sao một người đánh cá lại quen biết một thầy tế lễ thượng phẩm cùng gia đình người. Người đó có thể là Ni-cô-đem hay Giô-sép ở A-ri-ma-thê? Chắc hẳn họ có quyền đến đây.

Khi theo dõi Phi-e-rơ, bạn sẽ thấy ông dần dần đi vào chỗ bị cám dỗ và phạm tội. Hành động của Phi-e-rơ giống với lời mô tả ở *Thi Thiên* 1:1. Trước hết, Phi-e-rơ đã đứng chung với những kẻ vô tín khi theo Chúa vào trong sân thầy tế lễ thượng phẩm. Lẽ ra, ông phải vâng theo lời Chúa khuyên và lánh khỏi nơi này. Kế đó Phi-e-rơ đứng chung với kẻ thù gần đồng lứa (*Giăng* 18:16, 18), và chẳng bao lâu ông cũng đã ngồi chung với họ (*Lu-ca* 22:55). Lúc này đã quá trễ, và chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi ông đã chối Chúa đến ba lần!

Lần thứ nhất, một đầy tớ gái hỏi Phi-e-rơ: “Còn người, cũng là môn đệ của người đó, phải chăng?” Theo bản văn Hy Lạp, câu hỏi này cho biết đầy tớ gái đó chờ đợi một câu trả lời phủ định và thực tế đã diễn ra đúng như vậy! Phi-e-rơ chối Chúa, không thừa nhận mình là môn đệ Ngài.

Phi-e-rơ vẫn ở gần đồng lứa, nên bị cật vấn thêm một lần nữa. (Cũng chính đêm ấy, Chúa Giê-xu đã đổ mồ hôi khi Ngài cầu nguyện trong vườn!) Một đầy tớ gái khác cũng hỏi một câu tương tự và chờ đợi câu trả lời phủ nhận (*Giăng* 18:25).

Câu hỏi thứ ba do một người bà con của Man-chu đặt ra! Theo ngôn ngữ Hy Lạp, cấu trúc của câu hỏi này cho biết người đặt câu hỏi chờ đợi một lời đáp khẳng định: “Ta há chẳng từng thấy người ở trong vườn với người sao?” (*Giăng* 18:26). Người này

Tội Lỗi Và Ân Sủng Nơi Vườn Ghết-sê-ma-nê / 103

chăm chú nhìn Phi-e-rô có lẽ vì anh ta đứng gần Man-chu trong lúc Chúa Giê-xu bị bắt. Một số người chứng kiến cũng bàn luận về điều này (*Ma-thi-ơ* 26:73; *Mác* 14:70), vì vậy Phi-e-rô bị vây chặt bởi những kẻ thách đố kia!

Lúc này, sự phản kháng của Phi-e-rô hoàn toàn bị khống chế. Ông bắt đầu “rủa sả mà thề” (*Ma-thi-ơ* 26:74). Điều này không có nghĩa là ông lộng ngôn, nhưng có nghĩa là ông thề để khẳng định lời nói mình. Trong cuộc thử nghiệm này, Phi-e-rô dùng bản thân để thề nhằm mục đích thuyết phục những kẻ tố cáo ông tin rằng ông đã nói thật.

Chính vào giờ đó gà bắt đầu gáy (*Giăng* 18:27) đúng như lời Chúa đã báo trước (*Ma-thi-ơ* 26:34). Có bốn canh: chiều tối (6-9 giờ tối) giữa đêm (9-12 giờ khuya), gà gáy (12-3 giờ sáng) và sáng (3-6 giờ sáng) (*Mác* 13:35). Tiếng gà gáy nhắc Phi-e-rô nhớ lại lời Chúa, nên ông đi ra ngoài khóc lóc đặng cay.

Tiếng gà gáy là một đảm bảo cho Phi-e-rô biết rằng Chúa Giê-xu hoàn toàn làm chủ hoàn cảnh dù Ngài bị trói và bị các chức sắc quấy rối. Bởi điều khiển tiếng gà gáy, Chúa Giê-xu khẳng định quyền tể trị của Ngài. Trong *Sáng Thế Ký* 1:26 Đức Chúa Trời đã ban cho con người quyền quản trị loài cá biển, chim trời, súc vật và mọi loài khắp đất. Phi-e-rô đã chứng kiến Chúa Giê-xu bày tỏ quyền năng Ngài trên loài cá biển (*Lu-ca* 5:1-11; *Ma-thi-ơ* 17:24-27) và loài súc vật (*Ma-thi-ơ* 21:1-11). Nhưng giờ đây ông nhận biết quyền tể trị của Ngài trên loài chim nữa.

Tiếng gà gáy cũng là lời kêu gọi ăn năn. “Đến khi người đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình” (*Lu-ca* 22:32) Lu-ca cho chúng ta biết rằng Chúa đã quay lại nhìn Phi-e-rô (*Lu-ca* 22:61), cái nhìn đầy yêu thương làm tan vỡ lòng Phi-e-rô. Phi-e-rô là người chứng kiến sự thương khó của Chúa Giê-xu (*I Phi-e-rô* 5:1) và chính ông đã góp phần vào sự thương khó của Ngài bằng những lời chối Chúa của mình.

Bạn hãy nhớ rằng tiếng gà gáy là âm thanh báo hiệu buổi

bình minh của một ngày mới! “Sự khóc lóc đến trọ ban đêm nhưng buổi sáng bèn có sự vui mừng” (*Thi Thiên* 30:5). Chúng ta cần làm nổi bật điểm tương phản giữa Phi-e-rơ và Giu-đa. Phi-e-rơ khóc than về tội lỗi mình và ăn năn, còn Giu-đa thừa nhận tội lỗi mình nhưng chẳng bao giờ thật sự ăn năn. Giu-đa chỉ hối hận, không hề ăn năn. Khi Giu-đa bước ra khỏi Phòng Cao, trời đã tối (*Giăng* 13:30), nhưng lúc Phi-e-rơ đi ra khóc lóc đấng cay, bình minh của một ngày mới mở ra. Có sự khác biệt rõ rệt giữa sự buồn rầu theo ý Chúa dẫn đến sự ăn năn thật và sự buồn rầu theo thế gian (tiếc nuối và hối hận) dẫn đến sự chết (*II Cô-rinh-tô* 7:9-10). Chúng ta sẽ thấy Chúa Giê-xu phục hồi lại địa vị của Phi-e-rơ (*Giăng* 21:1-25), giúp ông phục vụ Ngài bằng quyền năng và ơn phước lớn lao.

Giữa vườn Ghết-sê-ma-nê đêm ấy, bạn sẽ thấy sự hiện diện của tội lỗi và ân sủng. Phi-e-rơ phạm tội nghịch cùng ý muốn Đức Chúa Trời. Giu-đa phạm tội phản bội tệ hại nhất. Đám đông phạm tội khước từ Con Đức Chúa Trời và đối xử với Ngài như loại tội phạm thấp hèn nhất.

Dẫu vậy, Chúa thật nhân từ biết bao! Giống như vua Đa-vít, Ngài đã đi qua khe Xết-rôn, biết rõ Giu-đa sẽ phản bội Ngài. Ngài bước vào vườn Ghết-sê-ma-nê trong sự vâng phục ý muốn Cha trên trời. Ngài còn chữa lành tai Man-chu. Ngài bảo vệ các môn đệ. Ngài phó mình vào tay những kẻ tội lỗi hầu có thể chịu thương khó và chết thay chúng ta.

Hôm nay, trong tay bạn có gì? Thanh gươm hay chén đắng?

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 7

Giăng 18:1-27

1. Cho biết vài biểu tượng ảnh hưởng lớn đến đời sống hằng ngày của bạn?
2. Đọc *Giăng 18:1-27*. Những biểu tượng liên quan đến Chúa Giê-xu trong đoạn này có ý nghĩa gì (chẳng hạn khu vườn, chén đắng)?
3. Cái hôn của Giu-đa tiêu biểu điều gì?
4. Tại sao các lính La Mã và các chức sắc tôn giáo ngã té khi Chúa Giê-xu xưng danh ra?
5. Các biểu tượng liên quan đến Phi-e-rơ có ý nghĩa gì?
6. Tại sao Phi-e-rơ không thể bảo vệ Chúa Giê-xu?
7. Sứ đồ Phi-e-rơ đã chối Chúa qua những bước nào?
8. Những bước chối Chúa trong đời sống chúng ta giống Phi-e-rơ như thế nào?
9. Tiếng gà gáy có nghĩa gì?
10. Trong phần đoạn này bạn thấy những bằng chứng nào của tội lỗi và ân sủng?
11. Bạn có thể làm gì trong tuần này để giữ mình khỏi chối Chúa?

Chịu Thương Khó Dưới Tay Bôn-xơ Phi-lát

Giăng 18:28-19:16

Trước khi cho người bắt Chúa Giê-xu các lãnh đạo Do Thái đã có ý định giết Ngài (*Giăng* 11: 47-54). Tuy nhiên, hội đồng lãnh đạo Do Thái không có quyền thi hành án đối với phạm nhân, vì vậy họ cần có sự hợp tác và chấp thuận của Rô-ma, nghĩa là họ phải tìm đến quan tổng đốc Rô-ma: Bôn-xơ Phi-lát.

“Cuộc xét xử” của người Do Thái và của người Rô-ma đều trải qua ba giai đoạn. Sau khi bị bắt, Chúa Giê-xu bị giải đến nhà An-ne và ở đó Ngài bị xét hỏi một cách không chính thức (*Giăng* 18:12-14, 19-23). An-ne mong mỏi được chỉ tiết chứng minh Chúa Giê-xu là kẻ thù của dân Do Thái. Ông ta muốn công bố rằng đạo lý của Chúa và các môn đệ Ngài đã chống lại Rô-ma, như vậy Ngài đáng bị xử chết!

Giai đoạn hai của cuộc xét xử được chuyển giao cho Cai-phe và trong đêm ấy các thành viên trong tòa Công Luận tìm cách triệu tập ngay trong đêm đó (*Ma-thi-ơ* 26:57-68; *Mác* 14:53-65). Khi Chúa Giê-xu thẳng thắn thừa nhận Ngài là Đấng Christ, cả hội đồng buộc tội lộng ngôn cho Ngài. Với tội ấy, theo luật pháp của họ thì Ngài phải bị xử tử. Tuy nhiên, hội đồng các lãnh đạo

Chịu Thương Khó Dưới Tay Bôn-xơ Phi-lát / 107

phải họp lại vào sáng hôm sau để đưa ra lời tuyên án, vì xử kiện giữa ban đêm là trái luật. Giai đoạn xét xử lần thứ ba phải được thực hiện càng sớm càng tốt, và các nhà lãnh đạo đã xử tội chết cho Chúa Giê-xu! (*Ma-thi-ơ* 27:1; *Lu-ca* 22:66-71).

Cuộc xét xử của người Rô-ma cũng trải qua ba giai đoạn: trước mặt quan tổng đốc Phi-lát (*Giăng* 18:28-38), trước mặt vua Hê-rốt (*Lu-ca* 23:6-12) và một lần nữa việc xét xử được giao lại cho Phi-lát (*Giăng* 18:39-19:16; xem *Ma-thi-ơ* 27:15-26; *Mác* 15:6-15; *Lu-ca* 23:13-25). *Phúc Âm Giăng* chỉ ghi lại những câu hỏi của An-ne và Phi-lát; Cai-phe được đề cập thoáng qua. *Giăng* chủ yếu tập trung vào cuộc xét xử của người Rô-ma. *Giăng* viết *Phúc Âm* trong hoàn cảnh dân tộc Do Thái bị người Rô-ma chia cắt, Giê-ru-sa-lem bị tàn phá, quyền lực Rô-ma bao trùm khắp nơi.

Bôn-xơ Phi-lát nhậm chức từ năm 26-36 SC và chẳng được lòng dân Do Thái cho lắm. Ông ta sẵn sàng tàn bạo khi cần (xem *Lu-ca* 13:1-2), nhưng cũng hiểu quyền hạn của người Do Thái và biết cách lợi dụng nó. Cách ông ta xét xử Chúa cho thấy ông là con người không dứt khoát, yếu mềm và dễ thỏa hiệp. Người Rô-ma có câu châm ngôn: “Hãy thực thi công lý cho dù các tầng trời sập xuống!” Phi-lát chẳng quan tâm gì đến công lý, chỉ nghĩ đến bản thân, địa vị mình và lợi ích của Rô-ma. Tuy nhiên, ông ta đã không đạt được ba điều trên!

Khi đọc *Phúc Âm Giăng*, bạn sẽ thấy Phi-lát cố tìm một “lối thoát nào đó” để làm vừa lòng hai phía. Ông ta sợ đoàn dân, nhưng cũng sợ tù! Có ít nhất ba lần Phi-lát tuyên bố Chúa Giê-xu không phạm tội lỗi nào (*Lu-ca* 23:14; *Giăng* 19:4; *Lu-ca* 23:22; *Giăng* 19:6), thế nhưng ông lại không phóng thích Ngài!

Cuộc xét xử của người Rô-ma do Phi-lát chủ trì xoay quanh bốn câu hỏi chính:

“Các Người Kiện Người Này Về Khoản Gì?”

Giăng 18:28-32

²⁸ Kể đó, chúng điệu Đức Chúa Jê-sus từ nhà Cai-phe đến trường án; bấy giờ

đương sớm mai. Nhưng chính mình chúng không vào nơi trường án, cho khỏi bị ô uế, và cho được ăn lễ Vượt Qua. ²⁹ Vậy, Phi-lát bước ra, đi đến cùng chúng mà hỏi rằng: Các người kiện người nầy về khoản gì? ³⁰ Thưa rằng: Ví chẳng phải là tay gian ác, chúng tôi không nộp cho quan. ³¹ Phi-lát bèn truyền cho chúng rằng: Các người hãy tự bắt lấy người, và xử theo luật mình. Người Giu-đa thưa rằng: Chúng tôi chẳng có phép giết ai cả. ³² Ấy là cho được ứng nghiệm lời Đức Chúa Jê-sus đã phán, để chỉ về mình phải chết cách nào.

Ngay khi tòa Công Luận biểu quyết xử án Chúa Giê-xu, Ngài bị điệu đến dinh thự nơi quan tổng đốc Phi-lát trong mùa lễ Vượt Qua. Nhà cầm quyền La Mã thường cho người đến Giê-ru-sa-lem trong kỳ lễ Vượt Qua để ngăn chặn những cuộc bạo động và nổi dậy của những người thuộc nhóm chủ nghĩa dân tộc Do Thái. Các lãnh đạo tôn giáo chẳng ngần ngại khi vu cáo người vô tội, nhưng rất “thận trọng” giữ mình, không dám bước trên đất người ngoại vì sợ ô uế! Thật là thảm họa nếu bị ô uế về mặt nghi thức trong bảy ngày lễ Vượt Qua!

Phi-lát đã đặt một câu hỏi hợp lý về sự kết tội. Thay vì xác định tội một cách rõ ràng, các quan trưởng Do Thái chỉ nói vòng vèo và có lẽ khiến một nhà chính trị sắc sảo như Phi-lát phải nghi ngờ. Ở *Lu-ca* 23:2 họ vu cáo Chúa ba tội: 1. Xúi dân làm loạn. 2. Chống lại việc nộp thuế cho Sê-sa và 3. Xưng mình là Đấng Christ là Vua.

Phi-lát chẳng thiết tha quan tâm đến một vụ kiện nào của người Do Thái, đặc biệt là vào kỳ lễ Vượt Qua, nên ông muốn né tránh vấn đề. Xét cho cùng, nếu phạm nhân kia gây rối cho dân Do Thái vậy hãy để dân Do Thái xử theo luật pháp họ. Rô-ma đã chấp thuận cho dân Do Thái sử dụng pháp quyền của mình đặc biệt trong những vấn đề có liên quan đến tập quán và luật lệ tôn giáo Do Thái (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 18:12-16).

Nếu Chỉ có người Do Thái xét xử Chúa Giê-xu và thấy Ngài có tội thì chắc hẳn họ đã xử tử Ngài bằng cách ném đá. Nhưng Đức Chúa Trời đã định cho Con Ngài phải chịu đóng đinh (*Giăng* 3:14; 8:28; 12:32-33), Ngài phải chịu luật pháp nguyên rủa vì cố

Chịu Thương Khó Dưới Tay Bôn-xơ Phi-lát / 109

chúng ta vì thế Ngài phải bị treo trên cây gỗ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:22-23; *Ga-la-ti* 3:13). Việc người La Mã cho phép người Do Thái ném đá Ê-tiên đến chết cho thấy chính quyền La Mã đã tỏ ra nhân nhượng với tòa Công Luận trong một số trường hợp đại hình (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:57-60).

Khi xem xét ba lời tố cáo Chúa Giê-xu, bạn sẽ thấy rằng những lời tố cáo ấy không thể chấp nhận được. Bởi vì, Ngài không hề “lật đổ” nhà cầm quyền, hay giáo hội. Dĩ nhiên Ngài từng lên án người Pha-ri-si và sự giả hình của họ, nhưng Ngài không phải là người đầu tiên hay duy nhất làm điều đó. Chúa đã chúc phước cho dân tộc Do Thái và đem đến cho họ sự trông cậy. Việc một số người Do Thái bạo động muốn tôn Ngài làm vua (*Giăng* 6:15), đó không phải là lỗi của Ngài. Vì Ngài đã lánh đi khỏi những cuộc ủng hộ về mặt chính trị này.

Nói về việc chống đối nộp thuế cho Sê-sa, *Chúa Giê-xu đã dạy điều ngược lại!* Ngài phán: “Hãy trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa; và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời” (*Ma-thi-ơ* 22:21).

Ngài tuyên bố mình là Vua nhưng không theo ý nghĩa chính trị. Ngay cả môn đệ Chúa cũng không hiểu hoàn toàn những chân lý thuộc linh cho đến lúc Chúa phục sinh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:1-8). Không có gì ngạc nhiên khi dân chúng đôi lúc hiểu lầm Ngài (*Lu-ca* 19:11). Dĩ nhiên, các lãnh đạo Do Thái muốn tìm bất cứ chứng cứ nào có thể được để tố cáo Chúa, thậm chí họ sẵn sàng bảo vệ những lời chứng dối!

“Phải Chẳng Chính Người Là Vua Dân Giu-đa?”

Giăng 18:33-38

³³ Phi-lát bèn vào trường án, truyền đem Đức Chúa Jê-sus đến, mà hỏi rằng: Chính người là Vua dân Giu-đa, phải chăng? ³⁴ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Người nói điều đó tự ý mình, hay là có người đã nói điều đó với người về ta? ³⁵ Phi-lát trả lời rằng: Nào có phải ta là người Giu-đa đâu? Dân người cùng mấy thấy tế lễ cả đã nộp người cho ta; vậy người đã làm điều gì? ³⁶ Đức Chúa Jê-sus đáp lại rằng: Nước của ta chẳng phải thuộc về thế gian này. Ví bằng nước ta thuộc về thế gian này, thì tôi tớ của ta sẽ đánh trận, đặt ta khỏi phải nộp cho

dân Giu-đa; nhưng hiện nay nước ta chẳng thuộc về hạ giới. ³⁷ Phi-lát bèn nói rằng: Thế thì người là vua sao? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Thật như lời, ta là vua. Này, vì sao ta đã sanh và vì sao ta đã giáng thế: Ấy là để làm chứng cho lẽ thật. Hễ ai thuộc về lẽ thật thì nghe lấy tiếng ta. ³⁸ Phi-lát hỏi rằng: Lẽ thật là cái gì? Khi người đã nói vậy, rồi lại đi ra đến cùng dân Giu-đa, mà rằng: Ta chẳng thấy người có tội lỗi gì cả.

Câu hỏi Chúa Giê-xu có phải là Vua dân Giu-đa (Do Thái) hay không, được chép trong cả bốn sách Phúc Âm. Là một thống đốc La Mã, Phi-lát hẳn sẽ quan tâm nhiều về những lời tuyên bố của bất cứ vua nào. Sự trông mong về Đấng Mết-si-a luôn bùng dậy cao độ trong mùa lễ Vượt Qua, cũng là cơ hội thuận lợi cho những người Do Thái cực đoan xui giục dân chúng làm loạn hoặc chống lại Rô-ma. Dĩ nhiên, Phi-lát thấy mình có cơ sở khi đặt câu hỏi về vương quyền của Đấng Christ.

Tuy nhiên, Phi-lát không lưỡng lự trước câu trả lời của Chúa: “Thật như lời” (*Ma-thi-ơ* 27:11). Nhưng khi Chúa đặt lại một câu hỏi. “Người nói điều đó tự ý mình, hay là có người đã nói điều đó với người về ta? (*Giăng* 18:34), Ngài thật sự muốn hỏi điều gì? “Người đang nghĩ về vua nào? Vua Rô-ma hay Vua Do Thái? Vua thế gian hay Vua thiên đàng?” Chúa Giê-xu không lẫn tránh vấn đề, Ngài buộc Phi-lát phải làm sáng tỏ vấn đề *theo suy nghĩ của ông ta*. Tóm lại, người bị xét xử không phải là Chúa Giê-xu, nhưng chính là Phi-lát!

Nếu Phi-lát nghĩ về vua Rô-ma, vậy Chúa Giê-xu có thể bị xem là kẻ chống nghịch. Nếu ông ta nghĩ về vua Do Thái, vậy những vấn đề chính trị có thể được thông qua, đáng chú ý rằng Phi-lát đã gọi Chúa Giê-xu bằng danh hiệu “Vua” ít nhất bốn lần suốt cuộc xử án, thậm chí còn ghi danh ấy vào tấm bảng treo trên thập tự giá (*Giăng* 18:39; 19:3, 14, 15, 19).

Câu trả lời của Phi-lát trước mặt Chúa Giê-xu bày tỏ suy nghĩ của dân Rô-ma về dân Do Thái. Giọng nói ông ta hẳn đã biểu hiện sự khinh thường và mỉa mai: “Nào có phải ta là người Do Thái đâu?” Chúa Giê-xu không phải là phạm nhân do bị Phi-lát bắt, nhưng bởi các quan trưởng trong dân Ngài!

Chịu Thương Khó Dưới Tay Bôn-xơ Phi-lát / 111

Không có lửa sao có khói? Vì vậy, Phi-lát đã hỏi: “Người đã làm điều gì?”

Bằng thái độ khoan dung, Chúa vui lòng giải thích về chính Ngài và Vương quốc Ngài. Vâng, Ngài thừa nhận mình là Vua, nhưng Vương quốc Ngài không đến từ quyền lực thế gian. Dân Do Thái ở dưới quyền La Mã, Phi-lát ở dưới quyền Sê-sa. Nhưng Chúa Giê-xu nhận được quyền năng từ Đức Chúa Trời. Vương quốc Ngài là Vương quốc thuộc linh, ngự trị trong lòng những người theo Ngài và Ngài không dựa vào phương tiện thế tục hay con người để đạt được mục đích mình. Nếu vương quốc Ngài thuộc về thế gian, vậy lúc này những người theo Ngài đã có thể tập hợp thành một quân đội sẵn sàng chống trả để giải thoát cho Ngài!

Chúa Giê-xu không nói rằng Ngài không có Vương quốc ở thế gian, cũng không nói rằng Ngài sẽ không bao giờ cai trị trên đất. Ngài thật sự có một Vương quốc ở thế gian này, vương quốc ấy hiện diện bất cứ nơi đâu có những con người tin cậy và đầu phục sự tể trị của Ngài. Ngày kia, Ngài sẽ tái lâm để thiết lập Vương quốc công bình của Ngài trên đất (*Đa-ni-ên* 7:13-28). Mối quan tâm của Phi-lát chính là nguồn cội của Vương quốc này: Chúa Giê-xu nhận thẩm quyền từ đâu?

Trong *Giăng* 18:37 Chúa cho biết Ngài là ai và Vương quốc nào thuộc về Ngài. Có lẽ Phi-lát không hiểu được ý nghĩa của những lời sâu sắc này, nhưng chúng ta hôm nay có thể hiểu rõ ý nghĩa Chúa muốn nói. Ngài đã được “sinh” ra, điều đó bày tỏ nhân tính Ngài. Nhưng Ngài đã “giáng thế” cho thấy thần tính Ngài. Sự kiện Ngài “giáng thế” có nghĩa là Ngài đã hiện hữu từ trước khi sinh ra tại Bết-lê-hem. Đây là một chân lý quan trọng được lặp lại nhiều lần trong *Phúc Âm Giăng* (1:9-10; 3:17, 19; 9:39; 10:36; 12:46; 16:28; 17:18).

Chúa không những chỉ cho Phi-lát biết về nguồn gốc Ngài, mà còn giải thích về chức vụ Ngài: làm chứng cho chân lý. Vương quốc Ngài là Vương quốc của chân lý thuộc linh, và Ngài thu phục dân chúng không bởi bạo quyền nhưng bởi sự cáo trách và thuyết phục. Ngài nói chân lý về Lời Đức Chúa Trời, và những ai

thuộc về Ngài đều hưởng ứng theo lời kêu gọi của Ngài (xem *Giăng* 8:47; 10:27). Vũ khí của người Rô-ma là gươm giáo, nhưng vũ khí của Chúa là lễ thật của Đức Chúa Trời, là Gươm Thánh Linh (*Ê-phê-sô* 6:17).

Chúng ta thật không thể biết Phi-lát đã đặt câu hỏi nổi tiếng kia với thái độ nào: “*Chân lý là gì?*” Francis Bacon đã viết: “*Lẽ thật là gì?*” Phi-lát hỏi một cách bồn cợt, chứ không muốn biết lời giải đáp.” Tuy nhiên, chúng ta không biết chắc Phi-lát có bồn cợt thật sự hay không. Có lẽ ông đã hỏi thật lòng. Từ bao thế kỷ qua, các triết gia Rô-ma và Hy Lạp đã bàn cãi về chính câu hỏi này, nhưng không đi đến kết luận dứt khoát nào cả, chúng ta không biết Phi-lát đã cười nhạo hay thờ dài khi hỏi câu ấy. Vì vậy thật không khôn ngoan khi đưa ra kết luận về vấn đề này.

Ít ra, Phi-lát cũng can đảm đối đầu với đám đông và tuyên phán: “Ta chẳng thấy người có tội lỗi gì cả.” Nhưng ông không nhận được sự hưởng ứng như lòng mình mong muốn, bởi các thầy tế lễ cả và các trưởng lão càng tố cáo Chúa nhiều hơn nữa! (xem *Ma-thi-ơ* 27:12-14). Chúa Giê-xu chỉ lặng thinh trước những kẻ vu cáo, sự yên lặng ấy đã làm Phi-lát kinh ngạc. Lẽ nào vị Vua này không thể tự bảo vệ mình sao? Nếu Ngài không nói gì, làm sao kẻ khác có thể đưa chứng cứ để bảo vệ Ngài? Phi-lát phải đương đầu với một tình huống nan giải!

Các thầy tế lễ thượng phẩm và các trưởng lão giải quyết nan đề thay Phi-lát khi la lên rằng Chúa Giê-xu đã xúi dân làm loạn từ xứ Ga-li-lê (*Lu-ca* 23:5). Ga-li-lê! Đó là lãnh địa thuộc trách nhiệm chủ quản của vua Hê-rốt, vậy tại sao lại không giao phạm nhân này cho Hê-rốt là người đang có mặt tại Giê-ru-sa-lem dự lễ? Giữa *Giăng* 18: 38 và 39 đã xảy ra sự kiện được chép ở *Lu-ca* 23:6-12. Kế hoạch của Phi-lát không giải quyết được nan đề của ông, vì vua Hê-rốt lại giao Chúa Giê-xu về cho Phi-lát! Nhưng dù sao kết quả nhận được cũng là sự hàn gắn vết vỡ trong quan hệ thân hữu giữa hai vị lãnh đạo này. Phi-lát vẫn phải đương đầu với Chúa Giê-xu và những người Do Thái.

Chịu Thương Khó Dưới Tay Bôn-xơ Phi-lát / 113

“Các Người Có Muốn Ta Tha Vua Dân Giu-đa Cho Chẳng?”

Giăng 18:39-19:7

³⁹ Nhưng các người có lệ thường, hễ đến ngày lễ Vượt Qua, thì ta tha cho các người một tên tù, vậy các người có muốn ta tha Vua dân Giu-đa cho chẳng? ⁴⁰ Chúng bèn kêu lên nữa rằng: Đừng tha nó, nhưng tha Ba-ra-ba! Vả, Ba-ra-ba là một kẻ trộm cướp.

19

¹ Bấy giờ, Phi-lát bắt Đức Chúa Jê-sus và sai đánh đòn Ngài. ² Bọn lính đàn một cái mào triều bằng gai, đội trên đầu Ngài, và mặc cho Ngài một cái áo điều.

³ Đoạn, họ đến gần, nói với Ngài rằng: Lạy Vua dân Giu-đa! Họ lại cho Ngài mấy cái vả.

⁴ Phi-lát lại ra một lần nữa, mà nói với chúng rằng: Đây nầy, ta dẫn người ra ngoài, để các người biết rằng ta không tìm thấy người có tội lỗi chi. ⁵ Vậy, Đức Chúa Jê-sus đi ra, đầu đội mào triều gai, mình mặc áo điều; và Phi-lát nói cùng chúng rằng: Kìa, xem người nầy! ⁶ Nhưng khi các thầy tế lễ cả và các kẻ sai thấy Ngài, thì kêu lên rằng: Hãy đóng đinh hắn trên cây thập tự, hãy đóng đinh hắn trên cây thập tự! Phi-lát nói cùng chúng rằng: Chính mình các người hãy bắt mà đóng đinh người; bởi vì về phần ta không thấy người có tội lỗi chi hết.

Vì vua Hê-rốt không tìm thấy tội lỗi nào đáng chết nơi Chúa Giê-xu, nên Phi-lát nảy ý kiến đương đầu với các lãnh đạo Do Thái để tìm cách phóng thích Chúa. Ông giải thích cho thầy tế lễ và các lãnh đạo rằng vua Hê-rốt đã không tìm thấy tội lỗi nơi Chúa và ông cũng thấy thế. Vậy chỉ nên đánh đòn Chúa rồi tha ra. Người Do Thái vốn quả quyết Chúa Giê-xu phải chết (Giăng 18:31), trong khi Phi-lát chỉ yếu ớt bênh vực Chúa mà thôi.

Hy vọng thuyết phục thêm lời đề nghị, Phi-lát mặc cả với các lãnh đạo Do Thái. Nhà cầm quyền có lệ phóng thích một phạm nhân vào lễ Vượt Qua để lấy lòng dân Do Thái, vậy, tại sao lại không tha Chúa Giê-xu? Hoặc tha Ba-ra-ba, n hưng làm sao dân Do Thái có thể muốn tha Ba-ra-ba? Hắn là một tên trộm cướp (18:40), một tội phạm nổi tiếng (Ma-thi-ơ 27:16), một kẻ dấy loạn và giết người (Lu-ca 23:19). Ai lại muốn phóng thích một loại tội phạm như thế?

Thật không thể ngờ rằng đám đông lại xin tha cho Ba-ra-

ba! Dân chúng đã bị các thầy tế lễ cả và các trưởng lão đồ dành (*Ma-thi-ơ* 27:20). Niềm tin tôn giáo không khiến họ yêu chuộng công lý. Tự ái dân tộc thường bị kích động trong thời gian lễ Vượt Qua, nên *tha* Ba-ra-ba là bày tỏ sự *phản kháng* Rô-ma. Dù Chúa Giê-xu là một nhân vật nổi tiếng trong dân sự, nhưng nhiều người thất vọng vì Ngài đã không lãnh đạo “cuộc tổng khởi nghĩa” lật đổ Rô-ma. Có lẽ, họ hy vọng rằng việc tiến vào Giê-ru-sa-lem của Chúa vài ngày trước đó là khởi điểm của cuộc cách mạng dân tộc Do Thái nhưng họ đã thất vọng.

Cũng khó mà lý giải cách đám đông chọn lựa người hùng của họ ra sao. Chắc hẳn có nhiều người Do Thái khâm phục Ba-ra-ba về sự can đảm và mưu mô của anh ta, và vui mừng khi Ba-ra-ba chống lại Rô-ma. Nếu họ thật lòng cân nhắc phải tha ai thì họ sẽ phải chọn Chúa Giê-xu. Nhưng khi bị những lãnh đạo xảo quyệt lợi dụng tình cảm quốc gia để sách động, thì quần chúng hành động theo cảm tính chứ không theo lý trí. Lời biểu quyết kết án của họ không nói lên điều gì về Con Đức Chúa Trời, nhưng cho thấy rất nhiều về chính họ.

Chẳng bao giờ để lỡ cơ hội, Phi-lát quay qua áp dụng chiến thuật mới: dùng tình cảm! Đám đông gào thét. “Hãy đóng đinh nó lên thập tự giá!” (*Mác* 15:14), nhưng có lẽ họ sẽ lắng lòng thù hận xuống khi thấy Chúa Giê-xu bị đánh đòn. Làm sao con người có thể nhìn xem một tù nhân bị đánh đập mà vẫn muốn người ấy bị đóng đinh? Roi để đánh Chúa là một đoạn dây bằng da có gắn những mảnh kim loại hoặc xương. Nhiều tù nhân không thể sống sót khi bị đánh đập bằng roi da ấy. Chúng ta thật đau lòng khi nghĩ đến Con Đức Chúa Trời vô tội lại bị xử phạt tàn bạo đến như vậy. Ngài vốn là Đấng thánh khiết, nhưng bị đối xử như kẻ có tội, và Ngài làm điều đó vì chúng ta. Ngài bị vả trước mặt An-ne (*Giăng* 18:22), bị nhổ nước miếng và bị đánh trước mặt Cai-phe cùng hội đồng các lãnh đạo (*Ma-thi-ơ* 26:13). Trước khi giải Ngài đến đồi Gô-gô-tha quân lính còn chế nhạo và đánh Ngài bằng cây sậy (*Mác* 15:19). Vì chúng ta, Ngài phải chịu thương khó dường ấy!

Phi-lát gọi Chúa là “Vua dân Giu-đa” (*Giăng* 18:39) nên quân

Chịu Thương Khó Dưới Tay Bôn-xơ Phi-lát / 115

lính cho rằng “vua” phải có vương miện và áo choàng. Dân Do Thái trước đây cười nhạo khi Chúa phán về Ngài như một tiên tri (*Ma-thi-ơ* 26:67-68), và giờ đây dân ngoại cũng chế nhạo Ngài khi Ngài xưng mình là Vua. Thì của động từ Hy Lạp trong *Giăng* 19:3 cho biết quân lính *nhiều lần* đến với Ngài, chế nhạo Ngài và đánh Ngài. Quyền lực âm phủ đã tung hoành thỏa thích trong tòa án Phi-lát!

Tội lỗi đã đem vào thế gian mọi thứ gai góc (*Sáng Thế Ký* 3:17-19). Vì vậy, Đấng Tạo Hóa phải mang máo gai khi gánh tội lỗi thế gian trên thập tự giá. Chính nguồn kim loại Ngài tạo ra và đặt dưới lòng đất, giờ được sử dụng làm những chiếc đinh đóng xuyên qua tay chân Ngài!

Lần thứ ba, Phi-lát bước ra trước dân chúng, dẫn theo Chúa Giê-xu (*Giăng* 18:29,38; 19:4). Nghĩ rằng hình ảnh một tù nhân chịu đánh đòn và sỉ nhục sẽ khơi dậy lòng thương hại của quần chúng, nhưng vô hiệu quả. Một lần nữa, Phi-lát tuyên bố ông không tìm thấy tội nào nơi Chúa Giê-xu. Nhưng lời ông nói càng làm nổi dậy lòng căm ghét của họ. “Đây này!... ta dẫn người ra ngoài,” ý Phi-lát muốn nói: “Hãy xem kẻ tội nghiệp này! Ông ta chịu đựng như vậy chưa đủ sao? Hãy thương xót và tha cho ông ta.” Phi-lát đã cố gắng hết khả năng, nhưng vẫn thất bại!

Sự thất bại trong kế hoạch của Phi-lát dạy chúng ta một bài học có ý nghĩa: tình cảm con người chưa đủ để đem tội nhân hư mất đến sự cứu rỗi. Có một quan điểm về sự cứu chuộc, được gọi là “thuyết ảnh hưởng đạo đức,” thích hợp với cách thức của Phi-lát. Quan điểm này cho rằng sự nhận biết về nỗi thống khổ của Chúa Giê-xu có thể cảm động lòng tội nhân để họ lánh xa tội lỗi và bắt đầu yêu mến Đức Chúa Trời. Quan điểm này hoàn toàn chủ quan, không liên quan đến sự thánh khiết của Đức Chúa Trời hay tầm quan trọng của việc thỏa mãn công lý thiên thượng.

Nếu có đám đông nào đáng thương hại, đó chính là đám đông Do Thái đang chờ đợi Phi-lát. Có dân tộc nào từng chịu đau khổ như Do Thái? Trước mặt họ là một tiên tri Do Thái chịu

thương khó bắt công dưới tay người Rô-ma, nhưng họ vẫn không hối hận hay tỏ lòng thương hại chút nào! Nếu tội nhân đã trông thấy Chúa Giê-xu trong sự thương khó mà còn không chịu ăn năn, vậy sẽ trông mong gì nơi những con người của 20 thế kỷ tiếp nối, là những người chỉ đọc về chuyện thương khó của Ngài?

Thập tự giá có liên quan đến nhiều điều, không chỉ là sự thương khó. Trên thập tự giá, Con Đức Chúa Trời đã trả giá cho tội lỗi của thế gian. Vì vậy, thập tự giá công bố tình yêu Đức Chúa Trời, đề cao sự thánh khiết và công bình của Ngài. Chúng ta được cứu không phải do cảm xúc thương hại Chúa Giê-xu. Chúng ta được cứu vì ăn năn tội lỗi và vì tin vào Chúa Giê-xu, Đấng chuộc tội thánh khiết. Tiến sĩ Leon Morris viết: “Nếu Đấng Christ không thật sự làm một điều gì đó qua sự chết của Ngài, thì sự chết của Ngài cũng chỉ là một hành động cao đẹp ngoạn mục thôi.”

Điều này không có nghĩa rằng, ngắm xem thập tự giá và suy ngẫm về sự thương khó của Đấng Christ là điều sai trái! Bài Thánh ca “Giờ Được Chiêm Ngưỡng Thập Giá” (TC 95) giúp ta nhận biết cái giá Chúa đã trả cho mình, nhưng cũng đừng nhầm lẫn tính đa cảm với cảm xúc thuộc linh thật. Những giọt lệ rơi xuống suốt buổi thờ phượng trong Hội Thánh là một vấn đề, nhưng hy sinh, chịu đựng, đầu phục và phục vụ sau buổi thờ phượng lại là một vấn đề khác. Chúng ta không chỉ chiêm ngưỡng thập tự giá, mà còn phải mang thập tự giá!

Lần thứ ba, Phi-lát công bố: “Ta không tìm thấy người có sự gì đáng chết.” Có lẽ đám đông đã hét lớn: “Vậy tại sao ông cho người đánh đòn Giê-xu?” Hành động của Phi-lát đã mâu thuẫn với lời nói của ông. Giống như nhiều chính trị gia khác, ông là con người hèn nhát, chỉ mong tìm một giải pháp “hòa hợp” hầu làm vui lòng mọi người. Khổng Tử đã định nghĩa sự hèn nhát là “biết điều thiện nhưng không làm theo” thật đúng với trường hợp của Phi-lát.

Các lãnh đạo tôn giáo nhanh chóng và thẳng thừng bác bỏ ý kiến Phi-lát: “Chúng tôi có luật, chiếu luật đó hẳn phải

Chịu Thương Khó Dưới Tay Bôn-xơ Phi-lát / 117

chết, vì hấn tự xưng là Con Đức Chúa Trời” (Giăng 19:7). Câu nói này không được ghi lại ở những Phúc Âm khác (cũng xem *Ma-thi-ơ* 26:63-64). Tuy nhiên, câu nói ấy thích hợp với mục đích viết Phúc Âm của Giăng (Giăng 20:31).

“Người Từ Đâu?”

Giăng 19:8-16

⁸ Khi Phi-lát đã nghe lời đó, lại càng thêm sợ hãi nữa.

⁹ Người lại trở vào nơi trường án mà nói với Đức Chúa Jê-sus rằng: Người từ đâu? Nhưng Đức Chúa Jê-sus không đáp gì hết. ¹⁰ Phi-lát hỏi Ngài rằng: Người chẳng nói chi với ta hết sao? Người há chẳng biết rằng ta có quyền buông tha người và quyền đóng đinh người sao? ¹¹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Nếu chẳng phải từ trên cao đã ban cho người, thì người không có quyền gì trên ta; vậy nên, kẻ nộp ta cho người là có tội trọng hơn nữa. ¹² Từ lúc đó, Phi-lát kiếm cách để tha Ngài; nhưng dân Giu-đa kêu lên rằng: Vớ bằng quan tha người nầy, thì quan không phải là trung thần của Sê-sa; vì hễ ai tự xưng là vua, ấy là xướng lên nghịch cùng Sê-sa vậy! ¹³ Phi-lát nghe lời đó, bèn dẫn Đức Chúa Jê-sus ra ngoài, rồi ngồi trên tòa án, tại nơi gọi là Ba-vê, mà tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Ga-ba-tha. ¹⁴ Và, bấy giờ là ngày sắm sửa về lễ Vượt Qua, độ chừng giờ thứ sáu. Phi-lát nói cùng dân Giu-đa rằng: Vua các người kia kìa! ¹⁵ Những người đó bèn kêu lên rằng: Hãy trừ hấn đi, trừ hấn đi! Đóng đinh hấn trên cây thập tự đi! Phi-lát nói với chúng rằng: Ta sẽ đóng đinh Vua các người lên thập tự giá hay sao? Các thầy tế lễ cả thưa rằng: Chúng tôi không có vua khác, chỉ Sê-sa mà thôi. ¹⁶ Người bèn giao Ngài cho chúng đóng đinh đóng đinh trên thập tự giá. Vậy, chúng bắt Ngài và dẫn đi.

Người La Mã và người Hy Lạp có rất nhiều huyền thoại về các vị thần lấy hình loài người để đến thế gian (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 14:8-13) vì vậy có lẽ Phi-lát rất nhạy bén khi nghe danh hiệu “Con Đức Chúa Trời.” Lời nói và thái độ của Chúa Giê-xu gây ấn tượng mạnh mẽ trong lòng Phi-lát. Từ trước đến nay, ông chưa hề gặp một phạm nhân nào như Ngài. Ngài có phải là một vị thần đến thế gian? Ngài có quyền năng siêu nhiên chăng? Dĩ nhiên, Phi-lát bắt đầu lo sợ! Vợ của Phi-lát cũng sai người đến khuyên ông một lời kỳ lạ: đừng làm gì đụng đến Chúa Giê-xu (*Mác* 27:19). Chúa Giê-xu đã hiện diện trong cả giấc mơ của bà!

Vì sao Chúa Giê-xu không trả lời câu hỏi của Phi-lát? Vì

Ngài đã trả lời trước đó (*Giăng* 18:36-37). Một nguyên tắc thuộc linh cơ bản cho thấy: Đức Chúa Trời sẽ không bày tỏ cho chúng ta chân lý nào khác nếu chúng ta không hành động theo chân lý mình đã biết. Hơn nữa, rõ ràng Phi-lát đã tỏ ra không quan tâm đến chân lý thuộc linh. Tất cả những gì ông quan tâm là làm sao duy trì được an ninh ở Giê-ru-sa-lem khi xúc tiến việc xét xử Chúa Giê-xu Na-xa-rét. Phi-lát không xứng đáng nhận câu trả lời!

Sự sợ hãi và tức giận thường đồng hành với nhau. Khi chúng ta sợ chúng ta trở nên yếu đuối, và rồi chúng ta lại rơi vào một thái cực khác là cố tỏ ra mạnh mẽ. Đây chính là điều Phi-lát hành động khi ông nhắc Chúa Giê-xu về quyền hạn của một quan chức La Mã như ông. Tuy nhiên lời nói của ông không giúp ông có thêm uy quyền, mà ngược lại biểu lộ sự yếu đuối nhu nhược của ông. Nếu ông có quyền phóng thích Chúa, *tại sao ông không thể làm điều ấy?* Ông đã tự lên án bằng những lời khoe khoang của chính mình.

Sự yên lặng của Chúa chúng ta trước mặt Hê-rốt và Phi-lát đã làm ứng nghiệm lời tiên tri *Ê-sai* 53:7. Sau này, Phi-e-rơ đã dùng hình ảnh ấy làm tấm gương về sự nhịn nhục để các Cơ Đốc nhân noi theo (*I Phi-e-rơ* 2:18-23).

Giăng 19:11 ghi lại những lời sau cùng của Chúa Giê-xu trước mặt Phi-lát, bày tỏ đức tin Ngài nơi Đức Chúa Trời và sự đầu phục theo ý muốn Đức Chúa Trời (xem *I Phi-e-rơ* 2:23 và 4:19). Mọi quyền đều từ Đức Chúa Trời mà đến (*Rô-ma* 13:1). Chúa Giê-xu vui lòng phó mình vào tay người La Mã và người Do Thái vì trên hết Ngài muốn đầu phục Đức Chúa Trời. Phi-lát khoe khoang về quyền hạn của mình (*Giăng* 19:10), nhưng Chúa Giê-xu cho ông biết rằng điều mà ông gọi là “quyền” chỉ bởi Đức Chúa Trời định cho ông mà thôi. Một ngày nào đó, Đức Chúa Trời sẽ gọi ông đến khai trình về cách ông đã sử dụng những đặc quyền và trách nhiệm của mình ra sao.

Chúa Giê-xu muốn nói về ai khi Ngài phán “...kẻ đã nộp ta cho người...”? Chắc chắn không phải Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết, không phạm tội và không thể

phạm tội. Chúa muốn nói về Cai-phe một thầy tế lễ thượng phẩm vô lương, là người từ lâu đã muốn Chúa Giê-xu phải chết (*Giăng* 11:47-54). Cai-phe hiểu biết Kinh Thánh và có nhiều cơ hội tra xem chứng cứ, nhưng ông vẫn cố tình bịt mắt và đóng cửa lòng. Ông biết rằng Chúa Giê-xu đã không được xét xử công bằng! Chính các cộng sự của ông xúi giục dân chúng gào lên: “Đóng đinh hắn trên cây thập tự!” Phi-lát là một kẻ ngoại đạo bị mù lòa về tâm linh, nhưng Cai-phe là người Do Thái hiểu biết về Kinh Thánh. Vì vậy, chính Cai-phe (chứ không phải Phi-lát) mới là kẻ trọng tội hơn!

Phi-lát rơi vào tình huống nan giải biết bao! Làm sao ông có thể biết chắc Chúa Giê-xu là “Con Đức Chúa Trời”? Và không có chứng cứ nào tỏ ra Ngài là người gây rối hoặc xui dân làm loạn. Cố gắng can đảm cuối cùng của Phi-lát là tìm cách tha Chúa Giê-xu. *Giăng* không nói cho chúng ta Phi-lát xử lý như thế nào (theo nguyên văn Hy Lạp thì nói “ông tiếp tục tìm cách thả Ngài”) nhưng tất cả đều thất bại. Thật ra, dân chúng bắt đầu cáo Phi-lát là người nghịch lại Sê-sa! Điều này quá nặng nề cho Phi-lát, nên ông đã tuyên án và giao Chúa Giê-xu cho người ta đóng đinh Ngài. Ma-thi-ơ cho biết Phi-lát đã rửa tay trước dân chúng (*Ma-thi-ơ* 27:4), nhưng hành động ấy không tẩy sạch được tấm lòng ông. Chính Phi-lát đang bị xét xử chứ không phải Chúa Giê-xu!

Dường như *Giăng* sử dụng giờ của Rô-ma, vì vậy “giờ thứ 6” có thể là 6 giờ sáng. Mác lại cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu bị đóng đinh vào “giờ thứ ba,” theo cách tính giờ của Do Thái là 9 giờ sáng. Vì *Giăng* viết “*độ chừng* giờ thứ 6” nên chúng ta không cần suy tính lý do vì sao phải mất ba tiếng đồng hồ để giải Chúa Giê-xu từ tòa Phi-lát đến đồi Gô-gô-tha.

“Ngày sắm sửa” chỉ về sự chuẩn bị cho lễ Sa-bát (xem *Giăng* 19:31), bắt đầu lúc mặt trời lặn của ngày hôm ấy (thứ Sáu). Vì đây là lễ Sa-bát, nên việc tổ chức rất trọng thể. Các lãnh đạo tôn giáo quan tâm rất nhiều về truyền thống, hơn là tìm biết chân lý và vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời. Vào ngày lễ trọng thể ấy, họ đã đóng đinh Đấng Mết-si-a của mình,

là Chúa Giê-xu Con Đức Chúa Trời!

Lời cuối cùng dân Do Thái nói rằng: “Chúng tôi không có vua khác, chỉ Sê-sa mà thôi!” (“Chúng tôi không muốn người này cai trị chúng tôi” – *Lu-ca* 19:14). Có một số nhà truyền đạo sốt sắng nhưng đã lầm lẫn khi nói rằng đám đông trong ngày Lễ Lá đã hô lớn “Hô-sa-na,” nhưng sau đó đổi lòng và gào thét “Hãy đóng đinh hắn trên cây thập tự!” Tuy nhiên, đó hoàn toàn là hai đám đông khác nhau. Đám đông trong ngày Lễ Lá đến từ xứ Ga-li-lê là nơi Chúa được mọi người biết đến. Đám đông tại tòa Phi-lát từ xứ Giu-đê và thành Giê-ru-sa-lem là nơi các lãnh đạo tôn giáo nắm nhiều quyền hành. Nếu các môn đệ Ga-li-lê có thể hành động, có lẽ họ đã chống lại để giải thoát cho Chúa Giê-xu!

Theo quan điểm con người, việc xét xử Chúa Giê-xu là tội ác và bi kịch lớn nhất trong lịch sử. Nhưng theo quan điểm Đức Chúa Trời, đây là sự ứng nghiệm lời tiên tri và sự hoàn thành ý muốn Đức Chúa Trời. Việc Đức Chúa Trời an bài mọi sự vẫn không xóa bỏ được trách nhiệm của những kẻ dự phần. Thực tế là vào lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rơ đã kết hợp hai ý niệm này trong một lời tuyên bố! (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:23).

Khi dân Y-sơ-ra-ên cầu xin một vị vua, và Đức Chúa Trời đã ban Sau-lơ cho họ, dân tộc này chối bỏ Đức Chúa Cha. Khi xin tha cho Ba-ra-ba, họ đã chối bỏ Đức Chúa Con. Ngày nay họ chối bỏ sự dẫn dắt của Đức Chúa Thánh Linh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:51; *Rô-ma* 10:21). Nhưng một ngày nào đó họ sẽ nhìn thấy Vua mình! (*Khải Thị* 1:7; *Ma-thi-ơ* 24:30; *Xa-cha-ri* 12:10-11).

Dân tộc này cũng như quan tổng đốc đều được thử nghiệm và cả hai đều đã thất bại ê chề!

Mong rằng chúng ta sẽ không thất bại!

Bạn sẽ liên hệ thế nào với Chúa Giê-xu? Bạn không thể trung lập. Một ngày kia lòng bạn sẽ hỏi: “Ngài có liên hệ gì với tôi?”

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 8

Giăng 18:28 – 19:16

1. Có bao giờ bạn bị cám dỗ làm điều sai quấy mà bạn nghĩ sẽ được hiệu quả hơn? Tại sao?
2. Đọc *Giăng* 18:28 – 19:16. Phi-lát biết được điều gì về Chúa Giê-xu qua cuộc đối thoại giữa ông và Ngài?
3. Các chức sắc tôn giáo dùng bằng cớ nào để buộc tội Chúa?
4. Bạn học được gì qua những câu Phi-lát hỏi Chúa?
5. Tại sao Chúa Giê-xu trả lời Phi-lát bằng những câu khó hiểu như vậy?
6. Phi-lát đã cố gắng như thế nào để làm điều mà ông cho rằng sẽ giải quyết được vấn đề thay vì làm những điều ông biết rằng đúng?
7. Trong phần Kinh Thánh này, bạn học được gì về nhân tính và thần tính của Chúa Giê-xu?
8. Theo bạn, tại sao Chúa Giê-xu im lặng trong suốt lần hỏi cung thứ nhì của Phi-lát?
9. Căn cứ vào đâu để đưa ra phán quyết sau cùng về Chúa Giê-xu?
10. Trong trường hợp này, Đức Chúa Trời đã can thiệp ra sao đến chính quyền La Mã?
11. Thái độ của Chúa Giê-xu trước mặt Phi-lát dạy bạn điều gì trong việc ứng phó với một thế giới thù địch?

Chịu Chết Trên Thập Tự Giá

Giăng 19:17-42

Bài Tín Điều Các Sứ Đồ xác định rằng: “Ngài... bị đóng đinh trên thập tự giá, chịu chết và chôn...” Ba sự kiện này được mô tả trong *Giăng 19:17-42* là những sự kiện quan trọng mà chúng ta không chỉ nên hiểu theo quan điểm lịch sử mà còn theo quan điểm của giáo lý nữa. Nếu muốn vào thiên đàng, ta cần phải biết *việc gì đã xảy ra, và tại sao sự việc đã xảy ra.*

Bị Đóng Đinh

Giăng 19:17-27

¹⁷ Đức Chúa Jê-sus vác thập tự giá mình, đi đến ngoài thành, tại nơi gọi là cái Sọ, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Gô-gô-tha. ¹⁸ Ấy đó là chỗ họ đóng đinh Ngài, lại có hai người khác với Ngài, mỗi bên một người, còn Đức Chúa Jê-sus ở chính giữa.

¹⁹ Phi-lát cũng sai làm một tấm bảng, rồi treo lên trên thập tự giá. Trên bảng đó, có đề chữ rằng: Jê-sus người Na-xa-rét, là Vua dân Giu-đa. ²⁰ Vì nơi Đức Chúa Jê-sus bị đóng đinh ở gần thành, và chữ đề trên bảng đó viết bằng chữ Hê-bơ-rơ, chữ La-tinh và chữ Gờ-réc, nên có nhiều người Giu-đa đọc đến. ²¹ Các thầy tế lễ cả của dân Giu-đa bèn nói với Phi-lát rằng: Xin đừng viết: Vua dân Giu-đa; nhưng viết rằng, người nói: Ta là Vua dân Giu-đa. ²² Phi-lát trả lời rằng: Lời ta đã viết, thì ta đã viết rồi.

²³ Quân lính đã đóng đinh Đức Chúa Jê-sus trên thập tự giá rồi, bèn lấy áo xống của Ngài chia làm bốn phần, mỗi tên lính chiếm một phần. Họ cũng lấy áo dài của Ngài, nhưng áo dài đó không có đường may, nguyên một tấm vải dệt ra, từ

Chịu Chết Trên Thập Tự Giá / 123

trên chí dưới. ²⁴ Vậy, họ nói với nhau rằng: Đừng xé áo này ra, song chúng ta hãy bắt thăm, ai trúng lấy được. Ấy để cho được ứng nghiệm lời Kinh thánh này:

Chúng đã chia nhau áo xống của ta,

Lại bắt thăm lấy áo dài ta.

Đó là việc quân lính làm.

²⁵ Tại một bên thập tự giá của Đức Chúa Jê-sus, có mẹ Ngài đứng đó, với chị mẹ Ngài và Ma-ri vợ Cơ-lê-ô-ba, và Ma-ri Ma-đơ-len nữa. ²⁶ Đức Chúa Jê-sus thấy mẹ mình, và một môn đồ Ngài yêu đứng gần người, thì nói cùng mẹ rằng: Hỡi đàn bà kia, đó là con của người! ²⁷ Đoạn, Ngài lại phán cùng người môn đồ rằng: Đó là mẹ người! Bắt đầu từ bấy giờ, môn đồ ấy rước người về nhà mình.

Phi-lát giao Chúa Giê-xu cho các thầy tế lễ cả. Cùng với sự giúp sức của quân lính La Mã, họ đã đem Chúa đi đóng đinh. Cicero nhà triết học và chính trị gia người Rô-ma nói rằng: “Đây là một trong những hình phạt nhục nhã và kinh khủng nhất. Đừng bao giờ để nó xảy đến với thân thể công dân Rô-ma, cũng đừng để nó lảng vảng trong tâm trí, trong mắt hay tai của họ”.

Hình phạt đóng đinh trên thập tự có lẽ xuất xứ từ Ba-tư và xứ Phê-ni-xi, nhưng người Rô-ma lại sử dụng nó một cách đặc biệt. Không một người Rô-ma nào phải chịu hình phạt ấy tuy cũng có trường hợp ngoại lệ. Đây là hình phạt dành cho loại tội phạm đê hạ nhất, đặc biệt là những kẻ khởi xướng một cuộc nổi dậy. Hôm nay, chúng ta nhìn xem thập tự giá như một biểu tượng của sự vinh hiển và đắc thắng, nhưng vào thời Phi-lát, thập tự giá bày tỏ tình trạng tệ hại nhất của sự bị chối bỏ, nhục nhã và đau đớn. Chính Chúa Giê-xu là Đấng đã làm cho mọi sự thay đổi.

Phạm nhân theo luật phải vác thập tự giá của mình, hay ít nhất cũng phải vác xà ngang, đi từ tòa xử án đến trường án. Chúa Giê-xu bắt đầu một chặng đường dài phải mang thập tự của Ngài, nhưng Ngài được phần nào nhẹ gánh khi quân lính bắt Si-môn quê ở Sy-ren vác thập tự thay Ngài. Chúng ta không biết vì sao Chúa Giê-xu được miễn vác gánh nặng ấy, Kinh

Thánh không nói về lý do này. Phải chăng Chúa quá yếu sức do bị đòn nhiều nên không thể vác nặng? Hay sự yếu sức của Ngài làm trì trệ thời gian của cả đoàn người trong lúc người Do Thái nóng lòng muốn mọi sự qua sớm để họ có thể kỷ niệm lễ Vượt Qua vào ngày Sa-bát. Có một điều chắc chắn: mang thập tự giá là dấu hiệu của sự phạm tội, và *Chúa Giê-xu chẳng có tội lỗi nào* (xem *Mác 15:20-21*).

Phạm nhân buộc phải mang một tấm bảng nêu tội trạng của mình. Tội trạng duy nhất được công bố trong bốn sách Phúc Âm là lời Phi-lát viết rằng: “Giê-xu người Na-xa-rét, là Vua dân Giu-đa? Các thầy tế lễ cả phủ nhận danh hiệu này, nhưng Phi-lát không chịu thay đổi. Đây là thái độ bất đồng cuối cùng của ông đối với tổ chức Do Thái giáo. Ông thừa biết các thầy tế lễ cả ghen ghét Chúa Giê-xu và muốn tiêu diệt Ngài (*Ma-thi-ơ 27:18*). Một chính trị gia khôn ngoan như Phi-lát thừa hiểu những âm mưu của hội đồng các thầy tế lễ. Ông biết rằng bảng tội trạng kia đã làm nhục họ và khiến họ bối rối. Đó chính là điều Phi-lát muốn!

Thật ý nghĩa khi danh hiệu này được viết bằng chữ Hê-bơ-rơ, Hy Lạp là La-tinh. Trước tiên, điều này cho thấy Chúa chúng ta bị đóng đinh ở một nơi có nhiều người thuộc nhiều dân tộc lai vãng. Tiếng Hê-bơ-rơ là ngôn ngữ tôn giáo, tiếng Hy Lạp dành cho triết học và tiếng La-tinh dùng trong luật pháp, và cả ba điều này cũng kết hợp nhau đóng đinh Con Đức Chúa Trời!. Tuy nhiên Ngài đã chết trên thập tự vì cả thế gian! Trong Phúc Âm, Giảng nhấn mạnh công việc của Đấng Christ ở quy mô rộng lớn dành cho cả thế gian. Không hề nhận biết điều này, nhưng Phi-lát đã viết một truyền đạo đơn Phúc Âm khi ông nêu lên danh hiệu này, vì một trong những tên trộm cướp đã khám phá ra Ngài là Vua và xin được vào Vương quốc Ngài.

Chúa Giê-xu bị đóng đinh ngoài cửa thành (*Hê-bơ-rơ 13:11-13*) giữa hai phạm nhân, có lẽ là đồng bọn của Ba-ra-ba. Chúng ta không biết rõ nơi thập tự giá của Chúa được dựng lên ở

đâu. Đã có biết bao thay đổi về địa hình ở Giê-ru-sa-lem kể từ năm 70 SC khi Titus và người Rô-ma phá hủy thành. Vì vậy thật khó xác định con đường Chúa đi đến nơi đóng đinh hoặc nơi dựng thập tự. Ngày nay những người hành hương đến Đất Thánh được cho biết đó là Nhà thờ Mộ Chúa và Đồi Gô-gô-tha gần khu mộ.

Theo tiếng Hê-bơ-rơ, *Gô-gô-tha* có nghĩa là “Cái Sợ” (tiếng La-tinh là Calvary). Chúng ta cũng không biết vì sao nơi đây có cái tên đặc biệt như vậy. Chắc chắn người Do Thái không muốn để lại những chiếc sợ người ô uế nơi thi hành án. Vì vậy, thi thể (có đầu nguyên vẹn) được chôn (nếu phạm nhân có thân hữu) hoặc bị ném vào bãi rác. Gô-gô-tha có hình dạng giống sợ người, nhưng khó mà nói rằng địa hình của nó vẫn giữ nguyên như cách đây 2.000 năm.

Việc đóng đinh Chúa Giê-xu chung với hai tên cướp khét tiếng chỉ làm gia tăng sự sỉ nhục. Điều này làm ứng nghiệm lời tiên tri Ê-sai 53:12 “Người đã bị kể vào hàng kẻ dữ.” Ngài bị đối xử như một tội phạm nguy hiểm!

Những cuộc xử án ngày nay thường được thực hiện kín đáo, gần như ít người biết. Nhưng Chúa Giê-xu đã bị đóng đinh vào thập tự giá, bị treo lên cốt cho mọi người đều thấy. Thời điểm này là lễ Vượt Qua nên hàng ngàn người từ các nơi đổ về Giê-ru-sa-lem. Nơi thi hành án ở ngoài cửa thành là nơi nhiều người sẽ đi qua. Chúa Giê-xu là nhân vật nổi tiếng nên việc Ngài bị bắt và bị xử án là đề tài để nhiều người bàn luận. Đương nhiên, mọi người đều tụ tập lại để chứng kiến cảnh tượng thương tâm này!

Quân lính chắc hẳn cũng có mặt ở đó để giữ trật tự. Trong mọi cuộc xử án của người Rô-ma, một đội trưởng có bốn phụ tá. Vì Chúa Giê-xu là một giáo sư được nhiều người biết đến nên Phi-lát có thể đã phái nhiều lính canh đến Gô-gô-tha. Quân lính có quyền chia mọi thứ của phạm nhân. Vì vậy họ chia nhau mớ tài sản ít ỏi của Chúa: Chúa có một khăn choàng, một đôi dép, quần áo trong, áo ngoài và dây lưng. Bốn tên giữ mỗi người một món, và chúng cũng bắt thăm để lấy chiếc

áo ngoài không đường nối của Ngài. Điều này ứng nghiệm lời tiên tri ở *Thi Thiên* 22:18.

Các sách Phúc Âm khác cho chúng ta biết rằng nhiều người đi qua đã sỉ vả Chúa Giê-xu, do sự xui giục của các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo (*Mác* 15:29-32). Khi đọc *Thi Thiên* 22:1-31 bạn sẽ thấy Đa-vít dùng hình ảnh của loài vật để mô tả những con người bắt bớ Chúa chúng ta: bò đực (c.12), sư tử (c.13,21), và chó (c.16,20). Khi con người chối bỏ Chúa mình, họ chẳng khác nào loài cầm thú!

Có mấy người phụ nữ cùng sứ đồ Giảng đứng gần thập tự giá (sau đó có lẽ họ đã lùi xa hơn để đứng chung với những người bạn khác của Chúa Giê-xu (*Ma-thi-ơ* 27:55-56; *Mác* 15:40-41) Giảng kể tên bốn người đàn bà là Ma-ri mẹ Chúa, Sa-lô-mê: chị của mẹ Ngài, mẹ của Giảng và Gia-cô, Ma-ri: vợ của Cơ-lê-ô-ba, và Ma-ri Ma-đơ-len. Họ thật can đảm khi đứng giữa những kẻ ghen ghét và nhạo báng, nhưng sự hiện diện của họ hẳn khích lệ Chúa rất nhiều.

Lần đầu tiên chúng ta gặp Ma-ri trong *Phúc Âm Giảng* lúc bà dự lễ cưới (*Giăng* 2:1-11) giờ đây bà chuẩn bị lễ chôn cất. Giờ đã đến! Bà kinh nghiệm được “thanh gươm” đã nói đến những năm về trước (*Lu-ca* 2:35). Sự yên lặng của bà thật ý nghĩa! Vì nếu có ai bảo vệ cho Chúa Giê-xu, ấy chính là mẹ Ngài! Bà chỉ cần khai rằng lời tuyên bố của Chúa Giê-xu hoàn toàn sai, thế là bản án kia sẽ được xét lại – nhưng bà không nói gì! Đây quả là một lời chứng về thần tính của Đấng Christ.

Để bày tỏ cho Ma-ri lòng yêu mến tôn trọng của Chúa đối với bà, Ngài đã giao trách nhiệm cho Giảng, môn đệ Ngài yêu, người đã dựa trên ngực Ngài. Giảng sẽ làm con trai của Ma-ri để chăm sóc bà. Chúng ta không biết lúc ấy Giảng có đưa Ma-ri rời khỏi Gô-gô-tha, dẫn về nhà hay không, nhưng chắc rằng Giảng đã chăm sóc bà, và bà là một trong những người có mặt tại Phòng Cao vào lễ Ngũ Tuần (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:14). Dù khi thi hành công tác cứu chuộc, Chúa vẫn trung tín với trách nhiệm làm con của Ngài. Thật vinh dự cho Giảng khi được thay thế nhiệm vụ của Chúa trong đời sống

Ma-ri!

Đừng lầm lẫn Ma-ri Ma-đơ-len với “người đàn bà có tội” ở *Lu-ca* 7:36tt. Chúa Giê-xu đã đuổi các quỷ ra khỏi Ma-ri Ma-đơ-len (*Lu-ca* 8:2; *Mác* 16:9), và bà đem khả năng mình có để giúp đỡ Chúa thi hành chức vụ. Sa-lô-mê là người đã xin Chúa ban “ngôi vinh hiển” cho hai con trai mình (*Ma-thi-ơ* 20:20-29) và Chúa đã từ chối lời cầu xin ấy. Có lẽ bạn không biết bà nghĩ gì khi đứng nhìn Chúa Giê-xu chết trên thập tự giá. Cảnh tượng này hẳn đã cáo trách sự ích kỷ của bà.

Chịu Chết

Giăng 19:28-30

²⁸ Sau đó, Đức Chúa Jêsus biết mọi việc đã được trọn rồi, hầu cho lời Kinh thánh được ứng nghiệm, thì phán rằng: Ta khát. ²⁹ Tại đó, có một cái bình đựng đầy giấm. Vậy, họ lấy một miếng bông đá thấm đầy giấm, buộc vào cây ngưu tất đưa kề miệng Ngài. ³⁰ Khi Đức Chúa Jêsus chịu lấy giấm ấy rồi, bèn phán rằng: Mọi việc đã được trọn; rồi Ngài gục đầu mà trút linh hồn.

Chúa biết mọi điều sắp xảy đến; Ngài hoàn toàn tự chủ khi vâng phục ý muốn Cha trên trời. Ngài chối từ uống rượu làm giấm đau thường được ban cho những kẻ sắp bị đóng đinh (*Ma-thi-ơ* 27:34). Để được ứng nghiệm lời Kinh Thánh (*Thi Thiên* 69:21), Ngài phán “Ta khát.” Ngài phải chịu đựng sự đau đớn thật của thể chất vì Ngài có một thân thể con người bằng xương thịt. Ngài vừa thoát cảnh chìm đắm trong sự tối tăm suốt ba giờ đồng hồ, ném trái cơn thịnh nộ và sự xa cách với Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 27:45-49). Khi bạn kết hợp những yếu tố: sự tối tăm, cơn khát và sự cô đơn bạn sẽ thấy một địa ngục ở trước mặt! Có những lý do về thể chất khiến Chúa khát (*Thi Thiên* 22:15), nhưng cũng có những lý do thuộc linh nữa (*Thi Thiên* 42:1-2).

Một tên lính đã thương hại Chúa nên thấm môi Ngài bằng loại rượu giấm rẻ tiền mà bọn lính vẫn thường uống. Chúng ta không nên nghĩ rằng Chúa bị treo quá cao ở trên khoảng không, nên không thể đụng tới được. Chân Ngài có lẽ chỉ cách mặt

đất khoảng 3-4 feet (trên dưới 1m) nên tên lính dễ dàng buộc miếng bông vào đầu cây sậy và cho Chúa uống. Hôm nay, bạn và tôi cũng có thể “cho Chúa uống” bằng cách san sẻ những gì mình có cho những kẻ khốn khó (*Ma-thi-ơ* 25:34-40).

Thi Thiên 69 có những ngụ ý rất rõ ràng về Đấng Mết-si-a. Câu 3 nói rằng: “Cuống họng tôi khô”. Câu 4 là lời Chúa muốn nói ở *Giăng* 15:25. Câu 8 có liên hệ với *Giăng* 7:3-5. Câu 9 được trích dẫn ở *Giăng* 2:17 và câu 21 được đề cập trong *Giăng* 19:28-29. Hãy chú ý sự nhấn mạnh về nỗi “sỉ nhục” (*Giăng* 19: 7-10, 19-20) và hình ảnh “dòng nước sâu” (*Giăng* 14-15 xem *Lu-ca* 12:50).

Có bảy tiếng kêu Chúa đã thốt ra khi Ngài bị treo trên thập tự giá. Ba tiếng kêu đầu tiên, Ngài nghĩ đến kẻ khác: là những kẻ đã đóng đinh Ngài (*Lu-ca* 23:34), tên cướp tin nhận Ngài (*Lu-ca* 23:39-43) và mẹ Ngài (*Giăng* 19:25-27). Tiếng kêu thứ tư có liên quan đến mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Trời (*Ma-thi-ơ* 27:45-49). Ba tiếng kêu sau cùng tập trung vào bản thân Ngài: thể chất Ngài (*Giăng* 19:28-29), linh hồn Ngài (*Giăng* 19:30; *Ê-sai* 53:10) và tâm linh Ngài (*Lu-ca* 23:46).

Rượu giấm không làm thỏa mãn hoàn toàn cơn khát của Chúa, nhưng giúp Ngài đủ sức thốt lên những lời đắc thắng mạnh mẽ và lớn tiếng: “Mọi việc đã được trọn.” Theo tiếng Hy Lạp, lời nói ấy được viết là “*tetelestai*”, nghĩa là “Mọi việc đã được hoàn tất, vẫn đang hoàn tất và luôn luôn hoàn tất.” Thật vậy, sự thương khó của Chúa chúng ta giờ đây đã được hoàn tất và nhiều ý nghĩa được hàm chứa trong lời nói đầy kịch tính ấy. Tất cả những hình bóng và lời tiên tri trong Cựu Ước đã được làm trọn; và giờ đây, Ngài đã hoàn thành công tác chuộc tội “một lần đủ cả”.

Đối với chúng ta hôm nay, từ “*tetelestai*” thật xa lạ nhưng vào thời ấy nó được nhiều người dùng đến trong đời sống thường nhật. Người đầy tớ dùng từ ấy để báo lại cho chủ “Tôi đã hoàn tất công việc được giao phó” (xem *Giăng* 17:4). Khi thầy tế lễ xem xét con sinh tế và không thấy nó có tí vết thì

ông ta dùng từ ấy. Chúa Giê-xu thật là Chiên Con Đấng Chúa Trời không thì không vết. Khi một họa sĩ hoàn tất bức họa hay một nhà văn viết xong tác phẩm của mình, họ có thể nói “mọi việc đã xong.” Sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự giá đã “hoàn tất bức tranh” Đấng Chúa Trời đang vẽ và câu chuyện Ngài đang viết từ bao thế kỷ qua. Bởi thập tự giá, chúng ta có thể hiểu được những nghi lễ và lời tiên tri trong Cựu Ước.

Có lẽ, ý nghĩa thâm thúy nhất của từ “*tetelestai*” đã được các thương gia sử dụng: “Mọi nợ nần đã được trả đủ!” Khi Chúa Giê-xu phó mạng sống trên thập tự giá, Ngài đã đáp ứng đầy đủ những yêu cầu chính đáng của một luật lệ thánh khiết, Ngài đã trả hết mọi nợ tội của chúng ta. Không một con sinh tể nào trong thời Cựu Ước có thể xóa sạch tội lỗi. Huyết của chúng chỉ có thể khóa lấp tội mà thôi. Nhưng Chiên Con Đấng Chúa Trời đã đổ huyết ra và huyết Ngài có thể xóa sạch tội lỗi của cả thế gian (*Giăng* 1:29; *Hê-bơ-rơ* 9:24-28).

Trước đây, một nhà truyền đạo hơi lập dị là Alenxander Wooten, được một thanh niên hoang đường tìm đến hỏi rằng: “Tôi phải làm gì để được cứu?” Wooten đáp, “Đã quá trễ!” Chàng thanh niên vô cùng lo lắng: “Có phải ông muốn nói rằng đã quá trễ, tôi chẳng có thể được cứu, vậy phải làm sao bây giờ?” Wooten đáp: “Đã quá trễ! Vì mọi việc đã được làm trọn rồi! Điều duy nhất cậu có thể làm là: tin nhận!”

Sự chết của Chúa Giê-xu là chủ đề chính trong *Phúc Âm Giăng*. Điều này đã được Giăng Báp-tít rao báo trước khi Chúa Giê-xu bắt đầu chức vụ Ngài (*Giăng* 1:29; 35-36). Chúa đề cập đến điều này đầu tiên trong *Giăng* 3:14, chắc hẳn là hình ảnh về sự đóng đinh trên thập tự giá (xem *Giăng* 8:28; 12:32). Chúa thường nói về việc “vác thập tự giá” (*Ma-thi-ơ* 10:38; 16:24). Sau khi Phi-e-rơ xưng nhận đức tin, Chúa cho biết rõ rằng Ngài sẽ phải bị giết (*Ma-thi-ơ* 16:21), sau đó Ngài cho các môn đệ biết Ngài sẽ bị đóng đinh trên thập giá (*Ma-thi-ơ* 20:17-19).

Trong *Phúc Âm Giăng*, bạn sẽ tìm thấy nhiều hình ảnh nói về sự chết của Chúa: chiên con bị giết (*Giăng* 1:29), đền thờ

130 / Giảng

bị phá hủy (*Giăng* 2:19), con rắn bị treo lên (*Giăng* 3:14), Người Chăn phó mạng sống mình vì bầy chiên (*Giăng* 10:11-18) và hạt giống bị gieo xuống đất (*Giăng* 12:20-25). Những hình ảnh này cho biết rõ về sự chết của Chúa Giê-xu: đó không phải là một sự cố hay một tai nạn, nhưng là sự chỉ định từ Đức Chúa Trời. Không phải Ngài bị giết theo nghĩa bình thường, nhưng Ngài vui lòng phó sự sống mình vì chúng ta. Sự chết của Ngài không chỉ là một tấm gương, nhưng còn là một sự chuộc tội, Ngài thật sự đã hoàn tất công tác cứu chuộc trên thập tự giá!

Những kẻ vô tín đã bịa đặt rằng Chúa Giê-xu không thật sự chết, Ngài chỉ “ngất đi” trên thập tự giá và sau đó đã “tỉnh lại” trong ngôi mộ lạnh lẽo kia! Nhưng có rất nhiều chứng cứ cho thấy Chúa Giê-xu thật sự đã chết trên thập tự giá: thầy đội (*Ma-thi-ơ* 15:44-45), những người viết sách Phúc Âm, các thiên sứ (*Ma-thi-ơ* 28:5, 7) người Giu-đa (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5:28) chính Chúa Giê-xu (*Lu-ca* 24:46; *Khải Thị* 1:18), và cả muôn vãn thiên sứ thờ phượng Chúa trên trời (*Khải Thị* 5:9, 12). Phao-lô, Phi-e-rơ và Giảng cũng đề cập đến sự chết của Đấng Christ trong các thư tín.

Sự chết của Chúa mang tính tự nguyện: Ngài vui lòng trút linh hồn mình (*Giăng* 19:30; 10:17-18), Ngài phó chính mình (*Ga-la-ti* 2:20;) Ngài dâng mình như một giá chuộc nhiều người (*Mác* 10:45), như một của lễ lễ cho Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 5:2) và của lễ chuộc tội (*I Giăng* 2:2). *Lu-ca* 9:31, sự chết của Chúa được gọi là sự “qua đời,” tiếng Hy Lạp gọi là “exodus” (cuộc ra đi) chỉ về chiên con của lễ Vượt Qua và sự giải phóng khỏi ách nô lệ. Để bày tỏ mọi điều đã xảy ra khi Chúa Giê-xu chịu chết trên thập tự giá, hẳn sẽ phải mất một khoảng thời gian vô tận!

Bị Chôn

Giăng 19:31-42

³¹ Vì bấy giờ là ngày sắm sửa về ngày Sa-bát, mà Sa-bát này là rất trọng thể, nên dân Giu-đa ngại rằng những thầy còn treo lại trên thập tự giá trong ngày

Chịu Chết Trên Thập Tự Giá / 131

Sa-bát chẳng, bèn xin Phi-lát cho đánh gãy ống chân những người đó và cất xuống. ³² Vậy, quân lính lại, đánh gãy chân người thứ nhất, rồi đến người kia, tức là kẻ cùng bị đóng đinh với Ngài. ³³ Khi quân lính đến nơi Đức Chúa Jê-sus, thấy Ngài đã chết rồi, thì không đánh gãy ống chân Ngài; ³⁴ nhưng có một tên lính lấy giáo đâm ngang sườn Ngài, tức thì máu và nước chảy ra. ³⁵ Kẻ đã thấy thì làm chứng về việc đó, (lời chứng của người là thật, và người vẫn biết mình nói thật vậy), hầu cho các người cũng tin. ³⁶ Vì điều đó xảy ra, cho được ứng nghiệm lời Kinh thánh nầy: Chẳng một cái xương nào của Ngài sẽ bị gãy. ³⁷ Lại có lời Kinh thánh nầy nữa: Chúng sẽ ngó thấy người mà mình đã đâm.

³⁸ Sau đó, Giô-sép người A-ri-ma-thê, làm môn đồ Đức Chúa Jê-sus một cách kín giấu, vì sợ dân Giu-đa, xin phép Phi-lát cho lấy xác Đức Chúa Jê-sus; thì Phi-lát cho phép. Vậy, người đến và lấy xác Ngài. ³⁹ Ni-cô-đem, là người khi trước đã tới cùng Đức Chúa Jê-sus trong ban đêm, bấy giờ cũng đến, đem theo độ một trăm cân một được hòa với lư hội. ⁴⁰ Vậy, hai người lấy xác Đức Chúa Jê-sus, dùng vải gai và thuốc thơm gói lại, theo như tục khâm liệm của dân Giu-đa. ⁴¹ Vả, tại nơi Ngài bị đóng đinh, có một cái vườn, trong vườn đó có một cái huyệt mới, chưa chôn ai. ⁴² Ấy là nơi hai người chôn Đức Chúa Jê-sus, vì bấy giờ là ngày sắm sửa của dân Giu-đa, và mộ ấy ở gần.

Có hai nhóm người liên quan đến việc chôn Chúa: quân lính La Mã (*Giăng* 19:31-37) và các tín hữu Do Thái (*Giăng* 19:38-42). Các phạm nhân thường ở trong tình trạng hấp hối trên thập tự giá quá lâu, nên các lãnh đạo tôn giáo muốn kết thúc nhanh chóng cái chết của Chúa Giê-xu và hai tên cướp. Tuy nhiên, Chúa chúng ta vẫn hoàn toàn chủ động. Ngài trút linh hồn vào “giờ thứ chín” nghĩa là ba giờ chiều (xem *Ma-thi-ơ* 27:45-50). Ba tiếng kêu cuối cùng được Chúa thốt ra trong khoảng thời gian ngắn trước khi Ngài phó sự sống mình.

Đáng chú ý là lính La Mã đã *không thực hiện* mệnh lệnh được giao cho họ: phải đánh gãy chân các phạm nhân. Nhưng họ *đã làm* việc mà họ không hề được giao: đâm vào sườn Đấng Christ! Trong cả hai sự việc, họ đã làm ứng nghiệm lời Đức Chúa Trời! Chẳng một cái xương nào của Chiên Con lễ Vượt Qua bị gãy (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 12:46; *Dân Số* Ký 9:12; *Thi Thiên* 34:20) như vậy chính Chúa đã bảo vệ những cái xương của Ngài. Sườn Ngài phải bị đâm (*Xa-cha-ri* 12:10; *Khải Thị* 1:7), vì vậy điều này đã được quân lính La Mã thực hiện.

Giăng nhìn thấy ý nghĩa đặc biệt về huyết và nước đã chảy

ra từ hông Chúa. Trước tiên, nó chứng tỏ Chúa Giê-xu có một thân thể con người thật (xem *I Giảng* 1:1-4) và đã trải qua sự chết thật. Vào thời điểm Giảng viết thư tín này, có những giáo sư giả trong Hội Thánh tuyên bố rằng Chúa Giê-xu thật sự không mang thân thể con người! Ngoài ra, còn có một ý nghĩa tượng trưng: huyết Chúa bày tỏ việc chúng ta được xưng công bình, nước từ hông Ngài bày tỏ rằng chúng ta được thánh hóa và tinh sạch. Huyết Chúa bôi xóa tội lỗi và nước từ Ngài giải quyết ô nhiễm của tội lỗi. Một số học giả Kinh Thánh đã kết hợp *Giăng* 19:34 với *I Giảng* 5:6), nhưng có lẽ sự kết hợp này không đủ sức thuyết phục. Trong *I Giảng* 5, Giảng đưa ra chứng cứ Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời đã đến thế gian trong thể xác và ông trình bày ba chứng cứ: Thánh Linh, nước và huyết (5:6, 8). Thánh Linh có liên quan đến lễ Ngũ Tuần và nước có liên hệ với phép báp-têm. Còn huyết chỉ về sự hy sinh của Chúa trên thập tự giá. Trong mỗi sự kiện ấy, Đức Chúa Trời chứng minh rằng Chúa Giê-xu chính là Đấng đại diện cho những gì Ngài tuyên bố, là Đức Chúa Trời đã đến trong xác thịt. Thực ra, qua *Giăng* 19:35 sứ đồ Giảng cho thấy rõ nước và huyết giúp người đọc Kinh Thánh tin rằng Chúa Giê-xu là Đấng Christ (xem *Giăng* 20:31).

Khi quân lính đã thực hiện xong công việc dã man của họ, bạn hữu của Chúa bắt đầu làm nhiệm vụ. Theo Kinh Thánh, từ đây không có kẻ vô tín nào sẽ được thân thể Chúa Giê-xu. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị trước hai giới chức cao cấp để lo việc chôn cất xác Chúa và đặt Ngài vào một ngôi mộ xứng đáng. Nếu như Giô-sép và Ni-cô-đem không có mặt tại đó, có lẽ xác Chúa sẽ bị vứt vào một hố tắm tối nào đó và không ai biết đến, theo như lời của James Stalker đã viết trong cuốn *Sự Án và Sự Chết của Chúa Giê-xu (The Trial & Death of Jesus Christ)*. Nếu bạn hữu của nạn nhân có mặt, lính La Mã sẽ rất vui mừng giao xác chết cho bạn hữu người và không còn trách nhiệm nữa.

Nếu bạn thu thập những tư liệu sẵn có về Giô-sép người A-ri-ma-thê, bạn sẽ biết rằng: ông rất giàu (*Ma-thi-ơ* 27:57),

một nghị viên tòa Công Luận có danh vọng (*Mác 15:43*), một người chánh trực công bình, không đồng ý với những việc tòa Công Luận đã làm (*Lu-ca 23:50-51*); một người thuộc nhóm thiểu số trong dân Do Thái có lòng tin và trông đợi Nước Đức Chúa Trời (*Mác 15:43*; chú ý *Lu-ca 2:25-38*) và cũng là một môn đệ của Chúa Giê-xu (*Giăng 19:38*). Chính ông là người xin xác Chúa Giê-xu và cùng với bạn mình là Ni-cô-đem đã chôn cất Chúa tử tế.

Tuy nhiên có một số chi tiết về Giô-sép khiến chúng ta khó hiểu và cần nghiên cứu kỹ hơn. Tại sao ông cho xây ngôi mộ rất gần nơi xử án? Hầu hết những người Do Thái mộ đạo đều muốn mình được chôn cất trong thành Giê-ru-sa-lem, vậy mà một người giàu có như Giô-sép lẽ nào lại không đủ khả năng mua một mảnh đất tốt hơn cho nơi an nghỉ cuối cùng của mình? Bạn tưởng tượng xem những người bà con của ông đến để thăm mộ ông sẽ phải nghe tiếng nguyên rửa gào thét của những tử tội trên thập tự giá gần đó! (*Giăng 19:41*).

Ma-thi-ơ, Lu-ca và Giăng cho chúng ta biết rằng ngôi mộ ấy chưa từng chôn ai. Đó là ngôi mộ mới xây của Giô-sép (*Ma-thi-ơ 27:60*) để dành cho chính ông. *Cũng có thể ông chuẩn bị ngôi mộ ấy cho Chúa Giê-xu chăng?*

Giăng cũng cho biết Giô-sép là “môn đệ kín giấu” của Chúa Giê-xu vì “sợ dân Giu-đa.” Theo tiếng Hy Lạp, “kín giấu” nghĩa là “được giữ bí mật,” giống như từ “kín nhiệm” ở *Ma-thi-ơ 13:35* vậy. Nói cách khác, Giô-sép là “một nhân viên mật của Đức Chúa Trời” trong tòa Công Luận! Theo quan điểm con người, Giô-sép giữ bí mật vì sợ dân Do Thái (*Giăng 7:13*; *9:22*; *12:42*), nhưng dưới mắt Đức Chúa Trời ông là người được bảo vệ để chuẩn bị sẵn sàng cho việc chôn xác Chúa Giê-xu.

Chúng ta để ý rằng mỗi lần Ni-cô-đem được nhắc đến, người đọc đều biết ông là người gặp Chúa Giê-xu vào ban đêm (*Giăng 3:1tt*; *7:50-53*). Nhân vật này đến với Chúa lúc ban đêm với đầu óc tối tăm, nhưng đến sáng ông ra về thì đầu óc được chân lý soi rọi! Ni-cô-đem đã từ bóng tối bước ra ánh sáng, và cùng với Giô-sép ông chẳng hề xấu hổ khi nhận

Chúa Giê-xu trước mặt mọi người. Dĩ nhiên khi hai người này chạm đến xác Chúa Giê-xu họ đã bị ô uế và không thể dự lễ Vượt Qua được. Nhưng điều này có tác dụng gì? Họ đã gặp được Chiên Con của Đức Chúa Trời!

Rõ ràng Giô-sép và Ni-cô-đem đã vạch kế hoạch chu đáo cho công việc của họ tại Gô-gô-tha. Chắc hẳn họ không thể chuẩn bị ngôi mộ vào giây phút cuối cùng, cũng không thể mua được hương liệu trị giá 65 nén bạc quá nhanh chóng như vậy trong kỳ lễ Vượt Qua khi các thương buôn không hoạt động. Chúa Giê-xu vừa tắt hơi khi Giô-sép đến gặp Phi-lát để xin xác Ngài. Ni-cô-đem đã có mặt tại thập tự giá để canh chừng xác Chúa. Hai người có lẽ đã chờ nhau *tại ngôi mộ mới*, mang theo hương liệu và vải liệm, chuẩn bị cho giây phút Đấng Christ tắt hơi.

Thời gian cấp bách nên hai người đàn ông này bắt tay vào việc nhanh nhẹn. Họ không thể tắm rửa toàn bộ thân thể Chúa theo tục lệ, nhưng họ đã cố gắng hết khả năng mình. Điều quan trọng là phải giữ xác Ngài được an toàn, tránh khỏi sự chú ý của người La Mã và các lãnh đạo Do Thái. Dĩ nhiên Ma-ri ở Bê-tha-ni đã xúc dầu thơm để chôn xác Chúa từ trước (*Giăng 12:1-8; Mác 14:8*). Có vài phụ nữ khác đã canh cho hai người chôn xác Chúa, và họ đã chứng kiến cảnh chôn cất Ngài (*Ma-thi-ơ 27:61; Mác 15:47*). Họ dự định sẽ trở lại sau ngày Sa-bát để hoàn tất các nghi thức chôn cất (*Lu-ca 23:55-24:1*).

Câu hỏi được nêu ra ở đây là “Làm sao Giô-sép và Ni-cô-đem biết trước để chuẩn bị việc chôn Chúa?” Tiến trình sau đây chỉ là sự phỏng đoán của riêng tôi, nhưng có lẽ đây là điều hợp lý.

Khi Ni-cô-đem đến gặp Chúa lần đầu tiên, ông rất cảm kích trước phép lạ và lời giáo huấn của Chúa, nhưng không hiểu “tái sinh” nghĩa là gì. Chắc hẳn sau cuộc nói chuyện ấy, Ni-cô-đem đã tra xem Kinh Thánh và cầu xin Đức Chúa Trời soi dẫn ông về những vấn đề thuộc linh quan trọng này.

Tại cuộc họp của tòa Công Luận ở *Giăng* 7:45-5, Ni-cô-đem dạn dĩ bảo vệ cho Đấng Christ! Các cộng sự ông cười nhạo khi ông nghĩ rằng một tiên tri có thể xuất thân từ Ga-li-lê. Họ nói rằng: “Hãy tra xét, sẽ thấy...” và đó là điều Ni-cô-đem đã thực hiện. Dường như Giô-sép cũng yên lặng đồng tình với Ni-cô-đem và bày tỏ rằng ông đã tin chắc Chúa Giê-xu Na-xa-rét đích thực là Đấng Mết-si-a của Y-sơ-ra-ên, Con Đức Chúa Trời.

Khi Ni-cô-đem và Giô-sép tra xem Kinh Thánh, họ đã tìm thấy những lời tiên tri nói về Đấng Mết-si-a, cũng như khám phá rằng có nhiều lời tiên tri được ứng nghiệm qua Chúa Giê-xu. Chắc hẳn họ đã nhìn biết Ngài là “Chiên Con Đức Chúa Trời” và biết trước Ngài sẽ hy sinh vào dịp lễ Vượt Qua. Chúa Giê-xu cũng cho Ni-cô-đem biết trước Ngài sẽ “bị treo lên” (*Giăng* 3:14) nghĩa là bị đóng đinh trên thập tự giá. Vì các chiên con của lễ Vượt Qua bị giết khoảng 3 giờ chiều, nên hai người này đều biết chính xác thời điểm Chiên Con Đức Chúa Trời chịu chết trên thập tự giá! Có lẽ họ đã đọc *Ê-sai* 53:1-12 và chú ý đến câu 9: “Người ta đã đặt mồ người với những kẻ ác, nhưng khi chết, người được chôn với kẻ giàu.” Chúa Giê-xu sẽ phải được chôn trong mộ của người giàu!

Giô-sép đã chuẩn bị ngôi mộ từ trước và giờ đây ông cùng Ni-cô-đem đem đến vải liệm và thuốc thơm cho việc chôn xác Chúa. Có lẽ họ đã ẩn nấp trong ngôi mộ này suốt sáu tiếng đồng hồ trong lúc Chúa chịu đau đớn trên thập tự giá. Khi họ nghe lời phán “Mọi việc đã được trọn! Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha!” họ biết Ngài đã tắt hơi nên bắt tay vào công việc. Họ dạn dĩ nhận xác Chúa Giê-xu trong thời điểm dường như Ngài đã thất bại một cách vô vọng. Như chúng ta đã biết, trong số các môn đệ Chúa, chỉ có *Giăng* ở cùng họ tại thập tự giá.

Ngày Sa-bát sắp bắt đầu, Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác “sáng tạo mới” của Ngài (*II Cô-rinh-tô* 5:17) và giờ đây Ngài yên nghỉ.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 9

Giăng 19:17-42

1. Người khác đã có hy sinh những gì cho bạn?
2. Đọc Giăng 19:17-42. Chúa bị đóng đinh trên thập tự cho bạn biết gì về cách Ngài chịu chết?
3. Cho biết ý nghĩa hàng chữ ghi bằng ba thứ tiếng trên tấm bảng treo trên thập tự giá.
4. Phi-lát muốn nói điều gì qua tấm bảng ghi cáo trạng thay vì nói lên thâm ý của mình?
5. Sự kiện các người đàn bà có mặt tại pháp trường có ý nghĩa gì?
6. Bạn học được gì qua những hành động của Chúa Giê-xu trên thập tự giá?
7. Tại sao sứ đồ Giăng nhấn mạnh sự kiện máu và nước chảy ra từ hông Chúa?
8. Tại sao sứ đồ Giăng viết câu 35?
9. Sự kiện Chúa Giê-xu bị chôn quan trọng thế nào?
10. Bạn biết gì về hai người lãnh nhiệm vụ chôn xác Chúa?
11. Lời tiên tri và sự ứng nghiệm cho thấy điều gì về Đức Chúa Trời và tương quan của Ngài với lịch sử?
12. Những lễ thật này giúp bạn sống cho Đức Chúa Trời như thế nào trong tuần này?

Bắt Đầu Một Ngày Mới

Giăng 20:1-18

Nếu *Phúc Âm Giăng* là một cuốn sách tiểu sử bình thường, có lẽ sẽ không có đoạn 20. Tôi vốn là người thường đọc các tiểu sử, thấy rằng hầu hết đều nói đến sự chết và chôn của nhân vật. Tôi chưa đọc một cuốn sách nào mô tả sự sống lại từ cõi chết của một nhân vật nào. Việc Giăng tiếp tục viết phần cuối sách và chia xẻ niềm hân hoan về phép lạ phục sinh, đủ chứng minh rằng Chúa Giê-xu không giống những nhân vật bình thường khác. Ngài thật sự là Con Đức Chúa Trời!

Sự sống lại là phần cốt lõi trong sứ điệp của Phúc Âm (*I Cô-rinh-tô* 15:1-8) và là một giáo lý quan trọng trong Cơ Đốc giáo, chứng minh rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:32-36; *Rô-ma* 1:4), công tác cứu chuộc của Ngài trên thập tự giá đã được hoàn tất và có hiệu nghiệm (*Rô-ma* 4:24-25). Thập tự giá “không người” và ngôi mộ “trống” chính là những “chứng từ” của Đức Chúa Trời cho chúng ta biết mọi khoản nợ đã được trả hết. Chúa Giê-xu không chỉ là Đấng Christ, Ngài còn là Đấng Thánh Hóa (*Rô-ma* 6:4-10) và Đấng Cầu Thay (*Rô-ma* 8:34). Ngày kia, Ngài sẽ tái lâm để làm Đấng Xét Đoán (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 17:30-31).

Ngay từ trước, kẻ thù của Chúa đã muốn chối bỏ sự kiện lịch sử về sự phục sinh. Các lãnh đạo Do Thái tuyên bố rằng xác Chúa đã bị đánh cắp khỏi ngôi mộ.

Lời tuyên bố ấy thật vô lý. Làm sao họ có thể đánh cắp xác Chúa được? Ngôi mộ được quân lính La Mã canh gác cẩn mật và được lấp bằng tảng đá lớn có dấu niêm phong của nhà chức trách La Mã. Hơn nữa, *các môn đệ Chúa không tin rằng Ngài có thể sống lại từ cõi chết*, chính những kẻ thù Chúa là những người ghi nhớ những lời Ngài từng phán (*Ma-thi-ơ* 27:62-66). Chắc chắn họ cũng không phải là kẻ lấy xác Chúa đi. Mục đích cuối cùng của họ là sẽ không còn ai tin rằng Chúa Giê-xu đã từ kẻ chết sống lại. Nếu bạn hữu Chúa *không thể* lấy xác Ngài và kẻ thù Chúa cũng *không làm vậy*, thế ai đã làm điều này?

Có thể các môn đệ đã có những “điềm mộng” về Chúa phục sinh và cắt nghĩa chúng như những chứng cứ về sự phục sinh? Nhưng họ không hề mong được thấy Chúa, và đó cũng không phải là trạng thái tâm lý do ảo giác tạo ra. Làm sao hơn 500 người có chung một ảo giác tại cùng một thời điểm? (*I Cô-rinh-tô* 15:6).

Các môn đệ Chúa đã đến nhầm mộ chẳng? Không phải vậy. Họ đã xem xét cẩn thận vị trí ngôi mộ của Chúa (*Ma-thi-ơ* 27:61; *Mác* 15:47; *Lu-ca* 23:55-56). Họ yêu mến Thầy mình nên không thể lầm lẫn nơi yên nghỉ của Ngài. Thực tế, khi những phụ nữ đi đến mộ, họ rất lo lắng vì không biết ai sẽ lăn hòn đá nặng nề kia (*Mác* 16:1-3). Vì vậy, họ rất quen thuộc với địa điểm này.

Không cần phải nói gì về lý luận ngớ ngẩn cho rằng Chúa Giê-xu đã không chết nhưng chỉ ngất đi trên thập tự giá và sau đó tỉnh lại! Biết bao chứng cứ cho thấy Chúa Giê-xu đã chết khi thân thể Ngài được đem xuống khỏi thập tự giá. Sau đó, Ngài đã phục sinh có sự chứng kiến của những nhân chứng đáng tin cậy. Một kết luận hữu lý duy nhất, đó là; Ngài đã thành tín với lời hứa và sống lại từ cõi chết!

Tuy nhiên, lúc bấy giờ các môn đệ thân cận nhất của Chúa

cũng không hiểu chân lý vinh hiển về sự Phục Sinh. Chân lý ấy dần dần hiển hiện và bày tỏ cho những con người khổ khổ biết rằng Chúa của họ không chết nhưng vẫn sống! Thật là một đổi thay bất ngờ khi họ nhận biết trọn vẹn về sự phục sinh! Đối với Ma-ri Ma-đơ-len, đổi thay ấy đã đưa bà từ chỗ khóc lóc đến vui mừng (*Giăng* 20:1-18). Đối với mười môn đệ, họ từ chỗ sợ hãi đã trở nên bạo dạn (20:19-23). Đối với Thô-ma, nỗi nghi ngờ của ông đã nhường chỗ cho sự quả quyết (20:24-31). Với Ma-ri, bà kinh nghiệm được tình yêu của Chúa. Với mười môn đệ, họ kinh nghiệm về hi vọng, và với Thô-ma, ông kinh nghiệm về đức tin.

Khi xem xét kinh nghiệm của Ma-ri Ma-đơ-len trong ngày phục sinh của Chúa, chúng ta có thể thấy ba giai đoạn trong sự hiểu biết của bà về chân lý của sự phục sinh. Phi-e-rơ và Giăng cũng dự phần trong kinh nghiệm này.

Đức Tin Lu Mờ

Giăng 20:1-2

¹ Ngày thứ nhất trong tuần lễ, lúc rạng đông, trời còn mờ mờ, Ma-ri Ma-đơ-len tới mộ, thấy hòn đá lấp cửa mộ đã dời đi. ² Vậy, người chạy tìm Si-môn Phi-e-rơ và môn đồ khác, là người Đức Chúa Jê-sus yêu, mà nói rằng: Người ta đã dời Chúa khỏi mộ, chẳng hay để Ngài tại đâu.

Ma-ri Ma-đơ-len cùng những phụ nữ khác hẹn nhau đến mộ Chúa vào sáng sớm ngày đầu tuần để bày tỏ lòng yêu mến của họ đối với Chúa Giê-xu qua việc hoàn tất thủ tục chôn cất. Giô-sép người A-ri-ma-thê và Ni-cô-đem phải vội vã khâm liệm xác Chúa và sau đó các bà tiếp tay hoàn tất công việc này. Mối quan tâm lớn của họ là làm sao để vào được ngôi mộ. Có lẽ họ hy vọng lính La Mã sẽ thương hại họ và giúp họ một tay.

Có điều họ không biết là một cơn động đất đã xảy ra và hòn đá trước cửa mộ được thiên sứ lăn ra! Dường như Ma-ri Ma-đơ-len là người đến mộ trước những phụ nữ khác. Khi nhìn thấy hòn đá được lăn ra khỏi cửa mộ, bà cho rằng có ai

đó đã đột nhập vào mộ và đánh cắp xác Chúa. Có thể, chúng ta sẽ chỉ trích Ma-ri về những kết luận vội vàng của bà. Nhưng nếu xem xét hoàn cảnh lúc ấy, chúng ta sẽ thấy bà khó lòng có một kết luận nào khác hơn thế. Trời hãy còn mờ tối, bà chỉ có mặt một mình tại ngôi mộ. Và cũng như bao môn đệ khác của Chúa, bà không tin rằng Chúa sẽ sống lại từ cõi chết.

Bà đã chạy đi báo tin cho Phi-e-rơ và Giăng, là những người có lẽ đã sống chung với nhau tại một nơi quen thuộc với các môn đệ. Nơi ấy có lẽ là Phòng Cao, chỗ họ đã gặp mặt Chúa Giê-xu. Thật thú vị khi Ma-ri dùng đại danh từ “chúng ta” (chữ này không có trong Kinh Thánh tiếng Việt) vì nó bao gồm cả những phụ nữ khác những người vào thời điểm đó đã khám phá ra Chúa Giê-xu đã sống (*Mác 16:1-8* và *Lu-ca 24:1-8*)! Họ rời ngôi mộ và loan báo sứ điệp của các thiên sứ cho các môn đệ khác.

Ý nghĩa thay khi những nhân chứng đầu tiên về sự phục sinh của Đấng Christ là *những người nữ tin kính*. Giữa vòng dân Do Thái thời bấy giờ, lời làm chứng của phụ nữ thường không được coi trọng. Các thầy dạy luật từng nói rằng: “Thà để Luật Pháp bị thiêu hủy đi còn hơn là nói chuyện Luật Pháp với phụ nữ? Tuy vậy, những phụ nữ tin kính này đã rao ra một sứ điệp vĩ đại hơn Luật Pháp vì họ biết rằng Đấng Christ của họ là Đấng sống!

Tuy đức tin của Ma-ri không nguội lạnh, nhưng vẫn còn rất lu mờ. Sự sáng vẫn hiện diện ở đó, nhưng bị che khuất. Phi-e-rơ và Giăng cũng ở trong tình trạng thuộc linh tương tự, nhưng chẳng bao lâu ba người ấy sẽ bước ra khỏi bóng tối để đi vào sự sáng!

Đức Tin Ló Dạng

Giăng 20: 3-10

³ Phi-e-rơ với môn đồ khác bèn bước ra, đi đến mồ. ⁴ Cả hai đều chạy, nhưng môn đồ kia chạy mau hơn Phi-e-rơ, và đến mồ trước. ⁵ Người cúi xuống, thấy vải bỏ dưới đất; nhưng không vào. ⁶ Si-môn Phi-e-rơ theo đến, vào trong mộ, thấy vải bỏ dưới đất, ⁷ và cái khăn liệm trùm đầu Đức Chúa Jê-sus chẳng ở cùng

Bắt Đầu Một Ngày Mới / 141

một chỗ với vải, nhưng cuộn lại để riêng ra một nơi khác. ⁸ Bấy giờ, môn đồ kia đã đến mộ trước, cũng bước vào, thì thấy và tin. ⁹ Vì chưng hai người chưa hiểu lời Kinh thánh rằng Đức Chúa Jêsus phải từ kẻ chết sống lại. ¹⁰ Đoạn, hai môn đồ trở về nhà mình.

Giăng 20:3 cho thấy Phi-e-rơ khởi hành trước để đến mộ, nhưng ở 20:24 cho biết Giăng đến nơi trước. Có lẽ Giăng là người trẻ tuổi có thể lực tốt hơn hoặc có thể Giăng là người chạy giỏi hơn. Dễ dàng “thuộc linh hóa” cuộc chạy đua này và liên hệ nó với Ê-sai 10:31 và Hê-bơ-rơ 12:1-2. Khi một Cơ Đốc nhân xa rời mối liên hệ với Chúa, thật khó lòng tham dự cuộc đua của đức tin. Tuy vậy, hai người này xứng đáng được tin cậy vì can đảm chạy vào địa phận kẻ thù, không cần biết việc gì sẽ xảy đến cho mình. Đây có lẽ là một cái bẫy thuận lợi để bắt cóc môn đệ.

Khi Giăng đến ngôi mộ, ông cẩn thận ở bên ngoài nhìn vào. Có lẽ ông muốn Phi-e-rơ cùng với ông vào bên trong. Giăng nhìn thấy gì? Những tấm khăn liệm nằm trên phiến đá không có dấu vết gì chứng tỏ có sự xô xắc xảy ra. *Nhưng những lớp vải liệm trống rỗng!* Chúng nằm đó như một cái vỏ rỗng vẫn mang hình dáng của thân thể Chúa Giê-xu.

Phi-e-rơ đến nơi và hấp tấp bước vào ngôi mộ đúng như điều chúng ta đoán trước. Ông cũng thấy những tấm vải liệm nằm chơ vơ ở đó và chiếc khăn trùm đầu được quần cẩn thận đặt ở một vị trí khác. Những tên trộm mồ mả không thể mở thi thể người chết cách cẩn thận và rồi để những tấm vải liệm một cách ngăn nắp như vậy. Thật ra, khi có thuốc thơm được gấp theo vải liệm thì việc mở xác chết ra mà không làm xáo trộn vải liệm là một việc bất khả. Cách duy nhất để những tấm vải liệm kia có thể được giữ trong tình trạng này, đó là Chúa Giê-xu đã *thoát khỏi lớp vải liệm* khi Ngài sống lại!

Sau đó Giăng bước vào ngôi mộ và xem xét chứng cứ. Ông đã “thấy và tin” (Giăng 20:8).

Khi Giăng viết đoạn Kinh Thánh này, ông đã sử dụng ba từ Hy Lạp khác nhau nói về hành động *thấy*. Giăng 20:5 động

từ đơn giản có nghĩa là “nhìn vào.” *Giăng* 20:6 từ “thấy” có nghĩa là “xem xét cẩn thận hoặc quan sát.” *Giăng* 20:8 “thấy” nghĩa là “nhận biết một cách kỹ lưỡng và minh mẫn.” Niềm tin về sự phục sinh của họ giờ đây đang ló dạng!

Thật không ngờ rằng môn đệ Chúa Giê-xu lại không hề trông mong Chúa sống lại và bước ra khỏi phần mộ. Ngài đã nhiều lần cho họ biết trước rằng Ngài sẽ sống lại từ cõi chết kia mà! Ngay từ lúc khởi đầu chức vụ, Chúa đã phán: “Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ dựng lại!” (*Giăng* 2:19). Sau khi Chúa phục sinh, các môn đệ Ngài nhớ lại lời Ngài phán về điều này (*Giăng* 2:22). Tuy nhiên kẻ thù của Chúa cũng nhớ lời Ngài phán nữa (*Ma-thi-ơ* 27:40, 63-64).

Chúa từng so sánh Ngài với tiên tri Giô-na (*Ma-thi-ơ* 12:40) và hai lần Ngài công khai cho biết Ngài sẽ sống lại sau ba ngày chịu chết (*Ma-thi-ơ* 16:21; 20:19). Vào ngày thứ năm của tuần lễ chức vụ cuối cùng, Chúa hứa cùng các môn đệ rằng Ngài sẽ sống lại và gặp họ tại Ga-li-lê (*Ma-thi-ơ* 26:32 xem *Lu-ca* 24:6-7).

Đức tin của Phi-e-rơ và Giảng ra sao trong giai đoạn kinh nghiệm thuộc linh này? Đức tin của họ là đức tin dựa trên chứng cứ. Nhìn thấy những tấm vải liệm, họ biết thân xác Chúa không có ở phần mộ. Tuy nhiên, chứng cứ xác thực chỉ giúp cho việc thuyết phục tâm trí con người, chứ không bao giờ có thể đổi thay được đời sống. Chúng ta là những người sống trong thế kỷ hiện tại, nên không thể xem xét chứng cứ vì chứng cứ có thể quan sát bằng mắt như ngôi mộ, những tấm vải liệm chẳng hạn không còn ở đó để chúng ta xem xét. Tuy vậy, chúng ta có lời Đức Chúa Trời (*Giăng* 20:9), và lời ấy là thật (*Giăng* 19:35; 21:24). Thật vậy, đức tin nơi *Lời Đức Chúa Trời* là điều Chúa Giê-xu muốn nhìn thấy nơi các môn đệ (xem *Giăng* 2:22; 12:16; 14:26). Phi-e-rơ bày tỏ rằng lời Đức Chúa Trời phải là nền tảng của đức tin trong chúng ta, chứ không phải những kinh nghiệm cá nhân (*I Phi-e-rơ* 1:12-21).

Các môn đệ lúc bấy giờ chỉ có Kinh Thánh Cựu Ước (*Giăng* 20:9). Hội Thánh ban đầu đã dùng Kinh Thánh Cựu Ước để minh chứng cho dân Do Thái và người ngoại biết rằng Chúa Giê-xu là Đấng Christ, Ngài đã chết thay tội nhân và sống lại (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 9:22; 13:16tt; 17:1-4). Sứ điệp Phúc Âm gồm tóm “Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba, Ngài sống lại theo lời Kinh Thánh” (*I Cô-rinh-tô* 15:4). Phao-lô và Giăng nhớ đến những lời Kinh Thánh nào trong Cựu Ước?

Phao-lô nhìn thấy sự phục sinh qua *Thi Thiên* 2:7; (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 13:33). Phi-e-rơ nhớ đến *Thi Thiên* 16:8-11; (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:23-26 và xem 13:35). Phi-e-rơ cũng đề cập đến *Thi Thiên* 110:1; (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:34-35). Câu nói “những ngày người sẽ thêm dài ra” trong *Ê-sai* 53:10 cũng được giải nghĩa như một lời tiên tri về sự phục sinh của Đấng Christ. Chúa Giê-xu đã dùng tiên tri Giô-na để làm hình bóng cho sự chết, chôn và sống lại của Ngài (*Ma-thi-ơ* 12:38-40); so sánh khoảng thời gian ba ngày ba đêm trong bụng cá với ba ngày ba đêm con người nằm trong lòng đất. Phao-lô nhìn thấy lễ dâng trái đầu mùa như một hình ảnh về sự phục sinh của Đấng Christ (*Lê-vi Ký* 23:9-14; *I Cô-rinh-tô* 15:20-23), và hình ảnh này cũng liên hệ với “ngày thứ ba.” Một số học giả Kinh Thánh liên hệ sự phục sinh với “ngày thứ ba” ở sách *Ô-sê* 6:2.

Sau khi phục sinh, Chúa Giê-xu không bày tỏ chính Ngài cho mọi người, nhưng chỉ tỏ cho những nhân chứng Ngài chọn để rao Phúc Âm ra cho người khác (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 10:39-43). Chứng cứ này được chép trong Thánh Kinh Tân Ước và cả trọn bộ Kinh Thánh Tân Ước đều có chung một chứng cứ ấy. Các sách Luật Pháp, *Thi Thiên*, các tiên tri và các sứ đồ đều cùng làm chứng rằng Chúa Giê-xu là Đấng Sống.

Phi-e-rơ và Giăng nhìn thấy chứng cứ nên tin. Sau đó, Đức Thánh Linh đã khiến đức tin họ được vững vàng qua Kinh Thánh Cựu Ước. Tối hôm ấy, họ đã gặp được Chúa mình một cách rõ ràng! Đức tin của họ từ chỗ lu mờ giờ đã bắt đầu lộ dạng!

144 / Giảng

Đức Tin Chiếu Sáng

Giăng 20:11-18

¹¹ Song Ma-ri đứng bên ngoài, gần mộ, mà khóc. Người vừa khóc, vừa cúi xuống dòm trong mộ, ¹² thấy hai vị thiên sứ mặc áo trắng, một vị ngồi đằng đầu, một vị ngồi đằng chân, chỗ xác Đức Chúa Jê-sus đã nằm. ¹³ Hai thiên sứ hỏi: Hỡi đàn bà kia, sao ngươi khóc? Người thưa rằng: Vì người ta đã dời Chúa tôi đi, không biết để Ngài ở đâu. ¹⁴ Vừa nói xong, người xây lại thấy Đức Chúa Jê-sus tại đó; nhưng chẳng biết ấy là Đức Chúa Jê-sus. ¹⁵ Đức Chúa Jê-sus hỏi người rằng: Hỡi đàn bà kia, sao ngươi khóc? Người tìm ai? Người ngỡ rằng đó là kẻ làm vườn, bèn nói rằng: Hỡi chúa, ví thật người là kẻ đã đem Ngài đi, xin nói cho ta biết người để Ngài đâu, thì ta sẽ đến mà lấy. ¹⁶ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hỡi Ma-ri! Mari bèn xây lại, lấy tiếng Hê-bơ-rơ mà thưa rằng: Ra-bu-ni (nghĩa là thầy)! ¹⁷ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Chớ rời đến ta; vì ta chưa lên cùng Cha! Nhưng hãy đi đến cùng anh em ta, nói rằng ta lên cùng Cha ta và Cha các ngươi, cùng Đức Chúa Trời ta và Đức Chúa Trời các ngươi. ¹⁸ Ma-ri Ma-đơ-len đi rao báo cho môn đồ rằng mình đã thấy Chúa, và Ngài đã phán cùng mình những điều đó.

Khi nghĩ đến Ma-ri Ma-đơ-len đang thơ thẩn một mình giữa vườn, tôi nhớ câu *Châm Ngôn* 8:17 “Ta yêu mến những người yêu mến ta, phàm ai tìm kiếm ta sẽ gặp ta.” Ma-ri yêu mến Chúa nên đến vườn thật sớm để bày tỏ tấm lòng bà. Phi-e-rơ và Giăng đã trở về nhà trước khi Ma-ri trở lại ngôi mộ, nên họ không thể cho bà biết rằng họ đã nhìn thấy chứng cứ: Ma-ri vẫn cho rằng Chúa Giê-xu đã chết. Tôi chợt nhớ đến *Thi Thiên* 30:5 “Sự khóc lóc đến trọn ban đêm, nhưng buổi sáng bèn có sự vui mừng”.

Tiếng khóc của Ma-ri là sự sầu não thống thiết, bày tỏ tính cách của người Do Thái khi biểu lộ sự buồn rầu. (*Giăng* 11:31-33). Lòng buồn rầu thật tâm không có gì là sai trái cả, vì Đức Chúa Trời đã khiến chúng ta có thể rơi lệ, và tiếng khóc là phương thuốc hữu hiệu cho những tấm lòng tan vỡ. Tuy nhiên, sự buồn rầu của Cơ Đốc nhân phải khác biệt với nỗi thất vọng của thế gian (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18) vì chúng ta đã được tái sinh “nhờ sự Đức Chúa Giê-xu sống lại từ trong kẻ chết mà có sự trỗi dậy sống” (*I Phi-e-rơ* 1:3). Chúng ta khóc không phải vì những người thân yêu tin kính của chúng ta đã đến

Nước Trời, nhưng vì họ đã tạm biệt chúng ta và khiến chúng ta nhớ họ.

Khi Ma-ri nhìn vào mộ, bà thấy có hai người nam mặc áo trắng. Họ ngồi ở hai đầu phiến đá nơi Chúa đã nằm. Vị trí này khiến chúng ta nhớ đến các chê-ru-bin trên nắp thi ân (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 25:17-19). Dường như Đức Chúa Trời muốn phán rằng: “Giờ đây đã có một nắp thi ân mới. Con Ta đã trả giá cho tội lỗi và con đường đang mở ra dẫn đến nơi hiện diện của Đức Chúa Trời.” Rõ ràng, Ma-ri không hề bối rối khi nhìn hai người nam này. Không có chứng cứ biểu hiện rằng bà biết họ là thiên sứ. Cuộc nói chuyện ngắn kia cũng không làm vơi đi những giọt lệ hay trấn tĩnh tâm trí bà. Bà quyết định đi tìm xác Chúa Giê-xu.

Vì sao Ma-ri quay lại, và không tiếp tục nói chuyện với hai vị khách lạ kia? Phải chăng bà nghe một tiếng nói phía sau? Hay là các thiên sứ đứng dậy khi nhận ra sự hiện diện của Chúa họ? Hai suy đoán trên có thể đúng, cũng có thể cả hai đều sai. Ma-ri biết chắc xác Chúa không có trong mộ, vậy tại sao bà lại nấn ná nơi đây?

Tại sao Ma-ri không nhận ra Đấng mà bà đang nôn nóng tìm kiếm? Có thể Chúa Giê-xu có ý không cho bà biết Ngài, vì Ngài cũng làm vậy khi đi với hai môn đệ ở Em-ma-út (*Luca* 24:13-32). Trời vẫn còn sớm và có lẽ trong vườn thiếu ánh sáng. Thêm vào đó mắt Ma-ri có thể bị nhòa bởi những giọt lệ.

Chúa Giê-xu hỏi bà câu hỏi tương tự như các thiên sứ: “Sao người khóc?” Đáng tiếc rằng bà đã khóc thay vì có thể vui mừng ngợi khen Chúa, nếu nhận biết Ngài đã sống! Chúa hỏi tiếp: “Người tìm ai?” (Đây cũng là câu hỏi Ngài nói với đám đông trong vườn – *Giăng* 18:4). Chúng ta được khích lệ khi biết rằng Chúa Giê-xu hiểu thấu mọi nỗi đau buồn của chúng ta. Đấng Christ biết tấm lòng tan vỡ của Ma-ri và tâm trí bối rối của bà. Ngài không quở trách bà nhưng dịu dàng tỏ chính Ngài cho bà.

Chúa chỉ kêu tên Ma-ri, lập tức bà nhận ra Ngài. Chiên Ngài nghe tiếng Ngài khi Ngài gọi tên chúng (*Giăng* 10:3). Chắc hẳn Ma-ri đã quay mặt đi, vì khi Chúa gọi tên Ma-ri, bà quay lại nhìn Ngài. Thật là một nỗi ngạc nhiên đầy phước hạnh khi Ma-ri nhìn thấy gương mặt yêu dấu của Chúa mình! Bà chỉ có thể thốt lên: “Ra-bu-ni Chúa tôi, Thầy tôi.” Danh hiệu Ra-bu-ni chỉ được sử dụng một lần nữa trong *Mác* 10:51. (Theo bản văn Hy Lạp, Ra-bu-ni là Chúa). Ra-bi và Ra-bu-ni đều được dùng theo nghĩa kính trọng. Trong những năm sau này, dân Do Thái có sự phân biệt giữa ba cấp bậc về “thầy”: rab (thấp nhất), ra-bi và Ra-bu-ni (cao nhất).

Ma-ri không chỉ nói với Ngài, nhưng còn ôm chặt chân Ngài. Đây là một sự bày tỏ tự nhiên: Bây giờ đã gặp được Chúa, bà không muốn mất Ngài. Bà và những người tin khác vẫn còn vô số điều để học về trạng thái vinh hiển mới của Ngài. Họ vẫn muốn liên hệ với Ngài như cách họ đã làm trong suốt ba năm chức vụ trước khi lên thập tự.

Chúa Giê-xu đã cho phép những phụ nữ khác ôm chân Ngài và không ngăn cấm họ (*Ma-thi-ơ* 28:9). Vì sao Ngài lại phán với Ma-ri rằng “Chờ rờ đến ta?” Một lý do là bà sẽ còn gặp lại Chúa vì Ngài chưa về cùng Cha. Sau khi phục sinh Ngài còn ở trần gian bốn mươi ngày và thường xuất hiện trước nhiều môn đệ để dạy dỗ họ những chân lý thuộc linh (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:1-9). Ma-ri không cần phải lo sợ vì đây không phải là lần cuối cùng bà gặp Chúa.

Lý do thứ hai cho thấy Ma-ri có một việc phải làm, đó là đi nói cho các anh em Chúa biết rằng Ngài đang sống và sẽ trở về cùng Cha. “Ngài không thẹn mà gọi những kẻ đó là anh em” (*Hê-bơ-rơ* 2:11) “Tôi sẽ rao truyền danh Chúa cho anh em tôi” (*Thi Thiên* 22:22). Ngài đã gọi những kẻ thuộc về Ngài là *đầy tớ* (*Giăng* 13:16) và *bạn hữu* (*Giăng* 15:15) nhưng giờ đây Ngài gọi họ là *anh em*. Điều này có nghĩa là Ngài muốn chia sẻ với họ quyền năng phục sinh và sự vinh hiển của Ngài.

Bắt Đầu Một Ngày Mới / 147

Một số học giả Kinh Thánh cho rằng Chúa Giê-xu đã về cùng Cha vào sáng hôm ấy và đó là sự thắng thiên mà Ngài muốn nói đến. Nhưng không có đoạn Kinh Thánh nào trong Tân Ước chứng thực lời giải thích ấy. Tôi nghĩ nếu nói rằng Chúa muốn làm trọn biểu tượng về Ngày Chuộc Tội và trình dâng huyết mình cho Cha là đưa vấn đề đi quá xa (*Lê-vi Ký* 16:1-34). Về phương diện này, *Chúa chẳng có huyết nào để dâng nữa*. Ngài đã bày tỏ huyết ấy nơi thập tự giá khi gánh tội thay chúng ta. Trong sự vinh hiển phục sinh của Ngài, Ngài là Đấng có “thịt xương” (*Lu-ca* 24:39), chứ không phải “thịt và huyết.” Chính sự phục sinh đã chứng minh rằng công tác cứu chuộc đã được hoàn tất (“Ngài...sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta” *Rô-ma* 4:24-25). Vậy Ngài còn phải làm điều khác nữa?

Chúa Giê-xu không bao giờ dùng nhóm từ “Cha chúng ta” hay “Đức Chúa Trời chúng ta.” Mỗi liên hệ của Ngài với Cha khác với mỗi liên hệ của các môn đệ nên Ngài có sự phân biệt rất thận trọng. Chúng ta nói “Cha chúng ta” và “Đức Chúa Trời chúng ta” vì mọi Cơ Đốc nhân đều thuộc một gia đình và bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời. Chúa nhắc nhở bà Ma-ri và các môn đệ khác rằng Đức Chúa Trời là Cha họ và Ngài sẽ ở với Cha nơi thiên đàng sau khi thắng thiên. Trong bài giảng tại Phòng Cao, Ngài dạy họ rằng Ngài sẽ trở về cùng Cha để Đức Thánh Linh có thể đến với họ.

Dù Chúa Giê-xu không hề thay đổi, chỉ thay đổi trong thân thể vinh hiển, nhưng mỗi liên hệ giờ đây đã khác. Chúng ta phải cẩn thận, đừng nhận biết Đấng Christ “theo xác thịt” (*II Cô-rinh-tô* 5:16), có nghĩa là đừng tìm cách tiếp cận Ngài như thể Ngài vẫn ở trong tình trạng khiêm ti. Hôm nay Ngài là Con Đức Chúa Trời đáng được ngợi khen trong sự vinh hiển và chúng ta phải tôn kính Ngài theo cách ấy. Một số người muốn phô trương sự hiểu biết non nớt của họ khi làm chứng, cầu nguyện hay tôn vinh, đôi lúc càng cho thấy họ chẳng hiểu gì về lời Phao-lô nói ở *II Cô-rinh-tô* 5:16. Khi Giảng ngồi cạnh

Chúa tại bàn ăn, ông đã dựa vào ngực Ngài (*Giăng* 13:23), nhưng khi ông thấy Chúa ở đảo Bát-mô, ông đã ngã xuống chân Ngài bất tỉnh (*Khải Thị* 1:17).

Ma-ri nghĩ rằng cứ giữ Chúa lại cho riêng mình thì thật ích kỷ và bất tuân. Bà đứng dậy đi đến nơi nhóm họp của các môn đệ để báo cho họ tin mừng rằng Chúa Giê-xu vẫn sống! “Tôi đã thấy Chúa” (chú ý *Giăng* 20:14, 18, 20, 25, 29). Mác thuật rằng những tín hữu này đang khóc lóc than vãn nên không tin lời bà (*Mác* 16:9-11). Chính Ma-ri cũng từng than khóc nhưng nay đã được Chúa Giê-xu biến đổi từ chỗ buồn rầu sang vui mừng. Nếu họ tin, sự buồn bã của họ cũng sẽ đổi thành vui mừng. Chính sự vô tín đã khiến con người không còn nhận biết điều gì đúng hay sai. Vì vậy Đức Chúa Trời khuyên chúng ta cẩn thận đừng để mình “có lòng dữ và chẳng tin” (*Hê-bơ-rơ* 3:12).

Ma-ri không chỉ rao sự sống lại của Chúa được cá nhân bà chứng kiến, mà còn thuật lại những lời Chúa phán với bà. Một lần nữa, chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của Lời Đức Chúa Trời. Ma-ri không thể truyền đạt kinh nghiệm của bà cho họ, mà chỉ có thể chia sẻ Lời Chúa, đó chính là lời làm nẩy sinh đức tin (*Rô-ma* 10:17), Đấng Christ hằng sống đã rao ra lời hằng sống của Ngài (*I Phi-e-rơ* 1:23-25).

Đức tin dựa trên chứng cứ xác thực là điều cần thiết, nhưng chứng cứ ấy phải dẫn chúng ta đến với Lời Chúa, và Lời Ngài phải đưa chúng ta đến với Đấng Christ. Tiếp nhận một giáo lý và tuân thủ nó là một vấn đề, nhưng có một mối liên hệ cá nhân với Chúa hằng sống là một vấn đề hoàn toàn khác. Phi-e-rơ và Giăng tin Chúa đang sống, nhưng mãi đến chiều hôm ấy họ mới gặp Chúa sống lại bằng xương bằng thịt, cùng với sự chứng kiến của các môn đồ khác. (Chúa Giê-xu cũng đã hiện ra cho Phi-e-rơ chiều hôm ấy, *I Cô-rinh-tô* 15:5; *Lu-ca* 24:34). Chứng cứ không đem lại kinh nghiệm thì đó chỉ là một giáo lý chết. Bí quyết ở đây chính là đức tin nơi Lời Đức Chúa Trời.

Tiến sĩ Robert W. Dale, một trong những nhà thần học và là

mục sư nổi tiếng ở Anh quốc. Lần nọ, ông đang chuẩn bị bài giảng cho lễ Phục Sinh thì một sự nhận biết về Chúa Phục Sinh đã lóe lên trong ông với một sức mạnh mới. Ông nói với bản thân: “Đấng Christ đang sống! Ngài thật đang sống.” Nghỉ một chút, ông tiếp: “Thật vậy sao? Chúa vẫn *sống* như tôi đang sống ở đây à?” Ông rời khỏi bàn và đi tới lui lẩm bẩm: “Đấng Christ đang sống! Đấng Christ đang sống!”

Tiến sĩ Dale đã biết và tin nơi giáo lý này từ nhiều năm qua, nhưng trong ngày ấy sự thực hữu của giáo lý ấy đã chiếm hữu ông. Từ đó trở đi, “Đấng Christ hằng sống” luôn là đề tài truyền giảng của ông. Ông mời ca đoàn tôn vinh bài thánh ca về sự phục sinh của Chúa mỗi sáng Chúa Nhật hàng tuần. Ông nói: “Tôi muốn dân tộc tôi tin nơi một sự thật vinh hiển rằng Đấng Christ đang sống để có sự vui mừng. Anh biết đấy, Chúa Nhật là ngày Đấng Christ từ cõi chết sống lại mà!”

“Đấng Christ sống!” đó là niềm tin. “Đấng Christ sống trong *tôi*.” là niềm tin. Bạn có tin rằng Đấng Christ sống trong mình không?

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 10

Giảng 20:1-18

1. Có khi nào bạn trải qua một hoàn cảnh đen tối nhưng kết cuộc thì thật vui mừng?
2. Đọc *Giảng 20:1-18*. Người ta cố giải thích thế nào về sự sống lại của Chúa Giê-xu?
3. Bằng chứng nào trong phân đoạn này chứng tỏ Chúa Giê-xu đã chết thật sự và rồi Ngài sống lại?
4. Bạn có thể mô tả thế nào về đức tin của Giảng và Phi-e-rơ trong lúc đó?
5. Bạn học được gì về kinh nghiệm của bà Ma-ri tại ngôi mộ trống và việc bà chứng kiến Đấng Christ sống lại?
6. Tại sao những chứng nhân đầu tiên của Chúa Phục Sinh lại là phụ nữ?
7. Tại sao sau khi phục sinh, Chúa Giê-xu không xuất hiện cách công khai hơn, chẳng hạn trước mặt các chức sắc tôn giáo hay Phi-lát?
8. Bằng chứng giữ vai trò gì để chúng ta tin rằng Chúa Giê-xu đã sống lại?
9. Những biến đổi nào đã xảy ra trong phân đoạn này?
10. Chúa Phục Sinh đã biến đổi đời bạn như thế nào?

Quyền Năng Phục Sinh

Giăng 20:19-31

Tin tức về sự sống lại của Chúa Giê-xu bắt đầu loan ra trong vòng các môn đệ, mới đầu còn dè dặt, về sau rất mạnh mẽ. Tất cả môn đệ khi mới nghe kể lại cũng không tin, còn Thô-ma thì đòi nhìn xem chứng cứ. Tuy nhiên, bất cứ nơi đâu người ta đối diện với chân lý về Chúa phục sinh, đời sống họ đều được thay đổi. Thật vậy, hôm nay điều đó vẫn là kinh nghiệm biến đổi của chính bạn. Khi xem những đổi thay xảy ra trong đời sống của các môn đệ (*Giăng 20:19-31*), bạn hãy hỏi chính mình: “Bản thân tôi đã gặp Đấng Christ phục sinh chưa? Ngài đã thay đổi đời sống *tôi* chưa?”

Từ Sợ Hãi Đến Dạn Dĩ

Giăng 20:19-25

¹⁹ Buổi chiều nội ngày đó, là ngày thứ nhất trong tuần lễ, những cửa nơi các môn đồ ở đều đương đóng lại, vì sợ dân Giu-đa, Đức Chúa Jê-sus đến đứng chính giữa các môn đồ mà phán rằng: Bình an cho các người! ²⁰ Nói đoạn, Ngài giơ tay và sườn mình cho môn đồ xem. Các môn đồ vừa thấy Chúa thì đầy sự mừng rỡ. ²¹ Ngài lại phán cùng môn đồ rằng: Bình an cho các người! Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các người thế ấy. ²² Khi Ngài phán điều đó rồi, thì hà hơi trên môn đồ mà rằng: Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh. ²³ Kể nào mà các người tha

152 / Giảng

tội cho, thì tội sẽ được tha; còn kẻ nào các người cầm tội lại, thì sẽ bị cầm cho kẻ đó.

²⁴ Vả, lúc Đức Chúa Jêsus đến, thì Tho-ma, tức Đi-đim, là một người trong mười hai sứ đồ, không có ở đó với các môn đồ. ²⁵ Các môn đồ khác nói với người rằng: Chúng ta đã thấy Chúa. Nhưng người trả lời rằng: Nếu ta không thấy dấu đinh trong bàn tay Ngài, nếu ta không đặt ngón tay vào chỗ dấu đinh, và nếu ta không đặt bàn tay nơi sườn Ngài, thì ta không tin.

Chúa chúng ta yên nghỉ trong phần mộ vào ngày Sa-bát và sống lại từ cõi chết vào ngày đầu tuần. Nhiều người đã gọi Chúa Nhật là ngày Sa-bát của Cơ Đốc nhân, nhưng Chúa Nhật không phải là ngày Sa-bát. Ngày Sa-bát là ngày thứ bảy trong tuần, kỷ niệm công việc sáng tạo đã hoàn tất của Đức Chúa Trời (*Sáng Thế Ký* 2:1-3). Chúa Nhật là ngày kỷ niệm công tác cứu chuộc đã được trọn của Đấng Christ, là “sự sáng tạo mới.” Đức Chúa Trời đã làm việc trong sáu ngày, sau đó Ngài nghỉ ngơi. Con Đức Chúa Trời đã làm việc trong sáu ngày, sau đó Ngài nghỉ ngơi. Con Đức Chúa Trời đã chịu thương khó trên thập tự giá suốt sáu giờ đồng hồ và Ngài cũng yên nghỉ.

Đức Chúa Trời đã ban ngày Sa-bát cho dân Y-sơ-ra-ên như một “dấu” đặc biệt bày tỏ họ thuộc về Ngài (*Nê-hê-mi* 9:14; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:8-11; 31:13-17). Dân tộc này phải dùng ngày Sa-bát để nghỉ ngơi và tịnh dưỡng cho cả người và gia súc. Nhưng đối với dân Y-sơ-ra-ên, đây không nhất thiết là một ngày đặc biệt để nhóm họp và thờ phượng. Tiếc thay các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã áp đặt nhiều lề luật khắt khe đối với ngày Sa-bát, đến nỗi ngày ấy trở thành một ngày “nô lệ” chứ không phải là ngày phước hạnh! Chính Chúa Giê-xu đã từng lên án những lễ nghi ấy dù Ngài cũng rất coi trọng ngày Sa-bát.

Vào ngày Chúa Nhật đầu tiên, Chúa Giê-xu đã hiện ra ít nhất năm lần với Ma-ri Ma-đơ-len (*Giăng* 20:11-18), những phụ nữ khác (*Ma-thi-ơ* 28:9-10), Phi-e-rơ (*I Cô-rinh-tô* 15:5; *Lu-ca* 24:34), hai môn đệ ở Em-ma-út (*Lu-ca* 24:13-32) và các môn đồ ngoại trừ Tho-ma (*Giăng* 20:19-25). Ngày Chúa Nhật

kế tiếp, các môn đồ lại nhóm lại họp, và Thô-ma có mặt với họ (*Giăng* 20: 26-31). Dường như các môn đệ từ lâu thường nhóm họp vào chiều tối Chúa Nhật gọi là “ngày của Chúa” (*Khải Thị* 1:10). Có lẽ Hội Thánh ban đầu đã nhóm lại vào ngày đầu tuần để thờ phượng Chúa cũng như kỷ niệm sự chết và sống lại của Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:7; *I Cô-rinh-tô* 16:1-2).

Ngày Sa-bát chấm dứt khi Chúa sống lại từ cõi chết (*Mác* 16:1). Ngài đã phục sinh vào ngày đầu tuần (*Ma-thi-ơ* 28:1; *Lu-ca* 24:1; *Giăng* 20:1). Sự thay đổi từ ngày thứ bảy sang ngày đầu tuần không do ảnh hưởng của các điều luật trong Hội Thánh, nhưng xuất phát từ đức tin và sự làm chứng của các tín hữu ban đầu. Bao thế kỷ qua, ngày Sa-bát của dân Do Thái có liên hệ với luật pháp: sáu ngày làm việc, và rồi nghỉ ngơi. Nhưng ngày của Chúa là ngày đầu tuần có liên hệ với ân sủng: trước hết có đức tin trong Đấng Christ, sau đó là việc làm.

Không có chứng cứ nào cho thấy Đức Chúa Trời từng ban luật Sa-bát cho dân ngoại, hay Hội Thánh phải vâng theo luật Sa-bát. Trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, có chín điều răn được truyền đạt lại trong những thư tín gửi các Hội Thánh, nhưng điều răn về ngày Sa-bát không được nhắc đến. Tuy vậy, Phao-lô giải thích rằng chúng ta là những Cơ Đốc nhân không nên biến “những ngày đặc biệt” thành dịp thử nghiệm về thuộc linh và mối thông công (*Rô-ma* 14:5tt; *Cô-lô-se* 2:16-23).

Chúa đã biến đổi các môn đệ từ chỗ sợ hãi trở nên dạn dĩ bằng cách nào? Trước hết, Ngài đến với họ. Chúng ta không biết mười con người sợ hãi này nhóm họp kín đáo ở đâu, chỉ biết Chúa Giê-xu đã đến với họ và yên ủi họ. Với thân thể phục sinh, Ngài có thể bước vào phòng mà không cần mở cửa! Đây thật đúng là một thân thể thực hữu vì Ngài yêu cầu họ sờ Ngài, thậm chí Ngài còn ăn với họ (*Lu-ca* 24:41-43). Tuy nhiên thân thể Ngài giờ đây đã khác trước, vì không bị

154 / Giảng

giới hạn bởi cái người ta gọi là “luật tự nhiên”.

Đáng chú ý là những con người này rất sợ hãi. Những phụ nữ đã cho họ biết Chúa sống lại và hai môn đệ ở Em-ma-út cũng làm chứng như vậy (*Lu-ca* 24:33-35). Dường như Chúa hiện ra cho Phi-e-rô vào chiều hôm ấy (*I Cô-rinh-tô* 15:5; *Lu-ca* 24:34; *Mác* 16:7) nhưng sau đó ông mới được *phục hồi* lại mối liên hệ với Chúa (*Giăng* 21:1-25). Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Chúa quở trách các môn đồ lúc ấy, “không tin và lòng cứng cổ” (*Mác* 16:14).

Lời đầu tiên Ngài nói với họ là lời chào hỏi theo phong tục Do Thái “Shalom – Bình an cho các người!” Lẽ ra Ngài quở trách sự vô tín và ngã lòng họ đã vấp phạm những ngày trước đó, nhưng Ngài không làm vậy. “Ngài không đả chúng tôi theo tội lỗi chúng tôi, cũng không báo trả chúng tôi tùy sự gian ác của chúng tôi” (*Thi Thiên* 103:10). Công tác Ngài đã thực hiện trên thập tự giá chính là sự bình an (*Ê-phê-sô* 2:14-17 *Rô-ma* 5:1) và sứ điệp họ rao truyền sẽ là Phúc Âm về sự bình an (*Rô-ma* 10:15). Con người từng “tuyên chiến” với Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 2:1-12; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:23-30) nhưng Đức Chúa Trời lại phán với những ai tin Ngài rằng: “Bình an cho các người!”

Chúa Giê-xu không chỉ đến với các môn đệ, Ngài còn *yên ủi khích lệ* họ. Ngài cho họ thấy vết đinh nơi bàn tay Ngài, vết giáo đâm nơi hông Ngài, Ngài tạo cơ hội để họ nhận biết Ngài thật sự là Chúa họ, chứ không phải là một “bóng ma.” (Các sách Phúc Âm không ghi lại những vết thương ở chân Chúa, nhưng *Thi Thiên* 22:16 bày tỏ rằng chân Ngài cũng bị đóng vào thập tự giá).

Những vết thương trên thân Chúa không những để nhận diện nhưng còn là bằng chứng cho thấy giá chuộc tội đã được trả xong và con người đã được “hòa thuận với Đức Chúa Trời.” Nền tảng cho sự bình an của chúng ta được bày tỏ qua Con Người và công việc của Chúa Giê-xu. Ngài chết thay chúng ta, sống lại trong sự vinh hiển và đang sống vì chúng ta. Đang

khi lo sợ mà chúng ta lại cứ để Ngài ở ngoài lòng chúng ta sao? Ngài đến với chúng ta bằng ân sủng và khích lệ ta qua lời Ngài. “Bạn hữu làm cho thương tích, ấy bởi lòng thành tín” (*Châm Ngôn* 27:6).

Khi thấy các môn đồ vẫn còn sợ hãi, chưa biết vui mừng, *Chúa phán với họ* rằng: “Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các người thế ấy” (*Giăng* 20:21). Hãy nhớ rằng các môn đệ theo Chúa đầu tiên không chỉ là những người hiện diện trong phòng lúc này, nhưng có một số người khác, trong đó có cả hai môn đệ ở Em-ma-út. Đây không phải là một “ngghi lễ thụ phong” theo luật lệ Hội Thánh, nhưng là sự phó thác cho các môn đệ về công tác giảng Phúc Âm khắp thế gian. Chúng ta phải thay thế công việc của Chúa trên thế gian này (*Giăng* 17:18). Đây thật là một đặc quyền lớn lao và cũng là một trách nhiệm quan trọng! Chúng ta phải hạ mình xuống để thấy rằng: Chúa rất yêu chúng ta như Cha đã yêu Ngài vậy (*Giăng* 15:6, 17, 26), chúng ta được ở trong Cha cũng như Chúa Giê-xu ở trong Cha (*Giăng* 17:21-22). Cũng hãy khiêm nhường để biết rằng Ngài đã sai chúng ta trong thế gian như Cha đã từng sai Ngài. Trước khi thăng thiên, Chúa nhắc nhở họ về nhiệm vụ rao giảng Phúc Âm khắp đất (*Ma-thi-ơ* 28:18-20).

Các môn đệ hẳn rất vui mừng khi nhận biết rằng đầu họ có nhiều khiếm khuyết thất bại, nhưng Chúa vẫn giao phó cho họ công việc Ngài và rao truyền Lời Ngài. Họ từng khước từ Ngài và lẩn trốn, nhưng giờ đây Ngài muốn sai họ đi trong danh Ngài. Phi-e-rơ chối Chúa ba lần nhưng chỉ vài ngày sau ông rao giảng lời Chúa (và lên án dân Do Thái về tội chối bỏ Chúa – *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:13-14), kết quả cho thấy: hàng ngàn người đã được cứu.

Chúa Giê-xu không chỉ đến với các môn đệ và khích lệ họ, Ngài còn *giúp đỡ họ* qua Đức Thánh Linh. *Giăng* 20:22 nhắc chúng ta nhớ đến *Sáng Thế Ký* 2:7 khi Đức Chúa Trời hà sinh khí vào con người đầu tiên. Theo tiếng Hy Lạp và Hê-bơ-rơ, từ “hơi thở” cũng có nghĩa là “linh.” Hơi thở của Đức Chúa

Trời trong sự sáng tạo đầu tiên mang ý nghĩa về sự sống của thể chất, còn hơi thở của Chúa Giê-xu Christ trong sự sáng tạo mới mang ý nghĩa về sự sống thuộc linh. Các môn đệ đã chịu phép báp-têm của Thánh Linh trong ngày lễ Ngũ Tuần và được ban quyền phép để thi hành chức vụ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:4-5 và 2:1-4). Nếu không được đầy đầy Đức Thánh Linh, chúng ta không thể ra đi làm chứng một cách hiệu quả được. Đức Thánh Linh từng ở với các môn đệ trong thân vị Chúa Giê-xu, nhưng giờ đây chính Đức Thánh Linh sẽ ở trong lòng họ (*Giăng* 14:17).

Giăng 20:23 không có ý nói là Chúa ban cho một số người quyền hạn tha tội hay cho phép kẻ khác lên thiên đàng! Chúa cũng phán những lời tương tự như thế trước đó (*Ma-thi-ơ* 16:19), nhưng Ngài không có ý biệt riêng cho các môn đệ (cũng như những người kế tục họ) như một “giới thiêng liêng” có quyền giải quyết tội lỗi của thế gian. Hãy nhớ rằng ngoài các môn đệ ra, trong phòng còn có những người khác, còn Tô-ma thì vắng mặt!

Cách đây vài năm, tôi có trao đổi thư từ với một học giả Hy Lạp nổi tiếng là Tiến sĩ Julius R. Mantey (nay đã qua đời) về câu Kinh Thánh trên. Ông đoán chắc với tôi rằng cả *Giăng* 20:23 và *Ma-thi-ơ* 16:19 đều phải dịch là: “Bất cứ ai phạm tội mà các ngươi miễn xá, (tha tội cho) người ấy vốn đã được tha rồi. Còn ai phạm tội mà các ngươi cầm tội lại, người ấy vốn đã chẳng được tha.” Nói cách khác, các môn đệ không có quyền ban sự tha tội, mà chỉ có thể rao ra sự tha thứ trên nền tảng của sự điệp Phúc Âm. Một học giả Hy Lạp khác là tiến sĩ Kenneth Wuest dịch rằng “họ đã được tha thứ trước rồi”.

Khi các tín hữu ban đầu ra đi, họ đã rao truyền Phúc Âm cứu rỗi: Nếu tội nhân ăn năn và tin nhận Chúa Giê-xu, tội lỗi họ sẽ được tha. “Ngoài một mình Đức Chúa Trời, còn có ai tha tội được chăng?” (*Mác* 2:7). Cơ Đốc nhân chỉ có thể làm một điều duy nhất: rao ra sự điệp của sự tha thứ, còn Đức Chúa Trời sẽ thực hiện phép lạ của sự tha thứ. Nếu tội nhân tin nơi

Chúa Giê-xu, chúng ta có đủ cơ sở cho họ biết rằng tội lỗi họ đã được tha, chúng ta không phải là những người có quyền tha tội.

Giờ đây, nỗi sợ hãi của các môn đệ đã tan biến. Họ biết chắc Chúa là Đấng Sống đang chăm sóc bảo vệ họ. Họ có sự “hòa thuận với Đức Chúa Trời” và “sự bình an của Đức Chúa Trời” (*Phi-líp* 4:6-7). Họ được giao một nhiệm vụ quan trọng và được ban cho quyền năng để thực hiện trọng trách. Họ cũng được ban cho đặc ân lớn lao để đem Phúc Âm về sự tha thứ cho cả thế giới. Công việc họ phải làm lúc này là ở lại Giê-ru-sa-lem cho đến khi nhận quyền năng từ Đức Thánh Linh.

Từ Vô Tín Đến Tin Nhận

Giăng 20:26-28

²⁶ Cách tám ngày, các môn đồ lại nhóm nhau trong nhà, có Tô-ma ở với. Khi cửa đương đóng, Đức Chúa Jê-sus đến, đứng chính giữa môn đồ mà phán rằng: Bình an cho các ngươi! ²⁷ Đoạn, Ngài phán cùng Tô-ma rằng: Hãy đặt ngón tay ngươi vào đây, và xem bàn tay ta; cũng hãy giơ bàn tay ngươi ra và đặt vào sườn ta, chớ cứng lòng, song hãy tin! ²⁸ Tô-ma thưa rằng: Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi!

Tại sao Tô-ma không có mặt cùng với các môn đệ khác khi họ họp mặt vào buổi chiều ngày Chúa phục sinh? Phải chăng Tô-ma quá thất vọng đến nỗi không thiết tha gặp gỡ bạn hữu mình? Những lúc chúng ta chán nản ngã lòng là lúc chúng ta cần bạn hữu hơn hết! Tự cô lập chỉ càng làm cho sự chán nản gia tăng, khiến lòng càng u uất hơn.

Có lẽ Tô-ma sợ hãi. Nhưng *Giăng* 11:16 dường như cho thấy ông vốn là con người can đảm, sẵn sàng đến xứ Giu-đê để cùng chết với Chúa! Trong *Giăng* 14:5, Tô-ma tỏ ra là người có tâm tính thuộc linh, muốn biết chân lý và không ngại đặt câu hỏi. Dường như ở Tô-ma có một cái nhìn đầy bi quan. Chúng ta thường gọi ông là “Tô-ma hay nghi ngờ,” nhưng Chúa Giê-xu không trách cứ sự nghi ngờ của ông. Ngài chỉ quở trách lòng vô tín của ông, “chớ cứng lòng, nhưng hãy

tin!” Sự nghi ngờ thường là một vấn đề thuộc lý trí: chúng ta muốn tin, nhưng niềm tin bị lấn át bởi những điều còn thắc mắc. Còn sự vô tín là vấn đề thuộc đạo đức. Vô tín là không muốn tin!

Thô-ma không muốn tin điều gì? Không tin lời các môn đồ kể rằng Chúa Giê-xu đã sống lại. Động từ sử dụng trong *Giăng* 20:25 có nghĩa là các môn đệ tiếp tục kể lại rằng Chúa Giê-xu Christ đã sống lại (*Giăng* 20:25). Chấn hấn những phụ nữ và các môn đệ ở Em-ma-út cũng hỗ trợ cho chứng cứ này. Một mặt, chúng ta khâm phục Thô-ma vì ông muốn *trực tiếp* kiểm nghiệm. Nhưng chúng ta cũng trách ông vì đã đặt điều kiện với Chúa.

Cũng như nhiều người thời đó, Thô-ma có hai tên. “Thô-ma” là tên theo tiếng Aramaic và “Đi-đim” là tên theo tiếng Hy Lạp, cả hai điều có nghĩa là “sinh đôi.” Ai là anh em sinh đôi của Thô-ma? Chúng ta không biết rõ, nhưng đôi lúc tôi có cảm giác chúng ta là anh em sinh đôi của Thô-ma! Bao lần chúng ta đã không muốn tin và nài Chúa phải tỏ chính Ngài cho mình!

Thô-ma là một điển hình khuyến cáo chúng ta không nên bỏ qua sự nhóm lại với con cái Đức Chúa Trời trong ngày Chúa Nhật (*Hê-bơ-rơ* 10:22-25). Vì vắng mặt, nên Thô-ma đã không gặp Chúa Giê-xu để có thể nghe những lời phán bình an của Ngài, nhận trọng trách Ngài giao cũng như hưởng sự ban cho thuộc linh từ nơi Ngài. Lẽ ra có thể kinh nghiệm được sự vui mừng và bình an, Thô-ma đã phải chịu đựng suốt một tuần với lòng sợ hãi và vô tín! Những khi bạn bị cám dỗ ở nhà thay vì phải đi nhà thờ, hãy nhớ đến tình trạng của Thô-ma! Bạn sẽ có thể mất cơ hội được hưởng những phước hạnh kỳ diệu nhất.

Mười môn đệ cho Thô-ma biết họ đã thấy tay và sườn Chúa (*Giăng* 20:20), vì vậy Thô-ma muốn “kiểm tra chứng cứ.” Ông đã có mặt khi Chúa gọi La-xa-rơ sống lại, vậy tại sao ông lại thắc mắc về sự sống lại của chính Ngài? Ông vẫn muốn nhìn

thấy bằng chứng. Có thấy ông mới tin!

Những lời Tô-ma nói giúp chúng ta hiểu sự khác nhau giữa *tính nghi ngờ* và *lòng vô tín*. Kẻ nghi ngờ nói rằng “Tôi không thể tin được! Có quá nhiều vấn đề ở đây!” Kẻ vô tín lại nói, “*Tôi không tin* trừ khi anh cho tôi thấy bằng chứng tôi cần.” Theo tiếng Hy Lạp có một dạng phủ định kép trong câu “Tôi không tin”.

Chúa Giê-xu đã nghe mọi lời Tô-ma nói, không cần ai thuật lại cho Ngài. Vì vậy vào Chúa Nhật kế tiếp, Ngài xuất hiện trong phòng (một lần nữa mọi cửa đều đóng), trực diện với Tô-ma và sự vô tín của ông. Ngài vẫn chào các môn đệ bằng câu nói, “Shalom. Bình an cho các người!” Lòng vô tín của Tô-ma không thể làm suy giảm sự bình an và vui mừng của các môn đệ khác.

Chúa thật nhân từ biết bao khi hạ mình đến với chúng ta để nâng chúng ta lên một vị trí cần thiết. Ngài cho phép Ghê-đê-ôn được thỏa mãn với những thử nghiệm đức tin mà ông đề nghị (*Các Quan Xét* 6:36-40), cũng như đáp ứng yêu cầu của Tô-ma. Không có lời nào trong Kinh Thánh cho biết Tô-ma có tiếp nhận lời mời của Chúa hay không. Khi đến lúc phải bày tỏ đức tin, Tô-ma không cần một chứng cứ nào khác nữa!

Lời kêu gọi của Chúa được hiểu rằng “Đừng tiếp tục nghi ngờ nữa, nhưng hãy tin.” Chúa đã nhìn thấy nơi lòng Tô-ma những tư tưởng tai hại nên Ngài khuyên ông hãy chấm dứt những suy nghĩ ấy. *Hê-bơ-rơ* 3:1-19 giải thích rõ ràng về vấn đề trên, là đoạn Kinh Thánh Đức Chúa Trời khuyên chúng ta đừng “có lòng dữ và chẳng tin” (câu 12).

Thật không dễ gì hiểu nổi tâm lý của kẻ nghi ngờ và vô tín. Có lẽ nó có liên quan đến cá tính. Số người này có lòng tin mạnh mẽ hơn một số người khác. Có thể là Tô-ma đã quá thất vọng đến nỗi sẵn sàng buông xuôi tất cả, nên ông thốt ra “lời thách thức” và nghĩ rằng Chúa sẽ không đáp ứng nổi. Dẫu sao Tô-ma phải đối diện với điều mình đã nói, và Tô-

ma đã phải quyết định.

Giăng 20:29 cho thấy lời làm chứng của Thô-ma không xuất phát từ hành động *rờ* Chúa nhưng từ việc *thấy* Chúa. “Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi!” là lời chứng cuối cùng được *Giăng* ghi lại, bày tỏ thần tính của Chúa Giê-xu. Những lời chứng khác xuất phát từ *Giăng* Báp-tít (1:34), Na-tha-na-ên (1:49) Chúa Giê-xu (5:25; 10:36) Phi-e-rơ (6:69), người mù được chữa lành (9:35), Ma-thê (11:27), và dĩ nhiên là *Giăng* (20:30-31).

Chúng ta được khích lệ khi biết rằng Chúa vẫn quan tâm lo lắng cho một Thô-ma hay nghi ngờ. Ngài muốn nâng đỡ đức tin Thô-ma và đưa ông đến nguồn phước hạnh dành sẵn cho những người theo Ngài. Câu chuyện của ông Thô-ma nhắc ta rằng lòng vô tín có thể khiến ta mất nhiều cơ hội và phước hạnh. Nghi vấn những điều Chúa làm mới nghe có vẻ hợp lý và khôn ngoan, nhưng những nghi vấn ấy là bằng chứng của tấm lòng cứng cổ, không phải là tấm lòng muốn tìm kiếm Chúa. Thô-ma chủ trương “lý luận khoa học” về sự sống nhưng chẳng có hiệu quả gì! Thực ra, khi kẻ hoài nghi nói rằng, “Tôi không tin trừ khi...” kẻ ấy đã thừa nhận rằng mình có thể tin! Người ấy tin vào sự chính xác của các cuộc thử nghiệm do mình vạch ra. Nếu người ấy có thể tin nơi “phương pháp khoa học” của mình, vậy tại sao không tin nơi những điều Đức Chúa Trời mạc khải?

Chúng ta cần nhắc nhở mình phải sống bằng đức tin. Sự khác nhau chính là *đối tượng* của niềm tin. Cơ Đốc nhân tin nơi Đức Chúa Trời và lời Ngài, còn kẻ vô tín chỉ tin nơi bản thân.

Từ Sự Chết Đến Sự Sống

Giăng 20:29-31

²⁹ Đức Chúa Jê-sus phán: Vì người đã thấy ta, nên người tin. Phước cho những kẻ chẳng từng thấy mà đã tin vậy!

³⁰ Đức Chúa Jê-sus đã làm trước mặt môn đồ Ngài nhiều phép lạ khác nữa, mà

không chép trong sách này.³¹ Nhưng các việc này đã chép, để cho các người tin rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin, thì nhờ danh Ngài mà được sự sống.

Giăng không thể kết thúc sách Phúc Âm mà không bày tỏ cho người đọc phép lạ về sự sống lại. Dù đời sống chúng ta hôm nay chưa thể kinh nghiệm được quyền năng phục sinh của Đấng Christ, chúng ta cũng không nên nhìn Thô-ma và những môn đệ khác với tư tưởng ghen tị. Đó là lý do Giăng viết sách Phúc Âm này, hầu cho mọi người ở mọi thời đại biết rằng Chúa Giê-xu chính là Đức Chúa Trời và đức tin nơi Ngài sẽ đem đến cho chúng ta sự sống đời đời.

Không cần phải “thấy” Chúa Giê-xu mới có thể tin nơi Ngài. Vâng, đồng ý rằng các Cơ Đốc nhân đầu tiên thật có phước khi nhìn thấy Chúa và biết rằng Ngài sống, nhưng điều đó không cứu được họ. Họ được cứu bởi “tin,” không phải “thấy.” Trọng tâm suốt *Phúc Âm Giăng* nói về đức tin. Có khoảng 100 chi tiết trong *Phúc Âm Giăng* nói về đức tin nơi Chúa Giê-xu.

Hôm nay, bạn và tôi không thể thấy Đấng Christ, cũng không thể xem Ngài làm những phép lạ như Giăng đã viết trong Phúc Âm này. Nhưng lịch sử vẫn còn đó, những gì ghi lại trong Kinh Thánh là điều chúng ta cần biết. “Đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (*Rô-ma* 10:17; *I Cô-rinh-tô* 5:9-13). Khi đọc *Phúc Âm Giăng*, bạn sẽ đối diện với Đấng Christ, nhìn xem cách Ngài sống, lời Ngài phán và việc Ngài làm. Mọi chứng cứ đều bày tỏ rằng Ngài thật sự là Đức Chúa Trời đã đến trong xác thịt, là Cứu Chúa của thế gian.

Những dấu lạ được Giăng liệt kê và mô tả trong Phúc Âm này là chứng cứ về thần tính của Đấng Christ. Những phép lạ này rất ý nghĩa, nhưng tội nhân được cứu không phải bởi “tin nơi phép lạ,” nhưng bởi “tin nơi Chúa Giê-xu.” Nhiều người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem tin Chúa Giê-xu vì những phép lạ

162 / Giảng

Ngài làm, nhưng họ không tin Ngài. Ni-cô-đem cũng tin nơi các phép lạ (3:2) nhưng lúc đó thật sự ông chưa được sinh lại. Vô số người Do Thái theo Ngài vì phép lạ Ngài làm (*Giăng* 6:2) nhưng cuối cùng họ đều rút lui (6:60). Các lãnh đạo tôn giáo là những người luôn tìm phương giết Chúa cũng tin rằng Ngài đã làm phép lạ, nhưng “kiểu niềm tin” này không cứu được họ (11:47).

Niềm tin nơi phép lạ của Chúa có thể dẫn đến niềm tin nơi lời Ngài, và niềm tin này sẽ khiến con người tin nhận Chúa Giê-xu là Đấng Christ. Chúa Giê-xu cũng bày tỏ rằng niềm tin nơi những việc Ngài làm (phép lạ) chỉ là *bước đầu* dẫn đến niềm tin nơi lời Đức Chúa Trời (*Giăng* 5:36-40). Tội nhân phải “nghe” lời Chúa mới có thể được cứu (*Giăng* 5:24).

Giăng không cần phải kể lại tất cả các phép lạ Chúa làm, vì ông biết rằng chẳng bao giờ có thể viết hết tất cả (21:25). Đời sống và chức vụ của Chúa Giê-xu luôn là lãnh vực rất phong phú cho bất cứ người viết sách nào, dù người ấy được hà hơi cũng không thể chép lại hết được. Tuy nhiên, cũng không cần thiết để chép lại đầy đủ mọi sự việc. Mọi sự kiện cơ bản đã được chép ra trong Phúc Âm để chúng ta đọc và suy gẫm. Chân lý được chép trong Phúc Âm này đủ để bất cứ tội nhân nào tin và được cứu!

Chủ đề trong *Phúc Âm Giảng* là “Chúa Giê-xu là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời.” Giảng đưa ra ba chứng cứ về luận điểm này: việc làm của Chúa, cách sống của Ngài và lời Ngài dạy. Trong Phúc Âm này, bạn sẽ thấy Chúa thực hiện phép lạ, nhìn xem đời sống trọn vẹn của Ngài giữa vòng kẻ thù nghịch và nghe Ngài phán những lời kỳ diệu mà không một người nào khác có thể nói được.

Hoặc Chúa Giê-xu là một người “bị tâm thần” hay là “kẻ lừa dối” hoặc Ngài chính là “Đấng” Ngài đã phán? Kẻ thù gọi Ngài là người bị loạn trí, lừa dối. Nhưng tất cả những ai nhìn xem và lắng nghe lời Ngài đều kết luận rằng Ngài là con người đặc biệt, không giống với bất cứ ai họ từng biết. Làm sao một kẻ tâm thần hay ngộ nhận lại có thể làm được những

việc Chúa làm? *Khi những người nghe và tin nơi Ngài, đời sống họ đều được thay đổi!* Một kẻ tâm thần hay nói dối có thể thay đổi được đời sống người ta không?

Ngài xưng mình là Đức Chúa Trời đã đến trong xác thịt, Con Đức Chúa Trời, Đấng Christ của thế gian. Đó chính là sự thật về Ngài!

Giăng không chỉ hài lòng khi chỉ rao giảng suông. Ông muốn sự rao giảng của ông phải có kết quả. Ông muốn người đọc tin Chúa Giê-xu để được cứu! Ông không muốn viết ra một tiểu sử để đọc tiêu khiển hay một sách lịch sử để làm sáng tỏ một vấn đề. Ông muốn viết ra một sách Phúc Âm để thay đổi cuộc đời con người.

“Sự sống” là chữ chìa khóa trong *Phúc Âm Giăng*. Ông sử dụng từ này ít nhất ba mươi sáu lần. Chúa Giê-xu là Đấng ban cho tội nhân sự sống đời đời và sung mãn, và cách duy nhất để hưởng được sự sống là tin nơi Chúa Giê-xu.

Nếu tội nhân cần sự sống, có nghĩa là họ đã *chết*. “Còn anh em đã chết vì lầm lỗi và tội ác mình” (*Ê-phê-sô* 2:1). Sự cứu rỗi không phải là tình trạng hồi tỉnh lại (sau một cơn ngất) nhưng là sự sống lại (từ cõi chết) (*Giăng* 5:24). Tội nhân hư mất không phải là kẻ yếu đuối hay bệnh hoạn, nhưng là kẻ đã *chết*!

Sự sống này đến từ danh Ngài. Danh Ngài là gì? Qua *Phúc Âm Giăng*, Chúa từng phán “TA LÀ...” Ngài phán bảy lời “TA LÀ...” trong *Phúc Âm Giăng* để tỏ cho tội nhân hư mất biết mọi điều họ cần.

“Sự sống đời đời” không phải là “thời gian vô tận,” vì tội nhân hư mất cũng sẽ sống đời đời nơi hoả ngục! “Sự sống đời đời” là *sự sống của Đức Chúa Trời chúng ta kinh nghiệm hôm nay*. Đó là chất lượng của sự sống, không phải là số lượng thời gian. Đó là kinh nghiệm thuộc linh về “thiên đàng trên đất” hiện nay. Không phải đợi đến lúc chết, Cơ Đốc nhân mới có sự sống đời đời, nhưng đã có sự sống ấy trong Đấng Christ ngay hôm nay.

Từ tâm trạng sợ hãi, mười môn đệ đã trở nên dạn dĩ. Thô-

164 / Giảng

ma từ chỗ vô tín đã trở nên vững lòng. Giờ đây, Giảng cũng mời gọi *bạn* tin nhận Chúa Giê-xu Christ để được biến đổi từ cõi chết sang sự sống đời đời.

Nếu bạn đã có quyết định thay đổi đời sống từ lâu, hãy cảm tạ Đức Chúa Trời vì Ngài đã ban cho bạn món quà quý giá của sự sống đời đời.

Nếu bạn chưa từng có quyết định trên, hãy làm điều đó *ngay bây giờ*.

“Ai tin Con thì được sự sống đời đời, ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó” (*Giăng 3:36*).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 11

Giăng 20:19-31

1. Kể lại trường hợp bạn ở trong tình trạng sợ hãi.
2. Đọc *Giăng 20:19-31*. Chúa Giê-xu đã biến nỗi sợ của các môn đồ thành can đảm như thế nào?
3. So sánh câu 22 với các biểu hiện khác của Thánh Linh trong Kinh Thánh cách nào?
4. Con cái Chúa dự phần thế nào với Chúa Giê-xu trong quyền tha tội?
5. Cho biết bản tính nghi ngờ hay vô tín của sứ đồ Tô-ma.
6. Cho biết thái độ của Chúa đối với sứ đồ Tô-ma.
7. Chúa tiếp cận với sứ đồ Tô-ma như thế nào? Kết quả ra sao?
8. Tại sao sứ đồ Giăng viết sách này?
9. Bạn học được gì về đức tin qua những câu sau cùng?
10. Đức tin dẫn đến cách sống nào?
11. Trong lĩnh vực nào bạn cần để Chúa Giê-xu biến nỗi sợ hãi, nghi ngờ thành đức tin?

Được Biến Đổi Để Phục Vụ

Giăng 21

Độc giả có thể nghĩ rằng sứ đồ *Giăng* nên chấm dứt sách Phúc Âm của ông bằng lời chứng cứ đầy lý thú của Tô-ma (20:28-31), và thắc mắc tại sao ông lại còn viết thêm một đoạn nữa. Nguyên nhân chính là do sứ đồ Phi-e-rơ, một cộng sự thân thiết của ông trong chức vụ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:1). *Giăng* không muốn kết thúc sách Phúc Âm mà không cho người đọc biết rằng Phi-e-rơ đã được phục hồi địa vị làm sứ đồ của Chúa. Nếu không có những thông tin trong đoạn này, có lẽ chúng ta không biết vì sao Phi-e-rơ lại nổi bật trong mười hai đoạn đầu của sách *Công Vụ Các Sứ Đồ*.

Giăng còn một mục đích khác. Ông muốn bác bỏ tin đồn ngờ ngẩn giữa vòng các môn đệ khi cho rằng *Giăng* sẽ sống cho đến khi Chúa tái lâm (*Giăng* 21:23). *Giăng* giải thích rõ rằng lời Chúa phán đã bị hiểu sai một cách trầm trọng.

Tôi cho rằng *Giăng* cũng có một mục đích khác nữa: ông muốn cho chúng ta biết cách tạo mối liên hệ với Đấng Christ phục sinh. Suốt bốn mươi ngày giữa thời gian Chúa phục sinh và thăng thiên, Ngài ẩn mình và xuất hiện theo ý muốn, thăm viếng các môn đệ, chuẩn bị cho họ tinh thần để tiếp nhận

Thánh Linh và thi hành chức vụ trong tương lai (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:1-9). Họ không biết khi nào Chúa xuất hiện, nên họ phải tỉnh thức (cũng như chúng ta phải tỉnh thức về sự tái lâm của Chúa *hôm nay* vậy). Đó là thời điểm rất ý nghĩa đối với các môn đệ vì họ sắp thay thế công việc Chúa trên thế gian và bắt đầu rao sứ điệp của Ngài cho kẻ khác.

Trong chương này, tôi thấy ba hình ảnh về người tin Chúa kèm theo từng trách nhiệm:

Chúng Ta Là Những Tay Đánh Lưới Người – Hãy Vâng Phục Chúa

Giăng 21:1-8

¹ Rồi đó, Đức Chúa Jêsus lại hiện ra cùng môn đồ Ngài nơi gần biển Ti-bê-ri-át. Việc Ngài hiện ra như vậy: ² Si-môn Phi-e-rơ, Thô-ma gọi là Đì-đim, Na-tha-na-ên nguyên ở thành Ca-na, trong xứ Ga-li-lê, các con trai của Xê-bê-đê và hai người môn đồ khác nữa nhóm lại cùng nhau. ³ Si-môn Phi-e-rơ nói rằng: Tôi đi đánh cá. Các người kia trả lời rằng: Chúng tôi đi với anh. Các người ấy ra đi xuống thuyền, nhưng trong đêm đó, chẳng được chi hết.

⁴ Đến sáng, Đức Chúa Jêsus đứng trên bờ, nhưng môn đồ không biết đó là Đức Chúa Jêsus. ⁵ Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hỡi các con, không có chi ăn hết sao? Thưa rằng: Không. ⁶ Ngài phán rằng: Hãy thả lưới bên hữu thuyền, thì các người sẽ được. Vậy, các người ấy thả lưới xuống, được nhiều cá đến nỗi không thể kéo lên nữa. ⁷ Môn đồ mà Đức Chúa Jêsus yêu mến nói với Phi-e-rơ rằng: Ấy là Chúa! Khi Si-môn Phi-e-rơ đã nghe rằng ấy là Chúa, bèn lấy áo dài quấn mình (vì đương ở trần) và nhảy xuống nước. ⁸ Các môn đồ khác đem thuyền trở lại, kéo tay lưới đầy cá, vì cách bờ chỉ chừng hai trăm cu-đê mà thôi.

Chúa đã dặn các môn đồ phải gặp Ngài tại Ga-li-lê. Điều này giải thích lý do vì sao họ có mặt tại biển Ga-li-lê hoặc biển Ti-bê-ri-át (*Ma-thi-ơ* 26:32; 28:7-10; *Mác* 16:7). Nhưng *Giăng* không giải thích vì sao Phi-e-rơ quyết định đi đánh lưới. Đây cũng là vấn đề tranh luận của các nhà nghiên cứu Kinh Thánh. Một số người cho rằng Phi-e-rơ hoàn toàn có quyền đi đánh cá, vì ông cần trang trải các khoản chi tiêu và cách tốt nhất để có tiền là phải đi đánh lưới. Tại sao lại ngồi không? Phải làm việc!

Một số khác cho rằng Phi-e-rơ đã được kêu gọi từ bỏ công việc này (*Lu-ca* 5:1-11), như vậy ông đã sai lầm khi trở lại đánh cá! Hơn nữa, khi đi đánh cá, ông dẫn theo sáu người khác. Nếu ông sai lầm vậy sáu người kia cũng sai lầm. Thật đáng buồn khi một người tin Chúa dẫn kẻ khác đi sai đường.

Thật đáng chú ý vì có ít nhất bảy người trong số mười hai môn đệ Chúa làm nghề đánh cá. Tại sao Chúa Giê-xu lại chọn nhiều người đánh cá để theo Ngài? Trước hết những người đánh cá rất dạn dĩ nên Chúa cần những con người dạn dĩ đi theo Ngài. Họ chỉ nhắm vào một mục đích và không dễ gì bị phân tâm. Những người đánh cá không dễ bỏ cuộc! (dĩ nhiên tôi muốn nói về những người đánh cá chuyên nghiệp, chứ không phải những người đi câu vào dịp nhàn rỗi!). Họ sẵn sàng nhận lệnh và biết cách hỗ trợ nhau.

Chúng ta không thể chứng minh Phi-e-rơ và các bạn ông đúng hay sai tuy cá nhân tôi nghĩ rằng họ sai -nhưng chúng ta biết mọi nỗ lực của họ đều vô vọng. Phải chăng họ đã quên lời Chúa phán rằng “vì ngoài ta, các ngươi chẳng làm chi được” (*Giăng* 15:5)? Họ đã vất vả cả đêm nhưng chẳng lưới được gì. Chắc hẳn Phi-e-rơ đã nhớ lại những điều xảy ra trước đó hai năm, khi Chúa Giê-xu gọi ông làm môn đệ chính thức của Ngài (*Lu-ca* 5:1-11). Vào dịp ấy, Phi-e-rơ cũng trải qua một đêm không bắt được cá, nhưng Chúa Giê-xu đã biến sự thất bại của ông trở nên một thành công.

Có lẽ tính bốc đồng và chủ quan trong Phi-e-rơ một lần nữa đã lộ ra. Ông là người thành thật, làm việc chăm chỉ nhưng không đem lại kết quả, thật giống với một số tín hữu phục vụ Chúa! Họ luôn tin rằng mình đang làm theo ý Đức Chúa Trời nhưng công sức họ trở nên vô ích. Họ phục vụ mà không có sự hướng dẫn của Chúa, nên không nhận được phước hạnh từ nơi Ngài.

Sau khi Chúa phục sinh có mấy lần các môn đệ không nhận ra Ngài (*Giăng* 20:14; *Lu-ca* 24:16). Vào rạng sáng, Ngài xuất hiện trên bờ biển nhưng họ không nhìn biết. Ngài hỏi họ

và chờ câu trả lời phủ định: “Hỡi các con, không có chi ăn hết sao?” Họ đáp lại bằng một từ ngắn gọn, nhưng lộ vẻ bối rối: “không”.

Đã đến lúc Chúa làm chủ tình thế như Ngài đã từng hành động khi gọi Phi-e-rơ đi theo Ngài. Ngài bảo cho họ biết nơi phải thả lưới, họ vâng lời và đã bắt được một trăm năm mươi ba con cá lớn! Sự khác nhau giữa thành công và thất bại chỉ là “khoảng cách” của bề rộng chiếc thuyền! Chúng ta không bao giờ có thể đạt được thành công nếu không để Chúa điều khiển mình. Vâng lời Ngài chúng ta sẽ rất gần với sự thành công, và chúng ta gần với sự thành công hơn là chúng ta suy tưởng!

Giăng là người đầu tiên nhận biết vị khách lạ trên bờ biển chính là Chúa của họ. Ông là người dựa nơi ngực Chúa tại bàn ăn (Giăng 13:23) và là người đứng bên thập tự giá lúc Chúa chịu chết (Giăng 19:26). Bởi tình yêu ấy, Giăng đã có thể nhận biết Chúa và rao cho kẻ khác tin mừng này: “Ấy là Chúa!”

Với cá tính bốc đồng, Phi-e-rơ nhanh nhẹn mặc áo dài vào và nhảy xuống nước! Ông muốn đến với Chúa Giê-xu. Hình ảnh này thật tương phản với Lu-ca 5:8 khi ông nài xin Chúa ra khỏi ông. Sáu người khác kéo thuyền vào bờ với một lưới cá đầy. Lần đánh cá ghi ở Lu-ca 5:1-19 thì lưới đứt ra, nhưng lần này lưới vẫn không đứt.

Có lẽ qua hai phép lạ đánh cá trên, chúng ta có thể nhìn thấy một minh họa về cách Chúa giúp người thuộc về Ngài “lưới” những linh hồn hư mất. Mọi nỗ lực của chúng ta sẽ đều vô hiệu nếu không được sự chỉ dẫn và phước hạnh từ nơi Chúa. Hiện nay, chúng ta không biết mình đã lưới được bao nhiêu con cá nhưng điều chúng ta thường cảm nhận là dường như lưới bị rách. Nhưng vào kỳ sau rốt khi gặp Chúa, chúng ta sẽ khám phá rằng không có một con cá nào bị mất và số cá bắt được rất nhiều.

Chúa Giê-xu đã kêu gọi các môn đệ khi xưa và chúng ta hôm nay để trở nên những “tay đánh lưới người.” Cách gọi

này không do Chúa Giê-xu tạo ra, nhưng đã được sử dụng từ bao năm trước đó do các giáo sư Hy Lạp và La Mã. “Tay đánh lưới người” thời bấy giờ có nghĩa là người tìm kiếm, thuyết phục và thu phục kẻ khác bằng chân lý. Người đánh cá lưới được cá sống nhưng khi có cá trong tay, cá đều chết. Người rao truyền Phúc Âm tìm bắt “cá chết” (chết trong tội lỗi) nhưng khi bắt được cá trong tay, cá liền được sống lại trong Đấng Christ!

Đến đây, chúng ta có thể hiểu vì sao có nhiều môn đệ Chúa làm nghề chài lưới. Người đánh cá biết cách làm việc có hiệu quả. Họ đi ra “chỗ nước sâu” bằng sự dạn dĩ và niềm tin quyết. Có đủ lòng kiên trì và nhẫn nại, họ sẽ không bỏ cuộc. Họ biết cách hỗ trợ nhau cũng như rất thành thạo trong cách sử dụng lưới và điều khiển thuyền chài. Đây là tấm gương cho mỗi chúng ta noi theo khi chúng ta muốn “lưới cá” cho Chúa Giê-xu!

Chúng ta thật sự là những “tay đánh lưới người” và có rất nhiều “cá” ở quanh ta. Nếu vâng theo sự hướng dẫn của Chúa, chúng ta sẽ lưới được cá!

Chúng Ta Là Những Người Chăn Bầy – Hãy Yêu Mến Chúa *Giăng 21:9-19*

⁹ Lúc môn đồ đã lên bờ, thấy tại đó có lửa than, ở trên để cá, và có bánh. ¹⁰ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy đem cá các ngươi mới đánh được đó lại đây. ¹¹ Si-môn Phi-e-rơ xuống thuyền, kéo tay lưới đầy một trăm năm mươi ba con cá lớn lên bờ; và, dầu nhiều cá dường ấy, lưới vẫn không đứt. ¹² Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy lại mà ăn. Nhưng không một người môn đồ nào dám hỏi rằng: Người là ai? Vì biết quả rằng ấy là Chúa. ¹³ Đức Chúa Jê-sus lại gần, lấy bánh cho môn đồ, và cho luôn cá nữa. ¹⁴ Ấy là lần thứ ba mà Đức Chúa Jê-sus hiện ra cùng môn đồ Ngài, sau khi Ngài từ kẻ chết sống lại.

¹⁵ Khi ăn rồi, Đức Chúa Jê-sus phán cùng Si-môn Phi-e-rơ rằng: Hỡi Si-môn, con Giô-na, ngươi yêu ta hơn những kẻ này chăng? Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy chăn những chiên con ta. ¹⁶ Ngài lại phán lần thứ hai cùng người rằng: Hỡi Si-môn, con Giô-na, ngươi yêu ta chăng? Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy chăn chiên ta. ¹⁷ Ngài

phán cùng người đến lần thứ ba rằng: Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta chẳng? Phi-e-rô buồn rầu vì Ngài phán cùng mình đến ba lần: Người yêu ta chẳng? Người bèn thưa rằng: Lạy Chúa, Chúa biết hết mọi việc; Chúa biết rằng tôi yêu Chúa! Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy chẵn chiến ta. ¹⁸ Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, khi người còn trẻ, người tự mình thắt lưng lấy, muốn đi đâu thì đi; nhưng khi người già, sẽ gởi bàn tay ra, người khác thắt lưng cho và dẫn người đi đến nơi mình không muốn. ¹⁹ Ngài nói điều đó để chỉ về Phi-e-rô sẽ chết cách nào đáng sáng danh Đức Chúa Trời. Và sau khi đã phán như vậy, Ngài lại rằng: Hãy theo ta.

Chúa Giê-xu nhóm các môn đệ trên bờ biển nơi Ngài đã chuẩn bị bữa ăn sáng cho họ. Quang cảnh này có lẽ khơi dậy trong Phi-e-rô ký ức về những sự kiện đã qua, khuấy động tâm khảm ông. Hẳn ông nhớ lại mẻ cá đầu tiên (*Lu-ca* 5:1-11) cũng như việc Chúa nuôi 5.000 người bằng năm cái bánh và hai con cá (*Giăng* 6:1-71). Trước đó không lâu, ông đã bày tỏ chứng cứ rõ ràng về đức tin mình nơi Chúa Giê-xu (*Giăng* 6:66-71). “Than lửa” có lẽ đã khiến ông nhớ đến “đống lửa” nơi ông đã chối Chúa (*Giăng* 18:18). Chúng ta cũng cần phải nhớ đến quá khứ để xưng tội.

Có ba lời mời gọi nổi bật trong *Phúc Âm Giăng*, đó là “Hãy đến xem” (*Giăng* 1:34) “Hãy đến cùng ta mà uống” (*Giăng* 7:37) và “Hãy lại mà ăn” (*Giăng* 21:12). Chúa thật nhân từ biết bao khi cho Phi-e-rô ăn trước khi Ngài đáp ứng những nhu cầu thuộc linh của ông. Ngài để Phi-e-rô có cơ hội lau mình, sưởi ấm, làm dịu cơn đói và thông công vui vẻ với bạn hữu. Đây là gương có ích cho mỗi chúng ta trong lãnh vực chăm sóc con cái Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên những điều thuộc linh quan trọng hơn những điều thuộc thể, nhưng việc chăm sóc thuộc thể chuẩn bị cho công tác thuộc linh. Chúa chúng ta không phải là Đấng chỉ thiên về “linh hồn” đến nỗi lơ là với thân thể!

Chúa và Phi-e-rô đã gặp mặt trước đó nên chắc hẳn Chúa đã giải quyết về tội lỗi của Phi-e-rô (*Lu-ca* 24:34; *I Cô-rinh-tô* 15:5), nhưng vì Phi-e-rô đã chối Chúa *trước mặt mọi người* nên cần phải có sự phục hồi trước mọi người. Tội lỗi phải

được giải quyết theo các cách khác nhau. Tội lỗi kín nhiệm phải được xưng ra nơi kín nhiệm, tội lỗi công khai phải được xưng ta nơi đông người. Vì Phi-e-rơ đã chối Chúa ba lần, nên Chúa cũng hỏi ông ba lần. Ngài khích lệ ông bằng cách ba lần giao cho ông một nhiệm vụ hầu phục hồi địa vị ông để phục vụ Ngài.

Nội dung chính ở đây nói về tình yêu của Phi-e-rơ đối với Chúa Giê-xu và tình yêu ấy cũng cần phải là vấn đề đáng quan tâm cho chúng ta hôm nay. Chúa muốn nói gì khi Ngài phán "...hơn những kẻ này chẳng?" Có phải Ngài muốn hỏi "Người có yêu ta hơn yêu những kẻ này chẳng?" Không phải vậy, bởi vì điều này chưa hề xảy ra trong vòng các môn đệ. Họ đều yêu Chúa trên hết dù rằng không phải lúc nào họ cũng vâng lời Ngài hoàn toàn. Có lẽ Chúa Giê-xu muốn nói rằng: "Người có yêu ta hơn yêu những thuyền chài, lưới và cá không?" Cũng không phải như vậy, vì không có bằng chứng nào cho thấy Phi-e-rơ mong muốn trở lại mãi mãi với nghề đánh cá. Đánh cá không thể chiếm ưu thế hơn tình yêu của Đấng Christ.

Câu hỏi của Chúa có thể hiểu: "Người có yêu ta, như người đã từng tuyên bố, hơn những môn đệ khác yêu ta chẳng?" Phi-e-rơ đã khoe khoang về tình yêu ông dành cho Chúa, thậm chí còn so sánh với tình yêu của kẻ khác đối cùng Chúa. "Tôi liều sự sống tôi vì Chúa!" (Giăng 13:37). "Dầu mọi người vấp phạm vì cơ Thầy, nhưng tôi chắc không bao giờ vấp phạm vậy" (Ma-thi-ơ 26:33). Lời nói đầy tự hào này còn ngụ ý cho rằng Phi-e-rơ tin chắc ông yêu Chúa hơn các môn đệ khác đối với Ngài.

Trong cuộc đối thoại này, có hai từ "yêu" khác nhau được sử dụng. Trong câu hỏi của Chúa ở Giăng 21:15-16 Ngài dùng từ *agape* theo tiếng Hy Lạp nghĩa là "tình yêu cao quý nhất, tình yêu hy sinh, tình yêu thiên thượng. Phi-e-rơ lại luôn dùng từ "*phileo*" đó là tình yêu của bạn hữu dành cho nhau, tình yêu mến đối với một người khác. Trong câu (Giăng 21:17,

Chúa Giê-xu và Phi-e-rơ đều sử dụng từ *phileo*.

Tuy nhiên, chúng ta không nên đi sâu và tập trung vào vấn đề từ ngữ này vì hai từ trên thường được sử dụng thay thế nhau trong *Phúc Âm Giăng*. Trong *Giăng* 3:16 tình yêu Đức Chúa Trời dành cho loài người là tình yêu *agape* nhưng *Giăng* 16:27 lại là tình yêu *phileo*. Tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho Con Ngài trong *Giăng* 3:35 là tình yêu *agape*, nhưng *Giăng* 5:20 là tình yêu *phileo*. Cơ Đốc nhân có trách nhiệm yêu mến lẫn nhau. Trong *Giăng* 13:34 tình yêu ấy là tình yêu *agape* nhưng trong *Giăng* 15:19 lại là tình yêu *phileo*. Dường như *Giăng* sử dụng hai từ này như những từ đồng nghĩa, mặc dù có sự phân biệt giữa chúng.

Trước khi phê phán Phi-e-rơ, chúng ta cần xem xét hai vấn đề khác. Khi trả lời hai câu hỏi đầu, Phi-e-rơ khẳng định tình yêu *agape* của ông và đáp: “Lạy Chúa, phải.” Trường hợp Phi-e-rơ dùng từ *phileo* cũng không phủ nhận được tấm lòng của ông đối với tình yêu *agape* mà Chúa sử dụng. Vấn đề thứ hai, Phi-e-rơ và Chúa Giê-xu dĩ nhiên đều nói chuyện bằng ngôn ngữ Aramaic mặc dù Đức Thánh Linh cho ghi chép lại bằng tiếng Hy Lạp. Và không nên quá nhấn mạnh về ngôn ngữ Hy Lạp trong trường hợp này.

Dù trải bao lỗi lầm và thất bại, Phi-e-rơ vẫn thật sự yêu mến Chúa và ông không hổ thẹn thừa nhận điều này. Những môn đệ khác lắng nghe Phi-e-rơ và hẳn rút ra bài học cho chính họ, vì họ cũng từng làm buồn lòng Chúa sau những lời khoe khoang về sự tận tụy của mình. Phi-e-rơ xưng nhận tội lỗi và được tha thứ. Giờ đây, ông được phục hồi để làm sứ đồ của Chúa và lãnh đạo Hội Thánh Chúa.

Hình ảnh đã chuyển đổi từ người đánh cá sang hình ảnh kẻ chăn chiên. Phi-e-rơ phải làm nhiệm vụ của người rao giảng Phúc Âm (lưới cá) và của một mục sư (người chăn bầy chiên). Thật đáng tiếc nếu chúng ta tách rời hai nhiệm vụ này vì hai trọng trách ấy luôn đi đôi với nhau. Mục sư phải rao giảng Phúc Âm (*I Ti-mô-thê* 4:5) và chăm sóc những người mình dắt

về Chúa để họ trưởng thành trong Ngài.

Chúa Giê-xu đưa ra ba lời khuyên cho Phi-e-rơ “Hãy chăn những chiên con ta,” “Hãy (nuôi nấng) chăn chiên ta,” “Hãy chăn chiên ta”. Cả chiên con và chiên đã trưởng thành đều cần được chăm sóc và hướng dẫn. Đó là nhiệm vụ của người chăn chiên thuộc linh. Làm người chăn bầy chiên của Đức Chúa Trời thật là trách nhiệm lớn lao biết bao (*I Phi-e-rơ* 5:2). Kẻ thù lúc nào cũng muốn huỷ diệt bầy chiên nên người chăn phải tỉnh thức và mạnh mẽ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:28-35). Bầy chiên vốn khờ dại và không có khả năng tự bảo vệ, nên chúng cần được sự che chở hướng dẫn của người chăn bầy.

Đức Thánh Linh luôn chuẩn bị cho người phục vụ để làm người chăn bầy và giao Hội Thánh cho họ (*Ê-phê-sô* 4:11tt). Mỗi Cơ Đốc nhân cũng có trách nhiệm góp phần chăm sóc bầy chiên. Chúng ta đều có sự ban cho của Chúa nên phải sử dụng điều Ngài ban để chăm sóc và gây dựng bầy chiên. Chiên có khuynh hướng đi lang thang xa bầy nên chúng ta phải chăm sóc lẫn nhau và khích lệ nhau tăng trưởng.

Chúa Giê-xu Christ là Đấng Chăn Chiên Hiền Lành (*Giăng* 10:11), Đấng Chăn Chiên Lớn (*Hê-bơ-rơ* 13:20-21. Mục sư là người chăn bầy ở “cấp dưới” nên phải vâng lời Chúa khi nhận nhiệm vụ đối với bầy chiên được giao. *Yêu mến Chúa Giê-xu Christ là điều quan trọng nhất mà mục sư cần thể hiện*. Nếu một mục sư thật sự yêu mến Chúa Giê-xu, người ấy cũng sẽ yêu bầy chiên của Ngài và chăm sóc chiên chu đáo. Tiếng Hy Lạp chỉ về “chiên” ở *Giăng* 21:17 mang ý nghĩa “chiên yêu dấu.” Chúa rất yêu bầy chiên Ngài nên Ngài cũng muốn những người phục vụ Ngài yêu thương chiên hết lòng (xem *Ê-xê-chi-ên* 34:1-31; nói về lời quở trách của Đức Chúa Trời đối với những kẻ chăn bầy bất nghĩa, là những kẻ làm đầu Y-sơ-ra-ên). Mục sư yêu thương bầy chiên sẽ chăm sóc bầy một cách trung tín dù phải trả bất cứ giá nào.

Chúng Ta Là Môn Đồ Chúa – Hãy Theo Ngài

Giăng 21:18-25

¹⁸ Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, khi người còn trẻ, người tự mình thắt lưng lấy, muốn đi đâu thì đi; nhưng khi người già, sẽ giơ bàn tay ra, người khác thắt lưng cho và dẫn người đi đến nơi mình không muốn. ¹⁹ Ngài nói điều đó để chỉ về Phi-e-rơ sẽ chết cách nào đáng sáng danh Đức Chúa Trời. Và sau khi đã phán như vậy, Ngài lại rằng: Hãy theo ta.

²⁰ Phi-e-rơ xây lại, thấy môn đồ mà Đức Chúa Jê-sus yêu đến sau mình, tức là người đương bữa ăn tối, nghiêng mình trên ngực Đức Chúa Jê-sus mà hỏi rằng: Lạy Chúa, ai là kẻ phản Chúa? ²¹ Khi thấy người đó, Phi-e-rơ hỏi Đức Chúa Jê-sus rằng: Lạy Chúa, còn người nầy, về sau sẽ ra thế nào? ²² Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Nếu ta muốn người cứ ở cho tới khi ta đến, thì can hệ gì với người? Còn người, hãy theo ta. ²³ Vậy, có tiếng đồn ra trong vòng các anh em rằng người môn đồ đó sẽ không chết. Nhưng Đức Chúa Jê-sus vốn chẳng phải nói rằng: Người đó sẽ không chết; song nói rằng: Nếu ta muốn người cứ ở cho tới khi ta đến, thì can hệ gì với người? đó thôi.

²⁴ Ấy chính là môn đồ đó làm chứng về những việc nầy và đã chép lấy; chúng ta biết lời chứng của người là thật. ²⁵ Lại còn nhiều việc nữa mà Đức Chúa Jê-sus đã làm; vì bằng người ta cứ từng việc mà chép hết, thì ta tưởng rằng cả thế gian không thể chứa hết các sách người ta chép vậy.

Chúa Giê-xu đã phán về cuộc đời và chức vụ của Phi-e-rơ. Giờ đây, Ngài nói về sự chết của Phi-e-rơ. Có lẽ đây là một cú sốc đối với Phi-e-rơ khi Chúa nói đến sự chết của ông bằng thái độ công khai ấy. Dĩ nhiên Phi-e-rơ rất vui mừng vì đã được phục hồi địa vị làm sứ đồ trong mối liên hệ với Chúa. Nhưng vì sao Chúa lại nêu ra việc tử đạo?

Lần đầu tiên khi Chúa phán về sự chết của Ngài, Phi-e-rơ đã can Ngài (*Ma-thi-ơ* 16:21-22), thậm chí trong cơn nóng giận đã dùng gươm để bảo vệ Chúa nơi vườn Ghết-sê-ma-nê. Phi-e-rơ còn khoe khoang rằng ông sẽ sẵn sàng chết vì Chúa Giê-xu! Nhưng khi khó khăn gia tăng thì ông phạm nhiều lỗi lầm (có lẽ bạn và tôi gặp trường hợp ấy thì lầm lỗi càng trầm trọng hơn!). Bất cứ người nào chấp nhận phục vụ Chúa đều phải thật lòng đương đầu với sự chết. Khi tôi viết những lời này, nhân dân Hoa Kỳ đang than khóc cho cái chết thảm thương của bảy phi hành gia vũ trụ trong vụ nổ của chiếc Challenger.

Các phi hành gia đều biết rằng họ có nguy cơ đối diện với cái chết.

Khi một người đã có quan niệm dứt khoát và đúng đắn về sự chết, người ấy sẽ sẵn sàng sống và phục vụ! Sự chết của Chúa là chủ đề được bàn đến nhiều lần trong *Phúc Âm Giảng*: Ngài biết “giờ” Ngài sẽ đến, nên Ngài sẵn sàng vâng theo ý muốn Cha. Là môn đệ Chúa, chúng ta phải dâng mình làm “của lễ sống và thánh” như Ngài đã phó mình vì chúng ta (*Rô-ma* 12:1-2) và hãy sẵn sàng để “bị đổ ra làm lễ quán” (*II Ti-mô-thê* 4:6-8) nếu đó là ý muốn Đức Chúa Trời.

Vào buổi sớm mai ấy, Phi-e-rơ đã mặc áo và vội vàng vào bờ để gặp Chúa (*Giăng* 21:7). Sẽ có một ngày ông bị bắt và bị giết (xem *II Phi-e-rơ* 1:13,14). Có lời kể lại rằng Phi-e-rơ thật đã bị đóng đinh trên thập tự giá, nhưng ông xin được đóng đinh ở tư thế đầu chúi xuống đất vì thấy mình không xứng đáng chết như Chúa.

Tuy vậy, sự chết của Phi-e-rơ không phải là một bi kịch vì điều đó làm sáng danh Đức Chúa Trời! Sự chết của La-xa-rơ cũng làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời (*Giăng* 11:4, 40) và sự chết của Chúa Giê-xu cũng vậy (*Giăng* 12:23). Phao-lô luôn quan tâm đến việc làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời, dù khi sống hay lúc chết (*Phi-líp* 1:20-21). Chúng ta cần có lòng khao khát như Phao-lô.

Lời Chúa phán “Hãy theo ta!” có lẽ đã khiến lòng Phi-e-rơ đầy vui mừng và bình an. Ý Ngài muốn nói rằng “Hãy cứ tiếp tục theo ta.” Thế là Phi-e-rơ trở lại theo Chúa như trước khi chối Ngài. Có ít nhất hai lần *Phi-e-rơ đã lơ là không chăm xem Chúa Giê-xu*. Sau lần đánh cá thứ nhất, ông không nhìn xem Chúa nhưng chỉ nghĩ đến mình “Lạy Chúa, xin ra khỏi tôi, vì tôi là người có tội” (*Lu-ca* 5:8). Khi bước đi với Chúa giữa biển động, Phi-e-rơ không nhìn xem Chúa mà chỉ chăm vào cơn gió mạnh cùng những lượn sóng lớn để rồi bị lún xuống nước (*Ma-thi-ơ* 14:30). Thật tai hại biết bao khi con người chỉ nhìn vào hoàn cảnh bên ngoài thay vì nhìn xem Chúa!

Vì sao Phi-e-rơ rời mắt khỏi Chúa và nhìn lại phía sau? Ông

đã nghe tiếng ai đó bước phía sau mình. Ấy là sứ đồ Giăng, người cũng đi theo Chúa Giê-xu. Phi-e-rơ đã làm một điều dại dột khi hỏi rằng: “Còn người này, về sau sẽ ra thế nào?” Nói cách khác “Lạy Chúa, Ngài đã cho con biết điều sẽ xảy đến cho con, vậy điều gì sẽ xảy đến cho Giăng?”

Chúa quở trách Phi-e-rơ và nhắc ông nhớ rằng nhiệm vụ của ông là phải đi theo Ngài, không cần xen vào đời sống những môn đồ khác. Coi chừng có lúc bạn rời mất khỏi Chúa và bắt đầu chú ý đến những tín hữu khác. “Nhìn xem Đức Chúa Giê-xu” chính là mục đích và hành động của mỗi Cơ Đốc nhân (*Hê-bơ-rơ* 12:1-2). Chú ý quá mức đến bản thân, hoàn cảnh hoặc người khác sẽ khiến chúng ta khó vâng lời Chúa, dễ dàng xa rời ý muốn Ngài. Bạn hãy hướng đôi mắt đức tin vào Ngài và chỉ một mình Ngài mà thôi. Điều này không có nghĩa là chúng ta “lạnh lùng” với kẻ khác, vì trách nhiệm chúng ta là phải chăm sóc lẫn nhau (*Phi-líp* 2:1-5). Chúng ta đừng để tính tò mò về người khác khiến mình xa rời Chúa. Đức Chúa Trời có chương trình cho mỗi chúng ta, Ngài cũng có chương trình cho bạn hữu và những người đồng công với ta nữa. Ngài có cách hành động trong đời sống họ, còn chúng ta chỉ nên bước đi theo sự hướng dẫn của Ngài (xem *Rô-ma* 14:1-13).

Tôi nhớ trước đây có lần tôi bị rơi vào tình trạng khủng hoảng, bối rối khi thấy những người phục vụ (Chúa) khác đều được ơn phước dư dật của Chúa, còn tôi như kẻ gặt một vụ mùa thất thu! Tôi nổi lòng ghen tị và cầu xin Chúa ban cho tôi những phước hạnh giống như những thợ gặt đầy ơn kia. Nhưng Chúa dịu dàng trách tôi: “Điều đó có quan hệ gì với con? Hãy theo ta.” Đó là sứ điệp cần thiết cho tôi, và kể từ đó tôi luôn lưu tâm đến lời dạy của Ngài.

Chúa Giê-xu không phán rằng Giăng sẽ sống cho tới lúc Ngài tái lâm, nhưng có một số môn đệ lại nghĩ sai lầm như vậy. Có nhiều nan đề phát sinh không do tội nhân hư mất, nhưng do những môn đệ không thông suốt vấn đề. Việc cất

nghĩa sai lời Đức Chúa Trời sẽ gây ra sự hiểu lầm về con cái Đức Chúa Trời và chương trình Ngài dành cho họ.

Lời Chúa phán về Giảng có vẻ hơi khó hiểu. Ngài không nói rằng Giảng sẽ sống cho đến lúc Ngài tái lâm, cũng không khẳng định ông sẽ chết trước thời điểm ấy. Thật ra, Giảng là người sống lâu nhất trong vòng các sứ đồ. Ông đã chứng kiến sự tái lâm của Chúa khi nhận những khải tượng được chép ở sách *Khải Thị*.

Cuối sách *Phúc Âm Giảng* xác quyết một lần nữa lời chứng của ông (làm chứng là chủ đề trọng tâm của *Phúc Âm Giảng* và từ này được sử dụng 47 lần). Giảng làm chứng về những sự kiện này và ghi lại cho chúng ta biết qua sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Ông cũng có thể viết nhiều hơn nữa, nhưng ông chỉ ghi lại những điều Đức Thánh Linh chỉ bảo.

Phúc Âm Giảng kết thúc với chi tiết Phi-e-rơ và Giảng đi theo Chúa Giê-xu, những sự kiện tiếp theo được ký thuật trong sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* theo sự hướng dẫn của Chúa. Thật kỳ diệu thay khi họ nhận quyền năng của Đức Thánh Linh và làm chứng về Chúa Giê-xu! Nếu họ không tin nhận Ngài, không được biến đổi và phục vụ Ngài, có lẽ họ vẫn là những người dân chài kiếm sống trên biển Ga-li-lê và như vậy thế giới chẳng bao giờ biết đến họ!

Chúa Giê-xu vẫn đang biến đổi biết bao cuộc đời hôm nay. Bất cứ nơi đâu có người sẵn sàng đầu phục ý muốn Ngài, lắng nghe lời Ngài và noi theo dấu chân Ngài, Ngài sẽ biến đổi và làm những điều kỳ diệu trong đời sống người ấy. Ngài cũng bắt đầu thực hiện những điều kỳ diệu qua đời sống người đó.

Giảng và Phi-e-rơ đã không còn hiện diện trên đời từ bao thế kỷ qua, nhưng bạn và tôi vẫn đang sống hôm nay. Chúng ta sẽ kế tục nhiệm vụ các môn đệ thuở xưa. Đây quả là một trách nhiệm nhưng cũng là một đặc ân cho chúng ta!

Chúng ta chỉ có thể sống kết quả khi bằng lòng để Chúa biến đổi mình. HÃY ĐỔI MỚI!

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 12

Giăng 21

1. Nếu bạn vẽ chân dung một tín hữu, chân dung đó sẽ giống ai?
2. Đọc *Giăng 21* mô tả ba hình ảnh về các tín hữu. Việc ông Phi-e-rơ trở về với nghề đánh cá phù hợp với cá tính của ông như thế nào?
3. Tại sao các môn đồ không nhận ra Chúa Giê-xu trên bãi biển?
4. Các môn đồ học được gì về đức vâng lời qua sự kiện này?
5. Việc Chúa Giê-xu ăn chung bữa với các môn đồ có ý nghĩa như thế nào?
6. Bạn học được gì qua bức tranh thứ hai mô tả các tín hữu trong các câu 9-19?
7. Tại sao Chúa Giê-xu ví sánh những người theo Ngài với các con chiên?
8. Chúa Giê-xu truyền “Hãy chăn chiên Ta”, Ngài cũng dạy “Hãy làm tay đánh lưới người”. Hai lệnh truyền này khác nhau và giống nhau thế nào?
9. Tại sao Chúa Giê-xu nói về cái chết của Phi-e-rơ vào lúc này?
10. Có gì sai trật khi Phi-e-rơ hỏi Chúa về *Giăng* trong câu 21?

180 / Giảng

11. Cần phải thế nào để làm môn đồ của Chúa?
12. Làm thế nào để bạn làm môn đồ của Chúa trong tuần này?

Quyền Năng Biến Cải

Vâng, những môn đồ đầu tiên của Chúa là những người được biến cải. Trong những chương mở đầu của *Phúc Âm Giảng*, chúng ta thấy một nhóm người chiến đấu với đức tin và nhiều lúc đã vấp ngã. Nhưng sau khi Chúa chịu chết và sống lại, sự việc đã thay đổi vì họ đã được biến cải bởi quyền năng và Lời của Ngài.

Trong tập giải nghĩa này, Warren Wiersbe giải thích làm thế nào bạn trở nên một người được biến cải. Warren Wiersbe sẽ giải đáp những câu hỏi quan trọng như: Đức Thánh Linh hành động thế nào trên đời sống bạn? Bí quyết nào để lời cầu xin của bạn được nhậm? Tại sao mối thông công giữa các tín hữu là quan trọng? Làm sao để thắng hơn những áp lực của thế gian?

"Nhưng hễ ai nhận Ngài thì Ngài ban cho quyền phép trở nên..." (Giăng 1:12). Đây là lời mời tiếp nhận cuộc đời biến cải và chiến thắng!

Trong tập giải nghĩa này có phần câu hỏi để nghiên cứu và thảo luận.

Warren W. Wiersbe

Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Chủng viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ *Giải Nghĩa Kinh Thánh* này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.

văn phẩm nguồn sống

Vietnam Ministries, Inc.

P.O. Box 4568, Anaheim, CA 92803

(714) 758-VPNS 758-8767

Fax: (714) 535-3943